Problems of Humanity



Problems of Humanity



Table of Contents – Mục Lục

Table of Contents – Mục Lục

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN – TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG

THE GREAT INVOCATION – ĐẠI KHẤN NGUYỆN

FOREWORD – LỜI NÓI ĐẦU

INTRODUCTION – DẪN NHẬP

CHAPTER 1 - THE PSYCHOLOGICAL REHABILITATION OF THE NATIONS – CHƯƠNG 1 - SỰ PHỤC HỒI TÂM LÝ CỦA CÁC QUỐC GIA

CHAPTER 2 - THE PROBLEM OF THE CHILDREN OF THE WORLD – CHƯƠNG 2 - VẤN ĐỀ CỦA TRẺ EM THẾ GIỚI

CHAPTER 3 - THE PROBLEM OF CAPITAL, LABOUR AND EMPLOYMENT – CHƯƠNG 3 - VẤN ĐỀ TƯ BẢN, LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

CHAPTER 4 - THE PROBLEM OF THE RACIAL MINORITIES – CHƯƠNG 4 - VẤN ĐỀ CÁC THIỂU SỐ CHỦNG TỘC

CHAPTER 5 - THE PROBLEM OF THE CHURCHES – CHƯƠNG 5 - VẤN ĐỀ CỦA CÁC GIÁO HỘI

CHAPTER 6 - THE PROBLEM OF INTERNATIONAL UNITY – CHƯƠNG 6 - VẤN ĐỀ HỢP NHẤT QUỐC TẾ

ARCANE SCHOOL TRAINING – HUẤN LUYỆN CỦA TRƯỜNG ARCANE

INDEX – MỤC LỤC TRA CỨU

PROBLEMS

OF

HUMANITY

by

ALICE A. BAILEY

INDEX EDITION

NHỮNG VẤN ĐỀ

CỦA

NHÂN LOẠI

do

ALICE A. BAILEY

ẤN BẢN CÓ MỤC LỤC TRA CỨU

BOOKS BY ALICE A. BAILEY	CÁC SÁCH CỦA ALICE A. BAILEY
Initiation, Human and Solar	*Điểm Đạo, Nhân Loại và Thái Dương*
Letters on Occult Meditation	*Thư Về Tham thiền Huyền môn*
The Consciousness of the Atom	*Tâm Thức của Nguyên Tử*
A Treatise on Cosmic Fire	*Luận về Lửa Vũ Trụ*
The Light of the Soul	*Ánh Sáng của Linh Hồn*
The Soul and its Mechanism	*Linh Hồn và Bộ Máy của Nó*
From Intellect to Intuition	*Từ Trí Năng đến Trực Giác*
A Treatise on White Magic	*Luận về Chánh Thuật*
From Bethlehem to Calvary	*Từ Bethlehem đến Calvary*
Discipleship in the New Age–Vol. I	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển I*
Discipleship in the New Age–Vol. II	*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới–Quyển II*
Problems of Humanity	*Các Vấn Đề của Nhân Loại*
The Reappearance of the Christ	*Sự Tái Lâm của Đức Christ*
The Destiny of the Nations	*Định Mệnh của các Quốc Gia*
Glamour: A World Problem	*Ảo Cảm Một Vấn Đề Thế Giới*
Telepathy and the Etheric Vehicle	*Viễn Cảm và Hiện Thể Dĩ Thái*
The Unfinished Autobiography	*Tự Truyện Còn Dang Dở*
Education in the New Age	*Giáo Dục Trong Kỷ Nguyên Mới*

The Externalisation of the Hierarchy	*Sự Hiển Lộ của Thánh Đoàn*
A Treatise on the Seven Rays:	*Luận về Bảy Cung:*
Vol. I–Esoteric Psychology	*Quyển I–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. II–Esoteric Psychology	*Quyển II–Tâm Lý Học Nội Môn*
Vol. III–Esoteric Astrology	*Quyển III–Chiêm Tinh Học Nội Môn*
Vol. IV–Esoteric Healing	*Quyển IV–Trị Liệu Huyền Môn*
Vol. V–The Rays and the Initiations	*Quyển V–Các Cung và các Cuộc Điểm Đạo*

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN – TRÍCH TỪ MỘT TUYÊN BỐ CỦA CHÂN SƯ TÂY TẠNG

Suffice it to say, that I am a Tibetan disciple of a certain degree, and this tells you but little, for all are disciples from the humblest aspirant up to, and beyond, the Christ Himself. I live in a physical body like other men, on the borders of Tibet, and at times (from the exoteric standpoint) preside over a large group of Tibetan lamas, when my other duties permit. It is this fact that has caused it to be reported that I am an abbot of this particular lamasery. Those associated with me in the work of the Hierarchy (and all true disciples are associated in this work) know me by still another name and office. A.A.B. knows who I am and recognises me by two of my names.

Chỉ cần nói rằng, tôi là một đệ tử người Tây Tạng ở một cấp độ nhất định, và điều này nói cho các bạn biết rất ít, vì tất cả đều là đệ tử từ người chí nguyện khiêm tốn nhất cho đến, và vượt lên trên, chính Đức Christ. Tôi sống trong một thể xác giống như những người khác, ở biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) chủ trì một nhóm lớn các lạt ma Tây Tạng, khi các nhiệm vụ khác của tôi cho phép. Chính sự thật này đã khiến người ta đồn rằng tôi là một tu viện trưởng của tu viện lạt ma này. Những người liên kết với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và tất cả các đệ tử chân chính đều liên kết trong công việc này) biết tôi qua một cái tên và chức vụ khác. A.A.B. biết tôi là ai và nhận ra tôi qua hai trong số các tên gọi của tôi.

I am a brother of yours, who has travelled a little longer upon the Path than has the average student, and has therefore incurred greater responsibilities. I am one who has wrestled and fought his way into a greater measure of light than has the aspirant who will read this article, and I must therefore act as a transmitter of the light, no matter what the cost. I am not an old man, as age counts among the teachers, yet I am not young or inexperienced. My work is to teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom wherever I can find a response, and I have been doing this for many years. I seek also to help the Master M. and the Master K.H. whenever opportunity offers, for I have been long connected with Them and with Their work. In all the above, I have told you much; yet at the same time I have told you nothing which would lead you to offer me that blind obedience and the foolish devotion which the emotional aspirant

Tôi là một huynh đệ của các bạn, người đã đi trên Đường Đạo lâu hơn một chút so với người đạo sinh trung bình, và do đó đã gánh vác những trách nhiệm lớn hơn. Tôi là một người đã phấn đấu và chiến đấu để tiến vào một mức độ ánh sáng lớn hơn so với người chí nguyện sẽ đọc bài viết này, và vì vậy tôi phải hành động như một người truyền dẫn ánh sáng, bất kể giá nào. Tôi không phải là một người già, theo cách tính tuổi tác của các huấn sư, tuy nhiên tôi không còn trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá kiến thức về Minh Triết Ngàn Đời bất cứ nơi nào tôi có thể tìm thấy một sự đáp ứng, và tôi đã làm điều này trong nhiều năm. Tôi cũng tìm cách giúp đỡ Chân sư M. và Chân sư K.H. bất cứ khi nào có cơ hội, vì tôi đã liên kết lâu dài với Các Ngài và với công việc của Các Ngài. Trong tất cả những điều trên, tôi đã nói với các bạn nhiều điều; tuy nhiên đồng thời tôi chưa nói với các bạn điều gì có thể khiến các bạn dâng

offers to the Guru and Master Whom he is as yet unable to contact. Nor will he make that desired contact until he has transmuted emotional devotion into unselfish service to humanity—not to the Master.

hiến cho tôi sự vâng lời mù quáng và sự sùng tín ngu muội mà người chí nguyện đầy cảm xúc thường dâng lên cho Vị Guru và Chân sư Mà y chưa thể tiếp xúc. Y cũng sẽ không thực hiện được sự tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự sùng tín đầy cảm xúc thành sự phụng sự vô kỷ vị tha cho nhân loại – chứ không phải cho Chân sư.

The books that I have written are sent out with no claim for their acceptance. They may, or may not, be correct, true and useful. It is for you to ascertain their truth by right practice and by the exercise of the intuition. Neither I nor A.A.B. is the least interested in having them acclaimed as inspired writings, or in having anyone speak of them (with bated breath) as being the work of one of the Masters. If they present truth in such a way that it follows sequentially upon that already offered in the world teachings, if the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters *can* be found) then they will have served their purpose. If the teaching conveyed calls forth a response from the illumined mind of the worker in the world, and brings a flashing forth of his intuition, then let that teaching be accepted. But not otherwise. If the statements meet with eventual corroboration, or are deemed true under the test of the Law of Correspondences, then that is well and good. But should this not be so, let not the student accept what is said.

Những quyển sách mà tôi đã viết được đưa ra mà không đòi hỏi sự chấp nhận. Chúng có thể, hoặc có thể không, chính xác, đúng đắn và hữu ích. Việc xác minh sự thật của chúng bằng thực hành đúng đắn và bằng sự rèn luyện trực giác là tùy thuộc vào các bạn. Cả tôi và A.A.B. đều không quan tâm chút nào đến việc chúng được tung hô như những bài viết đầy cảm hứng, hay việc bất kỳ ai nói về chúng (với vẻ hết sức kính cẩn) như là công trình của một trong các Chân sư. Nếu chúng trình bày sự thật theo cách mà nó tiếp nối một cách tuần tự những gì đã được đưa ra trong các giáo lý thế giới, nếu thông tin được đưa ra nâng cao khát vọng và ý chí-phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà các Chân sư *có thể* được tìm thấy) thì chúng đã phục vụ mục đích của mình. Nếu giáo huấn được truyền tải gợi lên một sự đáp ứng từ thể trí được soi sáng của người hoạt động trên thế gian, và mang lại một sự lóe sáng của trực giác nơi y, thì hãy để giáo huấn đó được chấp nhận. Nhưng nếu không thì thôi. Nếu các tuyên bố nhận được sự chứng thực cuối cùng, hoặc được coi là đúng dưới sự kiểm chứng của Định luật Tương ứng, thì điều đó thật tốt. Nhưng nếu không phải như vậy, thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì được nói.

AUGUST 1934

THÁNG TÁM 1934

THE GREAT INVOCATION – ĐẠI KHẤN NGUYỆN

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
"The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	Bài Khấn Nguyện hoặc Lời Cầu Nguyện ở trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay

Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through *humanity* itself can the Divine Plan work out."

ALICE A BAILEY

nhóm nào mà thuộc về toàn thể nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của Lời Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn sơ của nó, và ở chỗ nó diễn đạt những chân lý trọng yếu mà tất cả mọi người, vốn theo bản năng và một cách tự nhiên, đều thừa nhận—chân lý về sự hiện hữu của một Trí Tuệ Căn Bản mà chúng ta mơ hồ gọi là Thượng Đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ bề ngoài bên ngoài, quyền năng thúc đẩy vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng có một Cá Thể vĩ đại đã đến Trái Đất, được các tín đồ Kitô giáo gọi là Đức Christ, và Ngài đã hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể thấu hiểu; chân lý rằng cả tình thương lẫn trí tuệ đều là những hiệu quả của điều được gọi là Ý Chí của Thượng Đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại thì Thiên Cơ mới có thể được thực hiện.

ALICE A. BAILEY

FOREWORD – LỜI NÓI ĐẦU

The first edition of this book, published in 1947, contained chapters on seven basic problems of humanity written and published in pamphlet form between October, 1944, and December, 1946. They dealt essentially with conditions existing during and immediately after the war years of 1939 to 1945. In 1953 a second edition was published which omitted certain outdated material, notably the first chapter on the physical reconstruction of the world, thus reducing the subject matter of the book to six problems of continuing concern to a world slowly recovering from the drastic effects of total modern warfare.

Ấn bản đầu tiên của quyển sách này, xuất bản năm 1947, gồm các chương bàn về bảy vấn đề căn bản của nhân loại, được viết và xuất bản dưới dạng tập sách nhỏ trong khoảng từ tháng Mười năm 1944 đến tháng Mười Hai năm 1946. Về căn bản, chúng đề cập đến những điều kiện tồn tại trong và ngay sau những năm chiến tranh từ 1939 đến 1945. Năm 1953, một ấn bản thứ hai được xuất bản, lược bỏ một số tài liệu đã lỗi thời, đặc biệt là chương đầu về việc tái thiết vật chất của thế giới, do đó thu hẹp nội dung của sách xuống còn sáu vấn đề vẫn tiếp tục được quan tâm trong một thế giới đang chậm chạp hồi phục khỏi những hậu quả khốc liệt của chiến tranh hiện đại toàn diện.

In 1964 the book was again revised and published as a paperback edition. In the years since 1953 much progress had been made by humanity within the area of these six problems and many practical changes had occurred during that period which rendered parts of the original book again obsolete. In some cases also the nature of the problems has changed. For example, the problem of the children of the world still exists in most parts of the world but in a different form and under different conditions to those prevailing in the immediate post-war period, particularly in Europe. The problems of capital, labour and employment also differ today in an increasingly automated and computerised world. Change is occurring within many crystallized and reactionary areas of religious orthodoxy and separateness, creating new problems within the churches.

Năm 1964, quyển sách lại được duyệt sửa và xuất bản dưới dạng bìa mềm. Trong những năm kể từ 1953, nhân loại đã đạt nhiều tiến bộ trong phạm vi sáu vấn đề này, và nhiều thay đổi thực tiễn đã xảy ra trong giai đoạn ấy, khiến một số phần của quyển sách nguyên thủy lại trở nên lỗi thời. Trong một số trường hợp, bản chất của các vấn đề cũng đã thay đổi. Chẳng hạn, vấn đề trẻ em trên thế giới vẫn còn tồn tại ở hầu hết các nơi trên thế giới, nhưng dưới một hình thức khác và trong những điều kiện khác với những điều kiện thịnh hành ngay sau chiến tranh, đặc biệt tại châu Âu. Các vấn đề về vốn, lao động và việc làm ngày nay cũng khác đi trong một thế giới ngày càng tự động hóa và điện toán hóa. Sự thay đổi đang diễn ra trong nhiều khu vực kết tinh và phản động của chính thống tôn giáo và sự chia rẽ, tạo nên những vấn đề mới trong các giáo hội.

Similar comments can be made for all these problems, with the added fact that new

Có thể đưa ra những nhận xét tương tự đối với tất cả các vấn đề này, cộng thêm sự kiện

problems are arising under present day conditions which are variations and extensions of the basic six discussed in this book. Therefore, when in 1967 we are again faced with the need to reprint the book we realise that there are two alternatives open: one, to revise and update the book which would to all intents and purposes cut the original text to the bone and graft on to the skeleton structure factual data and information supplied by other writers; or two, reprint the book as it stands, because its basic teaching on all these problems is still as sound, as dynamic and as necessary as it was when originally written. This second course is the one we have decided to follow.

rằng những vấn đề mới đang nảy sinh dưới các điều kiện hiện nay, vốn là những biến thể và sự mở rộng của sáu vấn đề căn bản được bàn trong quyển sách này. Vì vậy, khi vào năm 1967 chúng tôi lại đứng trước nhu cầu tái bản quyển sách, chúng tôi nhận ra rằng có hai lựa chọn mở ra: một là duyệt sửa và cập nhật quyển sách, điều mà trên thực tế sẽ cắt văn bản nguyên thủy đến tận xương và ghép vào bộ khung ấy các dữ kiện và thông tin thực tế do những tác giả khác cung cấp; hoặc hai là tái bản quyển sách như nguyên trạng, bởi giáo huấn căn bản của nó về tất cả các vấn đề này vẫn còn vững chắc, sinh động và cần thiết như khi nó được viết ra ban đầu. Con đường thứ hai là điều chúng tôi đã quyết định theo đuổi.

It is important, however, that those who study the book are aware of its history so that the essential teaching can be recognised and absorbed and the irrelevant factors ignored. The spiritual principles to be applied to the problems of humanity as discussed in this book are valid today and remain largely ignored by the majority of mankind. The contribution of esoteric students in creating “the thoughtform of solution” to human problems in a world at crisis point is a vital and practical service.

Tuy nhiên, điều quan trọng là những ai nghiên cứu quyển sách phải biết lịch sử của nó, để giáo huấn thiết yếu có thể được nhận ra và hấp thụ, còn những yếu tố không thích hợp thì được bỏ qua. Các nguyên lý tinh thần cần được áp dụng vào những vấn đề của nhân loại như đã bàn trong quyển sách này vẫn có giá trị ngày nay và phần lớn vẫn bị đa số nhân loại bỏ mặc. Sự đóng góp của các đạo sinh nội môn trong việc tạo ra “hình tư tưởng về giải pháp” cho các vấn đề của con người trong một thế giới đang ở điểm khủng hoảng là một sự phụng sự thiết yếu và thực tiễn.

LUCIS PUBLISHING COMPANIES, NEW YORK, LONDON — 1993

CÁC CÔNG TY XUẤT BẢN LUCIS, NEW YORK, LONDON — 1993

[5] It is essential that all thinking people should give time and thought to the consideration of the major world problems with which we are now faced. Some of them can be solved with relative rapidity—given common sense and a correctly appreciated self-interest; others will require foresighted planning and a long patience as, one by one, the necessary steps are taken, leading to the readjustment of human values and the inauguration of new attitudes of mind regarding right human relations. In the recognition of the growth in human consciousness and in a realization of the distinction obviously existing between primitive men and our modern intelligent humanity lie the grounds for an unshaken optimism as to human destiny.

[5] Điều thiết yếu là mọi người biết suy tư nên dành thời gian và tư tưởng để xem xét các vấn đề lớn của thế giới mà hiện nay chúng ta đang đối diện. Một số vấn đề có thể được giải quyết tương đối nhanh chóng—nếu có lương tri và một sự tự lợi được nhận định đúng đắn; những vấn đề khác sẽ đòi hỏi sự hoạch định biết nhìn xa và một lòng kiên nhẫn lâu dài, khi từng bước cần thiết được thực hiện, dẫn đến sự điều chỉnh lại các giá trị của con người và sự khai mở những thái độ mới của trí tuệ đối với các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người. Trong sự nhận ra mức tăng trưởng của tâm thức con người và trong sự nhận biết sự khác biệt rõ ràng đang tồn tại giữa những người sơ khai và nhân loại thông minh hiện đại của chúng ta, có những nền tảng cho một niềm lạc quan không lay chuyển về định mệnh của con người.

Events in the immediate foreground do not blot out the long history of human development and obliterate recognition of the long range changes which have taken place within the human consciousness; these basically condition human objectives, all human contacts and underline with understanding and perspective the reactions of the race of men.

Những biến cố ngay trước mắt không xóa mờ lịch sử lâu dài của sự phát triển con người, cũng không hủy bỏ sự nhận biết về những thay đổi dài hạn đã diễn ra trong tâm thức con người; về căn bản, những thay đổi ấy tác động lên các mục tiêu của con người, mọi tiếp xúc của con người, và làm nền cho những phản ứng của nhân loại bằng sự thấu hiểu và tầm nhìn.

The slow and restricted movements of the primitive races of mankind have given place to the speed and the rapid movement (the almost unbelievably rapid movement) and transportation facilities of the airplane. The uncouth sounds and the limited vocabulary of the savage races have developed into the intricate language systems of the present nations; the various modes of primitive communication by means of drums or

Những chuyển động chậm chạp và hạn hẹp của các giống dân sơ khai của nhân loại đã nhường chỗ cho tốc độ, chuyển động nhanh chóng, gần như nhanh đến mức khó tin, và các phương tiện vận chuyển của máy bay. Những âm thanh thô sơ và vốn từ hạn chế của các giống dân man dã đã phát triển thành những hệ thống ngôn ngữ phức tạp của các quốc gia hiện nay; các phương thức giao tiếp sơ khai khác nhau bằng trống hoặc

bonfires have been replaced by the telegraph, the telephone and the radio; the wooden dug-out of the uncultured islanders [6] has developed into the greyhound of the sea, racing from port to port under mechanical power and in the space of a few short days; the early slow modes of travel by foot, on horseback or by chariot have given way to the trains, speeding across entire continents at the rate of seventy miles an hour or more. The early and simple civilizations have been succeeded by the intricate and highly organized social, economic and political civilisation of modern times. The culture of the ages, the arts, literature, the music and the philosophy of all time is today at the disposal of the average citizen.

lửa hiệu đã được thay thế bằng điện báo, điện thoại và vô tuyến; chiếc thuyền độc mộc của những cư dân đảo chưa được khai hóa [6] đã phát triển thành con chó săn của biển cả, lao từ cảng này đến cảng khác bằng động lực cơ khí và trong khoảng vài ngày ngắn ngủi; những phương thức di chuyển chậm chạp ban đầu bằng đi bộ, cưỡi ngựa hay xe ngựa đã nhường chỗ cho những đoàn tàu, phóng qua toàn bộ các lục địa với tốc độ bảy mươi dặm một giờ hoặc hơn. Những nền văn minh sơ khai và giản đơn đã được kế tiếp bởi nền văn minh xã hội, kinh tế và chính trị phức tạp, được tổ chức cao của thời hiện đại. Nền văn hóa của các thời đại, nghệ thuật, văn học, âm nhạc và triết học của mọi thời nay nằm trong tầm sử dụng của người công dân bình thường.

The above contrasts provide a perspective and a background which will inspire hope for the future and confidence in the ultimate destiny of man. The past is in reality more like the prenatal stage than an ordinary living process; it is a preface to a richer and a more enlightened life; it is a preliminary period to a culture and a civilization which will redound to the glory of God and constitute a vital testimony to the divinity of man.

Những tương phản trên đem lại một tầm nhìn và một bối cảnh sẽ khơi dậy hy vọng cho tương lai và niềm tin vào định mệnh tối hậu của con người. Trong thực tế, quá khứ giống giai đoạn trước khi sinh hơn là một tiến trình sống bình thường; nó là lời tựa cho một đời sống phong phú hơn và được soi sáng hơn; nó là giai đoạn sơ khởi cho một nền văn hóa và một nền văn minh sẽ làm rạng danh Thượng đế và cấu thành một chứng tích sống động cho thiên tính của con người.

When the birthing process is over, a new humanity will be seen active upon the earth, a new race of men—new because differently oriented.

Khi tiến trình khai sinh kết thúc, một nhân loại mới sẽ được thấy hoạt động trên trái đất, một nhân loại mới—mới bởi vì được định hướng khác đi.

There are necessarily many lesser problems but those dealt with in this book cover the major ones with which humanity is at this time confronted, and which must find some solution during the next twenty-five years. This will have to be done by the simple method (simple to write but difficult to

Tất nhiên có nhiều vấn đề nhỏ hơn, nhưng những vấn đề được đề cập trong quyển sách này bao quát các vấn đề lớn mà nhân loại hiện đang đối diện, và phải tìm được một giải pháp nào đó trong vòng hai mươi lăm năm tới. Điều này sẽ phải được thực hiện bằng phương pháp đơn giản, đơn giản khi

implement) of *establishing right human relations between men and between nations.*

viết ra nhưng khó thực thi, là *thiết lập các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người và giữa các quốc gia.*

The immediate spiritual problem with which all are faced is the problem of gradually offsetting hate and initiating the new technique of trained, imaginative, creative and practical goodwill.[7]

Vấn đề tinh thần trước mắt mà tất cả đang đối diện là vấn đề dần dần hóa giải lòng thù hận và khai mở kỹ thuật mới của thiện chí được huấn luyện, giàu tưởng tượng, sáng tạo và thực tiễn.[7]

Goodwill is man's first attempt to express the love of God. Its results on earth will be peace. It is so simple and practical that people fail to appreciate its potency or its scientific and dynamic effect. One person sincerely practising goodwill in a family can completely change its attitudes. Goodwill really practised among groups in any nation, by political and religious parties in any nation and among the nations of the world can revolutionize the world.

Thiện chí là nỗ lực đầu tiên của con người nhằm biểu đạt tình thương của Thượng đế. Kết quả của nó trên trái đất sẽ là hòa bình. Nó giản dị và thực tiễn đến mức người ta không đánh giá đúng quyền năng của nó hay hiệu quả khoa học và năng động của nó. Một người chân thành thực hành thiện chí trong một gia đình có thể hoàn toàn thay đổi thái độ của gia đình ấy. Thiện chí được thực hành thật sự giữa các nhóm trong bất cứ quốc gia nào, bởi các đảng phái chính trị và tôn giáo trong bất cứ quốc gia nào, và giữa các quốc gia trên thế giới, có thể cách mạng hóa thế giới.

The key to humanity's trouble (focussing as it has in the economic difficulties of the past two hundred years and in the theological impasse of the orthodox churches) has been to take and not give, to accept and not share, to grasp and not to distribute. This has involved the breaking of a law which has placed humanity in a position of positive guilt. War is the dire penalty which mankind has had to pay for this great sin of separateness. Impressions from the Hierarchy have been received, distorted, misapplied and misinterpreted and the task of the New Group of World Servers is to offset this evil.

Chìa khóa cho nỗi khó khăn của nhân loại, vốn đã tập trung trong các khó khăn kinh tế của hai trăm năm qua và trong sự bế tắc thần học của các giáo hội chính thống, là lấy mà không cho, nhận mà không chia sẻ, nắm giữ mà không phân phối. Điều này đã bao hàm sự vi phạm một định luật, khiến nhân loại rơi vào vị thế có tội rõ rệt. Chiến tranh là hình phạt khủng khiếp mà nhân loại đã phải trả cho tội lỗi lớn lao này của sự chia rẽ. Các ấn tượng từ Thánh Đoàn đã được tiếp nhận, bị bóp méo, áp dụng sai và diễn giải sai, và nhiệm vụ của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là hóa giải điều ác này.

Humanity has never really lived up to the teaching given it. Spiritual impression, whether conveyed by the Christ, by Krishna

Nhân loại chưa bao giờ thật sự sống đúng với giáo huấn đã được trao cho mình. Ấn tượng tinh thần, dù được truyền đạt bởi Đức Christ,

or by Buddha (and passed on to the masses by Their disciples) has not yet been expressed as it was hoped. Men do not live up to what they already know; they fail to make practical their information; they short circuit the light; they do not discipline themselves; greedy desire and unlawful ambition control and not the inner knowledge. To put it scientifically and from the esoteric angle: Spiritual impression has been interrupted and there has been interference with the divine circulatory flow. It is the task of the disciples of the world to restore this flow and to stop this interference. This is the major problem facing spiritual people at this time.

bởi Krishna hay bởi Đức Phật, và được các đệ tử của Các Ngài chuyển đến quần chúng, vẫn chưa được biểu đạt như đã được hy vọng. Con người không sống đúng với những gì họ đã biết; họ không làm cho thông tin của mình trở nên thực tiễn; họ làm đoản mạch ánh sáng; họ không tự kỷ luật; dục vọng tham lam và tham vọng phi pháp kiểm soát, chứ không phải tri thức bên trong. Nói một cách khoa học và theo góc nhìn nội môn: ấn tượng tinh thần đã bị gián đoạn và đã có sự can thiệp vào dòng lưu chuyển thiêng liêng. Nhiệm vụ của các đệ tử thế giới là phục hồi dòng lưu chuyển này và chấm dứt sự can thiệp ấy. Đây là vấn đề lớn đối diện những người tinh thần vào lúc này.

CHAPTER 1 - THE PSYCHOLOGICAL REHABILITATION OF THE NATIONS – CHƯƠNG 1 - SỰ PHỤC HỒI TÂM LÝ CỦA CÁC QUỐC GIA

[8] This problem is far more complicated and deep-seated than might appear at the first glance. Had we only to deal with the national psychoses and the mental conditions induced by the act of war and participation in it, the problem would be acute enough but it could be solved easily by the restitution of security, by the sound psychological treatment of the differing nationalities, by their physical rehabilitation and by the restoration of liberty, opportunity, leisure and, above all, by the organization of the men and women of goodwill. This latter group would show themselves as willing to carry forward the needed educational processes and (which is far more important) they would endeavour to convey spiritual inspiration—something which humanity sorely needs at this time. There are enough men and women of goodwill in the world today to accomplish this *if* they can be reached, inspired and supported in their endeavour, both materially and spiritually.

[8] Vấn đề này phức tạp và ăn sâu hơn nhiều so với vẻ ngoài thoạt nhìn. Nếu chúng ta chỉ phải xử lý các chứng loạn tâm quốc gia và những tình trạng tâm lý do hành động chiến tranh và sự tham gia vào chiến tranh gây ra, vấn đề đã đủ cấp bách rồi, nhưng nó có thể được giải quyết dễ dàng bằng việc hoàn nguyên an ninh, bằng sự trị liệu tâm lý lành mạnh cho các dân tộc khác nhau, bằng sự phục hồi về thể chất của họ và bằng việc khôi phục tự do, cơ hội, thời gian nhàn rỗi, và trên hết, bằng việc tổ chức những người nam và nữ thiện chí. Nhóm sau này sẽ tự chứng tỏ là sẵn lòng đưa tiến các tiến trình giáo dục cần thiết và, điều quan trọng hơn nhiều, họ sẽ cố gắng truyền đạt cảm hứng tinh thần—điều mà nhân loại đang hết sức cần vào lúc này. Ngày nay có đủ những người nam và nữ thiện chí trên thế giới để hoàn thành điều này *nếu* có thể tiếp cận họ, khơi cảm hứng cho họ và hỗ trợ họ trong nỗ lực của họ, cả về vật chất lẫn tinh thần.

The situation is far more difficult than a casual analysis would make it seem. The psychological problem involved has a background which is centuries old, which is inherent in the soul of each individual nation and which is potently conditioning the minds of all their peoples today. It is here that our major difficulty lies and it is one which will not easily give way to any effort or to any spiritual endeavour, whether carried out by the organized churches (which show a woeful lack [9] of appreciation of the problem) or by spiritually minded groups and individuals.

Tình hình khó khăn hơn nhiều so với điều một phân tích thoáng qua có thể khiến người ta tưởng. Vấn đề tâm lý liên quan có một bối cảnh đã hàng thế kỷ, vốn cố hữu trong linh hồn của mỗi quốc gia riêng biệt và ngày nay đang tác động mạnh mẽ lên trí tuệ của tất cả dân chúng họ. Chính tại đây khó khăn chính của chúng ta nằm ở đó, và đó là điều sẽ không dễ dàng nhường bước trước bất cứ nỗ lực hay bất cứ cố gắng tinh thần nào, dù được thực hiện bởi các giáo hội có tổ chức, vốn cho thấy sự thiếu sót đáng buồn [9] trong việc đánh giá đúng vấn đề, hay bởi các nhóm và cá nhân có khuynh hướng tinh thần.

The work to be done is so acutely needed and the perils of its non-accomplishment are so appalling that it is necessary to indicate certain major lines of danger and certain national aptitudes which carry a menace to the peace of the world. These problems fall naturally into two categories:

Công việc cần làm đang được cần đến một cách hết sức cấp bách, và những hiểm nguy của việc không hoàn thành nó thì kinh khủng đến mức cần phải chỉ ra một số đường hướng nguy hiểm chính và một số năng khiếu quốc gia mang theo mối đe dọa đối với hòa bình thế giới. Các vấn đề này tự nhiên rơi vào hai loại:

I. The internal, psychological problems of the individual nations.

I. Các vấn đề nội tại, tâm lý của từng quốc gia.

II. Major world problems, such as the relation between nations and business and the forces of labour.

II. Các vấn đề lớn của thế giới, chẳng hạn như mối quan hệ giữa các quốc gia, doanh nghiệp và các mãnh lực lao động.

Before the world can be a safer, sweeter, saner and more beautiful place, all the nations must take stock of themselves and begin to handle their own psychological weaknesses and complexes. Each nation must aim at sound mental health and endeavour to implement sound, psychological objectives. International unity must be attained and this should be based not only upon mutual trust but also upon correct world objectives and true psychological understanding.

Trước khi thế giới có thể trở thành một nơi an toàn hơn, dịu lành hơn, sáng suốt hơn và đẹp đẽ hơn, tất cả các quốc gia phải tự kiểm điểm và bắt đầu xử lý những yếu kém và phức cảm tâm lý của chính mình. Mỗi quốc gia phải nhắm tới sức khỏe tâm thần lành mạnh và cố gắng thực thi những mục tiêu tâm lý lành mạnh. Sự thống nhất quốc tế phải đạt được, và điều này không chỉ nên dựa trên sự tin cậy lẫn nhau mà còn dựa trên các mục tiêu thế giới đúng đắn và sự thấu hiểu tâm lý chân thật.

Men and women everywhere are already striving towards individual betterment; groups in every nation are similarly motivated; the urge to move forward into greater beauty of expression, of character and of living conditions is the outstanding eternal characteristic of mankind. In the earlier stages of racial history, this urge showed itself in a desire for better material circumstances and surroundings; today, this urge expresses itself in a demand for beauty, leisure and culture; it voices the opportunity to work creatively and passes gradually but

Những người nam và nữ ở khắp nơi đã và đang phấn đấu hướng tới sự cải thiện cá nhân; các nhóm trong mọi quốc gia cũng được thúc đẩy tương tự; thôi thúc tiến tới vẻ đẹp lớn hơn trong biểu đạt, trong tính cách và trong điều kiện sống là đặc tính vĩnh cửu nổi bật của nhân loại. Trong những giai đoạn sớm của lịch sử nhân loại, thôi thúc này biểu lộ như một ham muốn về hoàn cảnh và môi trường vật chất tốt hơn; ngày nay, thôi thúc này biểu đạt thành một đòi hỏi về cái đẹp, thời gian nhàn rỗi và văn hóa; nó nói lên cơ hội làm việc một cách sáng tạo và dần dần nhưng tất yếu đi vào giai đoạn

inevitably into the stage where right human relations become of prime importance.

nơi các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người trở thành điều quan trọng hàng đầu.

Today a great and unique opportunity faces every nation. Hitherto the problem of psychological integration, of intelligent living, of spiritual growth and of [10] divine revelation has been approached solely from the angle of man, the unit. Owing to the scientific achievements of mankind (as a result of the unfolding human intellect), it is now possible to think in far wider terms and to see humanity in a truer perspective. Our horizon is extending into infinity; our eyes are no longer focussed upon our immediate foreground. The family unit is now recognized in relation to the community, and the community is seen as an integral and effective part of the city, state or nation. Dimly, and as yet ineffectually, we are projecting this same concept into the field of international relations. Thinkers throughout the world are functioning internationally; this is the guarantee of the future because only when men can think in these wider terms will the fusion of all men everywhere become possible, will brotherhood come into being and *humanity* be a fact in our consciousness.

Ngày nay, một cơ hội lớn lao và độc đáo đang đối diện mỗi quốc gia. Từ trước đến nay, vấn đề tích hợp tâm lý, đời sống thông minh, sự tăng trưởng tinh thần và sự mặc khải [10] thiêng liêng đã được tiếp cận chỉ từ góc độ con người, đơn vị cá nhân. Nhờ các thành tựu khoa học của nhân loại, như kết quả của trí năng con người đang khai mở, hiện nay có thể suy nghĩ theo những phạm vi rộng lớn hơn nhiều và nhìn thấy nhân loại trong một tầm nhìn chân thật hơn. Chân trời của chúng ta đang mở rộng vào vô tận; mắt chúng ta không còn tập trung vào khung cảnh ngay trước mắt. Đơn vị gia đình nay được nhận ra trong quan hệ với cộng đồng, và cộng đồng được nhìn thấy như một phần toàn vẹn và hữu hiệu của thành phố, tiểu bang hay quốc gia. Một cách mờ nhạt và vẫn chưa hữu hiệu, chúng ta đang phóng chiếu cùng quan niệm này vào lĩnh vực quan hệ quốc tế. Các nhà tư tưởng trên khắp thế giới đang hoạt động theo tinh thần quốc tế; đây là bảo chứng của tương lai, bởi chỉ khi con người có thể suy nghĩ trong những phạm vi rộng lớn hơn này thì sự dung hợp của mọi người ở khắp nơi mới trở nên khả hữu, tình huynh đệ mới đi vào hiện hữu, và *nhân loại* mới trở thành một sự kiện trong tâm thức chúng ta.

Most men today think in terms of their own nation or group and this is their largest concept; they have progressed beyond the stage of their individual physical and mental well-being and are visioning the possibility of adding their quota of usefulness and of stability to the national whole; they are seeking to be cooperative, to understand and to further the good of the community. This is not rare but is descriptive of many thousands in every nation. This spirit and

Ngày nay đa số con người suy nghĩ theo phạm vi quốc gia hay nhóm của riêng họ, và đây là quan niệm lớn nhất của họ; họ đã tiến vượt khỏi giai đoạn sự khỏe mạnh về thể chất và tâm thần của cá nhân, và đang hình dung khả năng đóng góp phần hữu ích và ổn định của mình vào toàn thể quốc gia; họ đang tìm cách hợp tác, thấu hiểu và thúc đẩy lợi ích của cộng đồng. Điều này không hiếm, mà mô tả nhiều ngàn người trong mỗi quốc gia. Một ngày nào đó tinh thần và thái độ

attitude will some day characterize the attitude of nation to nation. At present this is *not* so, and a very different psychology rules. Nations seek and demand the best for themselves, no matter what the cost to others; they regard this as a right attitude and as characteristic of good citizenship. Nations are coloured by hatreds and prejudices, many of which are as unwarranted today as foul language in a religious meeting. Nations are split and divided within themselves by racial barriers, by party [11] differences and by religious attitudes. This inevitably brings disorder and finally disaster.

này sẽ đặc trưng cho thái độ của quốc gia đối với quốc gia. Hiện nay điều này *không* phải như vậy, và một tâm lý rất khác đang cai quản. Các quốc gia tìm kiếm và đòi hỏi điều tốt nhất cho chính mình, bất kể cái giá phải trả cho những quốc gia khác; họ xem điều này như một thái độ đúng đắn và như đặc tính của công dân tốt. Các quốc gia bị nhuộm màu bởi thù hận và thành kiến, nhiều điều trong số đó ngày nay vô căn cứ chẳng khác nào lời lẽ tục tĩu trong một buổi họp tôn giáo. Các quốc gia bị chia cắt và phân rẽ trong chính mình bởi các rào cản chủng tộc, bởi những khác biệt đảng phái [11] và bởi các thái độ tôn giáo. Điều này tất yếu đem lại rối loạn và sau cùng là tai họa.

An intense spirit of nationalism—assertive and boastful—distinguishes the citizens of most countries, particularly in relation to each other. This breeds dislike, distrust and the disruption of right human relations. All nations are guilty of these qualities and attitudes, expressed according to their individual culture and genius. All nations, as all families, have also in them groups or individuals who are recognized sources of trouble to the well-intentioned remainder. There are nations within the international community which are and have been for a long time disrupting agencies.

Một tinh thần dân tộc chủ nghĩa mãnh liệt—tự khẳng định và khoe khoang—phân biệt công dân của hầu hết các nước, đặc biệt trong quan hệ với nhau. Điều này sinh ra ác cảm, ngờ vực và sự phá vỡ các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người. Tất cả các quốc gia đều có lỗi về những phẩm tính và thái độ này, được biểu đạt tùy theo văn hóa và thiên tài riêng của họ. Tất cả các quốc gia, cũng như mọi gia đình, cũng có trong mình những nhóm hay cá nhân được nhận ra là nguồn gây rắc rối cho phần còn lại có thiện ý. Có những quốc gia trong cộng đồng quốc tế đang là, và từ lâu đã là, các tác nhân gây đổ vỡ.

The problem of the interplay and interaction of the nations is largely a psychological one. The soul of a nation is potent in its effect. The national thoughtform (built up over the centuries by the thinking, the goals and the ambitions of a nation) constitutes its ideal objective and is most effective in conditioning the people. A Pole, a Frenchman, an American, a Hindu, a Britisher or a German are easily recognized, no matter where they may be. This

Vấn đề của sự tương tác và ảnh hưởng qua lại giữa các quốc gia phần lớn là một vấn đề tâm lý. Linh hồn của một quốc gia có hiệu quả mạnh mẽ. Hình tư tưởng quốc gia, được xây dựng qua nhiều thế kỷ bởi tư tưởng, mục tiêu và tham vọng của một quốc gia, cấu thành mục tiêu lý tưởng của quốc gia ấy và tác động rất hữu hiệu lên dân chúng. Một người Ba Lan, một người Pháp, một người Mỹ, một người Ấn, một người Anh hay một người Đức đều dễ dàng được nhận ra, bất kể

recognition is not based solely upon appearance, intonation or habits but primarily upon the expressed mental attitude, the sense of relativity and a general national assertiveness. These indications express reaction to the particular national thoughtform under which the man has been raised. If this reaction makes him a good cooperative citizen within the national boundaries, that is good and to be desired. If it makes him assertive, arrogant, critical of the nationals of other countries and separative in his thinking, he is then contributing to world disunity and, en masse, to international disruption. This menaces the peace of the world. The problem, therefore, becomes one in which all people share. Nations can be (and often are) anti-social, [12] and all nations have within them these anti-social elements.

họ ở đâu. Sự nhận ra này không chỉ dựa trên vẻ ngoài, ngữ điệu hay thói quen, mà trước hết dựa trên thái độ trí tuệ được biểu đạt, ý thức về tính tương đối và một sự tự khẳng định quốc gia nói chung. Những dấu hiệu này biểu đạt phản ứng đối với hình tư tưởng quốc gia đặc thù mà dưới đó con người đã được nuôi dưỡng. Nếu phản ứng này khiến y trở thành một công dân hợp tác tốt trong các biên giới quốc gia, thì điều đó tốt đẹp và đáng mong muốn. Nếu nó khiến y trở nên tự khẳng định quá mức, kiêu ngạo, phê phán công dân của các nước khác và chia rẽ trong tư tưởng, thì bấy giờ y đang góp phần vào sự bất thống nhất thế giới và, xét theo khối đông, vào sự đổ vỡ quốc tế. Điều này đe dọa hòa bình thế giới. Do đó, vấn đề trở thành một vấn đề mà mọi người đều chia sẻ. Các quốc gia có thể, và thường là, chống xã hội, [12] và tất cả các quốc gia đều có trong mình những yếu tố chống xã hội này.

Self-interest distinguishes most men at this time, with attendant weaknesses. Yet, in all countries, there are those who have outgrown these self-centred attitudes and there are many who are more interested in civic and the national good than in themselves. A few, a very few in relation to the mass of men, are internationally minded and preoccupied with the welfare of humanity, as a whole. They eagerly desire recognition of the one world, of the one humanity.

Sự tự lợi phân biệt đa số con người vào lúc này, cùng với những yếu kém đi kèm. Tuy nhiên, trong mọi quốc gia, có những người đã vượt qua các thái độ tập trung vào bản thân này, và có nhiều người quan tâm đến lợi ích công dân và quốc gia hơn chính bản thân họ. Một số ít, rất ít so với khối đông con người, có trí hướng quốc tế và bận tâm đến phúc lợi của nhân loại như một toàn thể. Họ tha thiết mong muốn sự nhận ra một thế giới duy nhất, một nhân loại duy nhất.

The stage of national selfishness and the fixed determination to preserve national integrity—interpreted often in terms of boundaries and the expansion of trade—must gradually fade out. The nations must pass eventually to a more beneficent realization and come to the point where they regard their national cultures, their national resources and their ability to serve mankind

Giai đoạn ích kỷ quốc gia và quyết tâm cố định nhằm bảo tồn sự toàn vẹn quốc gia—thường được diễn giải theo biên giới và sự mở rộng thương mại—phải dần dần phai tàn. Cuối cùng, các quốc gia phải đi đến một nhận thức hữu ích hơn và đạt tới điểm họ xem các nền văn hóa quốc gia, các tài nguyên quốc gia và khả năng phụng sự nhân loại của mình là những đóng góp mà họ phải

as the contributions which they must make to the good of the whole. Emphasis upon worldly possessions or extensive territory is no sign of maturity; fighting to preserve these or to expand them is a sign of adolescent immaturity. Mankind is now growing up; only now is humanity demonstrating a wider sense of responsibility, of ability to handle its problems or to think in larger terms. The late world war was symptomatic of immaturity, of adolescent thinking, of uncontrolled childish emotions and of a demand—by anti-social nations—for that which does not belong to them. Like children, they cry for "more".

thực hiện cho lợi ích của toàn thể. Việc nhấn mạnh vào tài sản thế gian hay lãnh thổ rộng lớn không phải là dấu hiệu của sự trưởng thành; chiến đấu để bảo tồn hay mở rộng chúng là dấu hiệu của sự non nớt tuổi thiếu niên. Nhân loại hiện nay đang lớn lên; chỉ hiện nay nhân loại mới đang chứng tỏ một ý thức trách nhiệm rộng lớn hơn, một khả năng xử lý các vấn đề của mình hay suy nghĩ theo những phạm vi lớn hơn. Cuộc chiến tranh thế giới vừa qua là triệu chứng của sự non nớt, của tư tưởng thiếu niên, của những cảm xúc trẻ con không được kiểm soát và của một đòi hỏi—từ các quốc gia chống xã hội—đối với điều không thuộc về họ. Như trẻ nhỏ, họ kêu đòi "thêm nữa".

The intense isolationism and the "hands off" policy of certain groups in the United States, the demand for a white Australia or South Africa, the cry of "America for the Americans", or British Imperialism, the shouting of France for recognition, are other instances. They all indicate inability to think in larger terms; they are an [13] expression of world irresponsibility; they indicate also the childishness of the race which fails to grasp the extent of the whole of which each nation is a part. War and the constant demand for territorial boundaries, based on ancient history, the holding on to material, national possessions at the expense of other people will seem some day to a more mature race of men like nursery quarrels over some favourite toy. The challenging cry of "This is *mine*" will some day no longer be heard. In the meantime, this aggressive, immature spirit culminated in the war of 1914-1945. A thousand years hence, history will regard this as the acme of childish selfishness, started by grasping children who could not be stopped in their aggressive ways because the other nations were still too childish to

Chủ nghĩa cô lập mãnh liệt và chính sách "đừng can thiệp" của một số nhóm nhất định tại Hoa Kỳ, yêu sách về một nước Úc hay Nam Phi da trắng, tiếng kêu "Nước Mỹ cho người Mỹ", hay chủ nghĩa Đế quốc Anh, tiếng kêu của nước Pháp đòi được công nhận, là những ví dụ khác. Tất cả đều cho thấy sự bất lực trong việc suy nghĩ theo những phạm vi rộng lớn hơn; chúng là một [13] biểu hiện của sự vô trách nhiệm thế giới; chúng cũng cho thấy tính trẻ con của nhân loại, vốn không nắm bắt được tầm mức của toàn thể mà mỗi quốc gia là một phần. Chiến tranh và sự đòi hỏi liên tục về biên giới lãnh thổ, dựa trên lịch sử xa xưa, việc bám giữ các tài sản vật chất, quốc gia, với cái giá mà các dân tộc khác phải trả, một ngày nào đó sẽ hiện ra trước một nhân loại trưởng thành hơn như những cuộc cãi vã trong nhà trẻ về một món đồ chơi yêu thích nào đó. Tiếng kêu thách thức "Cái này là *của tôi*" một ngày nào đó sẽ không còn được nghe nữa. Trong khi đó, tinh thần hung hăng, non nớt này đã đạt đỉnh trong cuộc chiến tranh 1914-1945. Một ngàn năm sau, lịch sử sẽ xem điều này như tột đỉnh của sự ích kỷ trẻ con, khởi đầu bởi những đứa trẻ tham lam không thể bị ngăn lại trong những đường lối hung hăng

take strong action when the first indications of the war were seen.

của chúng, bởi các quốc gia khác vẫn còn quá trẻ con để có hành động mạnh mẽ khi những dấu hiệu đầu tiên của chiến tranh được thấy.

The race faces a new crisis of opportunity wherein new values can be seen as important, wherein the establishing of right human relations will be deemed desirable, not only from the idealistic point of view but also from the purely selfish angle. Some day the principles of cooperation and of sharing will be substituted for those of possessive greed and competition. This is the inevitable next step ahead for humanity—one for which the entire evolutionary process has prepared mankind.

Nhân loại đối diện một khủng hoảng cơ hội mới, trong đó những giá trị mới có thể được nhìn thấy là quan trọng, trong đó việc thiết lập các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người sẽ được xem là đáng mong muốn, không chỉ từ quan điểm lý tưởng mà còn từ góc độ hoàn toàn ích kỷ. Một ngày nào đó, các nguyên lý hợp tác và chia sẻ sẽ thay thế cho các nguyên lý tham lam chiếm hữu và cạnh tranh. Đây là bước kế tiếp tất yếu phía trước cho nhân loại—bước mà toàn bộ tiến trình tiến hoá đã chuẩn bị cho nhân loại.

It was selfishness and self-interest which prevented several nations from siding with the Forces of Light; they preserved a selfish neutrality and lengthened the war by years. Is it not possible that when Germany first marched into Poland and when France and Great Britain consequently declared war upon Germany, if the entire civilized world of nations (without exception) had likewise declared war and banded together for the defeat of the aggressor, the war would not have lasted as long as it did? Interior politics, international jealousies, [14] ancient distrusts and hatreds, fear and a refusal to recognize the facts produced disunity. Had all nations seen clearly and renounced their individual selfishness in 1939, the war would have been over much earlier. Had all the nations swung into action when Japan first went into Manchuria or Italy into Ethiopia, the war which has devastated the entire planet would not have been possible. To that extent, there is no nation without blame.

Chính sự ích kỷ và tự lợi đã ngăn cản nhiều quốc gia đứng về phía các Mãnh Lực Ánh Sáng; họ giữ một thái độ trung lập ích kỷ và kéo dài chiến tranh thêm nhiều năm. Chẳng phải có thể là khi Đức lần đầu tiến vào Ba Lan, và khi Pháp cùng Anh do đó tuyên chiến với Đức, nếu toàn bộ thế giới văn minh của các quốc gia, không ngoại lệ, cũng tuyên chiến và liên kết lại để đánh bại kẻ xâm lược, thì cuộc chiến đã không kéo dài như nó đã kéo dài sao? Chính trị nội bộ, ganh tị quốc tế, [14] những ngờ vực và thù hận cổ xưa, sợ hãi và sự từ chối nhìn nhận sự thật đã tạo ra bất thống nhất. Nếu tất cả các quốc gia đã thấy rõ và từ bỏ sự ích kỷ riêng của mình vào năm 1939, chiến tranh hẳn đã kết thúc sớm hơn nhiều. Nếu tất cả các quốc gia đã hành động khi Nhật Bản lần đầu tiến vào Mãn Châu hay Ý tiến vào Ethiopia, cuộc chiến đã tàn phá toàn bộ hành tinh hẳn đã không thể xảy ra. Đến mức ấy, không có quốc gia nào là không đáng trách.

It is needful to make this clear so that there may be straight thinking as we face the

Cần phải làm rõ điều này để có thể có tư tưởng ngay thẳng khi chúng ta đối diện thế

world of today and begin to take the steps which will, in due course of time, lead to world security. This period should be faced by every nation with a sense of individual guilt and of innate psychological failure. It is hard to admit that none of the nations (including our own) has clean hands, and that all are guilty of greed and theft, of separativeness, of pride and prejudice, as well as national and racial hatreds. All nations have much interior housecleaning to do and this they must carry forward along with their outer efforts to bring about a better and more habitable world. It must be a world consciousness, motivated by the idea of the general good, one in which higher values than individual and national gain are emphasized and one in which people are trained in right national citizenship upon the one hand and on the other in the responsibility for world citizenship.

giới ngày nay và bắt đầu thực hiện những bước, theo đúng tiến trình thời gian, sẽ dẫn đến an ninh thế giới. Giai đoạn này nên được mỗi quốc gia đối diện với ý thức về tội lỗi riêng và về sự thất bại tâm lý bẩm sinh. Thật khó thừa nhận rằng không quốc gia nào, kể cả quốc gia của chúng ta, có đôi tay sạch, và rằng tất cả đều có lỗi về tham lam và trộm đoạt, về sự chia rẽ, về kiêu hãnh và thành kiến, cũng như về các thù hận quốc gia và chủng tộc. Tất cả các quốc gia có nhiều việc thanh lọc nội bộ phải làm, và họ phải đưa tiến điều này cùng với các nỗ lực bên ngoài nhằm đem lại một thế giới tốt đẹp hơn và đáng sống hơn. Đó phải là một tâm thức thế giới, được thúc đẩy bởi ý tưởng về lợi ích chung, một thế giới trong đó những giá trị cao hơn lợi ích cá nhân và quốc gia được nhấn mạnh, và trong đó con người được huấn luyện về quyền công dân quốc gia đúng đắn ở một mặt, và ở mặt kia, về trách nhiệm đối với quyền công dân thế giới.

Is this too idealistic a picture? The guarantee of its possibility lies in the fact that thousands today are thinking along these idealistic lines; thousands are occupied with planning a better world and thousands are talking about the possibility. All ideas which emanate from the divine in man and nature eventually become ideals (even though somewhat distorted in the process) and these ideals finally become the governing principles [15] of the masses. This is the true sequence of the historical process.

Bức tranh này có quá lý tưởng chăng? Bảo chứng cho khả năng của nó nằm trong sự kiện rằng ngày nay hàng ngàn người đang suy nghĩ theo những đường hướng lý tưởng này; hàng ngàn người đang bận rộn với việc hoạch định một thế giới tốt đẹp hơn, và hàng ngàn người đang nói về khả năng ấy. Tất cả các ý tưởng xuất phát từ điều thiêng liêng trong con người và trong thiên nhiên cuối cùng trở thành các lý tưởng, dù có phần bị bóp méo trong tiến trình, và những lý tưởng này sau cùng trở thành các nguyên lý chi phối [15] quần chúng. Đây là trình tự chân thật của tiến trình lịch sử.

It might be of value to study briefly some of the psychological adjustments which the nations must make within their own borders, because reform begins at home. Then let us look at the world picture and gain a new vision. There is a scientific basis

Có lẽ sẽ hữu ích nếu nghiên cứu ngắn gọn một số điều chỉnh tâm lý mà các quốc gia phải thực hiện trong phạm vi biên giới của chính mình, bởi sự cải cách bắt đầu từ trong nhà. Rồi chúng ta hãy nhìn vào bức tranh thế giới và đạt được một tầm nhìn mới. Có

for the old statement in the Bible that "where there is no vision, the people perish".

một nền tảng khoa học cho lời tuyên bố xưa trong Kinh Thánh rằng "nơi nào không có tầm nhìn, dân chúng sẽ diệt vong".

History indicates a long past of battle, of war, of changing frontiers, of the discovery and prompt annexation of new territory, involving the subjugation of the original inhabitants, sometimes greatly to their benefit but always inexcusable. The spirit of nationalism and its growth is the background of modern history as taught in our schools, feeding national pride, engendering national enmities, racial hatreds and jealousies. History concerns itself with the lines of demarcation between countries and with the type of rule each country developed. These lines of demarcation are fiercely held and passports, as instituted this century, indicate the crystallization of the idea. History portrays the fierce determination of every nation to preserve its boundaries at any cost, to keep its culture and civilization intact, to add to them when possible and to share nothing with any other nation except for commercial profit, for which international legislation is provided. Yet all the time humanity is one humanity and the products of the earth belong to all. This wrong attitude has not only fostered the sense of separateness but has led to the exploitation of the weaker groups by the stronger and the wrecking of the economic life of the masses by a mere handful of powerful groups.

Lịch sử cho thấy một quá khứ lâu dài của chiến trận, chiến tranh, biên giới thay đổi, việc khám phá và nhanh chóng sáp nhập lãnh thổ mới, bao hàm sự khuất phục các cư dân nguyên thủy, đôi khi đem lại lợi ích lớn cho họ nhưng luôn luôn không thể biện minh. Tinh thần dân tộc chủ nghĩa và sự tăng trưởng của nó là bối cảnh của lịch sử hiện đại như được dạy trong các trường học của chúng ta, nuôi dưỡng niềm kiêu hãnh quốc gia, làm phát sinh thù địch quốc gia, thù hận và ganh tị chủng tộc. Lịch sử quan tâm đến các đường phân giới giữa các nước và đến kiểu cai trị mà mỗi nước đã phát triển. Những đường phân giới này được giữ gìn một cách dữ dội, và hộ chiếu, như được thiết lập trong thế kỷ này, cho thấy sự kết tinh của ý tưởng ấy. Lịch sử mô tả quyết tâm dữ dội của mỗi quốc gia nhằm bảo tồn biên giới của mình bằng bất cứ giá nào, giữ nguyên vẹn văn hóa và văn minh của mình, thêm vào chúng khi có thể, và không chia sẻ điều gì với bất cứ quốc gia nào khác ngoại trừ vì lợi nhuận thương mại, điều mà luật pháp quốc tế đã được cung cấp để phục vụ. Tuy nhiên, trong mọi lúc nhân loại là một nhân loại duy nhất và sản phẩm của trái đất thuộc về tất cả. Thái độ sai lầm này không chỉ nuôi dưỡng ý thức chia rẽ mà còn dẫn đến việc các nhóm mạnh hơn bóc lột các nhóm yếu hơn và phá hoại đời sống kinh tế của quần chúng bởi chỉ một nhúm nhỏ các nhóm quyền lực.

Ancient habits of mass thinking and of mass reaction are difficult to overcome. It is here that the main battleground of the world is found. Public opinion will [16] have to be re-educated. The nations are reverting to the deep-seated modes of behaviour and

Những thói quen cổ xưa của tư tưởng quần chúng và phản ứng quần chúng rất khó vượt qua. Chính tại đây chiến trường chính của thế giới được tìm thấy. Công luận sẽ [16] phải được giáo dục lại. Các quốc gia đang quay trở lại những lối hành xử và tư tưởng ăn sâu vốn

thought which have characterized them for generations. We need, in the general interest, to face up to our past, to recognize the new trends, to renounce the old ways of thinking and acting if humanity is not to descend to greater depths than in the last war.

đã đặc trưng cho họ qua nhiều thế hệ. Vì lợi ích chung, chúng ta cần đối diện quá khứ của mình, nhận ra những khuynh hướng mới, từ bỏ những lối suy nghĩ và hành động cũ, nếu nhân loại không muốn sa xuống những vực sâu lớn hơn trong cuộc chiến vừa qua.

The voices of the old order and the demand of the reactionary elements can be heard in every country, plus the demands of certain radical groups. Because they have been so long established, the voices of the conservatives carry weight and because humanity is tired, almost any action will be taken to ensure a rapid return to the normalcy, demanded by the conservatives, *unless* those who have the new vision act with promptness and with wisdom—and of this there is too little indication at this time.

Tiếng nói của trật tự cũ và yêu sách của các yếu tố phản động có thể được nghe thấy trong mọi quốc gia, cộng thêm yêu sách của một số nhóm cấp tiến nhất định. Bởi chúng đã được thiết lập quá lâu, tiếng nói của những người bảo thủ có sức nặng, và bởi nhân loại đã mệt mỏi, hầu như bất cứ hành động nào cũng sẽ được thực hiện để bảo đảm sự trở lại nhanh chóng với trạng thái bình thường mà những người bảo thủ đòi hỏi, *trừ khi* những ai có tầm nhìn mới hành động nhanh chóng và minh triết—và hiện nay có quá ít dấu hiệu về điều này.

FRANCE

NƯỚC PHÁP

A clamour is arising from France that her ancient glory be recognized, that her ancient task of representing the major, civilizing influence in old Europe be remembered, and that France be safeguarded and protected. She demands that nothing be done without consulting her. Yet for decades, France has given to the world a picture of great disunity and of political corruption and graft; she has always evidenced a deep love and desire for material gratification, priding herself on her realism, but not on any spiritual idealism, and substituting the brilliance of the intellect and keen scientific perception for the subjective realities. Has France learned from her collapse in the summer of 1940 that the values of the spirit must take the place of those which have hitherto motivated her? Does she realize that she has to regain the respect of the world—a respect

Một tiếng kêu đang dấy lên từ nước Pháp rằng vinh quang xưa của nàng phải được thừa nhận, rằng nhiệm vụ xưa của nàng trong việc đại diện cho ảnh hưởng văn minh hóa chủ yếu tại châu Âu cũ phải được ghi nhớ, và rằng nước Pháp phải được che chở và bảo vệ. Nàng đòi hỏi không được làm điều gì mà không tham khảo ý kiến nàng. Tuy nhiên, trong nhiều thập kỷ, nước Pháp đã phơi bày trước thế giới một bức tranh về sự chia rẽ lớn lao, về tham nhũng chính trị và hối lộ; nàng luôn biểu lộ một tình yêu sâu đậm và một dục vọng mạnh mẽ đối với sự thỏa mãn vật chất, tự hào về chủ nghĩa hiện thực của mình, nhưng không tự hào về bất kỳ chủ nghĩa lý tưởng tinh thần nào, và thay thế các thực tại nội tại bằng sự rực rỡ của trí năng và tri giác khoa học sắc bén. Nước Pháp đã học được từ sự sụp đổ của mình vào mùa hè năm 1940 rằng các giá trị của tinh thần

which she lost when she surrendered and sought collaboration, [17] thus proving herself innately weaker than those much smaller nations which fought until forced to accept defeat? Can France emerge from this time of trial, purified and able to demonstrate a new capacity to think in terms of unselfish international relations and not solely in terms of the material civilization which she demonstrated so wonderfully for so many centuries? *She can and eventually she will*. Her brilliant intellect (when turned to the study of the things of the spirit) can outstrip the researchings of lesser minds; that clear perception and ability to convey thoughts in concise and crystal clear terms will be utilized to bring home to many the eternal verities. When France finds her spiritual soul and not just her intellectual soul, she will prove to be the medium through which will come revelation as to the nature of the soul of man. France has in the past revealed the nature of the human soul in its stage of intensest individualism and selfishness. Through fire and pain, France will later demonstrate the qualities of the spirit of man. The accent upon the material values and the intense emphasis upon the importance of France to the world, instead of the importance of the international attitude to France in terms of unselfish human relations, summarizes the *psychological problem with which France is at this time faced* and which certain of her finest thinkers realize. Can France learn to think in terms of and for those who lie beyond her boundaries, or will she continue to think in terms of France? These are the questions she must answer.

phải thay thế những gì từ trước đến nay đã thúc đẩy nàng chăng? Nàng có nhận ra rằng nàng phải giành lại sự kính trọng của thế giới — một sự kính trọng mà nàng đã đánh mất khi đầu hàng và tìm kiếm sự cộng tác, [17] qua đó chứng tỏ mình vốn yếu hơn những quốc gia nhỏ bé hơn nhiều, vốn đã chiến đấu cho đến khi buộc phải chấp nhận thất bại chăng? Nước Pháp có thể bước ra khỏi thời kỳ thử thách này, được thanh luyện và có khả năng biểu lộ một năng lực mới để suy nghĩ theo những mối quan hệ quốc tế vô vị kỷ, chứ không chỉ theo nền văn minh vật chất mà nàng đã biểu lộ một cách kỳ diệu trong suốt nhiều thế kỷ chăng? *Nàng có thể và cuối cùng nàng sẽ làm được*. Trí năng rực rỡ của nàng, khi được hướng vào việc nghiên cứu những điều thuộc về tinh thần, có thể vượt xa những cuộc tìm tòi của các trí tuệ kém hơn; tri giác sáng rõ ấy và khả năng truyền đạt tư tưởng bằng những thuật ngữ súc tích, trong sáng như pha lê sẽ được dùng để đưa các chân lý vĩnh cửu thấm sâu vào nhiều người. Khi nước Pháp tìm thấy linh hồn tinh thần của mình, chứ không chỉ linh hồn trí năng của mình, nàng sẽ chứng tỏ là trung gian qua đó sự mặc khải về bản chất linh hồn con người sẽ đến. Trong quá khứ, nước Pháp đã mặc khải bản chất của linh hồn nhân loại ở giai đoạn chủ nghĩa cá nhân và sự ích kỷ mãnh liệt nhất của nó. Qua lửa và đau khổ, về sau nước Pháp sẽ biểu lộ các phẩm tính của tinh thần con người. Sự nhấn mạnh vào các giá trị vật chất và sự nhấn mạnh mãnh liệt vào tầm quan trọng của nước Pháp đối với thế giới, thay vì tầm quan trọng của thái độ quốc tế đối với nước Pháp theo những mối quan hệ nhân loại vô vị kỷ, tóm lược *vấn đề tâm lý mà nước Pháp hiện đang đối diện* và điều mà một số nhà tư tưởng ưu tú nhất của nàng nhận ra. Nước Pháp có thể học cách suy nghĩ theo và vì những người ở ngoài biên giới của nàng không, hay nàng sẽ tiếp tục suy nghĩ theo

nước Pháp? Đó là những câu hỏi nàng phải trả lời.

GERMANY

ĐỨC

Of the faults of the German nation, there is little need to speak; they have been made painfully clear to the entire world. The Germany of the mystical poets and writers of the Middle Ages will again arise—the Germany of the musical festivals, the Germany which [18] has given the world the best of the music of all time, the Germany of Schiller and of Goethe and the Germany of the philosophers. The major fault of the German people is an extreme negativity which makes them the most easily "conditioned" people of all time, plus an ability to accept dictatorship and propaganda without any questioning or revolt and with a deep sense of inferiority. The German people are consequently easily exploited, easily convinced by those who can shout and threaten; they are easily regimented.

Về những lỗi lầm của dân tộc Đức, không cần nói nhiều; chúng đã được phơi bày một cách đau đớn rõ ràng trước toàn thế giới. Nước Đức của các thi sĩ và văn sĩ thần bí thời Trung Cổ sẽ lại trỗi dậy — nước Đức của các lễ hội âm nhạc, nước Đức đã [18] trao cho thế giới những gì ưu tú nhất trong âm nhạc của mọi thời đại, nước Đức của Schiller và Goethe, và nước Đức của các triết gia. Lỗi lầm chủ yếu của dân tộc Đức là một tính thụ động cực đoan, khiến họ trở thành dân tộc dễ bị "tác động" nhất mọi thời đại, cộng thêm khả năng chấp nhận độc tài và tuyên truyền mà không chất vấn hay nổi dậy, cùng với một mặc cảm tự ti sâu sắc. Do đó, dân tộc Đức dễ bị khai thác, dễ bị thuyết phục bởi những kẻ có thể la hét và đe dọa; họ dễ bị điều khiển theo kỷ luật.

This negativity must be overcome and attention must be paid to the careful training of the individual to think and act for himself and to set great store by his own ideas, and all in a spirit of goodwill. This should be the keynote of all future education of the German people. Given that and given right idealistic propaganda, the German people can develop right habits of thought as easily as they have been led into evil ways and into separative thinking. The regimentation of the German people must not be stopped for a long time to come but its motivation must be completely altered. *Their main psychological problem is to recognize their relation to all other peoples on equal terms.* The major trouble facing the United Nations will be to find the strong and

Tính thụ động này phải được vượt qua, và cần chú ý đến việc huấn luyện cẩn trọng cá nhân để suy nghĩ và hành động cho chính mình, cũng như coi trọng các ý tưởng của chính mình, tất cả trong tinh thần thiện chí. Đây phải là chủ âm của mọi nền giáo dục tương lai dành cho dân tộc Đức. Nếu có điều đó và có sự tuyên truyền lý tưởng đúng đắn, dân tộc Đức có thể phát triển các thói quen tư tưởng đúng đắn dễ dàng như họ đã từng bị dẫn vào những đường lối xấu và vào lối suy nghĩ chia rẽ. Sự điều khiển theo kỷ luật dân tộc Đức không được chấm dứt trong một thời gian dài sắp tới, nhưng động cơ của nó phải được thay đổi hoàn toàn. *Vấn đề tâm lý chính của họ là nhận ra mối quan hệ của họ với tất cả các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.* Khó khăn chủ yếu mà Liên Hiệp Quốc phải

good leader who can enforce that regimentation in a spirit of understanding and goodwill until such time as it is no longer needed and German men and women can think for themselves, and not in response to the propaganda of a group or a military caste. The responsibility of the Allies is great. Will they take advantage of the responsiveness of the German people to propaganda and see that it is properly and spiritually exploited? Will they see that the educational institutions of that unhappy land are placed in the hands of those with a vision of the future, who have a firm determination to train the rising generation to know [19] themselves as *men and not as supermen?* Can they instil into the consciousness of the children of today and of those who will yet be born, the significance and the importance of right human relations? Can they then continue this educational process for a long enough time? Here lies the test of the true intentions of the United Nations. The spiritual potentialities of the German people must not be forgotten. We must look forward towards that which they can be trained to become. Practically speaking, they can more easily be changed under right methods of teaching and conditioning than any other nation in Europe. Germany still expresses the herd consciousness. This must be transmuted into group consciousness—the consciousness of the free individual who collaborates with other men of goodwill for the benefit of the whole.

đối diện sẽ là tìm ra nhà lãnh đạo mạnh mẽ và thiện lành, người có thể thực thi sự điều khiển theo kỷ luật đó trong tinh thần thấu hiểu và thiện chí cho đến khi nó không còn cần thiết nữa, và những người nam và nữ Đức có thể tự suy nghĩ, chứ không đáp ứng với tuyên truyền của một nhóm hay một đẳng cấp quân sự. Trách nhiệm của Đồng Minh thật lớn lao. Họ có tận dụng tính đáp ứng của dân tộc Đức đối với tuyên truyền và bảo đảm rằng nó được khai thác đúng đắn và tinh thần không? Họ có bảo đảm rằng các cơ sở giáo dục của vùng đất bất hạnh ấy được đặt vào tay những người có tầm nhìn về tương lai, những người có quyết tâm vững chắc huấn luyện thế hệ đang lớn lên biết [19] mình là *con người chứ không phải siêu nhân* không? Họ có thể gieo vào tâm thức của trẻ em hôm nay và của những người sẽ còn được sinh ra thâm nghĩa và tầm quan trọng của các mối quan hệ nhân loại đúng đắn không? Rồi họ có thể tiếp tục tiến trình giáo dục này trong một thời gian đủ dài không? Chính trong điều này có sự thử thách các ý định chân thật của Liên Hiệp Quốc. Không được quên các tiềm năng tinh thần của dân tộc Đức. Chúng ta phải hướng về phía trước, về điều mà họ có thể được huấn luyện để trở thành. Nói một cách thực tiễn, dưới các phương pháp giảng dạy và tác động đúng đắn, họ có thể được thay đổi dễ dàng hơn bất kỳ quốc gia nào khác ở châu Âu. Nước Đức vẫn còn biểu lộ tâm thức bầy đàn. Điều này phải được chuyển hoá thành tâm thức nhóm — tâm thức của cá nhân tự do, cộng tác với những người thiện chí khác vì lợi ích của toàn thể.

GREAT BRITAIN

Great Britain has been a great and imperialistic power. Her acquisitive spirit, her tenacity and the firmness of her political manoeuvres in the past have warranted this

VƯƠNG QUỐC ANH

Vương quốc Anh đã từng là một cường quốc vĩ đại và đế quốc chủ nghĩa. Tinh thần chiếm hữu của nàng, sự bền bỉ của nàng và sự cứng rắn trong các mưu lược chính trị của nàng

charge. She has played “power politics” and has become expert in balancing one nation against another nation in order to preserve the status quo and the integrity of the British Isles. She has wrought with diligence for a stability among the nations which will enable her to function smoothly and attain her ends. She has been accused of an intense commercialism and the phrase “a nation of shop keepers” has been applied to her by other nations. The British are frequently disliked by other peoples; their aloof hauteur, their national pride and their attitude of owning the world alienates many. Great Britain carries the sense of caste into all her international relations just as the class distinction system has controlled her internal relationships for ages. These accusations are all based on truth and the enemies [20] of Great Britain can bring due cause to the judgment seat. The British, as a whole, have been reactionary, over-cautious and conservative, slow to move, and apt to be satisfied with existing conditions, particularly if those conditions are strictly British. All these characteristics have been the cause of extreme irritation to other people, particularly the nation which emerged from Britain, the United States. This is one side of the picture. But the British are not anti-social; they have led the way in welfare reforms, instituting such measures as the old-age pension system long before other nations did so. They are deeply paternalistic in their handling of smaller and less developed nations and have really helped them. Being conservative, it is hard for them to know when to withdraw that paternal help. The motto of the House of Wales is: “I serve”. The innate tendency of the British race is to serve the nations and the races which are gathered together under the Union Jack. It must be remembered that since the beginning of the 20th Century, great changes have taken place in the

trong quá khứ đã biện minh cho lời cáo buộc này. Nàng đã chơi “chính trị quyền lực” và đã trở nên lão luyện trong việc cân bằng quốc gia này với quốc gia khác để duy trì hiện trạng và sự toàn vẹn của Quần đảo Anh. Nàng đã làm việc chuyên cần để tạo nên một sự ổn định giữa các quốc gia, điều sẽ giúp nàng vận hành trôi chảy và đạt được các mục tiêu của mình. Nàng đã bị cáo buộc là có tính thương mại mãnh liệt, và cụm từ “một quốc gia của những chủ tiệm” đã được các quốc gia khác áp dụng cho nàng. Người Anh thường bị các dân tộc khác không ưa; vẻ cao ngạo xa cách, niềm kiêu hãnh dân tộc và thái độ như thể sở hữu thế giới của họ làm nhiều người xa lánh. Vương quốc Anh mang ý thức đẳng cấp vào mọi quan hệ quốc tế của nàng, cũng như hệ thống phân biệt giai cấp đã kiểm soát các mối quan hệ nội bộ của nàng trong nhiều thời đại. Tất cả những lời cáo buộc này đều dựa trên sự thật, và các kẻ thù [20] của Vương quốc Anh có thể đưa ra lý do chính đáng trước tòa phán xét. Người Anh, xét như một toàn thể, đã mang tính phản động, quá thận trọng và bảo thủ, chậm hành động, và dễ hài lòng với các điều kiện hiện hữu, đặc biệt nếu những điều kiện ấy thuần túy Anh quốc. Tất cả những đặc tính này đã là nguyên nhân gây khó chịu cực độ cho các dân tộc khác, đặc biệt là quốc gia đã phát sinh từ Anh quốc, Hoa Kỳ. Đây là một mặt của bức tranh. Nhưng người Anh không chống xã hội; họ đã dẫn đầu trong các cải cách phúc lợi, thiết lập những biện pháp như hệ thống lương hưu tuổi già từ lâu trước khi các quốc gia khác làm như vậy. Họ mang tính gia trưởng sâu sắc trong cách xử lý các quốc gia nhỏ hơn và kém phát triển hơn, và thật sự đã giúp đỡ các quốc gia ấy. Vì bảo thủ, họ khó biết khi nào phải rút lại sự trợ giúp gia trưởng đó. Khẩu hiệu của Nhà Wales là: “Tôi phụng sự”. Khuynh hướng bẩm sinh của chủng tộc Anh là phụng sự các quốc gia và các giống dân được quy tụ dưới lá cờ Union Jack. Cần nhớ rằng từ đầu thế kỷ 20,

thinking of the English people. Old things have passed away; the caste system with its aloofness, its separativeness and its paternalism is rapidly disappearing as the war and labour emphasize essential equality. Great Britain seeks no more territory; she is now a *commonwealth of entirely independent nations.*

những thay đổi lớn lao đã diễn ra trong tư tưởng của người Anh. Những điều cũ đã qua đi; hệ thống đẳng cấp với sự xa cách, tính chia rẽ và chủ nghĩa gia trưởng của nó đang nhanh chóng biến mất khi chiến tranh và lao động nhấn mạnh sự bình đẳng thiết yếu. Vương quốc Anh không còn tìm kiếm thêm lãnh thổ; nàng hiện là một *khối thịnh vượng chung gồm các quốc gia hoàn toàn độc lập.*

The major psychological problem before the British people is to gain the confidence of the world and lead other nations to recognize the existent justice and the good intentions of their thinking and planning. This she had lost during the past few centuries but is now slowly regaining. Her attitude to world affairs today is internationally based; she is desirous of the good of the whole and is prepared to make sacrifices in the interests of the whole; her intentions are just, and her will is towards cooperation; her citizens are brave and [21] sound in their thinking and are disturbed at what the history of the past has brought to them of dislike. If the emergence from a shy and proud reticence were given free play, Great Britain and the other nations of the world could walk the way of life together with little disagreement.

Vấn đề tâm lý chủ yếu trước dân tộc Anh là giành được lòng tin của thế giới và dẫn các quốc gia khác nhận ra công lý hiện hữu cùng các ý định tốt đẹp trong tư tưởng và hoạch định của họ. Nàng đã đánh mất điều này trong vài thế kỷ qua, nhưng hiện đang chậm rãi giành lại. Thái độ của nàng đối với các vấn đề thế giới ngày nay đặt trên nền tảng quốc tế; nàng mong muốn điều tốt lành cho toàn thể và sẵn sàng hy sinh vì lợi ích của toàn thể; các ý định của nàng là công chính, và ý chí của nàng hướng tới sự hợp tác; các công dân của nàng can đảm và [21] lành mạnh trong tư tưởng, và họ bối rối trước điều mà lịch sử quá khứ đã đem đến cho họ dưới hình thức sự không ưa. Nếu sự bước ra khỏi một vẻ kín đáo rụt rè và kiêu hãnh được tự do diễn ra, Vương quốc Anh và các quốc gia khác trên thế giới có thể cùng nhau đi trên đường đời với ít bất đồng.

RUSSIA

NGA

Russia remains a great enigma for the rest of the world today. Her potentiality for human service and her ability to impose her will on a large scale upon the entire world outstrips that of any other nation. This in itself breeds distrust. Her territory covers a large part of Europe and the whole of North Asia. She has passed through a great and cruel revolution and a subsequent period of readjustment. She is preparing for world collaboration and is evidencing a wish for this to be

Nước Nga vẫn là một điều bí ẩn lớn đối với phần còn lại của thế giới ngày nay. Tiềm năng phụng sự nhân loại của nàng và khả năng áp đặt ý chí của nàng trên quy mô rộng lớn lên toàn thế giới vượt xa bất kỳ quốc gia nào khác. Chính điều này sinh ra sự ngờ vực. Lãnh thổ của nàng bao phủ một phần lớn châu Âu và toàn bộ Bắc Á. Nàng đã trải qua một cuộc cách mạng lớn lao và tàn khốc cùng một thời kỳ tái điều chỉnh sau đó. Nàng đang chuẩn bị cho sự cộng tác thế giới và

accomplished *on her own terms*—the terms of a general control of other lands, beginning with the smaller nations upon her western frontier. She is lifting the peoples of her own land from a condition of ignorance and poverty into one of knowledge and sufficiency. Russia is deeply distrusted by the rest of the world, particularly by its conservative elements, and this for two reasons: first, the cruelty with which the earliest stages of her revolution started—the period which we glibly call "Bolshevism"—and, by a subsequent period of a deliberately chosen and determined isolationism behind her closed frontiers. It was, nevertheless, a creative silence. The war then forced Russia to quit her silence for world collaboration. She was forced into participation in the World War. Russia is the home of a germinating revelation of great spiritual value and group significance—a revelation for all mankind. It is the dimly sensed and somewhat inaccurate realization of this which has led to her insidious propaganda. [22]

đang biểu lộ mong muốn điều này được thực hiện *theo các điều kiện của riêng nàng* — những điều kiện của một sự kiểm soát tổng quát đối với các vùng đất khác, bắt đầu với những quốc gia nhỏ hơn ở biên giới phía tây của nàng. Nàng đang nâng các dân tộc trong chính đất nước mình từ tình trạng ngu dốt và nghèo đói lên tình trạng tri thức và đầy đủ. Nước Nga bị phần còn lại của thế giới ngờ vực sâu sắc, đặc biệt bởi các phần tử bảo thủ của nó, và điều này vì hai lý do: thứ nhất, sự tàn khốc mà các giai đoạn sớm nhất của cuộc cách mạng của nàng đã khởi đầu — thời kỳ mà chúng ta gọi một cách dễ dãi là "Bolshevism" — và, kế đó, bởi một thời kỳ chủ nghĩa biệt lập được chọn lựa có chủ ý và kiên quyết phía sau các biên giới khép kín của nàng. Tuy nhiên, đó là một sự im lặng sáng tạo. Rồi chiến tranh buộc nước Nga phải rời bỏ sự im lặng của nàng để tham gia cộng tác thế giới. Nàng bị buộc tham dự Thế Chiến. Nước Nga là quê hương của một mặc khải đang nảy mầm, có giá trị tinh thần lớn lao và thâm nghĩa nhóm — một mặc khải dành cho toàn thể nhân loại. Chính sự nhận biết mơ hồ và phần nào không chính xác về điều này đã dẫn đến sự tuyên truyền ngấm ngầm của nàng. [22]

Russia has created fermentation in other countries before she herself really knows what is the revelation of which she is custodian. Her activity is therefore premature. The true secret of brotherhood (one hitherto unknown and unrealized) is hers to give the world, but as yet she knows not what it is. This fact, that Russia is the spiritual custodian of a revelation, is sensed by the other nations in the world; and the first reaction has been fear, based on certain initial mistakes and her premature activity upon the physical plane. Nevertheless, all peoples view Russia with expectation; they dimly realize that from her will come some new thing, for Russia is rapidly maturing

Nước Nga đã tạo nên sự lên men trong các quốc gia khác trước khi chính nàng thật sự biết mặc khải mà nàng là người gìn giữ là gì. Vì thế, hoạt động của nàng còn non sớm. Bí mật chân thật của tình huynh đệ, một điều cho đến nay chưa được biết đến và chưa được nhận ra, là của nàng để trao cho thế giới, nhưng cho đến nay nàng chưa biết nó là gì. Sự kiện này, rằng nước Nga là người gìn giữ tinh thần của một mặc khải, được các quốc gia khác trên thế giới cảm nhận; và phản ứng đầu tiên là sợ hãi, dựa trên một số sai lầm ban đầu và hoạt động non sớm của nàng trên cõi hồng trần. Tuy nhiên, mọi dân tộc đều nhìn nước Nga với sự mong đợi; họ mơ hồ nhận ra rằng từ nàng sẽ đến một điều mới

and integrating and will demonstrate that she has much to give.

nào đó, vì nước Nga đang nhanh chóng trưởng thành và tích hợp, và sẽ chứng minh rằng nàng có nhiều điều để trao tặng.

The world is witnessing the uprising and the surging forward of a nation which has accomplished in a quarter of a century what other nations have taken many generations to work out. Russia is a giant, getting into his stride—a young giant, aware of great possibility, animated by a deeply religious, though unorthodox spirit, handicapped by a combination of oriental traits and occidental purposes, and distrusted by the world, owing to earlier moves falsely taken. These moves were an attempt to infiltrate into other nations, in order to upset their stability and so weaken them that they could be easily swept into the house of humanity which Russia is attempting to build. Russia is inwardly (but as yet unconsciously) motivated by a desire to bring brotherhood into being. Can you accept this diagnosis of that great unknown quantity which is Russia? Time alone can prove the accuracy of this statement, plus wise activity and sound propaganda on the part of Russia. The psychological problem of the U.S.S.R. is, in the last analysis, to mind her own business, to stabilize and integrate a vast population, and to lead her peoples still further into the light. Russia must also learn to [23] cooperate with other powers on an equal basis. Russia must not, with ambition and design, seek to sweep the small powers into her arena of activity against their wishes or through undue pressure and force. Russia has still much to do for the immense territories and their inhabitants which are already within her sphere of influence; the other nations must also work out their own destiny and must not be ruled perforce by Russia. Above everything else, the problem before Russia is to give to the other nations of the world such

Thế giới đang chứng kiến sự nổi dậy và sự tiến lên cuồn cuộn của một quốc gia đã hoàn thành trong một phần tư thế kỷ điều mà các quốc gia khác phải mất nhiều thế hệ mới thực hiện được. Nước Nga là một người khổng lồ đang bước vào nhịp đi của mình — một người khổng lồ trẻ, ý thức về khả năng lớn lao, được linh hoạt bởi một tinh thần tôn giáo sâu sắc, dù không chính thống, bị cản trở bởi sự kết hợp giữa các nét Đông phương và các mục đích Tây phương, và bị thế giới ngờ vực do những bước đi sai lầm trước đó. Những bước đi này là một nỗ lực thâm nhập vào các quốc gia khác nhằm phá vỡ sự ổn định của họ và làm họ suy yếu đến mức họ có thể dễ dàng bị cuốn vào ngôi nhà nhân loại mà nước Nga đang cố xây dựng. Nước Nga bên trong, nhưng cho đến nay vẫn vô thức, được thúc đẩy bởi một mong muốn đưa tình huynh đệ vào hiện hữu. Các bạn có thể chấp nhận chẩn đoán này về đại lượng vĩ đại chưa biết là nước Nga không? Chỉ thời gian mới có thể chứng minh độ chính xác của tuyên bố này, cộng với hoạt động khôn ngoan và tuyên truyền lành mạnh về phía nước Nga. Vấn đề tâm lý của Liên Xô, xét đến cùng, là lo việc của chính mình, ổn định và tích hợp một dân số mênh mông, và dẫn các dân tộc của nàng tiến xa hơn nữa vào ánh sáng. Nước Nga cũng phải học cách [23] hợp tác với các cường quốc khác trên cơ sở bình đẳng. Nước Nga không được, với tham vọng và mưu đồ, tìm cách cuốn các nước nhỏ vào trường hoạt động của nàng trái với ý muốn của họ hoặc bằng áp lực và mãnh lực quá mức. Nước Nga vẫn còn nhiều điều phải làm cho các lãnh thổ mênh mông và cư dân của chúng vốn đã ở trong phạm vi ảnh hưởng của nàng; các quốc gia khác cũng phải tự thực hiện định mệnh của mình và không được bị nước Nga cưỡng bức cai trị. Trên hết

an example of wise rule, free expression of individual purpose, and the use of an inclusive and sound education, that other nations will pattern themselves upon what Russia has demonstrated, yet will at the same time, preserve their own cultural approach, their own self-chosen form of government, and their own mode of expressing brotherhood. Russia inherently stands for a new world consciousness, and through her means, a new planetary expression will gradually be wrought out in the fire of experiment and experience. That great nation (a synthesis of East and West) must learn to rule without cruelty, without infringing the free will of the individual and because she has complete confidence in the beneficence of the ideals which she is developing but which are not yet expressed.

mọi điều, vấn đề trước nước Nga là trao cho các quốc gia khác trên thế giới một gương mẫu về sự cai trị khôn ngoan, sự tự do biểu lộ mục đích cá nhân, và việc sử dụng một nền giáo dục bao gồm và lành mạnh, đến mức các quốc gia khác sẽ tự mô phỏng theo điều nước Nga đã biểu lộ, song đồng thời vẫn bảo tồn cách tiếp cận văn hóa riêng, hình thức chính quyền do chính họ lựa chọn, và phương thức riêng để biểu lộ tình huynh đệ. Tự bản chất, nước Nga đại diện cho một tâm thức thế giới mới, và qua phương tiện của nàng, một biểu lộ hành tinh mới sẽ dần dần được tạo tác trong lửa của thử nghiệm và kinh nghiệm. Quốc gia vĩ đại ấy, một tổng hợp của Đông và Tây, phải học cách cai trị không tàn bạo, không xâm phạm tự do ý chí của cá nhân, và vì nàng có niềm tin trọn vẹn vào tính thiện ích của các lý tưởng mà nàng đang phát triển nhưng chưa được biểu lộ.

POLAND

BA LAN

As for the Polish people, a long historical past lays upon them the responsibility of a definitely cultural effect upon surrounding nations and of a spiritual giving of which they are as yet apparently unaware. Their continued emphasis upon territorial possessions blinds their eyes to the true value of their possible world contribution. Being a strongly emotional and individual people, they are, within their own borders, in a state of [24] constant disunion and friction; they have no interior unity. Their psychological problem is to achieve an integration which will be based upon the overcoming of racial hatreds. They need to resolve their national problem in terms of goodwill and not of selfish interests. Their real problem is the attaining of right internal relationships.

Đối với dân tộc Ba Lan, một quá khứ lịch sử dài lâu đặt lên họ trách nhiệm về một ảnh hưởng văn hóa rõ rệt đối với các quốc gia chung quanh và về một sự trao tặng tinh thần mà cho đến nay dường như họ chưa ý thức. Sự nhấn mạnh liên tục của họ vào các sở hữu lãnh thổ làm mắt họ mù trước giá trị chân thật của đóng góp thế giới mà họ có thể mang lại. Là một dân tộc rất cảm xúc và cá nhân, trong phạm vi biên giới của chính mình, họ ở trong tình trạng [24] chia rẽ và xung đột thường xuyên; họ không có sự hợp nhất nội tại. Vấn đề tâm lý của họ là đạt được một sự tích hợp đặt nền trên việc vượt qua những hận thù chủng tộc. Họ cần giải quyết vấn đề quốc gia của mình theo thiện chí chứ không theo các quyền lợi ích kỷ. Vấn đề thật sự của họ là đạt được các mối quan hệ nội bộ đúng đắn.

Although the problem of boundaries, possessions, territories, colonies, and material undertakings loom large in the eyes of all nations, the fact that the emphasis is so purely material indicates its relative unimportance, when seen in true perspective. The only factor that truly matters at this time is *humanity* itself, and in the face of human agony, human distress, and human destitution, the emphasis upon boundaries is stupidly over-emphatic. Adjustments have to be made; boundaries will have to be determined. The ultimate decisions, however, must not be made on the basis of history or of ancient glory, but on the basis of what is best for the peoples involved. They themselves must determine the issue.

Dù vấn đề biên giới, sở hữu, lãnh thổ, thuộc địa và các công cuộc vật chất hiện ra rất lớn trong mắt mọi quốc gia, sự kiện rằng điểm nhấn quá thuần vật chất cho thấy tầm quan trọng tương đối nhỏ của nó, khi được nhìn trong viễn cảnh chân thật. Yếu tố duy nhất thật sự quan trọng vào lúc này là chính *nhân loại*, và trước nỗi thống khổ của con người, sự khốn quẫn của con người và sự bần cùng của con người, sự nhấn mạnh vào biên giới là một sự nhấn mạnh quá mức đến ngu xuẩn. Các điều chỉnh phải được thực hiện; biên giới sẽ phải được xác định. Tuy nhiên, các quyết định tối hậu không được dựa trên lịch sử hay vinh quang xưa, mà phải dựa trên điều tốt nhất cho các dân tộc liên hệ. Chính họ phải quyết định vấn đề.

The World War has been presented by the finest minds and the idealists among the Allied Nations as being fought ostensibly for human freedom, yet *all* the great Powers entered this war with selfish motives and for self-preservation; this is universally acknowledged. All have a sound and selfless underlying idealism in a greater or lesser degree. This is the freeing of humanity from dictatorship. After war comes the test of the *success of victory*. If the nations throughout the world reap the benefits of free election, if peoples in disputed areas are permitted by a free plebiscite to decide their own loyalties and adherences, and if freedom of speech, freedom of religion and a truly free press and radio are the outcome of this war, a great step forward will have been made by the entire human family. [25]

Thế Chiến đã được các trí tuệ ưu tú nhất và các nhà lý tưởng trong các Quốc gia Đồng Minh trình bày như được chiến đấu bề ngoài vì tự do của con người, tuy nhiên *tất cả* các Cường quốc lớn đã bước vào cuộc chiến này với động cơ ích kỷ và để tự bảo tồn; điều này được thừa nhận rộng rãi. Tất cả đều có một chủ nghĩa lý tưởng nền tảng lành mạnh và vô ngã ở mức độ lớn hơn hay nhỏ hơn. Đó là sự giải phóng nhân loại khỏi độc tài. Sau chiến tranh là sự thử thách về *thành công của chiến thắng*. Nếu các quốc gia trên khắp thế giới gặt hái được các lợi ích của bầu cử tự do, nếu các dân tộc trong những vùng tranh chấp được phép quyết định lòng trung thành và sự quy thuộc của mình bằng một cuộc trưng cầu dân ý tự do, và nếu tự do ngôn luận, tự do tôn giáo cùng một nền báo chí và phát thanh thật sự tự do là kết quả của cuộc chiến này, thì toàn thể gia đình nhân loại sẽ thực hiện được một bước tiến lớn. [25]

THE UNITED STATES

HOA KỲ

The psychological problem with which the United States of America is confronted is that of learning to shoulder worldwide responsibility. Both Great Britain and Russia have already learned that lesson in some form.

Vấn đề tâm lý mà Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ đang đối diện là học cách gánh vác trách nhiệm toàn thế giới. Cả Vương quốc Anh lẫn nước Nga đều đã học bài học đó dưới một hình thức nào đó.

The American people—as they pass out of the stage of adolescence—must learn the lessons of life through experimentation and resultant experience. This is a lesson that all young people have to learn. The German race is old; the German nation is very young. The Italian people are of ancient origin; the Italian state is historically of very recent date. The accusation of youth (if it is an accusation) is also true of the United States. A great future lies ahead of that nation but not because of material power or commercial efficiency, as many materially-minded people think. The reason lies in a deeply spiritual, innate idealism, enormous humanitarian potentiality and—above all else—because virgin and non-effete stock of largely peasant and middle class origin is determining the race. Steadily in all nations, the power in government and in determining practical ideologies is rapidly passing into the hands of the "people" and out of the hands of the so-called ruling classes and the aristocracy. Countries such as Great Britain and France, which have accepted the determining evolutionary tendencies, can move forward with greater ease into the future than can such countries as Spain and Poland which have been ruled for centuries by a dominant aristocracy and a politically-minded church. The United States of America has no such handicap, except in so far as the laws of capital and finance seek control. The same is largely true of Great Britain.

Dân tộc Hoa Kỳ, khi bước ra khỏi giai đoạn thiếu niên, phải học các bài học của đời sống qua thử nghiệm và kinh nghiệm phát sinh từ đó. Đây là bài học mà mọi người trẻ đều phải học. Chủng tộc Đức thì già; quốc gia Đức thì rất trẻ. Dân tộc Ý có nguồn gốc cổ xưa; nhà nước Ý xét về lịch sử lại rất mới. Lời cáo buộc về tuổi trẻ, nếu đó là một lời cáo buộc, cũng đúng với Hoa Kỳ. Một tương lai vĩ đại nằm trước quốc gia ấy, nhưng không phải vì quyền lực vật chất hay hiệu năng thương mại, như nhiều người thiên về vật chất nghĩ. Lý do nằm trong một chủ nghĩa lý tưởng bẩm sinh, sâu sắc và tinh thần, tiềm năng nhân đạo to lớn và, trên hết mọi điều, bởi vì dòng giống còn nguyên vẹn và chưa suy kiệt, phần lớn có nguồn gốc nông dân và trung lưu, đang định hình dân tộc ấy. Một cách đều đặn trong mọi quốc gia, quyền lực trong chính quyền và trong việc quyết định các hệ tư tưởng thực tiễn đang nhanh chóng chuyển vào tay "dân chúng" và rời khỏi tay các giai cấp được gọi là thống trị và tầng lớp quý tộc. Những nước như Vương quốc Anh và Pháp, vốn đã chấp nhận các khuynh hướng tiến hoá quyết định, có thể tiến vào tương lai dễ dàng hơn những nước như Tây Ban Nha và Ba Lan, vốn đã bị cai trị trong nhiều thế kỷ bởi một tầng lớp quý tộc thống trị và một giáo hội thiên về chính trị. Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ không có trở ngại như vậy, ngoại trừ trong chừng mực các luật của tư bản và tài chính tìm cách kiểm soát. Điều tương tự phần lớn cũng đúng với Vương quốc Anh.

The roots of the people in the United States are necessarily in other countries because its citizens have [26] originally come out of those countries. They have no indigenous people except the Red Indian who has been ruthlessly dispossessed by the on-rushing tide from other lands. The racial groups within the States still bear the marks of their origin and of their racial heritage; they are psychologically and physically of Italian, British, Finnish, German and other origins. In this fact consists part of the wonder of this rapidly integrating nation.

Cội rễ của dân chúng tại Hoa Kỳ tất yếu ở trong các quốc gia khác, bởi vì các công dân của nước này [26] ban đầu đã đến từ những quốc gia ấy. Họ không có dân tộc bản địa nào ngoại trừ người Da Đỏ, vốn đã bị làn sóng ào ạt từ các vùng đất khác tước đoạt một cách tàn nhẫn. Các nhóm chủng tộc trong các Bang vẫn mang dấu vết nguồn gốc và di sản chủng tộc của họ; về mặt tâm lý và thể chất, họ có nguồn gốc Ý, Anh, Phần Lan, Đức và nhiều nguồn gốc khác. Chính trong sự kiện này có một phần điều kỳ diệu của quốc gia đang nhanh chóng tích hợp này.

Like all young people, symbolically speaking, the people of the United States show all the characteristics of adolescence. Again, symbolically speaking, the people of the United States are of the ages seventeen to twenty four. They shout freedom and still are not free; they refuse to be told what to do because it infringes upon their rights, nevertheless they allow themselves to be guided frequently by the inept, the partisan politician and by the inadequate; they are broadly tolerant and yet most intolerant of other nations; they are ready to tell other nations how to handle their problems but as yet evidence no ability to handle their own, as witness the treatment of the American Negroes and the withholding of equal freedom and opportunity from them. They are restlessly experimenting with all phases of life, with every kind of idea and all kinds of relationships. The creative power of the race shows itself as yet in a wonderful control of nature and in great construction projects which bring water under control, or which relate all parts of this vast country through roads and waterways. America is a great battleground for experiment along creative lines; it is profoundly interested in trying out every kind of ideology. The fight between capital and labour will reach its

Như mọi người trẻ, nói theo biểu tượng, dân chúng Hoa Kỳ biểu lộ tất cả các đặc tính của tuổi thiếu niên. Một lần nữa, nói theo biểu tượng, dân chúng Hoa Kỳ ở vào lứa tuổi mười bảy đến hai mươi bốn. Họ hô vang tự do mà vẫn chưa tự do; họ từ chối bị bảo phải làm gì vì điều đó xâm phạm các quyền của họ, tuy nhiên họ thường để mình được dẫn dắt bởi những kẻ bất tài, chính trị gia đảng phái và những người không đủ năng lực; họ rộng rãi khoan dung nhưng lại rất không khoan dung đối với các quốc gia khác; họ sẵn sàng nói cho các quốc gia khác cách xử lý vấn đề của họ, nhưng cho đến nay chưa biểu lộ năng lực xử lý vấn đề của chính mình, như được chứng kiến qua cách đối xử với người Da Đen Mỹ và việc khước từ dành cho họ tự do và cơ hội bình đẳng. Họ không ngừng thử nghiệm với mọi phương diện của đời sống, với mọi loại ý tưởng và mọi loại quan hệ. Quyền năng sáng tạo của dân tộc ấy cho đến nay biểu lộ trong sự kiểm soát thiên nhiên kỳ diệu và trong các công trình xây dựng vĩ đại đem nước vào sự kiểm soát, hoặc liên kết mọi phần của đất nước mênh mông này qua đường sá và đường thủy. Hoa Kỳ là một chiến trường lớn cho thử nghiệm theo các đường lối sáng tạo; nước này quan tâm sâu sắc đến việc thử nghiệm mọi loại hệ tư tưởng. Cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao

climax in the United States, but will also be fought out in Great Britain and France. Russia already has her own solution but the lesser nations of the world will be guided and conditioned [27] by the result of this battle in the British Commonwealth of Nations and in the United States.

động sẽ đạt đến cao điểm tại Hoa Kỳ, nhưng cũng sẽ được chiến đấu đến cùng tại Vương quốc Anh và Pháp. Nước Nga đã có giải pháp riêng của nàng, nhưng các quốc gia nhỏ hơn trên thế giới sẽ được hướng dẫn và tác động [27] bởi kết quả của cuộc chiến này trong Khối Thịnh vượng chung Anh và tại Hoa Kỳ.

Order must be brought about in the States and this order will come when freedom is interpreted in terms of *self-chosen* discipline; a freedom which can turn into license and which is interpreted by each individual in the best interests of himself constitutes a danger to be avoided. It is a danger of which the best minds are deeply aware.

Trật tự phải được đem lại trong các Bang, và trật tự này sẽ đến khi tự do được diễn giải theo kỷ luật *tự lựa chọn*; một tự do có thể biến thành phóng túng và được mỗi cá nhân diễn giải theo lợi ích tốt nhất cho chính mình tạo thành một nguy hiểm cần tránh. Đó là một nguy hiểm mà các trí tuệ ưu tú nhất ý thức sâu sắc.

Like all young people, Americans feel superior to more mature fellow nations; they are apt to think that they have a higher idealism, a saner outlook and a greater love of freedom than other nations; they are apt to forget that though there may be some backward nations, there are many nations in the world with as high an idealism, as sound a body of motives, and with a more mature and experienced approach to world problems. Again, like all young people, the American is intensely critical of other people, but often blind to and always resentful of criticism. Yet there is as much to criticize in America as there is in any other nation; all nations have a vast house cleaning to do, and the difficulty at this time is that they must do it alongside of the strict fulfilling of their international relationships. No nation can live unto itself today. If it attempts to do so it treads the way of death and that is the true horror of the isolationist position. Factually today we have one world and this sums up *the psychological problem of humanity*. The goal is right human relations; nations will stand or fall just in so far as they measure up to

Như mọi người trẻ, người Mỹ cảm thấy mình vượt trội hơn các quốc gia đồng bạn trưởng thành hơn; họ dễ nghĩ rằng mình có một chủ nghĩa lý tưởng cao hơn, một quan điểm lành mạnh hơn và một tình yêu tự do lớn hơn các quốc gia khác; họ dễ quên rằng dù có thể có một số quốc gia lạc hậu, vẫn có nhiều quốc gia trên thế giới có chủ nghĩa lý tưởng cao tương tự, một khối động cơ lành mạnh tương tự, và một cách tiếp cận trưởng thành và giàu kinh nghiệm hơn đối với các vấn đề thế giới. Một lần nữa, như mọi người trẻ, người Mỹ phê phán người khác hết sức mạnh mẽ, nhưng thường mù trước sự phê phán và luôn phẫn nộ với sự phê phán. Tuy nhiên, có nhiều điều để phê phán ở Hoa Kỳ cũng như ở bất kỳ quốc gia nào khác; mọi quốc gia đều có một cuộc đại thanh tẩy nội bộ phải thực hiện, và khó khăn vào lúc này là họ phải làm điều đó song song với việc nghiêm chỉnh hoàn thành các mối quan hệ quốc tế của mình. Không quốc gia nào ngày nay có thể sống cho riêng mình. Nếu cố làm vậy, quốc gia ấy bước trên con đường của cái chết, và đó là nỗi kinh hoàng thật sự của lập trường biệt lập. Thực tế ngày nay chúng ta có một thế giới duy nhất, và điều này tóm lược *vấn*

that vision. The era ahead of us—under evolutionary law and the will of God—is to see the establishment of right human relations.

đề tâm lý của nhân loại. Mục tiêu là các mối quan hệ nhân loại đúng đắn; các quốc gia sẽ đứng vững hay sụp đổ đúng theo mức độ họ đáp ứng được tầm nhìn đó. Kỷ nguyên trước mắt chúng ta, dưới định luật tiến hoá và Ý Chí của Thượng Đế, là chứng kiến sự thiết lập các mối quan hệ nhân loại đúng đắn.

We are entering a vast experimental period of discovery; we shall discover just exactly what we are—[28] as nations, in our group relationships, through our expression of religion and in our mode of governments. It will be an intensely difficult era and will be only successfully lived through if each nation will recognize its own internal defects and will handle them with vision and deliberate humanitarian purpose. This means for each nation the overcoming of pride and the attainment of interior unity. Each country today is divided within itself by warring groups—idealists and realists, political parties and far-sighted statesmanship, religious groups, fanatically occupied with their own ideas, capital and labour, isolationists and internationalists, people violently against certain groups or nations and others working on behalf of them. The only factor which can eventually and in due time bring harmony and the end of these chaotic conditions is right human relations.

Chúng ta đang bước vào một thời kỳ thử nghiệm rộng lớn của khám phá; chúng ta sẽ khám phá chính xác chúng ta là gì — [28] với tư cách các quốc gia, trong các mối quan hệ nhóm của chúng ta, qua sự biểu lộ tôn giáo của chúng ta và trong phương thức chính quyền của chúng ta. Đó sẽ là một kỷ nguyên cực kỳ khó khăn và chỉ có thể được vượt qua thành công nếu mỗi quốc gia nhận ra các khiếm khuyết nội bộ của chính mình và xử lý chúng bằng tầm nhìn cùng mục đích nhân đạo có chủ ý. Đối với mỗi quốc gia, điều này có nghĩa là vượt qua niềm kiêu hãnh và đạt được sự hợp nhất nội tại. Ngày nay, mỗi quốc gia đều bị chia rẽ bên trong bởi các nhóm tranh chiến — các nhà lý tưởng và các nhà hiện thực, các đảng chính trị và tinh thần chính khách nhìn xa, các nhóm tôn giáo cuồng tín bận rộn với các ý tưởng riêng của mình, tư bản và lao động, những người biệt lập và những người quốc tế, những người chống đối dữ dội một số nhóm hay quốc gia nào đó và những người khác làm việc vì họ. Yếu tố duy nhất cuối cùng và đúng thời có thể đem lại hài hòa và sự chấm dứt các tình trạng hỗn loạn này là các mối quan hệ nhân loại đúng đắn.

Every country also has much to contribute but as long as that contribution is considered, as it now is, in terms of its commercial value or its political usefulness, that contribution will not be given in aid of right human relations.

Mỗi quốc gia cũng có nhiều điều để đóng góp, nhưng chừng nào đóng góp ấy còn được xem xét, như hiện nay, theo giá trị thương mại hay tính hữu dụng chính trị của nó, thì đóng góp ấy sẽ không được trao ra để hỗ trợ các mối quan hệ nhân loại đúng đắn.

Every country must also receive from all other countries. This involves a recognition of certain specific lacks, plus a willingness to take from others on terms of equality. Every country has its own peculiar note which must be brought into unison and swell the great chorus from all the nations. This will only be possible when pure religion is restored and the spiritual impetus, nascent in every nation, is given free expression. This is not yet the case; theological forms still hold the spiritual life.

Mỗi quốc gia cũng phải nhận từ tất cả các quốc gia khác. Điều này bao hàm sự thừa nhận một số thiếu hụt đặc thù, cộng với sự sẵn lòng nhận từ người khác trên cơ sở bình đẳng. Mỗi quốc gia có âm điệu riêng biệt của mình, âm điệu ấy phải được đưa vào sự hòa điệu và làm lớn thêm đại hợp xướng từ tất cả các quốc gia. Điều này chỉ có thể xảy ra khi tôn giáo thuần khiết được phục hồi và xung lực tinh thần, còn phôi thai trong mỗi quốc gia, được tự do biểu lộ. Hiện nay chưa phải như vậy; các hình thức thần học vẫn còn nắm giữ sự sống tinh thần.

Every nation, owing to its past history, and to its own deeds and enactments, is closely related to every other nation, and of this fact the U.S.A. is perhaps more expressive than many, because its nationals have come from all the known races. Isolationism was defeated [29] even before it reared its ugly head because the people of America are international by origin and background.

Mỗi quốc gia, do lịch sử quá khứ của mình và do các hành vi cùng đạo luật của chính mình, đều liên hệ mật thiết với mọi quốc gia khác, và về sự kiện này, Hoa Kỳ có lẽ biểu lộ rõ hơn nhiều nước, bởi vì công dân của nước này đến từ tất cả các giống dân đã biết. Chủ nghĩa biệt lập đã bị đánh bại [29] ngay cả trước khi nó ngẩng cái đầu xấu xí lên, bởi vì dân chúng Hoa Kỳ có nguồn gốc và bối cảnh quốc tế.

Humanity, as has been said before, is the world disciple; the impulse behind the disintegration of the old world forms is a spiritual one. The spiritual life of humanity is now so strong that it has disrupted all present forms of human expression. The world of the past has gone and gone forever, and the new world of forms has not yet made its appearance. Its construction will be distinctive of the emerging creative life of the spirit of man. The important factor to bear in mind is that it is one spirit and the nations have each to learn to recognize that spirit within themselves and within each other.

Nhân loại, như đã nói trước đây, là đệ tử thế giới; xung lực đằng sau sự tan rã của các hình tướng cũ của thế giới là một xung lực tinh thần. Sự sống tinh thần của nhân loại hiện nay mạnh đến mức nó đã phá vỡ mọi hình thức biểu lộ hiện tại của con người. Thế giới của quá khứ đã qua đi và qua đi mãi mãi, còn thế giới hình tướng mới vẫn chưa xuất hiện. Việc xây dựng nó sẽ là dấu hiệu đặc thù của sự sống sáng tạo đang nổi lên của tinh thần con người. Yếu tố quan trọng cần ghi nhớ là đó là một tinh thần duy nhất, và mỗi quốc gia phải học cách nhận ra tinh thần ấy trong chính mình và trong nhau.

To sum up: the task of every nation is, therefore, a twofold one—

Tóm lại: nhiệm vụ của mỗi quốc gia, do đó, là một nhiệm vụ có hai mặt —

1. *To solve its own psychological internal problems*. This it does by recognition of their existence; by the quelling of national pride and by taking those steps which would establish unity and beauty of rhythm in the life of its peoples.

1. *Giải quyết các vấn đề tâm lý nội bộ của chính mình*. Quốc gia làm điều này bằng cách thừa nhận sự hiện hữu của chúng; bằng cách dập tắt niềm kiêu hãnh quốc gia và bằng cách thực hiện những bước đi sẽ thiết lập sự hợp nhất và vẻ đẹp của nhịp điệu trong đời sống các dân tộc của mình.

2. *To foster the spirit of right relations.* This is accomplished by the recognition of the one world of which it is a part. This later involves also the taking of those steps which would enable it to enrich the whole world with its own individual contribution.

2. *Nuôi dưỡng tinh thần của các mối quan hệ đúng đắn.* Điều này được thực hiện bằng sự thừa nhận thế giới duy nhất mà quốc gia ấy là một phần. Điều sau này cũng bao hàm việc thực hiện những bước đi giúp quốc gia ấy làm phong phú toàn thế giới bằng đóng góp cá biệt của chính mình.

These two activities—national and international— must proceed side by side with the emphasis upon the work of practical Christianity, and not by dominant theologies and subtly imposed Church controls.

Hai hoạt động này — quốc gia và quốc tế — phải tiến hành song song với sự nhấn mạnh vào công việc của Cơ Đốc giáo thực tiễn, chứ không bằng các thần học thống trị và các sự kiểm soát Giáo hội được áp đặt một cách tinh vi.

From the angle of the spiritual Forces of Light, the immediate world process should include:

Từ góc độ của các Mãnh Lực Tinh Thần của Ánh Sáng, tiến trình thế giới trước mắt nên bao gồm:

1. The impending crisis of freedom. This involves free elections in all countries to determine the type of government, the national boundaries (where that problem [30] exists) and a plebiscite of the people to determine their nationalities and loyalties.

1. Cuộc khủng hoảng tự do sắp đến. Điều này bao hàm các cuộc bầu cử tự do trong mọi quốc gia để xác định loại chính quyền, các biên giới quốc gia, nơi vấn đề đó [30] hiện hữu, và một cuộc trưng cầu dân ý của dân chúng để xác định quốc tịch và lòng trung thành của họ.

2. The cleaning up process carried on in all the nations without any exception whatever so that a wholesome unity, based on freedom and demonstrating unity in diversity, can be brought about.

2. Tiến trình thanh lọc được tiến hành trong mọi quốc gia, không trừ bất kỳ quốc gia nào, để một sự hợp nhất lành mạnh, đặt nền trên tự do và biểu lộ sự hợp nhất trong đa dạng, có thể được đem lại.

3. A steadily pursued educational process by which all the peoples in the world can be

3. Một tiến trình giáo dục được theo đuổi đều đặn, nhờ đó mọi dân tộc trên thế giới có thể

grounded in the only ideology that will prove finally and generally effective—that of right human relations. Slowly but surely, this educational movement will inevitably produce right understanding and correct attitudes and activities in every community, in every church and nation, and ultimately in the international field. This will take time but it presents a challenge to all men of goodwill throughout the world.

được đặt nền trong hệ tư tưởng duy nhất cuối cùng sẽ chứng tỏ có hiệu quả phổ quát — hệ tư tưởng về các mối quan hệ nhân loại đúng đắn. Chậm rãi nhưng chắc chắn, phong trào giáo dục này chắc chắn sẽ tạo ra sự thấu hiểu đúng đắn cùng các thái độ và hoạt động đúng đắn trong mọi cộng đồng, trong mọi giáo hội và quốc gia, và sau cùng trong lĩnh vực quốc tế. Điều này sẽ cần thời gian, nhưng nó đặt ra một thách thức cho tất cả những người thiện chí trên khắp thế giới.

The spiritual guides of the race can present this formula of progress. They cannot guarantee its enactment, for humanity is left free to decide its own problems. Certain questions, therefore, emerge immediately.

Các vị hướng đạo tinh thần của nhân loại có thể trình bày công thức tiến bộ này. Các Ngài không thể bảo đảm sự thi hành nó, vì nhân loại được để tự do quyết định các vấn đề của chính mình. Do đó, một số câu hỏi lập tức xuất hiện.

Will the great powers, Russia, the United States, and the British Commonwealth of Nations stand *together* for the total good of humanity, or will they each proceed upon their separate way towards their own selfish objectives?

Liệu các cường quốc lớn, nước Nga, Hoa Kỳ và Khối Thịnh vượng chung Anh, sẽ *cùng nhau* đứng vì lợi ích toàn thể của nhân loại, hay mỗi nước sẽ đi theo con đường riêng hướng tới các mục tiêu ích kỷ của chính mình?

Will the smaller powers as well as the great Powers be willing to relinquish some of their so-called sovereignty in the interests of the whole? Will they attempt to view the world situation from the angle of humanity, or will they only see their own individual good?

Liệu các nước nhỏ cũng như các Cường quốc lớn có sẵn lòng từ bỏ một phần cái gọi là chủ quyền của mình vì lợi ích của toàn thể không? Họ sẽ cố gắng nhìn tình hình thế giới từ góc độ nhân loại, hay họ chỉ thấy lợi ích cá biệt của chính mình?

Will they omit the constant carping criticism which has distinguished the past and which breeds a growing hatred, and recognize that all nations are made up of human beings, at different stages of evolution, and conditioned by their background, race and environment?

Liệu họ có bỏ qua sự phê phán bắt bẻ không ngừng vốn đã là đặc điểm của quá khứ và vốn sinh ra một lòng hận thù ngày càng tăng, và nhận ra rằng mọi quốc gia đều được cấu thành bởi các con người, ở những giai đoạn tiến hoá khác nhau, và chịu tác động bởi bối cảnh, chủng tộc và môi trường của họ không?

Will they be willing to leave each other free to shoulder [31] individual responsibility

Liệu họ có sẵn lòng để cho nhau tự do gánh vác [31] trách nhiệm cá biệt, nhưng vẫn luôn

and yet be willing ever to assist each other as members of one family and as animated by one human spirit, the spirit of God?

sẵn lòng hỗ trợ nhau như các thành viên của một gia đình và như được linh hoạt bởi một tinh thần nhân loại duy nhất, tinh thần của Thượng đế không?

Will they be willing to share the produce of the earth, knowing it belongs to all, freely distributing it as nature does? Or will they permit it to fall into the hands of a few powerful nations or a mere handful of powerful men and financial experts?

Liệu họ có sẵn lòng chia sẻ sản phẩm của Trái Đất, biết rằng nó thuộc về tất cả, phân phối tự do như thiên nhiên làm không? Hay họ sẽ cho phép nó rơi vào tay một vài quốc gia hùng mạnh hoặc chỉ một nhúm người hùng mạnh và các chuyên gia tài chính?

Such are only a few of the questions for which answers must be sought and found. The task looks hard indeed.

Đó chỉ là một vài trong số các câu hỏi mà câu trả lời phải được tìm kiếm và tìm thấy. Nhiệm vụ quả thật có vẻ khó khăn.

Yet there are enough spiritually minded people in the world today to change world attitudes and to bring in the new spiritually creative period. Will these men and women of vision and goodwill arise in their might in every nation and make their voices heard? Will they have the strength, the persistence and the courage to overcome defeatism, to break the chain of hampering theologies—political, social, economic and religious—and work for the good of all peoples? Will they overcome the forces arrayed against them through firm conviction of the stability and potentiality of the human spirit? Will they have faith in the intrinsic worth of humanity? Will they realize that the entire trend of the evolutionary process is sweeping them on to victory? The firm establishment of right human relations is already a determined part of divine purpose and nothing can arrest its eventual appearance. That appearance can, however, be hastened by right and selfless action.

Tuy nhiên, ngày nay có đủ những người có trí hướng tinh thần trên thế giới để thay đổi các thái độ thế giới và đem vào thời kỳ mới sáng tạo về tinh thần. Liệu những người nam và nữ có tầm nhìn và thiện chí này có đứng lên trong sức mạnh của mình ở mỗi quốc gia và làm cho tiếng nói của họ được nghe thấy không? Liệu họ có sức mạnh, sự kiên trì và lòng can đảm để vượt qua chủ nghĩa chủ bại, để phá vỡ xiềng xích của các thần học gây cản trở — chính trị, xã hội, kinh tế và tôn giáo — và làm việc vì lợi ích của mọi dân tộc không? Liệu họ có vượt qua các mãnh lực dàn trận chống lại họ nhờ niềm xác tín vững chắc vào sự ổn định và tiềm năng của tinh thần nhân loại không? Liệu họ có đức tin vào giá trị nội tại của nhân loại không? Liệu họ có nhận ra rằng toàn bộ khuynh hướng của tiến trình tiến hoá đang cuốn họ tiến tới chiến thắng không? Việc thiết lập vững chắc các mối quan hệ nhân loại đúng đắn đã là một phần được xác định của Thiên Ý, và không gì có thể ngăn chặn sự xuất hiện cuối cùng của nó. Tuy nhiên, sự xuất hiện ấy có thể được thúc nhanh bằng hành động đúng đắn và vô vị kỷ.

CHAPTER 2 - THE PROBLEM OF THE CHILDREN OF THE WORLD – CHƯƠNG 2 - VẤN ĐỀ CỦA TRẺ EM THẾ GIỚI

[32] This problem is, without exception, the most urgent confronting humanity today. The future of the race lies in the hands of the young people everywhere. They are the parents of the coming generations and the engineers who must implement the new civilization. What we do with them and for them is momentous in its implications; our responsibility is great and our opportunity unique.

[32] Vấn đề này, không có ngoại lệ, là vấn đề khẩn cấp nhất đang đối diện nhân loại ngày nay. Tương lai của nhân loại nằm trong tay những người trẻ ở khắp nơi. Họ là cha mẹ của các thế hệ sắp đến và là những kỹ sư phải thực thi nền văn minh mới. Điều chúng ta làm với họ và cho họ có ý nghĩa vô cùng trọng đại; trách nhiệm của chúng ta thật lớn lao và cơ hội của chúng ta thật độc nhất.

This chapter deals with the children and adolescents, under sixteen years old. These two groups are the most hopeful element in a world which has fallen to pieces before our eyes. They are the guarantee that our world can be rebuilt and—if we have learned anything from past history and its dire consequences in our lifetime—rebuilt along different lines, with different objectives and incentives and with well-defined goals and carefully considered ideals.

Chương này đề cập đến trẻ em và thanh thiếu niên dưới mười sáu tuổi. Hai nhóm này là yếu tố đầy hy vọng nhất trong một thế giới đã tan vỡ trước mắt chúng ta. Họ là sự bảo đảm rằng thế giới của chúng ta có thể được xây dựng lại và, nếu chúng ta đã học được điều gì từ lịch sử quá khứ cùng những hậu quả thảm khốc của nó trong đời chúng ta, được xây dựng lại theo những đường lối khác, với các mục tiêu và động lực khác, cùng những mục đích được xác định rõ ràng và các lý tưởng được cân nhắc cẩn thận.

Let us remember, however, that visionary, mystical hopes and dreams, wishful thinking and the formulation of highly organized plans upon paper are useful as far as they indicate interest, a sense of responsibility and possible objectives but they are of small importance in any effective, transitional enterprise unless there is a grasp of the immediate problem and of the immediate possibilities, plus a willingness to effect those compromises which will lay the ground for later successful work. This work is largely that of education. Hitherto, there has been little effort to bring about a bridging between the needs of the future and the present forms of

Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ rằng những hy vọng và giấc mơ mang tính linh thị, thần bí, lối suy nghĩ ước vọng và việc hình thành các kế hoạch được tổ chức cao trên giấy là hữu ích trong chừng mực chúng cho thấy sự quan tâm, ý thức trách nhiệm và các mục tiêu khả hữu, nhưng chúng ít quan trọng trong bất kỳ công cuộc chuyển tiếp hiệu quả nào, trừ phi có sự nắm bắt vấn đề trước mắt và các khả năng trước mắt, cộng với sự sẵn lòng thực hiện những thỏa hiệp sẽ đặt nền cho công việc thành công về sau. Công việc này phần lớn là công việc giáo dục. Cho đến nay, ít có nỗ lực nhằm đem lại sự bắc cầu giữa các nhu cầu của tương lai và các hình thức giáo dục hiện tại. Các hình thức này

education. These forms have apparently failed to equip [33] humanity for successful and cooperative living and the newer aspects of mental training; no scientific bridging has been done and little attempt has been made to correlate the best of the present methods (and not all are bad) with future ways of developing the youth of the world so that it can cope with a new civilization which is inevitably upon its way. The visionary idealist has hitherto held the field against the established modes of teaching; his impracticality and his refusal to compromise has thus slowed up the process and humanity has paid the price. The day has now come when the practical mystic and the man of high mental development as well as of spiritual vision will take his place, thus providing a training which will enable the youth of any nation to integrate successfully into the world picture.

dường như đã thất bại trong việc trang bị [33] cho nhân loại để sống thành công và hợp tác, cũng như trong các phương diện mới hơn của sự huấn luyện trí tuệ; chưa có sự bắc cầu khoa học nào được thực hiện và ít có nỗ lực tương quan hóa những gì tốt nhất trong các phương pháp hiện tại, mà không phải tất cả đều xấu, với các phương thức tương lai để phát triển giới trẻ thế giới, hầu họ có thể đối phó với một nền văn minh mới đang tất yếu trên đường đến. Nhà lý tưởng có linh thị cho đến nay đã chiếm lĩnh lĩnh vực này đối nghịch với các phương thức giảng dạy đã được thiết lập; tính thiếu thực tiễn của y và sự từ chối thỏa hiệp của y vì thế đã làm chậm tiến trình, và nhân loại đã trả giá. Ngày nay đã đến lúc nhà thần bí thực tiễn và con người có sự phát triển trí tuệ cao cũng như tầm nhìn tinh thần sẽ thay thế y, qua đó cung cấp một sự huấn luyện giúp giới trẻ của bất kỳ quốc gia nào tích hợp thành công vào bức tranh thế giới.

We start with the realization that our educational systems have not been adequate; they have failed to train children for right living; they have not inculcated those methods of thinking and acting which will lead to right human relations—those relations which are so essential to happiness, to success and to a full experience in any chosen sphere of human enterprise.

Chúng ta bắt đầu với sự nhận ra rằng các hệ thống giáo dục của chúng ta đã không đầy đủ; chúng đã thất bại trong việc huấn luyện trẻ em cho đời sống đúng đắn; chúng đã không gieo vào những phương pháp suy nghĩ và hành động sẽ dẫn đến các mối quan hệ nhân loại đúng đắn — những mối quan hệ hết sức thiết yếu cho hạnh phúc, cho thành công và cho kinh nghiệm trọn vẹn trong bất kỳ lĩnh vực nào được chọn của công cuộc nhân loại.

The best minds and the clearest thinkers in the educational field are constantly endorsing these ideas; the progressive movements in education have done something to remove old abuses and to instil new techniques, but they still constitute so small a minority that they are relatively ineffectual. It is well to bear in mind that had the teaching given to the young during

Các trí tuệ ưu tú nhất và những nhà tư tưởng sáng suốt nhất trong lĩnh vực giáo dục không ngừng tán thành các ý tưởng này; các phong trào tiến bộ trong giáo dục đã làm được điều gì đó để loại bỏ các lạm dụng cũ và gieo vào các kỹ thuật mới, nhưng chúng vẫn chỉ là một thiểu số nhỏ đến mức tương đối không hiệu quả. Cần ghi nhớ rằng nếu sự giảng dạy dành cho người trẻ trong vài trăm

the past few hundred years been of a different nature, the world war might never have happened.

năm qua có bản chất khác, thì thế chiến có lẽ đã không bao giờ xảy ra.

Many and differing reasons have been given for the total war which engulfed us. This has raised the question whether the failure of our educational systems or the ineptitude of the churches may not be the basic [34] causes behind the others. But—the war happened. Our old civilization has been swept away. There are those who would like to see that civilization return and the old structure again rebuilt; they yearn for a peaceful return to the situation before the war. They must not be allowed to rebuild along the old lines or to use the old blueprints, even though necessarily we must build upon the old foundations. It is the task of the educators to prevent this.

Nhiều lý do khác nhau đã được đưa ra cho cuộc chiến toàn diện đã nuốt chửng chúng ta. Điều này đã nêu lên câu hỏi liệu sự thất bại của các hệ thống giáo dục của chúng ta hay sự bất lực của các giáo hội có thể không phải là các nguyên nhân căn bản [34] đứng sau những nguyên nhân khác hay không. Nhưng chiến tranh đã xảy ra. Nền văn minh cũ của chúng ta đã bị quét sạch. Có những người muốn thấy nền văn minh ấy trở lại và cấu trúc cũ lại được xây dựng lại; họ khao khát một sự trở về hòa bình với tình trạng trước chiến tranh. Không được cho phép họ xây dựng lại theo các đường lối cũ hay sử dụng các bản thiết kế cũ, dù tất yếu chúng ta phải xây dựng trên các nền móng cũ. Đây là nhiệm vụ của các nhà giáo dục phải ngăn chặn.

Let us be willing to recognize that those countries in which the old mode of education is still peacefully practised may be not only dangerous to themselves because they are perpetuating the bad old ways, but that they also constitute a menace to those countries which are in the happy position of being able to change their educational institutions and thus inaugurate a better way of preparing their youth for total living. *Education is a deeply spiritual enterprise.* It concerns the whole man and that includes his divine spirit.

Chúng ta hãy sẵn lòng nhận ra rằng những quốc gia trong đó phương thức giáo dục cũ vẫn được thực hành một cách yên ổn có thể không chỉ nguy hiểm cho chính họ vì họ đang kéo dài các đường lối cũ tệ hại, mà họ còn tạo thành một mối đe dọa cho những quốc gia đang ở vị thế may mắn có thể thay đổi các định chế giáo dục của mình và nhờ đó khai mở một phương thức tốt hơn để chuẩn bị giới trẻ cho đời sống toàn diện. *Giáo dục là một công cuộc tinh thần sâu sắc.* Nó liên quan đến toàn thể con người, và điều đó bao gồm tinh thần thiêng liêng của y.

Education in the hands of any church would spell disaster. It would feed the sectarian spirit, foster the conservative, reactionary attitudes so strongly endorsed, for instance, by the Catholic Church and the fundamentalists in the Protestant churches. It would train bigots, build barriers between

Giáo dục trong tay bất kỳ giáo hội nào sẽ báo hiệu thảm họa. Nó sẽ nuôi dưỡng tinh thần giáo phái, cổ vũ các thái độ bảo thủ, phản động được tán thành mạnh mẽ, chẳng hạn, bởi Giáo hội Công giáo và những người theo chủ nghĩa nguyên giáo trong các giáo hội Tin Lành. Nó sẽ huấn luyện những kẻ cuồng tín,

man and man and eventually lead to a powerful and inevitable swing away from all religion on the part of those who would finally learn to think as they reach adult manhood. This is *not* an indictment of religion. It is an indictment of the past methods of the churches and of the old theologies which have failed to present Christ as He essentially is, which have worked for riches, prestige, and political power and which have striven with all available means to increase their membership and to imprison the free spirit in man. There are wise and good churchmen today who realize this and who are steadfastly [35] working for the new age approach to God, but they are relatively few in number. Nevertheless, they are waging war against theological crystallization and academic pronouncements. They will inevitably succeed and thus salvage the religious spirit.

dựng lên các rào chắn giữa người với người, và cuối cùng dẫn đến một sự xoay chiều mạnh mẽ và tất yếu rời xa mọi tôn giáo nơi những người sau cùng sẽ học cách suy nghĩ khi họ đạt đến tuổi trưởng thành. Đây *không* phải là một lời cáo trạng đối với tôn giáo. Đây là một lời cáo trạng đối với các phương pháp quá khứ của các giáo hội và các thần học cũ, vốn đã thất bại trong việc trình bày Đức Christ như bản chất cốt yếu của Ngài, vốn đã hoạt động vì của cải, uy tín và quyền lực chính trị, và đã phấn đấu bằng mọi phương tiện sẵn có để gia tăng tín đồ và giam hãm tinh thần tự do trong con người. Ngày nay có những giáo sĩ khôn ngoan và thiện lành nhận ra điều này và đang kiên định [35] làm việc cho cách tiếp cận Thượng đế của kỷ nguyên mới, nhưng họ tương đối ít. Tuy nhiên, họ đang tiến hành cuộc chiến chống lại sự kết tinh thần học và các tuyên bố học viện. Họ chắc chắn sẽ thành công và nhờ đó cứu vãn tinh thần tôn giáo.

Then let us endeavour to see what the goal of the new educational movement should be and what are the signposts on the way to that goal. Let us try to formulate a long range plan which will meet with no hindrance from the methods immediately employed, which will link the past and the future by using all that is true, beautiful and good (inherited from the past) but which will emphasize certain basic objectives which have hitherto been largely ignored. These newer techniques and methods must be developed gradually and will hasten the process of integrating the whole man.

Vậy chúng ta hãy cố gắng thấy mục tiêu của phong trào giáo dục mới phải là gì và đâu là các biển chỉ đường trên con đường đến mục tiêu ấy. Chúng ta hãy cố gắng hình thành một kế hoạch dài hạn sẽ không gặp trở ngại từ các phương pháp được sử dụng trước mắt, sẽ nối kết quá khứ và tương lai bằng cách dùng tất cả những gì chân, mỹ và thiện được thừa hưởng từ quá khứ, nhưng sẽ nhấn mạnh một số mục tiêu căn bản cho đến nay phần lớn bị bỏ qua. Các kỹ thuật và phương pháp mới hơn này phải được phát triển dần dần và sẽ thúc nhanh tiến trình tích hợp toàn thể con người.

There is no hope for the future world except in a humanity which accepts the *fact* of divinity, even whilst repudiating theology, which recognizes the presence of the *living* Christ, whilst rejecting man-made interpretations of Him and of His message,

Không có hy vọng nào cho thế giới tương lai ngoại trừ trong một nhân loại chấp nhận *sự kiện* của thiên tính, ngay cả khi bác bỏ thần học, nhận ra sự hiện diện của Đức Christ *sống động*, trong khi từ chối các diễn giải do con người tạo ra về Ngài và thông điệp của

and which emphasizes the authority of the human soul.

Ngài, và nhấn mạnh thẩm quyền của linh hồn con người.

The future which lies ahead is full of promise. Let us base our optimism upon humanity itself. Let us recognize the self-proven fact that there is a peculiar quality in every man, an innate, inherent characteristic to which one may give the name "mystical perception". This characteristic connotes an undying, though oft unrecognized, sense of divinity; it involves the constant possibility to vision and contact the soul and to grasp (with increasing aptitude) the nature of the universe. It enables the philosopher to appreciate the world of meaning and—through that perception—to touch Reality. It is, above all else, the power to love and to go out towards that which is other than the self. It confers the ability to grasp ideas. The history of mankind is [36] fundamentally the history of the growth of ideas, progressively realized and of man's determination to live by them; with this power goes the capacity to sense the unknown, to believe in the unprovable, to seek, search and demand the revelation of that which is hidden and undiscovered and which—century after century owing to this demanding spirit of investigation—*is* revealed. It is the power to recognize the beautiful, the true and the good and by means of the creative arts to prove their existence. It is this inherent, spiritual faculty which has produced all the great Sons of God, all truly spiritual people, all artists, scientists, humanitarians and philosophers and all who, with sacrifice, love their fellowmen.

Tương lai phía trước đầy hứa hẹn. Chúng ta hãy đặt nền cho niềm lạc quan của mình trên chính nhân loại. Chúng ta hãy nhận ra sự kiện tự chứng rằng trong mỗi con người có một phẩm tính đặc biệt, một đặc tính bẩm sinh, cố hữu mà người ta có thể gọi là "tri giác thần bí". Đặc tính này hàm ý một ý thức bất diệt về thiên tính, dù thường không được nhận ra; nó bao hàm khả năng thường hằng để có tầm nhìn và tiếp xúc linh hồn, và để nắm bắt, với năng lực ngày càng tăng, bản chất của vũ trụ. Nó giúp triết gia nhận thức Thế giới của ý nghĩa và, qua tri giác ấy, chạm đến Thực Tại. Trên hết mọi điều, đó là quyền năng yêu thương và vươn ra hướng tới điều khác với bản ngã. Nó ban cho khả năng nắm bắt các ý tưởng. Lịch sử nhân loại [36] về căn bản là lịch sử của sự tăng trưởng các ý tưởng, được nhận ra dần dần, và của quyết tâm của con người sống theo chúng; đi kèm với quyền năng này là khả năng cảm nhận điều chưa biết, tin vào điều không thể chứng minh, tìm kiếm, truy tầm và đòi hỏi sự mặc khải của điều bị che giấu và chưa được khám phá, điều mà, thế kỷ này qua thế kỷ khác nhờ tinh thần khảo cứu đầy đòi hỏi ấy, *được* mặc khải. Đó là quyền năng nhận ra cái đẹp, cái chân và cái thiện, và bằng các nghệ thuật sáng tạo chứng minh sự hiện hữu của chúng. Chính quan năng tinh thần cố hữu này đã sản sinh tất cả các Con vĩ đại của Thượng đế, tất cả những người thật sự tinh thần, mọi nghệ sĩ, nhà khoa học, nhà nhân đạo và triết gia, cùng tất cả những ai, với sự hy sinh, yêu thương đồng loại của mình.

Here lie the grounds for optimism and courage on the part of all true educators and here is the true incentive to all their efforts.

Chính ở đây có những nền tảng cho sự lạc quan và lòng can đảm nơi tất cả các nhà giáo

dục chân chính, và chính ở đây có động lực đích thực cho mọi nỗ lực của họ.

The Present Problem of Youth

Vấn Đề Hiện Nay của Thanh Thiếu Niên

The world, as known to people over forty years of age, has crumbled and is fast disappearing. The old values are fading out and what we call "civilization" (that civilization we have thought so wonderful) is vanishing. Some of us are thankful it is so. Others regard it as a disaster. All of us are distressed that the means of its dissolution have brought so much agony and suffering to humanity everywhere.

Thế giới, như những người trên bốn mươi tuổi từng biết đến, đã sụp đổ và đang nhanh chóng biến mất. Những giá trị cũ đang phai tàn, và điều mà chúng ta gọi là "văn minh" — nền văn minh mà chúng ta từng nghĩ là kỳ diệu đến thế — đang tan biến. Một số người trong chúng ta biết ơn vì điều ấy là như vậy. Những người khác xem đó là một thảm họa. Tất cả chúng ta đều đau buồn vì những phương tiện đưa đến sự tan rã của nó đã đem lại quá nhiều thống khổ và đau đớn cho nhân loại ở khắp nơi.

Civilization might be defined as the reaction of humanity to the purpose and the activities of a particular world period and its type of thinking. In each age, some idea functions and expresses itself in both racial and national idealisms. Its basic trend down the centuries has produced our modern world and this has been materialistic. The aim has been physical comfort; science and the arts have been prostituted to the task of giving man a comfortable and if possible a beautiful [37] environment; all the products of nature have been subordinated to giving humanity *things*. The aim of education, generally speaking, has been to equip the child to compete with his fellow citizens in "making a living", in accumulating possessions and in being as comfortable and successful as possible.

Văn minh có thể được định nghĩa là phản ứng của nhân loại đối với mục đích và các hoạt động của một thời kỳ thế giới đặc thù cùng kiểu tư duy của thời kỳ ấy. Trong mỗi thời đại, một ý tưởng nào đó hoạt động và biểu lộ chính nó trong các lý tưởng của nhân loại và quốc gia. Khuynh hướng căn bản của nó qua nhiều thế kỷ đã tạo ra thế giới hiện đại của chúng ta, và khuynh hướng này đã mang tính duy vật. Mục tiêu là sự tiện nghi vật chất; khoa học và nghệ thuật đã bị lạm dụng vào nhiệm vụ đem lại cho con người một môi trường tiện nghi và, nếu có thể, đẹp đẽ [37]; mọi sản phẩm của thiên nhiên đều đã bị đặt dưới mục tiêu cung cấp cho nhân loại *đồ vật*. Mục tiêu của giáo dục, nói chung, là trang bị cho đứa trẻ khả năng cạnh tranh với đồng bào của nó trong việc "kiếm sống", trong việc tích lũy tài sản và trong việc được tiện nghi cũng như thành công hết mức có thể.

This education has also been primarily competitive, nationalistic and, therefore, separative. It has trained the child to regard the material values as of major importance,

Nền giáo dục này cũng chủ yếu mang tính cạnh tranh, quốc gia chủ nghĩa và, do đó, chia rẽ. Nó đã huấn luyện đứa trẻ xem các giá trị vật chất là điều có tầm quan trọng chủ

to believe that his particular nation is also of major importance and that every other nation is secondary; it has fed pride and fostered the belief that he, his group and his nation are infinitely superior to other people and peoples. He is taught consequently to be a one-sided person with his world values wrongly adjusted and his attitudes to life distinguished by bias and prejudice. The rudiments of the arts are taught him in order to enable him to function with the needed efficiency in a competitive setting and in his particular vocational environment. Reading, writing and elementary arithmetic are regarded as minimum requirements, plus some knowledge of historical and geographical events. Some of the literature of the world is also brought to his attention. The general level of civilized information is relatively high, but it is biased and influenced by religious and national prejudices which are instilled into the child from his earliest years, *but which are not innate.* World citizenship is not emphasized; his responsibility to his fellowmen is systematically ignored; his memory is developed through the impartation of uncorrelated facts—most of them unrelated to daily living.

yếu, tin rằng quốc gia riêng của nó cũng có tầm quan trọng chủ yếu và mọi quốc gia khác chỉ là thứ yếu; nó đã nuôi dưỡng lòng kiêu hãnh và cổ vũ niềm tin rằng y, nhóm của y và quốc gia của y cao hơn vô hạn so với những người và các dân tộc khác. Do đó, y được dạy để trở thành một con người phiến diện, với các giá trị thế giới bị điều chỉnh sai lạc và thái độ đối với đời sống bị chi phối bởi thiên kiến và định kiến. Những kiến thức sơ đẳng về nghệ thuật được dạy cho y nhằm giúp y hoạt động với hiệu quả cần thiết trong một bối cảnh cạnh tranh và trong môi trường nghề nghiệp riêng của y. Đọc, viết và số học sơ đẳng được xem là những yêu cầu tối thiểu, cộng thêm một số hiểu biết về các sự kiện lịch sử và địa lý. Một phần văn học của thế giới cũng được đưa đến sự chú ý của y. Trình độ thông tin văn minh nói chung tương đối cao, nhưng nó thiên lệch và chịu ảnh hưởng của những định kiến tôn giáo và quốc gia vốn được gieo vào đứa trẻ từ những năm đầu đời, *nhưng không phải là bẩm sinh.* Quyền công dân thế giới không được nhấn mạnh; trách nhiệm của y đối với đồng loại bị phớt lờ một cách có hệ thống; trí nhớ của y được phát triển qua việc truyền đạt những sự kiện rời rạc — phần lớn không liên hệ đến đời sống hằng ngày.

Our present civilization will go down in history as grossly materialistic. There have been many material epochs in history but none so generally widespread as the present or which have involved such untold millions. [38] We are constantly told that the cause of this war is economic; that is surely so but the reason is that we have demanded so much of comfort and of "things" in order to live "reasonably well". We require so much more than our forefathers needed; we prefer a soft and relatively easy life; the pioneering spirit (which is the background of all nations) has faded, in most cases, into a soft

Nền văn minh hiện nay của chúng ta sẽ đi vào lịch sử như một nền văn minh duy vật thô thiển. Đã có nhiều thời kỳ duy vật trong lịch sử, nhưng không thời kỳ nào phổ biến rộng khắp như hiện nay, hay lôi cuốn vào đó những triệu triệu người không kể xiết. [38] Chúng ta thường xuyên được bảo rằng nguyên nhân của cuộc chiến này là kinh tế; điều đó chắc chắn đúng, nhưng lý do là vì chúng ta đã đòi hỏi quá nhiều tiện nghi và "đồ vật" để có thể sống "tương đối tốt". Chúng ta cần nhiều hơn rất nhiều so với những gì tổ tiên chúng ta cần; chúng ta ưa một đời sống mềm mại và tương đối dễ

civilization. This is particularly true of the Western hemisphere. Our standard of civilized living is far too high from the standpoint of possessions and far too low from the angle of the spiritual values or when subjected to an intelligent sense of proportion. *Our modern civilization will not stand up to the acid test of value.* A nation is today regarded as civilized when it sets a value on mental development, when it puts a premium on analysis and criticism and when all its resources are directed towards the satisfying of physical desire, towards the production of material things and towards the implementing of material purposes as well as towards dominating competitively in the world, towards the amassing of riches, the acquiring of property, the achievement of a high standard of material living and towards the cornering of the produce of the earth—largely for the benefit of certain groups of ambitious and wealthy men.

dàng; tinh thần khai phá — vốn là nền tảng của mọi quốc gia — trong hầu hết các trường hợp đã phai nhạt thành một nền văn minh mềm yếu. Điều này đặc biệt đúng với bán cầu Tây. Tiêu chuẩn sống văn minh của chúng ta quá cao xét từ quan điểm sở hữu, và quá thấp xét từ góc độ các giá trị tinh thần hoặc khi được đặt dưới một Ý thức về tỉ lệ sáng suốt. *Nền văn minh hiện đại của chúng ta sẽ không đứng vững trước phép thử khắc nghiệt của giá trị.* Ngày nay, một quốc gia được xem là văn minh khi quốc gia ấy đặt giá trị vào sự phát triển trí tuệ, khi quốc gia ấy đề cao phân tích và phê bình, và khi mọi nguồn lực của quốc gia ấy được hướng đến việc thỏa mãn ham muốn vật chất, sản xuất những vật phẩm vật chất và thực hiện các mục đích vật chất, cũng như hướng đến việc thống trị bằng cạnh tranh trên thế giới, tích lũy của cải, chiếm hữu tài sản, đạt một mức sống vật chất cao và thâu tóm sản vật của Trái Đất — phần lớn vì lợi ích của một số nhóm người đầy tham vọng và giàu có.

This is a drastic generalization but it is basically correct in its main implications, though incorrect where individuals are concerned. For this sad and dire situation (entirely of humanity's own making) we pay the penalty of war. Neither the churches nor our educational systems have been sound enough in their presentation of truth to offset this materialistic tendency. The tragedy is that the children of the world have paid and are paying the price of our wrong-doing. War has its roots in greed; material ambition has motivated all the nations without exception; all our planning has been [39] directed to the organization of the national life so that material possession, competitive supremacy and individual and national selfish interests would control. All nations, in their own way and degree, have contributed to this; none has clean hands and hence war. *Humanity has the habit of*

Đây là một khái quát hóa mạnh mẽ, nhưng về căn bản là đúng trong những hàm ý chính của nó, dù không đúng khi xét đến từng cá nhân. Vì tình trạng đáng buồn và nghiêm trọng này — hoàn toàn do chính nhân loại tạo ra — chúng ta phải trả giá bằng chiến tranh. Cả các giáo hội lẫn các hệ thống giáo dục của chúng ta đều chưa đủ vững chắc trong việc trình bày chân lý để hóa giải khuynh hướng duy vật này. Bi kịch là trẻ em của thế giới đã và đang trả giá cho những hành động sai trái của chúng ta. Chiến tranh có gốc rễ trong lòng tham; tham vọng vật chất đã thúc đẩy mọi quốc gia không ngoại lệ; mọi hoạch định của chúng ta đều đã [39] hướng đến việc tổ chức đời sống quốc gia sao cho sự sở hữu vật chất, ưu thế cạnh tranh và những lợi ích ích kỷ của cá nhân cũng như quốc gia nắm quyền kiểm soát. Mọi quốc gia, theo cách riêng và mức độ riêng của mình, đều đã góp phần vào điều này; không quốc

selfishness and an inherent love of material possessions. This has produced our modern civilization and, for this reason, it is being changed.

gia nào có đôi tay sạch, và vì thế có chiến tranh. *Nhân loại có thói quen ích kỷ* và một tình yêu cố hữu đối với của cải vật chất. Điều này đã tạo ra nền văn minh hiện đại của chúng ta và, vì lý do đó, nó đang được thay đổi.

The cultural factor in any civilization is its preservation and consideration of all the best the past has given, and its evaluation and study of the arts, the literature, the music and the creative life of all nations—past and present. It concerns the refining influence of these factors upon a nation and upon those individuals in a nation who are so situated (usually financially) that they can profit from them and appreciate them. The knowledge and understanding thus gained enable the man of culture to relate the world of meaning (as inherited from the past) to the world of appearances in which he lives and to regard them as one world, but one existing primarily for his individual benefit. When, however, to an appreciation of our planetary and racial inheritance, both creative and historical, he adds an understanding of the spiritual and moral values, then we have an approximation to what the truly spiritual man is intended to be. In relation to the total population of the planet, such men are few and far between, but they guarantee to the rest of humanity a genuine possibility.

Yếu tố văn hóa trong bất kỳ nền văn minh nào là việc gìn giữ và trân trọng tất cả những gì tốt đẹp nhất mà quá khứ đã trao lại, cũng như việc đánh giá và nghiên cứu nghệ thuật, văn học, âm nhạc và đời sống sáng tạo của mọi quốc gia — quá khứ và hiện tại. Nó liên quan đến ảnh hưởng tinh luyện của các yếu tố này lên một quốc gia và lên những cá nhân trong một quốc gia có vị thế — thường là về tài chính — để có thể hưởng lợi từ chúng và trân trọng chúng. Tri thức và sự thấu hiểu nhờ đó mà có giúp con người có văn hóa liên hệ Thế giới của ý nghĩa — như được thừa hưởng từ quá khứ — với thế giới của các sắc tướng mà y đang sống trong đó, và xem chúng như một thế giới duy nhất, nhưng là một thế giới hiện hữu chủ yếu vì lợi ích cá nhân của y. Tuy nhiên, khi y thêm vào sự trân trọng di sản hành tinh và nhân loại của chúng ta, cả sáng tạo lẫn lịch sử, một sự thấu hiểu về các giá trị tinh thần và đạo đức, thì khi ấy chúng ta có một sự xấp xỉ với điều mà con người tinh thần đích thực được dự định trở thành. So với toàn bộ dân số của hành tinh, những người như thế rất ít và hiếm hoi, nhưng họ bảo đảm cho phần còn lại của nhân loại một khả năng chân thực.

Will cultured people realize their opportunity? Will our civilized citizens embrace the chance to build afresh—not a material civilization this time but a world of beauty and of right human relations, a world in which children can indeed grow into the likeness of the One Father and in which man can return to the simplicity of the spiritual values of beauty, truth and goodness? [40]

Liệu những người có văn hóa có nhận ra cơ hội của họ không? Liệu các công dân văn minh của chúng ta có nắm lấy cơ hội để xây dựng lại từ đầu — lần này không phải một nền văn minh vật chất, mà là một thế giới của vẻ đẹp và của những mối quan hệ nhân loại đúng đắn, một thế giới trong đó trẻ em quả thật có thể lớn lên theo hình ảnh của Đấng Cha Duy Nhất, và trong đó con người

có thể trở về với sự giản dị của các giá trị tinh thần về vẻ đẹp, chân lý và thiện lành không? [40]

Yet, facing the worldwide reconstruction demanded and the well-nigh impossible task of salvaging the children and youth of the world, there are those today who are engaged in raising funds to rebuild stone churches and restore ancient buildings, thus demanding money which is sorely needed to restore broken bodies, to heal psychological wounds and to produce the warmth of love and understanding among those who believe that such qualities do not exist!

Tuy nhiên, trước công cuộc tái thiết toàn cầu đang được đòi hỏi và nhiệm vụ gần như bất khả thi là cứu vớt trẻ em và thanh thiếu niên của thế giới, ngày nay vẫn có những người đang bận rộn quyên góp tiền để xây dựng lại các nhà thờ đá và phục hồi những công trình cổ xưa, qua đó đòi hỏi số tiền đang vô cùng cần thiết để phục hồi những thân thể tan nát, chữa lành các vết thương tâm lý và tạo ra hơi ấm của tình thương cùng sự thấu hiểu nơi những người tin rằng các phẩm tính ấy không hề tồn tại!

The Immediate Need of the Children

Nhu Cầu Trước Mắt của Trẻ Em

The magnitude of the problems to be faced may well leave us bewildered and at a loss how to answer the many questions which immediately arise in our minds. How can we lay the foundation for a long range programme of reconstruction, of education and development as it affects the youth of the world and thus guarantee a new and better world? What basic plans must be laid which will be appropriate for so many differing races and nationalities? In the face of understandable hatreds and deep-seated prejudices, how can we make a sound beginning?

Tầm vóc của những vấn đề phải đối diện rất có thể khiến chúng ta bối rối và không biết trả lời ra sao trước nhiều câu hỏi tức khắc nảy sinh trong trí mình. Làm thế nào chúng ta có thể đặt nền tảng cho một chương trình dài hạn về tái thiết, giáo dục và phát triển khi chương trình ấy ảnh hưởng đến thanh thiếu niên của thế giới, và nhờ đó bảo đảm một thế giới mới và tốt đẹp hơn? Những kế hoạch căn bản nào phải được đặt ra để phù hợp với rất nhiều giống dân và quốc tịch khác nhau? Trước những hận thù có thể hiểu được và những định kiến ăn sâu, làm thế nào chúng ta có thể khởi đầu một cách vững chắc?

The ethical and moral values among the children, particularly among the adolescent boys and girls, have deteriorated and the spiritual values will need awakening. There is direct evidence, however, that this spiritual awakening is already sweeping over Europe and that perhaps from that continent may come that new spiritual tide which will turn the entire world to better

Các giá trị luân lý và đạo đức nơi trẻ em, đặc biệt nơi các thiếu niên và thiếu nữ tuổi vị thành niên, đã suy thoái, và các giá trị tinh thần sẽ cần được đánh thức. Tuy nhiên, có bằng chứng trực tiếp rằng sự thức tỉnh tinh thần này đã và đang quét qua châu Âu, và có lẽ từ lục địa ấy có thể xuất hiện làn triều tinh thần mới sẽ xoay chuyển toàn thế giới hướng đến những điều tốt đẹp hơn và sẽ bảo đảm

things and which will ensure that our materialistic civilization has gone, never to return. A spiritual renaissance is inevitable and is nowhere more needed than in those countries which have escaped the worst aspects of war. For this renaissance we must look and make preparation. [41]

rằng nền văn minh duy vật của chúng ta đã qua đi, không bao giờ trở lại. Một cuộc phục hưng tinh thần là điều không thể tránh khỏi, và không nơi nào cần nó hơn những quốc gia đã thoát khỏi những phương diện tệ hại nhất của chiến tranh. Chúng ta phải trông đợi cuộc phục hưng này và chuẩn bị cho nó. [41]

The next urgent problem is surely the psychological rehabilitation of youth. It is a question whether the children of Europe, of China, of Great Britain and Japan will ever completely recover from the effects of war. The early and formative years of their lives have been spent under war conditions and—resilient as children are—there are bound to be certain traces left of what they have seen, heard and suffered. There will be exceptions, particularly in Great Britain and parts of France. Time alone will indicate the extent of the damage done. Much can, however, be offset and even obliterated by the wise action of parents, doctors, nurses and educators. It is sad to report that little has been planned by the psychologists and neurologists along this needed line of salvage; yet their specialized work is sorely needed and is as urgent a demand as that for food and clothing.

Vấn đề khẩn cấp kế tiếp chắc chắn là sự phục hồi tâm lý của thanh thiếu niên. Vấn đề đặt ra là liệu trẻ em châu Âu, Trung Hoa, Anh Quốc và Nhật Bản có bao giờ hoàn toàn hồi phục khỏi những ảnh hưởng của chiến tranh hay không. Những năm đầu đời và định hình của chúng đã trôi qua trong điều kiện chiến tranh, và — dù trẻ em có sức bật đến đâu — nhất định vẫn còn những dấu vết nào đó của những gì chúng đã thấy, đã nghe và đã chịu đựng. Sẽ có những ngoại lệ, đặc biệt ở Anh Quốc và một vài vùng của Pháp. Chỉ thời gian mới cho thấy mức độ thiệt hại đã gây ra. Tuy nhiên, nhiều điều có thể được hóa giải và thậm chí xóa bỏ bằng hành động sáng suốt của cha mẹ, bác sĩ, y tá và các nhà giáo dục. Thật đáng buồn khi phải nói rằng các nhà tâm lý học và thần kinh học hầu như chưa hoạch định được gì theo tuyến cứu vớt cần thiết này; tuy vậy, công việc chuyên môn của họ đang vô cùng cần thiết và là một đòi hỏi khẩn cấp không kém gì nhu cầu về thực phẩm và áo quần.

It is valuable also to remind ourselves in all our planning and with all our good intentions that the various nations, involved in the world war and whose countries have felt the full brunt of occupation, are laying their own plans. They know what they want; they are determined, as far as possible, to care for their own people, to salvage their own children, to restore their own special cultures and their lands. The task of the Great Powers (with their vast resources) and

Cũng rất có giá trị khi nhắc nhở chính mình, trong mọi kế hoạch và với mọi thiện chí của chúng ta, rằng các quốc gia khác nhau bị cuốn vào cuộc chiến thế giới và có đất nước phải hứng chịu toàn bộ sức nặng của sự chiếm đóng, đang đặt ra những kế hoạch riêng của họ. Họ biết họ muốn gì; họ quyết tâm, trong mức có thể, chăm lo cho dân của chính họ, cứu vớt trẻ em của chính họ, phục hồi các nền văn hóa đặc thù và đất đai của chính họ. Nhiệm vụ của các Cường Quốc —

of the philanthropists and humanitarians throughout the world should be to cooperate with these people. It is not their task to impose upon them what they, from the vantage point of their position, believe to be good for them. These nations want understanding cooperation; they want the implements for agriculture, immediate relief in food and clothing, plus the wherewithal to start again their educational institutions, to organize their schools and to equip them with what is immediately required. They certainly do not want a horde of [42] well-meaning people taking over their educational or medical institutions, or imposing democratic, communistic or any other particular ideology upon them. Naturally, the principles of Nazism and of Fascism must be swept away, but the nations must be free to work out their own destiny. They have each of them their own traditions, cultures and backgrounds. They are being forced to build anew but what they build must be their own; it must be distinctive of them and an expression of their own inner life. It is surely the function of the wealthier and free nations to help them to build so that the new world can come into being. Each nation must tackle the problem of its restoration in its own way.

với những nguồn lực rộng lớn của họ — và của các nhà từ thiện cùng những người nhân đạo trên khắp thế giới phải là hợp tác với các dân tộc này. Nhiệm vụ của họ không phải là áp đặt lên các dân tộc ấy những gì mà họ, từ vị thế thuận lợi của mình, tin là tốt cho họ. Các quốc gia này muốn sự hợp tác đầy thấu hiểu; họ muốn các công cụ cho nông nghiệp, sự cứu trợ tức thời về lương thực và áo quần, cộng thêm phương tiện để khởi động lại các cơ sở giáo dục, tổ chức các trường học và trang bị cho chúng những gì cần thiết ngay lập tức. Chắc chắn họ không muốn một đám đông [42] những người đầy thiện chí tiếp quản các cơ sở giáo dục hay y tế của họ, hoặc áp đặt lên họ hệ tư tưởng dân chủ, cộng sản hay bất kỳ hệ tư tưởng đặc thù nào khác. Đương nhiên, các nguyên lý của chủ nghĩa Quốc xã và chủ nghĩa Phát xít phải bị quét sạch, nhưng các quốc gia phải được tự do thực hiện định mệnh riêng của mình. Mỗi quốc gia đều có những truyền thống, văn hóa và bối cảnh riêng. Họ đang bị buộc phải xây dựng lại, nhưng điều họ xây dựng phải là của riêng họ; nó phải mang nét đặc thù của họ và là sự biểu lộ đời sống bên trong của chính họ. Chắc chắn chức năng của các quốc gia giàu có hơn và tự do là giúp họ xây dựng để thế giới mới có thể đi vào hiện hữu. Mỗi quốc gia phải tự mình giải quyết vấn đề phục hồi của mình theo cách riêng.

This need not mean disunity; it should mean a richer and more colourful world. It need not mean separation or the building of barriers or the retiring behind walls of prejudice and racial bias. There are two major linking relationships which should be cultivated and which will bring about a closer understanding in the world of men. These are religion and education. In this chapter we are considering the factor of education which has in the past so greatly failed to promote world unity (as the war

Điều này không cần phải có nghĩa là sự bất thống nhất; nó nên có nghĩa là một thế giới phong phú và nhiều màu sắc hơn. Nó không cần phải có nghĩa là sự chia tách hay dựng lên các rào cản hoặc rút lui vào sau những bức tường của định kiến và thiên kiến chủng tộc. Có hai mối liên hệ nối kết chủ yếu cần được vun bồi và sẽ đem lại một sự thấu hiểu gần gũi hơn trong thế giới loài người. Đó là tôn giáo và giáo dục. Trong chương này, chúng ta đang xem xét yếu tố giáo dục, yếu tố trong quá khứ đã thất bại rất lớn trong việc thúc đẩy sự thống nhất thế giới — như

has proved) but which can in the future so wisely control.

chiến tranh đã chứng minh — nhưng trong tương lai có thể kiểm soát một cách sáng suốt đến thế.

We are today witnessing the slow but steady formation of international groups, banded together to preserve world security, to protect labour, to deal with world economics and to preserve the integrity and the sovereignty of nations whilst committing each and all to a definite part in the work of securing right human relations throughout the planet. Whether we agree or not with the details or the specific commitments proposed, the formation of international advisory councils, and above all, of the United Nations, are hopeful indications of the moving forward of humanity into a [43] world where right human relations are regarded as essential to the peace of the world, where goodwill is recognized and where provision is made for the implementing of those conditions which will prevent war and aggression.

Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến sự hình thành chậm rãi nhưng vững chắc của các nhóm quốc tế, liên kết với nhau để gìn giữ an ninh thế giới, bảo vệ lao động, giải quyết các vấn đề kinh tế thế giới và gìn giữ sự toàn vẹn cùng chủ quyền của các quốc gia, đồng thời ràng buộc từng quốc gia và tất cả các quốc gia vào một phần xác định trong công việc bảo đảm những mối quan hệ nhân loại đúng đắn trên khắp hành tinh. Dù chúng ta có đồng ý hay không với các chi tiết hoặc những cam kết cụ thể được đề xuất, việc hình thành các hội đồng cố vấn quốc tế, và trên hết là Liên Hiệp Quốc, là những dấu hiệu đầy hy vọng cho thấy nhân loại đang tiến vào một [43] thế giới nơi những mối quan hệ nhân loại đúng đắn được xem là thiết yếu đối với hòa bình của thế giới, nơi thiện chí được công nhận và nơi các điều kiện nhằm ngăn chặn chiến tranh và xâm lược được dự liệu để thực hiện.

In the field of education some such united action is also essential. Surely a basic unity of objectives should govern the educational systems of the nations, even though uniformity of method and of techniques may not be possible. Differences of language, of background and of culture will and should always exist; they constitute the beautiful tapestry of human living down the ages. But much that has hitherto militated against right human relations must and should be eliminated.

Trong lĩnh vực giáo dục, một hành động thống nhất nào đó như thế cũng là điều thiết yếu. Chắc chắn một sự thống nhất căn bản về mục tiêu phải chi phối các hệ thống giáo dục của các quốc gia, dù sự đồng nhất về phương pháp và kỹ thuật có thể không khả thi. Những khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh và văn hóa sẽ luôn tồn tại và nên luôn tồn tại; chúng tạo nên tấm thảm đẹp đẽ của đời sống nhân loại qua các thời đại. Nhưng nhiều điều cho đến nay đã chống lại những mối quan hệ nhân loại đúng đắn phải và nên được loại bỏ.

In the teaching of history, for instance, are we to revert to the old ways wherein each nation glorifies itself at the expense frequently of other nations, in which facts

Chẳng hạn, trong việc giảng dạy lịch sử, liệu chúng ta có quay lại những cách cũ, trong đó mỗi quốc gia tôn vinh chính mình, thường là bằng cái giá của các quốc gia khác, trong đó

are systematically garbled, in which the pivotal points in history are the various wars down the ages—a history, therefore, of aggression, of the rise of a material and selfish civilization and one which has fed the nationalistic and, therefore, separative spirit, which has fostered racial hatreds and stimulated national prides? The first historical date usually remembered by the average British child is "William, the Conqueror, 1066". The American child remembers the landing of the Pilgrim Fathers and the gradual taking of the country from its rightful inhabitants and perhaps the Boston Tea Party. The heroes of history are all warriors—Alexander the Great, Julius Caesar, Attila the Hun, Richard Coeur de Lion, Napoleon, George Washington and many others. Geography is largely history in another form but presented in a similar manner—a history of discovery, investigation and seizure, followed frequently by wicked and cruel treatment of the inhabitants of the discovered lands. Greed, ambition, [44] cruelty and pride are the keynotes of our teaching of history and geography.

các sự kiện bị bóp méo một cách có hệ thống, trong đó các điểm then chốt của lịch sử là những cuộc chiến khác nhau qua các thời đại — do đó là một lịch sử của xâm lược, của sự trỗi dậy của một nền văn minh vật chất và ích kỷ, một nền văn minh đã nuôi dưỡng tinh thần quốc gia chủ nghĩa và vì thế là chia rẽ, đã cổ vũ hận thù chủng tộc và kích thích lòng kiêu hãnh quốc gia? Niên đại lịch sử đầu tiên thường được đứa trẻ Anh trung bình ghi nhớ là "William, Kẻ Chinh Phục, 1066". Đứa trẻ Mỹ ghi nhớ cuộc đổ bộ của các Tổ phụ Hành hương và việc dần dần chiếm lấy đất nước từ những cư dân chính đáng của nó, và có lẽ cả Sự kiện Trà Boston. Các anh hùng của lịch sử đều là chiến binh — Alexander Đại Đế, Julius Caesar, Attila người Hung, Richard Tim Sư Tử, Napoleon, George Washington và nhiều người khác. Địa lý phần lớn là lịch sử dưới một hình thức khác nhưng được trình bày theo cách tương tự — một lịch sử của khám phá, khảo sát và chiếm đoạt, thường tiếp theo bằng sự đối xử độc ác và tàn nhẫn đối với cư dân của những vùng đất được khám phá. Lòng tham, tham vọng, [44] sự tàn ác và kiêu hãnh là các chủ âm trong việc giảng dạy lịch sử và địa lý của chúng ta.

The wars, aggressions and thefts which have distinguished every great nation without exception are facts and cannot be denied. Surely, however, the lessons of the evils which they wrought (culminating in the war 1914-1945) can be pointed out and the ancient causes of present day prejudices and dislikes can be shown and their futility emphasized. Is it not possible to build our theory of history upon the great and good ideas which have conditioned the nations and made them what they are? To emphasize the creativity which has distinguished all of them? Can we not present more effectively the great cultural epochs which—suddenly appearing in some

Những cuộc chiến, xâm lược và cướp đoạt đã làm nổi bật mọi quốc gia lớn không ngoại lệ là những sự kiện có thật và không thể phủ nhận. Tuy nhiên, chắc chắn có thể chỉ ra các bài học về những điều ác mà chúng đã gây nên — lên đến đỉnh điểm trong cuộc chiến 1914-1945 — và có thể cho thấy những nguyên nhân cổ xưa của các định kiến và sự ghét bỏ ngày nay, đồng thời nhấn mạnh sự vô ích của chúng. Chẳng lẽ không thể xây dựng lý thuyết lịch sử của chúng ta trên những ý tưởng lớn lao và tốt đẹp đã tác động lên các quốc gia và làm cho họ trở thành như hiện nay sao? Không thể nhấn mạnh tính sáng tạo đã làm nổi bật tất cả các quốc gia ấy sao? Chúng ta không thể trình bày hiệu quả

one nation—enriched the entire world and gave to humanity its literature, its art and its vision?

hơn những thời kỳ văn hóa lớn lao — đột nhiên xuất hiện trong một quốc gia nào đó — đã làm phong phú toàn thế giới và trao cho nhân loại văn học, nghệ thuật và tầm nhìn của mình sao?

The world war has produced great migrations. Armies have marched and fought in every part of the world; persecuted peoples have escaped from one land to another; welfare workers have gone from country to country, serving the soldiers, salvaging the sick, feeding the hungry and studying conditions. The world today is very small and men are discovering (sometimes for the first time in their lives) that humanity is one and that all men, no matter what the colour of their skin or the country in which they live, resemble each other. We are all intermingled today. The United States is composed of people from every known country; over fifty different races or nations compose the U.S.S.R. The United Kingdom is a Commonwealth of independent nations bound together into one group. India is composed of a multiplicity of peoples, religions and tongues and hence her problem. The world itself is a great fusing pot, out of which the One Humanity is emerging. This necessitates a drastic change in our [45] methods of presenting history and geography. Science has always been universal. Great art and literature have always belonged to the world. It is upon these facts that the education to be given to the children of the world must be built—upon our similarities, our creative achievements, our spiritual idealisms, and our points of contact. Unless this is done, the wounds of the nations will never be healed and the barriers which have existed for centuries will never be removed.

Cuộc chiến thế giới đã tạo ra những cuộc di cư lớn. Các đạo quân đã hành quân và chiến đấu ở mọi phần của thế giới; những dân tộc bị bách hại đã trốn thoát từ xứ này sang xứ khác; những người hoạt động phúc lợi đã đi từ quốc gia này sang quốc gia khác, phụng sự binh sĩ, cứu vớt người bệnh, nuôi người đói và nghiên cứu các điều kiện. Ngày nay, thế giới rất nhỏ, và con người đang khám phá — đôi khi lần đầu tiên trong đời — rằng nhân loại là một, và mọi người, bất kể màu da hay quốc gia nơi họ sống, đều giống nhau. Ngày nay tất cả chúng ta đều hòa lẫn với nhau. Hoa Kỳ gồm những người đến từ mọi quốc gia được biết đến; hơn năm mươi giống dân hay quốc gia khác nhau hợp thành Liên bang Xô viết. Vương quốc Anh là một Khối Thịnh Vượng Chung của các quốc gia độc lập được liên kết thành một nhóm. Ấn Độ gồm nhiều dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ, và vì thế có vấn đề của mình. Chính thế giới là một nồi dung hợp lớn, từ đó Nhân Loại Duy Nhất đang xuất hiện. Điều này đòi hỏi một sự thay đổi mạnh mẽ trong [45] các phương pháp trình bày lịch sử và địa lý của chúng ta. Khoa học luôn luôn mang tính phổ quát. Nghệ thuật và văn học lớn lao luôn luôn thuộc về thế giới. Chính trên những sự kiện này mà nền giáo dục dành cho trẻ em của thế giới phải được xây dựng — trên những điểm tương đồng của chúng ta, những thành tựu sáng tạo của chúng ta, các lý tưởng tinh thần của chúng ta và những điểm tiếp xúc của chúng ta. Nếu điều này không được thực hiện, các vết thương của các quốc gia sẽ không bao giờ được chữa lành, và những rào cản đã tồn tại qua nhiều thế kỷ sẽ không bao giờ được gỡ bỏ.

The educators who face the present world opportunity should see to it that a sound foundation is laid for the coming civilization; they should undertake that it is general and universal in its scope, truthful in its presentation and constructive in its approach. What initial steps the educators of the different countries take will inevitably determine the nature of the coming civilization. They should prepare for a renaissance of all the arts and for a new and free flow of the creative spirit in man. They should lay an emphatic importance upon those great moments in human history wherein man's divinity flamed forth and indicated new ways of thinking, new modes of human planning and thus changed for all time the trend of human affairs. These moments produced the Magna Charta; they gave emphasis, through the French Revolution, to the concepts of liberty, equality and fraternity; they formulated the American Bill of Rights, and on the high seas and in our own time and day they gave us the Atlantic Charter and the Four Freedoms. These are the great concepts which must govern the new age with its nascent civilization and its future culture. If the children of today are taught the significance of these five great declarations and are, at the same time, taught the futility of hate and war, there is hope of a better and happier as well as of a safer world.

Các nhà giáo dục đang đối diện với cơ hội thế giới hiện nay phải bảo đảm rằng một nền tảng vững chắc được đặt cho nền văn minh sắp đến; họ phải đảm nhận sao cho nền tảng ấy có phạm vi chung và phổ quát, trung thực trong cách trình bày và xây dựng trong cách tiếp cận. Những bước đầu mà các nhà giáo dục của các quốc gia khác nhau thực hiện chắc chắn sẽ quyết định bản chất của nền văn minh sắp đến. Họ phải chuẩn bị cho một cuộc phục hưng của mọi ngành nghệ thuật và cho một dòng chảy mới, tự do của tinh thần sáng tạo trong con người. Họ phải đặt tầm quan trọng rõ rệt vào những khoảnh khắc vĩ đại trong lịch sử nhân loại, trong đó thiên tính của con người bừng cháy và chỉ ra những cách tư duy mới, những phương thức hoạch định mới của con người, và do đó mãi mãi thay đổi khuynh hướng của các sự vụ nhân loại. Những khoảnh khắc này đã tạo ra Đại Hiến Chương Magna Charta; qua Cách mạng Pháp, chúng đã nhấn mạnh các khái niệm tự do, bình đẳng và bác ái; chúng đã hình thành Tuyên ngôn Nhân quyền Hoa Kỳ, và trên biển cả cũng như trong chính thời đại và ngày nay của chúng ta, chúng đã trao cho chúng ta Hiến chương Đại Tây Dương và Bốn Tự Do. Đây là những khái niệm lớn lao phải chi phối kỷ nguyên mới với nền văn minh đang manh nha và văn hóa tương lai của nó. Nếu trẻ em ngày nay được dạy thâm nghĩa của năm tuyên ngôn vĩ đại này, đồng thời được dạy sự vô ích của hận thù và chiến tranh, thì có hy vọng về một thế giới tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn cũng như an toàn hơn.

Two major ideas should immediately be taught to [46] the children of every country. They are: *the value of the individual and the fact of the one humanity.* The war boys and girls have learned from appearances that human life has small value; the fascist countries have taught that the individual is of no value except in so far as he implements

Hai ý tưởng chủ yếu phải được dạy ngay lập tức cho [46] trẻ em của mọi quốc gia. Đó là: *giá trị của cá nhân và sự kiện về một nhân loại duy nhất.* Các bé trai và bé gái thời chiến đã học từ những điều chúng chứng kiến rằng đời sống con người có rất ít giá trị; các quốc gia phát xít đã dạy rằng cá nhân không có giá trị, ngoại trừ trong chừng mực y thực hiện

the designs of some dictator. In other countries, some people and some groups—through hereditary position or financial assets—are regarded as of importance and the rest of the nation as of little importance. In still other countries, the individual regards himself of so much importance and his right to please himself of so much moment that his relation to the whole is entirely lost. Yet the value of the individual and the existence of that whole which we call *Humanity* are most closely related. This needs emphasizing. These two principles, when properly taught and understood, will lead to the intensive culture of the individual and then to his recognition of his responsibility as an integral part of the whole body of humanity.

các kế hoạch của một nhà độc tài nào đó. Ở những quốc gia khác, một số người và một số nhóm — do địa vị thừa kế hoặc tài sản tài chính — được xem là quan trọng, còn phần còn lại của quốc gia thì ít quan trọng. Ở những quốc gia khác nữa, cá nhân xem chính mình quan trọng đến mức, và quyền làm vừa lòng chính mình quan trọng đến mức, mối liên hệ của y với toàn thể hoàn toàn bị đánh mất. Tuy nhiên, giá trị của cá nhân và sự hiện hữu của toàn thể mà chúng ta gọi là *Nhân Loại* liên hệ mật thiết nhất với nhau. Điều này cần được nhấn mạnh. Hai nguyên lý này, khi được dạy và thấu hiểu đúng đắn, sẽ dẫn đến sự vun bồi sâu rộng cá nhân, rồi đến việc y nhận ra trách nhiệm của mình như một phần không thể tách rời của toàn thể nhân loại.

We have touched upon the physical and psychological rehabilitation of the children and youth of the world. We have suggested that the textbooks be rewritten in terms of right human relations and not from the present nationalistic and separative angles. We have also pointed out certain basic ideas which should be immediately inculcated: the unique value of the individual, the beauty of humanity, the relation of the individual to the whole and his responsibility to fit into the general picture in a constructive manner and voluntarily; we have sought to have the futility of war, of greed and aggression emphasized and that we prepare for a great awakening of the creative faculty in man once security is restored; we have noted the imminence of the coming spiritual renaissance.

Chúng ta đã đề cập đến sự phục hồi thể chất và tâm lý của trẻ em và thanh thiếu niên thế giới. Chúng ta đã đề nghị rằng các sách giáo khoa nên được viết lại theo những mối quan hệ nhân loại đúng đắn, chứ không theo các góc nhìn quốc gia chủ nghĩa và chia rẽ hiện nay. Chúng ta cũng đã chỉ ra một số ý tưởng căn bản cần được gieo dạy ngay lập tức: giá trị độc nhất của cá nhân, vẻ đẹp của nhân loại, mối liên hệ của cá nhân với toàn thể và trách nhiệm của y trong việc hòa nhập vào bức tranh chung một cách xây dựng và tự nguyện; chúng ta đã tìm cách nhấn mạnh sự vô ích của chiến tranh, của lòng tham và xâm lược, và rằng chúng ta chuẩn bị cho một sự thức tỉnh lớn lao của năng lực sáng tạo trong con người khi an ninh được khôi phục; chúng ta đã ghi nhận sự cận kề của cuộc phục hưng tinh thần sắp đến.

One of our immediate educational objectives must be the elimination of the competitive spirit and the substitution [47] of the cooperative consciousness. Here the question at once arises: How can one achieve

Một trong những mục tiêu giáo dục trước mắt của chúng ta phải là loại bỏ tinh thần cạnh tranh và thay thế [47] bằng tâm thức hợp tác. Ở đây câu hỏi lập tức nảy sinh: Làm thế nào người ta có thể đạt được điều này,

this and at the same time bring about a high level of individual attainment? Is not competition a major spur to all endeavour? This has hitherto been so, *but it need not be*. The development of an atmosphere which will foster the child's sense of responsibility and set him free from the inhibitions which fear generates, will enable him to attain even higher results. From the standpoint of the educator, this will entail the creation of the correct atmosphere around the child and in this atmosphere certain qualities will flourish and certain characteristics of responsibility and of goodwill will emerge. What is the nature of this atmosphere?

đồng thời tạo ra một trình độ thành tựu cá nhân cao? Chẳng phải cạnh tranh là một động lực chủ yếu cho mọi nỗ lực sao? Cho đến nay điều này đã là như vậy, *nhưng không nhất thiết phải như vậy*. Việc phát triển một bầu không khí nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm của đứa trẻ và giải phóng nó khỏi những ức chế do sợ hãi tạo ra, sẽ giúp nó đạt được những kết quả còn cao hơn. Từ quan điểm của nhà giáo dục, điều này sẽ đòi hỏi việc tạo ra bầu không khí đúng đắn quanh đứa trẻ, và trong bầu không khí này, một số phẩm tính sẽ nở rộ, và một số đặc tính về trách nhiệm và thiện chí sẽ xuất hiện. Bản chất của bầu không khí này là gì?

1. *An atmosphere of love* wherein fear is cast out and the child realizes that he has no cause for timidity. It is an atmosphere wherein he will receive courteous treatment and will be expected to be equally courteous to others. This is rare indeed to find in schoolrooms or in homes, for that matter. This atmosphere of love is not an emotional, sentimental form of love but is based upon a realization of the potentialities of the child as an individual, upon freedom from prejudice and racial antagonisms and upon a true compassionate tenderness. This compassionate attitude will be founded upon the recognition of the difficulty of daily living, upon sensitivity to a child's normally affectionate response, and upon the conviction that love always draws forth what is best in anyone.

1. *Một bầu không khí của tình thương*, trong đó sợ hãi bị xua đi và đứa trẻ nhận ra rằng nó không có lý do gì để rụt rè. Đó là một bầu không khí trong đó nó sẽ được đối xử lịch sự và sẽ được kỳ vọng cũng lịch sự như thế với người khác. Thật hiếm khi tìm thấy điều này trong lớp học hay trong gia đình. Bầu không khí tình thương này không phải là một hình thức tình yêu cảm xúc, ủy mị, mà dựa trên sự nhận ra các tiềm năng của đứa trẻ như một cá nhân, trên sự tự do khỏi định kiến và các đối kháng chủng tộc, và trên một sự dịu dàng đầy từ bi chân thật. Thái độ từ bi này sẽ được đặt nền trên việc nhận ra sự khó khăn của đời sống hằng ngày, trên sự nhạy cảm đối với đáp ứng trìu mến bình thường của một đứa trẻ, và trên niềm tin rằng tình thương luôn khơi dậy điều tốt đẹp nhất trong bất cứ ai.

2. *An atmosphere of patience.* It is in such an atmosphere that the child can learn the first rudiments of responsibility. The children being born in this period and who are now to be found everywhere are of high grade intelligence; without knowing it, they are spiritually alive and the first indication of this aliveness is a sense of responsibility.

2. *Một bầu không khí của sự kiên nhẫn.* Chính trong một bầu không khí như thế, đứa trẻ có thể học những điều sơ đẳng đầu tiên về trách nhiệm. Những đứa trẻ được sinh ra trong thời kỳ này và hiện nay có mặt ở khắp nơi đều có trí thông minh cao; không tự biết điều đó, chúng đang sống động về mặt tinh thần, và dấu hiệu đầu tiên của sự sống động

They know they are their [48] brother's keeper. The patient inculcation of this quality, the effort to make them shoulder small duties and to share responsibility will call for much patience on the part of the teacher but it is fundamental in determining a child's character for good and his future usefulness in the world.

này là ý thức trách nhiệm. Chúng biết rằng chúng là người gìn giữ [48] huynh đệ của mình. Việc kiên nhẫn gieo dạy phẩm tính này, nỗ lực khiến chúng gánh vác những nhiệm vụ nhỏ và chia sẻ trách nhiệm, sẽ đòi hỏi nhiều kiên nhẫn nơi người thầy, nhưng điều đó là căn bản trong việc định hình Tính cách của một đứa trẻ theo hướng tốt đẹp và tính hữu dụng tương lai của nó trong thế giới.

3. *An atmosphere of understanding*. So few teachers or parents explain to a child the reasons for the activities and the demands that are made upon him. But this explanation will inevitably evoke response, for a child thinks more than is realized and the process will inculcate in him a consideration of motives. Many of the things which an average child does are not wrong in themselves; they are prompted by a thwarted, inquiring spirit, by the impulse to retaliate for some injustice (based on the adult's lack of understanding his motivation), by an inability to employ time correctly and usefully and by an urge to attract attention. These are simply the initial gestures of the emerging individual. Older people are apt to foster in a child an early and unnecessary sense of wrong-doing; they lay emphasis upon petty little things which should be ignored but which are annoying. A correct sense of wrong action, based upon failure to preserve right group relations, is not developed but if a child is handled with understanding, then the truly wrong things, the infringements upon the rights of others, the encroachments of individual desire upon group requirements for personal gain, will emerge in right perspective and at the right time. Educators will need to remember that thousands of children have looked on constantly at evil deeds perpetrated by older people; this will have perverted their outlook, given them wrong standards and

3. *Một bầu không khí của sự thấu hiểu*. Rất ít giáo viên hay cha mẹ giải thích cho đứa trẻ những lý do của các hoạt động và những đòi hỏi đặt lên nó. Nhưng lời giải thích này chắc chắn sẽ gợi lên đáp ứng, vì đứa trẻ suy nghĩ nhiều hơn người ta tưởng, và tiến trình này sẽ gieo vào nó sự cân nhắc về các động cơ. Nhiều điều mà một đứa trẻ trung bình làm tự chúng không sai; chúng được thúc đẩy bởi một tinh thần tìm hiểu bị cản trở, bởi xung lực muốn trả đũa một bất công nào đó — dựa trên việc người lớn thiếu thấu hiểu động cơ của nó — bởi sự bất lực trong việc sử dụng thời gian một cách đúng đắn và hữu ích, và bởi một thôi thúc muốn thu hút sự chú ý. Đây chỉ đơn giản là những cử chỉ ban đầu của cá nhân đang xuất hiện. Người lớn thường có khuynh hướng nuôi dưỡng nơi đứa trẻ một ý thức sớm và không cần thiết về việc làm sai; họ nhấn mạnh những điều nhỏ nhặt vụn vặt đáng lẽ nên bỏ qua nhưng lại gây khó chịu. Một ý thức đúng đắn về hành động sai, dựa trên sự thất bại trong việc duy trì các mối quan hệ nhóm đúng đắn, chưa được phát triển; nhưng nếu một đứa trẻ được đối xử với sự thấu hiểu, thì những điều thật sự sai trái, những vi phạm quyền của người khác, những lấn chiếm của ham muốn cá nhân lên các yêu cầu của nhóm vì lợi ích cá nhân, sẽ xuất hiện trong đúng viễn cảnh và vào đúng thời điểm. Các nhà giáo dục sẽ cần nhớ rằng hàng ngàn trẻ em đã liên tục chứng kiến những hành vi xấu ác do người lớn gây ra; điều này sẽ làm

undermined right senior authority. A child is apt to become anti-social when he is not understood or when circumstances demand too much of him. [49]

méo mó quan điểm của chúng, trao cho chúng các tiêu chuẩn sai lạc và phá hoại thẩm quyền đúng đắn của người lớn. Một đứa trẻ dễ trở nên chống xã hội khi nó không được thấu hiểu hoặc khi hoàn cảnh đòi hỏi quá nhiều nơi nó. [49]

A right atmosphere, the imparting of a few correct principles, and much loving understanding are the prime requirements in the most difficult transitional period with which we are faced. An organized way of living will help much but the children we are considering have known little discipline. The work of sheer survival has been the prime preoccupation of their elders and of the children. It will be hard for them at first to react correctly to an imposed rhythm of living. Discipline will be needed but it must be the discipline of love and one which is carefully and exhaustively explained so that the child understands the reasons lying behind this mysterious new order of carrying on. The fatigue, inertia and lack of interest, incident to war and malnutrition, present definite difficulties at first. Educators and teachers will need to impose upon themselves a discipline of patience, understanding and love which will not be easy, for it will be paralleled by a profound sense of the difficulties to be overcome and the problems to be faced.

Một bầu không khí đúng đắn, việc truyền đạt một vài nguyên lý đúng và nhiều sự thấu hiểu đầy yêu thương là những yêu cầu hàng đầu trong giai đoạn chuyển tiếp khó khăn nhất mà chúng ta đang đối diện. Một cách sống có tổ chức sẽ giúp ích rất nhiều, nhưng những đứa trẻ mà chúng ta đang xem xét đã biết rất ít kỷ luật. Công việc sống sót đơn thuần đã là mối bận tâm hàng đầu của những người lớn quanh chúng và của chính trẻ em. Ban đầu, sẽ khó cho chúng phản ứng đúng đắn với một nhịp điệu sống được áp đặt. Kỷ luật sẽ cần thiết, nhưng đó phải là kỷ luật của tình thương và là một kỷ luật được giải thích cẩn thận và đầy đủ để đứa trẻ thấu hiểu những lý do nằm sau trật tự mới mẻ và bí ẩn này của cách tiếp tục sống. Sự mệt mỏi, Quán tính và thiếu quan tâm, vốn đi kèm với chiến tranh và suy dinh dưỡng, ban đầu tạo ra những khó khăn rõ rệt. Các nhà giáo dục và thầy cô sẽ cần tự áp đặt lên mình một kỷ luật của kiên nhẫn, thấu hiểu và tình thương; điều ấy sẽ không dễ dàng, vì nó sẽ song hành với một ý thức sâu sắc về những khó khăn phải vượt qua và những vấn đề phải đối diện.

Men and women of vision in every country must be found and mobilized and they are there; they must have the equipment they need and the backing of those whom they can trust. Too much must not be demanded at first, for the immediate need is not the impartation of facts but the dissipation of fear, the demonstration that love does exist in the world and the inculcation of a sense of security. Then and only then will it be

Những người nam và nữ có tầm nhìn ở mọi quốc gia phải được tìm ra và huy động, và họ đang có mặt ở đó; họ phải có trang bị họ cần và sự hậu thuẫn của những người mà họ có thể tin cậy. Ban đầu không nên đòi hỏi quá nhiều, vì nhu cầu trước mắt không phải là truyền đạt sự kiện, mà là làm tiêu tan sợ hãi, chứng minh rằng tình thương quả thật hiện hữu trong thế giới, và gieo dạy một ý thức an toàn. Khi ấy, và chỉ khi ấy, mới có thể tiến

possible to proceed with those more definite processes which will make the long range plan which some of us have visioned a possibility.

hành những tiến trình rõ ràng hơn, những tiến trình sẽ khiến kế hoạch dài hạn mà một số người trong chúng ta đã hình dung trở thành khả hữu.

The Long Range Plan

Kế Hoạch Dài Hạn

Let us now formulate a more extended plan for the future education of the children of the world. We have noted that in spite of universal educational processes [50] and many centres of learning in every country, we have not yet succeeded in giving our young people the kind of education which will enable them to live wholly and constructively. In terms of the last two or three thousand years, the development of world education has been progressively along three main lines, starting in the East and culminating today in the West. In Asia we have had the intensive training, down the centuries, of certain carefully chosen individuals and a complete neglect of the masses. Asia and Asia alone has produced those outstanding figures who are, even today, the object of universal veneration—Lao Tze, Confucius, the Buddha, Shri Krishna and the Christ. They have set Their mark upon millions and still do.

Giờ đây, chúng ta hãy hình thành một kế hoạch rộng hơn cho nền giáo dục tương lai của trẻ em thế giới. Chúng ta đã ghi nhận rằng, bất chấp các tiến trình giáo dục phổ quát [50] và nhiều trung tâm học tập trong mọi quốc gia, chúng ta vẫn chưa thành công trong việc trao cho người trẻ của mình loại giáo dục có thể giúp họ sống một cách trọn vẹn và xây dựng. Xét theo hai hay ba ngàn năm gần đây, sự phát triển của nền giáo dục thế giới đã tiến dần theo ba tuyến chính, khởi đầu ở phương Đông và ngày nay đạt đến cực điểm ở phương Tây. Ở châu Á, qua nhiều thế kỷ, chúng ta đã có sự huấn luyện chuyên sâu dành cho một số cá nhân được chọn lựa cẩn thận, đồng thời hoàn toàn bỏ mặc quần chúng. Châu Á, và chỉ riêng châu Á, đã sản sinh những nhân vật xuất chúng mà ngay cả ngày nay vẫn là đối tượng của sự tôn kính phổ quát — Lão Tử, Khổng Tử, Đức Phật, Shri Krishna và Đức Christ. Các Ngài đã in dấu ấn của Các Ngài lên hàng triệu người và vẫn còn tiếp tục như vậy.

Then in Europe, we have had educational attention concentrated upon a few privileged groups, giving them a carefully planned cultural training but teaching only the necessary rudiments of learning to the masses. This produced periodically such important epochs of cultural expression as the Elizabethan period, the Renaissance, the poets and writers of the Victorian era and the poets and musicians of Germany, as well as the clusters of artists whose memory is perpetuated in the Italian School, the Dutch and the Spanish groups.

Rồi tại châu Âu, sự chú ý giáo dục được tập trung vào một số nhóm đặc quyền, trao cho họ một sự huấn luyện văn hóa được hoạch định cẩn thận, nhưng chỉ dạy cho quần chúng những kiến thức sơ đẳng cần thiết của học vấn. Điều này theo chu kỳ đã tạo ra những thời kỳ quan trọng của sự biểu lộ văn hóa như thời Elizabeth, thời Phục hưng, các thi sĩ và nhà văn của thời Victoria, các thi sĩ và nhạc sĩ của nước Đức, cũng như những nhóm nghệ sĩ mà ký ức về họ được duy trì trong Trường phái Ý, các nhóm Hà Lan và Tây Ban Nha.

Finally, in the newer countries of the world, such as the United States, Australia and Canada, mass education was instituted and was largely copied throughout the entire civilized world. The general level of cultural attainment became much lower; the level of mass information and competency considerably higher. The question now arises: What will be the next evolutionary development in the educational world? What will happen after this complete world breakdown and the recognized failure of the educational systems to avert it?

Cuối cùng, tại các quốc gia mới hơn của thế giới, như Hoa Kỳ, Úc và Canada, giáo dục đại chúng đã được thiết lập và phần lớn được sao chép khắp toàn bộ thế giới văn minh. Trình độ thành tựu văn hóa nói chung trở nên thấp hơn nhiều; mức độ thông tin và năng lực của quần chúng cao hơn đáng kể. Câu hỏi giờ đây nảy sinh: Sự phát triển tiến hoá kế tiếp trong thế giới giáo dục sẽ là gì? Điều gì sẽ xảy ra sau sự sụp đổ hoàn toàn của thế giới này và sự thất bại đã được thừa nhận của các hệ thống giáo dục trong việc ngăn chặn nó?

Let us remember one important thing. What education can do along undesirable lines has been well [51] demonstrated in Germany with its wrecking of idealism, its inculcation of wrong human relations and attitudes and its glorification of all that is most selfish, brutal and aggressive. Germany has proved that educational processes when properly organized and supervised, systematically planned and geared to an ideology, are potent in effect, especially if the child is taken young enough and if he is shielded from all contrary teaching for a long enough time. Since that time Russia has used the same system. Let us remember that this demonstrated potency can work two ways and that what has been wrought out along wrong lines can be equally successful along right ones in a wholesome atmosphere of freedom.

Chúng ta hãy nhớ một điều quan trọng. Những gì giáo dục có thể làm theo các tuyến không mong muốn đã được [51] chứng minh rõ ràng ở Đức, với việc phá hủy lý tưởng, gieo dạy các mối quan hệ và thái độ nhân loại sai lạc, và tôn vinh tất cả những gì ích kỷ nhất, tàn bạo nhất và hiếu chiến nhất. Nước Đức đã chứng minh rằng các tiến trình giáo dục, khi được tổ chức và giám sát đúng cách, được hoạch định có hệ thống và gắn với một hệ tư tưởng, có tác dụng mạnh mẽ, đặc biệt nếu đứa trẻ được tiếp nhận khi còn đủ nhỏ và nếu y được che chắn khỏi mọi giáo huấn trái ngược trong một thời gian đủ dài. Từ đó, nước Nga đã dùng cùng một hệ thống. Chúng ta hãy nhớ rằng quyền năng đã được chứng minh này có thể vận hành theo hai hướng, và những gì đã được tạo tác theo các tuyến sai lạc cũng có thể thành công tương đương theo các tuyến đúng đắn trong một bầu không khí lành mạnh của tự do.

We need also to do two things: We must place the emphasis educationally upon those who are under sixteen years of age, and the younger the better and, secondly, we must begin with what we have, even while recognizing the limitations of the present systems. We must strengthen those aspects which are good and desirable; we must

Chúng ta cũng cần làm hai điều: Về mặt giáo dục, chúng ta phải đặt trọng tâm vào những người dưới mười sáu tuổi, và càng nhỏ càng tốt; thứ hai, chúng ta phải bắt đầu với những gì mình có, ngay cả khi nhận ra các giới hạn của những hệ thống hiện nay. Chúng ta phải củng cố những phương diện tốt đẹp và đáng mong muốn; chúng ta phải loại bỏ những

eliminate those which have proved inadequate in fitting men to cope with their environment; we must develop the new attitudes and techniques which will fit a child for complete living and so make him truly human—a creative, constructive member of the human family. The very best of all that is past must be preserved but should only be regarded as the foundation for a better system and a wiser approach to *the goal of world citizenship.*

phương diện đã tỏ ra không đủ để giúp con người ứng phó với môi trường của họ; chúng ta phải phát triển những thái độ và kỹ thuật mới sẽ trang bị cho đứa trẻ một đời sống trọn vẹn, và nhờ đó làm cho nó thật sự là con người — một thành viên sáng tạo, xây dựng của gia đình nhân loại. Điều tốt đẹp nhất trong tất cả những gì thuộc quá khứ phải được gìn giữ, nhưng chỉ nên được xem như nền tảng cho một hệ thống tốt đẹp hơn và một cách tiếp cận minh triết hơn đối với *mục tiêu của quyền công dân thế giới.*

It might be of value at this point to define what education can be, if it is impulsed by true vision and made responsive to sensed world need and to the demands of the times.

Ở điểm này, có thể có giá trị khi định nghĩa giáo dục có thể là gì, nếu nó được thúc đẩy bởi tầm nhìn chân thật và được làm cho đáp ứng với nhu cầu thế giới được cảm nhận cũng như với các đòi hỏi của thời đại.

Education is the training, intelligently given, which will enable the youth of the world to contact their environment with intelligence and sanity, and adapt themselves to the existing conditions. This is of prime [52] importance and is one of the signposts in the world today.

Giáo dục là sự huấn luyện, được trao truyền một cách sáng suốt, sẽ giúp thanh thiếu niên của thế giới tiếp xúc với môi trường của họ bằng trí tuệ và sự lành mạnh, và thích nghi với các điều kiện hiện hữu. Điều này có tầm quan trọng hàng đầu [52] và là một trong những cột mốc chỉ đường trong thế giới ngày nay.

Education is a process whereby the child is equipped with the information which will enable him to act as a good citizen and perform the functions of a wise parent. It should take into consideration his inherent tendencies, his racial and national attributes and then endeavour to add to these that knowledge which will lead him to work constructively in his particular world setting and prove himself a useful citizen. The general trend of his education will be more psychological than in the past and the information thus gained will be geared to his peculiar situation. All children have certain assets and should be taught how to use them; these they share with the whole of

Giáo dục là một tiến trình nhờ đó đứa trẻ được trang bị những thông tin sẽ giúp nó hành xử như một công dân tốt và thực hiện các chức năng của một bậc cha mẹ minh triết. Giáo dục phải xét đến các khuynh hướng cố hữu của nó, các thuộc tính chủng tộc và quốc gia của nó, rồi cố gắng thêm vào đó tri thức sẽ dẫn nó đến việc làm việc một cách xây dựng trong bối cảnh thế giới riêng của nó và chứng tỏ mình là một công dân hữu dụng. Khuynh hướng chung trong nền giáo dục của nó sẽ mang tính tâm lý hơn so với quá khứ, và thông tin nhờ đó đạt được sẽ được gắn với hoàn cảnh đặc thù của nó. Mọi trẻ em đều có một số tài sản nội tại và phải được dạy cách sử dụng chúng; những điều

humanity, irrespective of race or nationality. Educators will, therefore, lay emphasis in the future upon:

này chúng chia sẻ với toàn thể nhân loại, bất kể chủng tộc hay quốc tịch. Do đó, trong tương lai, các nhà giáo dục sẽ nhấn mạnh vào:

1. A developing mental control of the emotional nature.

1. Một sự kiểm soát trí tuệ đang phát triển đối với bản chất cảm xúc.

2. Vision or the capacity to see beyond what is to what might be.

2. Tầm nhìn, hay khả năng thấy vượt khỏi cái đang là để hướng đến cái có thể là.

3. Inherited, factual knowledge upon which it will be possible to superimpose the wisdom of the future.

3. Tri thức sự kiện được thừa hưởng, trên đó có thể đặt thêm minh triết của tương lai.

4. Capacity wisely to handle relationships and to recognize and assume responsibility.

4. Khả năng xử lý các mối quan hệ một cách minh triết, và nhận ra cũng như đảm nhận trách nhiệm.

5. The power to use the mind in two ways:

5. Quyền năng sử dụng trí tuệ theo hai cách:

a. As the "commonsense" (using this word in its old connotation), analysing and synthesizing the information conveyed by the five senses.

a. Như "giác quan chung" — dùng từ này theo nghĩa xưa của nó — phân tích và tổng hợp thông tin do năm giác quan truyền đạt.

b. As a searchlight, penetrating into the world of ideas and of abstract truth.

b. Như một ngọn đèn pha, xuyên thấu vào thế giới của các ý tưởng và của chân lý trừu tượng.

Knowledge comes from two directions. It is the result of the intelligent use of the five senses and it is also developed from the attempt to seize upon and [53] understand ideas. Both of these are implemented by curiosity and investigation.

Tri thức đến từ hai hướng. Nó là kết quả của việc sử dụng năm giác quan một cách sáng suốt, và nó cũng được phát triển từ nỗ lực nắm bắt và [53] thấu hiểu các ý tưởng. Cả hai điều này đều được thực hiện nhờ sự tò mò và khảo sát.

Education should be of three kinds and all three are necessary to bring humanity to a needed point of development.

Giáo dục phải gồm ba loại, và cả ba đều cần thiết để đưa nhân loại đến một điểm phát triển cần thiết.

It is, first of all, a process of acquiring facts—past and present—and of then learning to infer and gather from this mass of information, gradually accumulated, that which can be of practical use in any given situation. This process involves the fundamentals of our present educational systems.

Trước hết, đó là một tiến trình thu nhận các sự kiện — quá khứ và hiện tại — rồi học cách suy ra và rút lấy từ khối thông tin được tích lũy dần dần ấy những gì có thể có giá trị thực tiễn trong bất kỳ tình huống nào được đưa ra. Tiến trình này bao gồm các nền tảng của những hệ thống giáo dục hiện nay của chúng ta.

It is, secondly, a process of learning wisdom as an outgrowth of knowledge and of grasping understandingly the meaning which lies behind the outer imparted facts. It is the power to apply knowledge in such a manner that sane living and an understanding point of view, plus an intelligent technique of conduct, are the natural results. This also involves training for specialized activities, based upon innate tendencies, talents or genius.

Thứ hai, đó là một tiến trình học minh triết như một sự tăng trưởng từ tri thức, và nắm bắt một cách thấu hiểu ý nghĩa nằm sau các sự kiện bên ngoài được truyền đạt. Đó là quyền năng áp dụng tri thức theo một cách khiến đời sống lành mạnh và một quan điểm thấu hiểu, cộng với một kỹ thuật hành xử sáng suốt, trở thành những kết quả tự nhiên. Điều này cũng bao gồm việc huấn luyện cho các hoạt động chuyên biệt, dựa trên các khuynh hướng bẩm sinh, tài năng hoặc thiên tư.

It is a process whereby unity or a sense of synthesis is cultivated. Young people in the future will be taught to think of themselves in relation to the group, to the family unit and to the nation in which their destiny has put them. They will also be taught to think in terms of world relationship, and of their nation in its relation to other nations. This covers training for citizenship, for parenthood, and for world understanding; it is basically psychological and should convey an understanding of humanity. When this type of training is given, we shall develop men and women who are both civilized and cultured and who will also possess the capacity to move forward (as life unfolds) into that world of meaning which underlies the world of outer phenomena and who will begin to view human happenings [54] in terms of the deeper spiritual and universal values.

Đó là một tiến trình nhờ đó sự thống nhất hay một ý thức tổng hợp được vun bồi. Trong tương lai, người trẻ sẽ được dạy nghĩ về chính họ trong mối liên hệ với nhóm, với đơn vị gia đình và với quốc gia nơi định mệnh đã đặt họ vào. Họ cũng sẽ được dạy suy nghĩ theo những mối liên hệ thế giới, và về quốc gia của họ trong mối liên hệ với các quốc gia khác. Điều này bao gồm việc huấn luyện cho quyền công dân, cho vai trò làm cha mẹ, và cho sự thấu hiểu thế giới; về căn bản, nó mang tính tâm lý và phải truyền đạt một sự thấu hiểu về nhân loại. Khi loại huấn luyện này được trao, chúng ta sẽ phát triển những người nam và nữ vừa văn minh vừa có văn hóa, và cũng sở hữu khả năng tiến bước — khi đời sống khai mở — vào Thế giới của ý nghĩa nằm dưới thế giới của các hiện tượng bên ngoài, và sẽ bắt đầu nhìn các biến cố nhân loại [54] theo các giá trị tinh thần và phổ quát sâu xa hơn.

Education should be the process whereby youth is taught to reason from cause to effect, to know the reason why certain actions are bound inevitably to produce certain results and why—given a certain emotional and mental equipment, plus an ascertained psychological rating—definite life trends can be determined and certain professions and life careers provide the right setting for development and a useful and profitable field of experience.

Giáo dục phải là tiến trình nhờ đó thanh thiếu niên được dạy suy luận từ nguyên nhân đến kết quả, biết lý do vì sao một số hành động chắc chắn không tránh khỏi sẽ tạo ra những kết quả nhất định, và vì sao — khi có một trang bị cảm xúc và trí tuệ nào đó, cộng với một mức đánh giá tâm lý đã được xác định — các khuynh hướng đời sống rõ rệt có thể được xác định, và một số nghề nghiệp cùng sự nghiệp đời sống cung cấp bối cảnh đúng đắn cho sự phát triển và một trường kinh nghiệm hữu ích, sinh lợi.

Some attempts along this line have been undertaken by certain colleges and schools in an effort to ascertain the psychological aptitudes of a boy or a girl for certain vocations but the whole effort is still amateurish in nature. When made more scientific it opens the door for training in the sciences; it gives significance and meaning to history, biography and learning and thus avoids the bare impartation of facts and the crude process of memory training which has been distinctive of past methods.

Một số nỗ lực theo tuyến này đã được một số trường cao đẳng và trường học tiến hành, trong cố gắng xác định các năng khiếu tâm lý của một thiếu niên hay thiếu nữ đối với một số nghề nghiệp, nhưng toàn bộ nỗ lực vẫn còn mang tính nghiệp dư. Khi được làm cho khoa học hơn, nó mở cánh cửa cho sự huấn luyện trong các khoa học; nó trao thâm nghĩa và ý nghĩa cho lịch sử, tiểu sử và học vấn, và nhờ đó tránh được việc truyền đạt trần trụi các sự kiện cùng tiến trình thô sơ của việc rèn luyện trí nhớ, vốn là đặc điểm của các phương pháp quá khứ.

The new education will consider a child with due reference to his heredity, his social position, his national conditioning, his environment and his individual mental and emotional equipment and will seek to throw the entire world of effort open to him, pointing out that apparent barriers to progress are only spurs to renewed endeavour. They will thus seek to “lead him out” (the true meaning of the word “education”) from any limiting condition and train him to think in terms of constructive world citizenship. Growth and still more growth will be emphasized.

Nền giáo dục mới sẽ xem xét một đứa trẻ với sự tham chiếu thích đáng đến di truyền của nó, vị trí xã hội của nó, sự tác động quốc gia lên nó, môi trường của nó và trang bị trí tuệ cùng cảm xúc cá nhân của nó, và sẽ tìm cách mở ra cho nó toàn bộ thế giới nỗ lực, chỉ ra rằng những rào cản có vẻ ngăn bước tiến chỉ là những động lực thúc đẩy nỗ lực mới. Như vậy, họ sẽ tìm cách “dẫn nó ra ngoài” — ý nghĩa đích thực của từ “giáo dục” — khỏi bất kỳ điều kiện giới hạn nào và huấn luyện nó suy nghĩ theo quyền công dân thế giới có tính xây dựng. Sự tăng trưởng và còn tăng trưởng hơn nữa sẽ được nhấn mạnh.

The educator of the future will approach the problem of youth from the angle of the

Nhà giáo dục của tương lai sẽ tiếp cận vấn đề thanh thiếu niên từ góc độ phản ứng bản

children's instinctual reaction, their intellectual capacity and their intuitional potentiality. In infancy and in the earlier school grades, [55] the development of right instinctual reactions will be watched and cultivated; in the later grades, in what is equivalent to the high schools or the secondary schools, the intellectual unfoldment and control of the mental processes will be emphasized; whilst in the colleges and universities the unfoldment of the intuition, the importance of ideas and ideals and the development of abstract thinking and perception will be fostered; this latter phase will be soundly based upon the previous sound intellectual foundation. These three factors—instinct, intellect and intuition—provide the keynotes for the three scholastic institutions through which every young person will pass and through which, today, many thousands do pass.

năng của trẻ em, năng lực trí tuệ và tiềm năng trực giác của chúng. Trong thời thơ ấu và các lớp đầu của trường học, [55] sự phát triển của các phản ứng bản năng đúng đắn sẽ được quan sát và vun bồi; ở các lớp sau, tương đương với trung học phổ thông hay trung học, sự khai mở trí năng và việc kiểm soát các tiến trình tư duy sẽ được nhấn mạnh; trong khi đó, tại các trường cao đẳng và đại học, sự khai mở của trực giác, tầm quan trọng của các ý tưởng và lý tưởng, cùng sự phát triển của tư duy và tri giác trừu tượng sẽ được nuôi dưỡng; giai đoạn sau cùng này sẽ được đặt nền vững chắc trên nền tảng trí năng lành mạnh trước đó. Ba yếu tố này — bản năng, trí năng và trực giác — cung cấp các chủ âm cho ba cơ sở học đường mà mọi người trẻ sẽ đi qua và qua đó, ngày nay, nhiều ngàn người đang đi qua.

In the modern schools (grammar or primary schools, high or secondary schools, colleges or universities) there can be seen an imperfect but symbolic picture of the triple objectives of the coming education: Civilization, Culture and world Citizenship or unity.

Trong các trường học hiện đại — trường sơ cấp hay tiểu học, trường trung học phổ thông hay trung học, cao đẳng hay đại học — có thể thấy một bức tranh không hoàn hảo nhưng mang tính biểu tượng về các mục tiêu tam phân của nền giáo dục sắp đến: Văn minh, Văn hóa và quyền công dân thế giới hay sự thống nhất.

The primary schools might be regarded as the custodians of civilization; they should begin to train the child in the nature of the world in which he should play his part, teaching him his place in the group and preparing him for intelligent living and right social relations. Reading, writing and arithmetic, elementary history (with the emphasis upon world history), geography and poetry will be taught and certain basic and important facts of living imparted, plus the inculcation of self-control.

Các trường tiểu học có thể được xem là những người gìn giữ văn minh; họ phải bắt đầu huấn luyện đứa trẻ về bản chất của thế giới trong đó nó phải đóng vai trò của mình, dạy nó vị trí của nó trong nhóm và chuẩn bị cho nó một đời sống sáng suốt cùng các mối quan hệ xã hội đúng đắn. Đọc, viết và số học, lịch sử sơ đẳng — với sự nhấn mạnh vào lịch sử thế giới — địa lý và thơ ca sẽ được giảng dạy, và một số sự kiện căn bản, quan trọng của đời sống sẽ được truyền đạt, cộng với việc gieo dạy sự tự chủ.

The secondary schools will regard themselves as the custodians of culture; they should emphasize the larger values of history and literature and give some understanding of art. They should begin to train the boy or girl for that future profession or mode of life which it is obvious will *condition* them. Citizenship will then be taught in larger terms and the world of true values be [56] pointed out and idealism consciously and definitely cultivated. The practical application of ideals will be emphasized.

Các trường trung học sẽ xem mình là những người gìn giữ văn hóa; họ phải nhấn mạnh các giá trị rộng lớn hơn của lịch sử và văn học, đồng thời trao một số thấu hiểu về nghệ thuật. Họ phải bắt đầu huấn luyện thiếu niên hay thiếu nữ cho nghề nghiệp tương lai hoặc phương thức sống mà rõ ràng sẽ *tác động* lên họ. Khi ấy, quyền công dân sẽ được dạy theo những phạm vi rộng lớn hơn, và thế giới của các giá trị chân thật sẽ được [56] chỉ ra, còn lý tưởng chủ nghĩa sẽ được vun bồi một cách có ý thức và rõ rệt. Việc áp dụng thực tiễn các lý tưởng sẽ được nhấn mạnh.

Our colleges and universities should be a higher extension of all that has been already done. They should beautify and complete the structure already erected and should deal more directly with the world of meaning. International problems—economic, social, political and religious—should be considered and the man or woman related still more definitely to the world as a whole. This in no way indicates neglect of individual or national problems or undertakings but it seeks to incorporate them into the whole as integral and effective parts, and thus avoids the separative attitudes which have brought about the downfall of our modern world.

Các trường cao đẳng và đại học của chúng ta phải là phần mở rộng cao hơn của tất cả những gì đã được thực hiện. Chúng phải làm đẹp và hoàn tất cấu trúc đã được dựng nên, và phải đề cập trực tiếp hơn đến Thế giới của ý nghĩa. Các vấn đề quốc tế — kinh tế, xã hội, chính trị và tôn giáo — phải được xem xét, và người nam hay người nữ phải được liên hệ một cách xác định hơn nữa với toàn thế giới. Điều này tuyệt nhiên không hàm ý sự bỏ bê các vấn đề hay công trình cá nhân hoặc quốc gia, mà nhằm đưa chúng vào trong toàn thể như những phần tích hợp và hữu hiệu, nhờ đó tránh được những thái độ chia rẽ vốn đã đưa thế giới hiện đại của chúng ta đến chỗ suy sụp.

It might prove later (when true religion is again restored) that this training will be fundamentally *spiritual*, using that word to mean understanding, helpfulness, brotherhood, right human relations and a belief in the reality of the world behind the phenomenal scene. The fitting of a man for citizenship in the kingdom of God is *not* a religious activity to be handled exclusively by the churches and through theological teaching, though there is much that they can do to help. It is surely the task of the

Về sau, có thể sẽ chứng tỏ rằng, khi tôn giáo chân chính được phục hồi trở lại, sự huấn luyện này về căn bản sẽ là *tinh thần*, dùng từ ấy để chỉ sự thấu hiểu, sự giúp đỡ, tình huynh đệ, các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, và niềm tin vào thực tại của thế giới đằng sau cảnh tượng hiện tượng. Việc chuẩn bị một con người cho tư cách công dân trong Thiên Giới *không* phải là một hoạt động tôn giáo để các giáo hội xử lý độc quyền và thông qua giáo huấn thần học, dù các giáo hội có thể làm rất nhiều để trợ giúp.

higher education, giving purpose and significance to all that has been done.

Chắc chắn đó là nhiệm vụ của nền giáo dục bậc cao, khi nó đem lại mục đích và thâm nghĩa cho tất cả những gì đã được thực hiện.

The following sequence suggests itself as we consider the curriculum to be planned for the youth of the immediate generations:

Chuỗi trình tự sau đây tự gợi ra khi chúng ta xét đến chương trình học cần được hoạch định cho thanh thiếu niên của các thế hệ sắp tới:

Primary education.....Civilization.....ages: 4-12

Giáo dục tiểu học.....Văn minh.....tuổi: 4-12

Secondary education..Culture.....ages: 12-18

Giáo dục trung học..Văn hóa.....tuổi: 12-18

Higher education.....World citizenship..ages: 18-25

Giáo dục bậc cao.....Công dân thế giới..tuổi: 18-25

In the future, education will make a far wider use of psychology than heretofore. A trend in this direction is already to be seen. The nature—physical, vital, emotional [57] and mental—of the boy or girl will be carefully investigated and his incoherent life purposes directed along right lines; he will be taught to recognize himself as the one who acts, who feels and who thinks. Thus the responsibility of the central "I", or the occupant of the body will be taught. This will alter the entire present attitude of the youth of the world to their surroundings and foster, from their earliest days, the recognition of a part to be played and a responsibility to be assumed. Education will be regarded as a method of preparation for that useful and interesting future.

Trong tương lai, giáo dục sẽ sử dụng tâm lý học rộng rãi hơn nhiều so với trước đây. Một khuynh hướng theo chiều hướng này đã có thể được thấy rõ. Bản chất — thể chất, sinh lực, cảm xúc [57] và trí tuệ — của bé trai hay bé gái sẽ được khảo sát cẩn thận, và các mục đích sống rời rạc của em sẽ được hướng dẫn theo những đường lối đúng đắn; em sẽ được dạy để nhận ra chính mình là kẻ hành động, kẻ cảm nhận và kẻ suy nghĩ. Như thế, trách nhiệm của cái "Tôi" trung tâm, hay của chủ thể cư ngụ trong thân thể, sẽ được giảng dạy. Điều này sẽ làm thay đổi toàn bộ thái độ hiện nay của thanh thiếu niên thế giới đối với môi trường chung quanh, và ngay từ những ngày đầu đời, nuôi dưỡng nơi họ sự nhận biết về một vai trò cần đảm nhận và một trách nhiệm cần gánh vác. Giáo dục sẽ được xem như một phương pháp chuẩn bị cho tương lai hữu ích và thú vị ấy.

It, therefore, becomes increasingly apparent that the coming education could be defined in a new and broader sense as the Science of Right Human Relations and of Social

Do đó, ngày càng trở nên rõ ràng rằng nền giáo dục sắp tới có thể được định nghĩa theo một ý nghĩa mới mẻ và rộng lớn hơn là Khoa Học về Các Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa

Organization. This gives a comparatively new purpose to any curriculum imparted and yet indicates that nothing hitherto included need be excluded, only a better motivation will be obvious and a nationalistic, selfish presentation avoided. If history is, for instance, presented on the basis of the conditioning ideas which have led humanity onward and not on the basis of aggressive wars and international or national thievery, then education will concern itself with the right perception and use of ideas, of their transformation into working ideals and their application as the will-to-good, the will-to-truth and the will-to-beauty. Thus a much needed alteration of humanity's aims from our present competitive and materialistic objectives into those that will more fully express the Golden Rule will come about and right relations between individuals, groups, parties, nations and throughout the entire international world will be established.

Người Với Người và về Tổ Chức Xã Hội. Điều này đem lại một mục đích tương đối mới cho mọi chương trình học được truyền đạt, đồng thời cho thấy rằng không cần loại bỏ điều gì đã được đưa vào trước đây; chỉ cần một động cơ tốt đẹp hơn trở nên hiển nhiên, và tránh cách trình bày mang tính dân tộc chủ nghĩa, ích kỷ. Chẳng hạn, nếu lịch sử được trình bày trên nền tảng các ý tưởng tác động vốn đã dẫn dắt nhân loại tiến lên, chứ không dựa trên các cuộc chiến tranh xâm lược và sự cướp đoạt quốc tế hay quốc gia, thì giáo dục sẽ quan tâm đến sự nhận thức đúng đắn và việc sử dụng đúng các ý tưởng, đến sự chuyển đổi chúng thành những lý tưởng có thể vận hành, và đến việc áp dụng chúng như Ý Chí-hướng Thiện, ý chí hướng tới chân lý và ý chí hướng tới cái đẹp. Như thế, sự thay đổi rất cần thiết trong các mục tiêu của nhân loại — từ những mục tiêu cạnh tranh và duy vật hiện nay sang những mục tiêu sẽ biểu lộ đầy đủ hơn Quy Luật Vàng — sẽ diễn ra, và các mối quan hệ đúng đắn giữa cá nhân, nhóm, đảng phái, quốc gia và trên toàn thế giới quốc tế sẽ được thiết lập.

Increasingly, education should be concerned with the wholes of life as well as with the details of daily individual living. The child, as an individual, will be developed and equipped, trained and motivated and [58] then taught his responsibilities to the whole and the value of the contribution which he can and must make to the group.

Ngày càng nhiều hơn, giáo dục phải quan tâm đến các toàn thể của sự sống cũng như đến những chi tiết của đời sống cá nhân hằng ngày. Đứa trẻ, với tư cách một cá nhân, sẽ được phát triển và trang bị, huấn luyện và tạo động lực, rồi [58] được dạy về các trách nhiệm của mình đối với toàn thể và giá trị của phần đóng góp mà em có thể và phải đem đến cho nhóm.

It is perhaps a platitude to say that education should occupy itself necessarily with the development of the reasoning powers of the child and not primarily—as is now usually the case—with the training of the memory and the parrot-like recording of facts and dates and uncorrelated and ill-digested items of information. The history

Có lẽ nói rằng giáo dục tất yếu phải chú tâm đến việc phát triển các năng lực lý luận của đứa trẻ, chứ không chủ yếu — như hiện nay thường là vậy — đến việc rèn luyện trí nhớ và sự ghi chép như vẹt các sự kiện, niên đại cùng những mẩu thông tin rời rạc, chưa được tiêu hóa, là một điều sáo mòn. Lịch sử về sự tăng trưởng các quan năng tri giác của

of the growth of man's perceptive faculties under differing national and racial conditions is of profound interest. The outstanding figures of history, literature and art and of religion will surely be studied from the angle of their effect and their influence for good or evil upon their period; the quality and purpose of their leadership will be considered. Thus the child will absorb a vast amount of historical information, of creative activity and of idealism and philosophy not only with the maximum of ease but with permanent effect upon his character.

con người dưới những điều kiện quốc gia và chủng tộc khác nhau là điều hết sức đáng quan tâm. Những nhân vật nổi bật trong lịch sử, văn học, nghệ thuật và tôn giáo chắc chắn sẽ được nghiên cứu từ góc độ tác động và ảnh hưởng thiện hay ác của họ đối với thời đại mình; phẩm tính và mục đích của sự lãnh đạo nơi họ sẽ được xem xét. Như thế, đứa trẻ sẽ hấp thụ một lượng lớn thông tin lịch sử, hoạt động sáng tạo, chủ nghĩa lý tưởng và triết học, không chỉ với mức độ dễ dàng tối đa mà còn với tác động lâu dài lên Tính cách của em.

The continuity of effort, the effects upon civilization of ancient tradition, good and evil happenings and the interplay of varying cultural aspects of civilization will be brought to his attention and the dry-as-dust information, dates and names will fall into the discard. All branches of human knowledge could, in this way, come alive and reach a new level of constructive usefulness. There is already a definite tendency in this direction and it is good and sound. The past of Humanity as the foundation for present happenings, and the present as the determining factor for the future will increasingly be recognized and thus great and needed changes will be brought about in human psychology as a whole.

Sự liên tục của nỗ lực, các tác động của truyền thống cổ xưa lên văn minh, những biến cố thiện và ác, và sự tương tác giữa các phương diện văn hóa khác nhau của văn minh sẽ được đưa đến sự chú ý của em, còn những thông tin khô khan như bụi, các niên đại và tên gọi sẽ bị loại bỏ. Bằng cách này, mọi ngành tri thức nhân loại đều có thể trở nên sống động và đạt đến một cấp độ mới của tính hữu dụng xây dựng. Đã có một khuynh hướng rõ rệt theo chiều hướng này, và đó là điều tốt đẹp, lành mạnh. Quá khứ của Nhân loại với tư cách nền tảng cho các biến cố hiện tại, và hiện tại với tư cách nhân tố quyết định tương lai, sẽ ngày càng được nhận biết; nhờ vậy, những thay đổi lớn lao và cần thiết sẽ được đem lại trong toàn bộ tâm lý nhân loại.

The creative aptitude of the human being should also, under the new era, receive fuller attention; the child will be spurred on to individual effort suited to [59] his temperament and capacity. Thus he will be induced to contribute what he can of beauty to the world and of right thought to the sum total of human thinking; he will be encouraged to investigate and the world of science will open up before him. Behind all

Trong kỷ nguyên mới, năng khiếu sáng tạo của con người cũng phải được chú ý đầy đủ hơn; đứa trẻ sẽ được thúc đẩy hướng tới nỗ lực cá nhân phù hợp với [59] khí chất và năng lực của em. Như thế, em sẽ được khơi động để đóng góp những gì mình có thể về cái đẹp cho thế giới, và về tư tưởng đúng đắn cho tổng thể tư duy của nhân loại; em sẽ được khuyến khích khảo cứu, và thế giới khoa học sẽ mở ra trước em. Đằng sau mọi

these applied incentives, the motives of goodwill and right human relations will be found.

động lực ứng dụng này, người ta sẽ thấy các động cơ của thiện chí và các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người.

Finally, education should surely present the hypothesis of the soul in man as the interior factor which produces the good, the true and the beautiful. Creative expression and humanitarian effort will, therefore, receive a logical basis. This will not be done through a theological or doctrinal presentation, as is today the case, but as presenting a problem for investigation and as an effort to answer the question: What is man? What is his intrinsic purpose in the scheme of things? The livingness of the influence and the proclaimed purpose behind the constant appearance of spiritual, cultural and artistic world leaders down the ages will be studied and their lives subjected to research, both historical and psychological. This will open up before the youth of the world the entire problem of leadership and of motive. Education will, therefore, be given in the form of human interest, human achievement and human possibility. This will be done in such a manner that the content of the student's mind will not only be enriched with historical and literary facts but his imagination will be fired and his ambition and aspiration evoked along true and right lines; the world of past human effort will be presented to him in a truer perspective and the future thrown open to him also in an appeal for his individual effort and personal contribution.

Sau cùng, giáo dục chắc chắn phải trình bày giả thuyết về linh hồn trong con người như nhân tố nội tại tạo ra điều thiện, điều chân và điều mỹ. Do đó, sự biểu hiện sáng tạo và nỗ lực nhân đạo sẽ nhận được một nền tảng hợp lý. Điều này sẽ không được thực hiện thông qua một sự trình bày thần học hay giáo điều, như hiện nay, mà bằng cách nêu ra một vấn đề để khảo cứu và như một nỗ lực trả lời câu hỏi: Con người là gì? Mục đích nội tại của y trong hệ thống vạn vật là gì? Tính sống động của ảnh hưởng và mục đích được tuyên xưng đằng sau sự xuất hiện liên tục của các nhà lãnh đạo thế giới về tinh thần, văn hóa và nghệ thuật qua các thời đại sẽ được nghiên cứu, và đời sống của họ sẽ được khảo cứu cả về mặt lịch sử lẫn tâm lý học. Điều này sẽ mở ra trước thanh thiếu niên thế giới toàn bộ vấn đề về lãnh đạo và động cơ. Do đó, giáo dục sẽ được trao truyền dưới hình thức mối quan tâm đến con người, thành tựu của con người và khả năng của con người. Điều này sẽ được thực hiện theo cách khiến nội dung trong trí tuệ của học sinh không chỉ được làm phong phú bằng các sự kiện lịch sử và văn học, mà Sự tưởng tượng của y còn được khơi lửa, tham vọng và khát vọng của y được gợi lên theo những đường lối chân thực và đúng đắn; thế giới của nỗ lực nhân loại trong quá khứ sẽ được trình bày cho y trong một viễn cảnh chân thực hơn, và tương lai cũng sẽ mở ra trước y như một lời kêu gọi nỗ lực cá nhân và sự đóng góp riêng của y.

The above in no way implies an indictment of past methods except in so far that the world today itself presents an indictment; it does not either constitute an [60] impractical vision or a mystical hope, based

Những điều trên tuyệt nhiên không hàm ý một sự kết tội các phương pháp quá khứ, ngoại trừ trong chừng mực chính thế giới ngày nay tự nó đã đưa ra sự kết tội; cũng không cấu thành một [60] tầm nhìn phi thực

on wishful thinking. It concerns an attitude to life and the future which many thousands of people hold today, and among them many educators in every country. The errors and mistakes of the past techniques are obvious but there is no need to waste time in emphasizing them or in piling up instances.

tiễn hay một hy vọng thần bí, dựa trên lối suy nghĩ ước muốn. Nó liên quan đến một thái độ đối với sự sống và tương lai mà ngày nay nhiều ngàn người đang giữ, và trong số họ có nhiều nhà giáo dục ở mọi quốc gia. Những sai lầm và thiếu sót của các kỹ thuật quá khứ là hiển nhiên, nhưng không cần lãng phí thời gian để nhấn mạnh chúng hay chồng chất các ví dụ.

What is needed is a realization of the immediate opportunity, plus the recognition that the required shift in objectives and change in methods will take much time. We shall have to train our teachers differently and much time will elapse as we grope for the new and better ways, develop the new textbooks and find the men and women who can be impressed with the new vision and who will work for the new civilization. We seek here to emphasize principles with the recognition that many of them are by no means new but that they require new emphasis. Now is the day of opportunity.

Điều cần thiết là một sự nhận biết về cơ hội trước mắt, cộng với sự nhận biết rằng sự chuyển dịch cần thiết trong các mục tiêu và sự thay đổi trong các phương pháp sẽ mất nhiều thời gian. Chúng ta sẽ phải huấn luyện các giáo viên của mình theo cách khác, và nhiều thời gian sẽ trôi qua khi chúng ta dò dẫm tìm những đường lối mới mẻ và tốt đẹp hơn, phát triển các sách giáo khoa mới, và tìm những người nam và nữ có thể được gây ấn tượng bởi tầm nhìn mới và sẽ làm việc cho nền văn minh mới. Ở đây, chúng ta tìm cách nhấn mạnh các nguyên lý, với sự nhận biết rằng nhiều nguyên lý trong số đó tuyệt nhiên không mới, nhưng chúng cần được nhấn mạnh theo cách mới. Giờ đây là ngày của cơ hội.

A better educational system should therefore be worked out which will present the possibilities of human living in such a manner that barriers will be broken down, prejudices removed and a training given to the developing child which will enable him, when grown up, to live with other men in harmony and goodwill. This *can* be done, if patience and understanding are developed and if educators realize that "where there is no vision, the people perish".

Vì vậy, cần xây dựng một hệ thống giáo dục tốt đẹp hơn, hệ thống ấy sẽ trình bày các khả năng của đời sống con người theo cách khiến các rào chắn bị phá bỏ, các thành kiến được loại trừ, và một sự huấn luyện được trao cho đứa trẻ đang phát triển để khi trưởng thành, em có thể sống với những người khác trong hòa hợp và thiện chí. Điều này *có thể* được thực hiện, nếu sự kiên nhẫn và thấu hiểu được phát triển, và nếu các nhà giáo dục nhận ra rằng "nơi nào không có tầm nhìn, dân chúng sẽ diệt vong".

An international system of education, developed in joint conference by broad-minded teachers and educational

Ngày nay, một hệ thống giáo dục quốc tế, được phát triển trong hội nghị chung bởi các giáo viên và các nhà chức trách giáo dục có

authorities in every country is today a crying need and would provide a major asset in preserving world peace. Steps towards this are already being taken and groups of educators are getting together and discussing the formation of a better system which will guarantee that the children of the different nations (beginning with the millions of children now demanding [61] education today) will be taught truth, without bias or prejudice.

tầm nhìn rộng ở mọi quốc gia, là một nhu cầu cấp bách và sẽ cung cấp một tài sản chủ yếu trong việc gìn giữ hòa bình thế giới. Các bước tiến theo hướng này đã đang được thực hiện, và các nhóm nhà giáo dục đang quy tụ, thảo luận về việc hình thành một hệ thống tốt đẹp hơn, bảo đảm rằng trẻ em của các quốc gia khác nhau, bắt đầu với hàng triệu trẻ em hiện đang đòi hỏi [61] được giáo dục ngày nay, sẽ được dạy chân lý, không thiên lệch hay thành kiến.

World democracy will take form when men everywhere are regarded in reality as equal; when boys and girls are taught that it does not matter whether a man is an Asiatic, an American, a European, British, a Jew or a Gentile but only that each has an historical background which enables him to contribute something to the good of the whole, that the major requirement is an attitude of goodwill and a constant effort to foster right human relations. World Unity will be a fact when the children of the world are taught that religious differences are largely a matter of birth; that if a man is born in Italy, the probability is that he will be a Roman Catholic; if he is born a Jew, he will follow the Jewish teaching; if born in Asia, he may be a Mohammedan, a Buddhist, or belong to one of the Hindu sects; if born in other countries, he may be a Protestant and so on. He will learn that the religious differences are largely the result of man-made quarrels over human interpretations of truth. Thus gradually, our quarrels and differences will be offset and the idea of the One Humanity will take their place.

Dân chủ thế giới sẽ thành hình khi con người ở khắp nơi thật sự được xem là bình đẳng; khi các bé trai và bé gái được dạy rằng việc một người là người Á châu, người Mỹ, người châu Âu, người Anh, người Do Thái hay người không phải Do Thái không quan trọng, mà chỉ quan trọng là mỗi người đều có một bối cảnh lịch sử giúp y đóng góp điều gì đó cho lợi ích của toàn thể; rằng yêu cầu chủ yếu là một thái độ thiện chí và một nỗ lực thường xuyên nhằm nuôi dưỡng các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người. Sự Hợp Nhất Thế Giới sẽ là một sự kiện khi trẻ em thế giới được dạy rằng những khác biệt tôn giáo phần lớn là vấn đề sinh ra ở đâu; rằng nếu một người sinh ở Ý, khả năng là y sẽ là tín đồ Công giáo La Mã; nếu y sinh ra là người Do Thái, y sẽ theo giáo huấn Do Thái; nếu sinh ở châu Á, y có thể là tín đồ Hồi giáo, Phật tử, hoặc thuộc một trong các giáo phái Ấn giáo; nếu sinh ở các quốc gia khác, y có thể là tín đồ Tin Lành, v.v. Y sẽ học rằng những khác biệt tôn giáo phần lớn là kết quả của các cuộc tranh cãi do con người tạo ra quanh những diễn giải của con người về chân lý. Như thế, dần dần, những tranh chấp và khác biệt của chúng ta sẽ được hóa giải, và ý tưởng về Một Nhân Loại sẽ thay thế chúng.

Much greater care will have to be given in picking and training the teachers of the

Cần phải dành sự chăm sóc lớn lao hơn nhiều cho việc tuyển chọn và huấn luyện các

future and particularly those who, in the war torn lands, will endeavour to bring educational facilities to the people. Their mental attainments and their knowledge of their particular subject will be of importance, but more important still will be the need for them to be free from prejudice and to see all men as members of a great family. The educator of the future will need to be more of a trained psychologist than he is today. Besides imparting academic knowledge, he will realize that his major task is to evoke out of his class of students a real sense of responsibility; no matter what he has to teach—history, geography, [62] mathematics, languages, science in its various branches or philosophy—he will relate it all to the Science of Right Human Relations and will try to give a truer perspective on social organization than has been done in the past.

giáo viên của tương lai, đặc biệt là những người, tại các vùng đất bị chiến tranh tàn phá, sẽ cố gắng đem các phương tiện giáo dục đến cho dân chúng. Thành tựu trí tuệ và tri thức của họ về môn học riêng sẽ có tầm quan trọng, nhưng còn quan trọng hơn nữa là nhu cầu họ phải thoát khỏi thành kiến và nhìn mọi người như những thành viên của một đại gia đình. Nhà giáo dục của tương lai sẽ cần phải là một nhà tâm lý học được đào luyện nhiều hơn so với hiện nay. Ngoài việc truyền đạt tri thức học thuật, y sẽ nhận ra rằng nhiệm vụ chính của mình là gợi lên từ lớp học sinh của mình một ý thức trách nhiệm chân thật; bất kể y phải giảng dạy điều gì — lịch sử, địa lý, [62] toán học, ngôn ngữ, khoa học trong các ngành khác nhau hay triết học — y sẽ liên hệ tất cả với Khoa Học về Các Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa Người Với Người, và sẽ cố gắng đem lại một viễn cảnh chân thực hơn về tổ chức xã hội so với trước kia.

When the young people of the future—under the proposed application of principles—are civilized, cultured and responsive to world citizenship, we shall have a world of men awakened, creative, and possessing a true sense of values and a sound and constructive outlook on world affairs. It will take a long time to bring this about, but it is not impossible, as history itself has proved. Some day an analysis will be made of the contribution of the three great continents—Europe, Asia and America—to the general unfoldment of humanity. The progressive revelation of the glory of the human spirit still needs expression in writing—its composite glory and not just those aspects of it which are strictly national. It consists in the fact that every race and all nations have always produced those who have expressed the highest possible point of attainment for their day and generation—men who have united within themselves that basic

Khi những người trẻ của tương lai — dưới sự áp dụng các nguyên lý được đề xuất — trở nên văn minh, có văn hóa và đáp ứng với tư cách công dân thế giới, chúng ta sẽ có một thế giới của những con người thức tỉnh, sáng tạo, có một ý thức chân thật về các giá trị và một nhãn quan lành mạnh, xây dựng về các sự vụ thế giới. Việc đem điều này thành hiện thực sẽ mất nhiều thời gian, nhưng không phải là không thể, như chính lịch sử đã chứng minh. Một ngày nào đó, người ta sẽ thực hiện một phân tích về phần đóng góp của ba đại lục — châu Âu, châu Á và châu Mỹ — cho sự khai mở chung của nhân loại. Sự mặc khải tiệm tiến về vinh quang của tinh thần con người vẫn còn cần được diễn tả bằng văn tự — vinh quang tổng hợp của nó, chứ không chỉ những phương diện nào của nó mang tính quốc gia nghiêm ngặt. Vinh quang ấy nằm ở sự kiện rằng mọi giống dân và mọi quốc gia luôn luôn sản sinh ra những người biểu hiện điểm thành tựu cao nhất có

triplicity: instinct, intellect and intuition. Their numbers were relatively few in the early stages of man's unfoldment but today those numbers are rapidly increasing.

thể có cho thời đại và thế hệ của họ — những người đã hợp nhất trong chính mình bộ ba căn bản: bản năng, trí năng và trực giác. Số lượng của họ tương đối ít trong những giai đoạn đầu của sự khai mở nơi con người, nhưng ngày nay những con số ấy đang gia tăng nhanh chóng.

It will be only commonsense, however, to realize that this integration is not possible for every student passing through the hands of our teachers. Students will have to be gauged from the three angles which form the background of this chapter:

Tuy nhiên, chỉ là lẽ thường khi nhận ra rằng sự tích hợp này không thể có được đối với mọi học sinh đi qua tay các giáo viên của chúng ta. Học sinh sẽ phải được đánh giá từ ba góc độ tạo thành bối cảnh của chương này:

1. Those capable of being civilized. This refers to the mass of men.

1. Những người có khả năng được văn minh hóa. Điều này chỉ khối đông con người.

2. Those capable of being carried forward into the world of culture. This includes a very large number. [63]

2. Những người có khả năng được đưa tiến vào thế giới văn hóa. Điều này bao gồm một số lượng rất lớn. [63]

3. Those who add to the assets of civilization and culture an ability to function as souls, not only in the two worlds of instinctual and intelligent living but also in the world of spiritual values and to do this with a complete triple integration.

3. Những người, ngoài các tài sản của văn minh và văn hóa, còn thêm khả năng hoạt động như các linh hồn, không chỉ trong hai thế giới của đời sống bản năng và đời sống trí tuệ, mà còn trong thế giới của các giá trị tinh thần, và làm điều này với một sự tích hợp tam phân trọn vẹn.

All, however, no matter what their initial capacity, can be trained in the Science of Right Human Relations, and thus respond to the major objective of the coming educational systems. Indications of this can be seen on every hand but as yet the emphasis is not laid in training teachers or influencing parents. Much, very much, has been done by enlightened groups everywhere and this they have done whilst studying the requirements for citizenship, whilst undertaking research work into social relations and through the many organizations which are trying to bring to

Tuy nhiên, tất cả mọi người, bất kể năng lực ban đầu của họ là gì, đều có thể được huấn luyện trong Khoa Học về Các Mối Quan Hệ Đúng Đắn Giữa Người Với Người, và nhờ đó đáp ứng với mục tiêu chủ yếu của các hệ thống giáo dục sắp tới. Những dấu hiệu của điều này có thể được thấy ở khắp nơi, nhưng cho đến nay sự nhấn mạnh vẫn chưa được đặt vào việc huấn luyện giáo viên hay ảnh hưởng đến cha mẹ. Rất nhiều, thật sự rất nhiều, đã được các nhóm giác ngộ ở khắp nơi thực hiện, và họ đã làm điều này trong khi nghiên cứu các yêu cầu cho tư cách công dân, trong khi đảm nhận công tác khảo cứu

the mass of human beings a sense of responsibility for human happiness and human welfare. This work should be started in infancy so that the consciousness of the child (so easily directed) can from its earliest days assume an unselfish attitude towards its associates.

về các quan hệ xã hội, và thông qua nhiều tổ chức đang cố gắng đem đến cho khối đông nhân loại một ý thức trách nhiệm đối với hạnh phúc và phúc lợi của con người. Công việc này phải được bắt đầu từ tuổi ấu thơ, để tâm thức của đứa trẻ, vốn rất dễ được hướng dẫn, có thể ngay từ những ngày đầu đời đảm nhận một thái độ không ích kỷ đối với những người cùng sống với mình.

It is bridging work which has now to be done —bridging between what is today and what can be in the future. If, during the coming years, we develop this technique of bridging the many cleavages found in the human family and in offsetting the racial hatreds and the separative attitudes of nations and people, we shall have succeeded in constructing a world in which war will be impossible and humanity will be realizing itself as one human family and not as a fighting aggregate of many nations and peoples, competitively engaged in getting the best of each other and successfully fostering prejudices and hatred. This has, as we have seen, been the history of the past. Man has been developed from an isolated animal, prompted only by the instincts of self-preservation, eating and mating, through the stages [64] of family life, tribal life and national life to the point where today a still broader ideal is grasped by him —international unity or the smooth functioning of the One Humanity.

Công việc hiện nay cần làm là công việc bắc cầu — bắc cầu giữa những gì hiện có và những gì có thể có trong tương lai. Nếu trong những năm sắp tới, chúng ta phát triển kỹ thuật bắc cầu qua nhiều sự chia rẽ tồn tại trong gia đình nhân loại, và hóa giải những hận thù chủng tộc cùng các thái độ chia rẽ của các quốc gia và dân tộc, chúng ta sẽ thành công trong việc xây dựng một thế giới trong đó chiến tranh là điều không thể, và nhân loại sẽ nhận ra chính mình là một gia đình nhân loại duy nhất, chứ không phải một tập hợp chiến đấu của nhiều quốc gia và dân tộc, cạnh tranh để giành phần hơn của nhau và nuôi dưỡng thành công các thành kiến cùng hận thù. Như chúng ta đã thấy, đây là lịch sử của quá khứ. Con người đã phát triển từ một con vật cô lập, chỉ bị thúc đẩy bởi các bản năng tự bảo tồn, ăn uống và giao phối, qua các giai đoạn [64] của đời sống gia đình, đời sống bộ lạc và đời sống quốc gia, đến điểm mà ngày nay y nắm bắt được một lý tưởng còn rộng lớn hơn — sự hợp nhất quốc tế, hay sự vận hành trôi chảy của Một Nhân Loại.

This growing idealism is fighting its way into the forefront of the human consciousness in spite of all separative enmities. It is largely responsible for the present chaos and for the banding together of the United Nations. It has produced the conflicting ideologies which are seeking world expression; it has produced the

Chủ nghĩa lý tưởng đang tăng trưởng này đang tự mở đường vào tuyến đầu của tâm thức nhân loại, bất chấp mọi thù nghịch chia rẽ. Nó phần lớn chịu trách nhiệm cho sự hỗn loạn hiện nay và cho việc các Quốc Gia Liên Hiệp liên kết với nhau. Nó đã sản sinh ra các hệ tư tưởng xung đột đang tìm kiếm sự biểu hiện trên thế giới; nó đã sản sinh ra sự xuất

dramatic emergence of national saviours (so-called), world prophets and world workers, idealists, opportunists, dictators and investigators and humanitarians. These conflicting idealisms are a wholesome sign, whether we agree with them or not. They are definite reactions to the human demand —urgent and right—for better conditions, for more light and understanding, for greater cooperation, for security and peace and plenty in the place of terror, fear and starvation.

hiện đầy kịch tính của những vị cứu tinh quốc gia, như người ta gọi, các nhà tiên tri thế giới và những người hoạt động thế giới, các nhà lý tưởng, những kẻ cơ hội, các nhà độc tài, các nhà khảo cứu và các nhà nhân đạo. Những chủ nghĩa lý tưởng xung đột này là một dấu hiệu lành mạnh, dù chúng ta có đồng ý với chúng hay không. Chúng là những phản ứng rõ rệt trước đòi hỏi của nhân loại — khẩn thiết và đúng đắn — về những điều kiện tốt đẹp hơn, về nhiều ánh sáng và thấu hiểu hơn, về sự hợp tác lớn hơn, về an ninh, hòa bình và dư dật thay cho kinh hoàng, sợ hãi và đói khát.

Conclusion

Kết luận

It is difficult for modern man to conceive of a time when there will be no racial, national or separative religious consciousness present in human thinking. It was equally difficult for prehistoric man to conceive of a time when there would be national thinking. This is a good thing for us to bear in mind. The time when humanity will be able to think in universal terms still lies far ahead but the fact that we can speak of it, desire it and plan for it is surely the guarantee that it is *not* impossible. Humanity has always progressed from stage to stage of enlightenment and from glory to glory. We are today on our way to a far better civilization than the world has ever known and towards conditions which will ensure a much happier humanity and which will see the end of national differences, of class distinctions [65] (whether based on an hereditary or a financial status) and which will ensure a fuller and richer life for everyone.

Con người hiện đại khó hình dung một thời kỳ khi trong tư duy nhân loại sẽ không còn hiện diện tâm thức chủng tộc, quốc gia hay tôn giáo chia rẽ. Đối với con người tiền sử, việc hình dung một thời kỳ khi sẽ có tư duy quốc gia cũng khó khăn như vậy. Đây là điều tốt để chúng ta ghi nhớ. Thời kỳ khi nhân loại có thể suy nghĩ theo những thuật ngữ phổ quát vẫn còn ở rất xa phía trước, nhưng sự kiện rằng chúng ta có thể nói về nó, khao khát nó và hoạch định cho nó chắc chắn là bảo chứng rằng nó *không* phải là điều bất khả. Nhân loại luôn luôn tiến bộ từ giai đoạn này sang giai đoạn khác của giác ngộ, và từ vinh quang này đến vinh quang khác. Ngày nay, chúng ta đang trên đường tiến tới một nền văn minh tốt đẹp hơn nhiều so với bất cứ nền văn minh nào thế giới từng biết, và hướng tới những điều kiện sẽ bảo đảm một nhân loại hạnh phúc hơn nhiều, sẽ chứng kiến sự chấm dứt các khác biệt quốc gia, các phân biệt giai cấp [65] dù dựa trên địa vị kế thừa hay tài chính, và sẽ bảo đảm một đời sống đầy đủ và phong phú hơn cho mọi người.

It will be obvious that very many decades must elapse before such a state of affairs will be actively present—but it will be decades and not centuries, if humanity can learn the lessons of the world war, if the reactionary and the conservative peoples in every nation can be prevented from swinging civilization back on to the bad old lines. But a beginning can immediately be made. Simplicity should be our watchword for it is simplicity which will kill our old materialistic way of living. *Cooperative goodwill* is surely the first idea to be presented to the masses and taught in our schools, thereby guaranteeing the new and better civilization. *Loving understanding*, intelligently applied, should be the hallmark of the cultured and wiser groups, plus effort on their part to relate the world of meaning to the world of outer efforts—for the benefit of the masses. *World Citizenship* as an expression of both goodwill and understanding should be the goal of the enlightened everywhere and the hallmark of the spiritual man. In these three, you have right relations established between education, religion and politics.

Rõ ràng là rất nhiều thập niên phải trôi qua trước khi tình trạng như thế hiện diện một cách tích cực — nhưng đó sẽ là thập niên chứ không phải thế kỷ, nếu nhân loại có thể học các bài học của cuộc chiến tranh thế giới, nếu những người phản động và bảo thủ trong mọi quốc gia có thể được ngăn không cho kéo nền văn minh trở lại những đường lối cũ tồi tệ. Nhưng một khởi đầu có thể được thực hiện ngay lập tức. Sự giản dị phải là khẩu hiệu của chúng ta, vì chính sự giản dị sẽ giết chết lối sống duy vật cũ của chúng ta. *Thiện chí hợp tác* chắc chắn là ý tưởng đầu tiên cần được trình bày cho quần chúng và được dạy trong các trường học của chúng ta, nhờ đó bảo đảm nền văn minh mới mẻ và tốt đẹp hơn. *Sự thấu hiểu đầy tình thương*, được áp dụng một cách thông minh, phải là dấu hiệu đặc trưng của các nhóm có văn hóa và minh triết hơn, cộng với nỗ lực từ phía họ nhằm liên hệ Thế giới của ý nghĩa với thế giới của các nỗ lực bên ngoài — vì lợi ích của quần chúng. *Tư cách Công dân Thế giới*, như một biểu hiện của cả thiện chí lẫn sự thấu hiểu, phải là mục tiêu của những người giác ngộ ở khắp nơi và là dấu hiệu đặc trưng của con người tinh thần. Trong ba điều này, các bạn có các mối quan hệ đúng đắn được thiết lập giữa giáo dục, tôn giáo và chính trị.

The keynote of the new education is essentially right interpretation of life, past and present, and its relation to the future of mankind; the keynote of the new religion must and should be a right approach to God, transcendent in nature and immanent in man, whilst the keynote of the new science of politics and of government will be right human relations and for both of these education must prepare the child.

Chủ âm của nền giáo dục mới về căn bản là sự diễn giải đúng đắn về sự sống, quá khứ và hiện tại, cùng mối liên hệ của nó với tương lai nhân loại; chủ âm của tôn giáo mới phải là, và nên là, một cách tiếp cận đúng đắn đối với Thượng đế, Đấng siêu việt trong bản chất và nội tại trong con người, trong khi chủ âm của khoa học chính trị và chính quyền mới sẽ là các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người; và giáo dục phải chuẩn bị đứa trẻ cho cả hai điều này.

CHAPTER 3 - THE PROBLEM OF CAPITAL, LABOUR AND EMPLOYMENT – CHƯƠNG 3 - VẤN ĐỀ TƯ BẢN, LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

[66] In a unique sense we stand today at the dawn of an entirely new economic age. This is increasingly obvious to all thinking people. Because of the triumph of science—the release of the energy of the atom—the future of mankind and the type of the incoming civilization is unpredictable. The changes which are imminent are so far-reaching that it is apparent that the old economic values and the familiar standards of living are bound to pass away; no one knows what will take their place.

[66] Theo một ý nghĩa độc đáo, ngày nay chúng ta đang đứng ở buổi bình minh của một thời đại kinh tế hoàn toàn mới. Điều này ngày càng hiển nhiên đối với mọi người biết suy nghĩ. Do thắng lợi của khoa học — sự giải phóng năng lượng của nguyên tử — tương lai của nhân loại và loại hình văn minh đang đến là điều không thể tiên đoán. Những thay đổi sắp xảy ra có tầm mức sâu rộng đến nỗi rõ ràng các giá trị kinh tế cũ và những tiêu chuẩn sống quen thuộc tất phải qua đi; không ai biết điều gì sẽ thay thế chúng.

Conditions will be basically altered; along certain lines, such as the distribution of coal and oil for lighting, heating and transportation, is it not possible that in the future neither of these planetary resources will be required? These are two instances of the fundamental changes which the use of atomic energy may make in future civilized living.

Các điều kiện sẽ được thay đổi tận gốc; theo một số đường hướng nhất định, như việc phân phối than đá và dầu mỏ để thắp sáng, sưởi ấm và vận chuyển, liệu có phải trong tương lai, cả hai nguồn tài nguyên hành tinh này đều sẽ không còn cần thiết nữa chăng? Đây là hai ví dụ về những thay đổi căn bản mà việc sử dụng năng lượng nguyên tử có thể đem lại trong đời sống văn minh tương lai.

Two major problems will grow out of this discovery—one immediate in nature and the other to be later developed. The first is that those whose large financial interests are bound up in products which the new type of energy will inevitably supersede will fight to the last ditch to prevent these new sources of wealth from benefiting others. Secondly, there will be the steadily growing problem of the release of man power from the gruelling labour and the long hours today required in order to provide a living wage and the necessities of life. One is the problem of capital and the other is the problem of labour; one is the problem of established

Hai vấn đề chủ yếu sẽ nảy sinh từ khám phá này — một vấn đề có tính tức thời, và vấn đề kia sẽ phát triển về sau. Vấn đề thứ nhất là những người có lợi ích tài chính lớn gắn liền với các sản phẩm mà loại năng lượng mới chắc chắn sẽ thay thế, sẽ chiến đấu đến cùng để ngăn các nguồn của cải mới này đem lợi ích cho người khác. Thứ hai, sẽ có vấn đề ngày càng gia tăng về việc giải phóng nhân lực khỏi lao động nhọc nhằn và những giờ làm việc dài hiện nay cần thiết để cung cấp một mức lương đủ sống và các nhu yếu của đời sống. Một bên là vấn đề của tư bản, bên kia là vấn đề của lao động; một bên là vấn đề của sự kiểm soát đã được thiết lập [67] bởi

control [67] of the purely selfish interests which have for so long controlled the life of humanity and the other is the problem of leisure and its constructive use. One problem concerns civilization and its correct functioning in the new age and the other concerns culture and the employment of time along creative lines.

các lợi ích thuần túy ích kỷ, vốn từ lâu đã kiểm soát đời sống nhân loại, còn bên kia là vấn đề của thời gian nhàn rỗi và việc sử dụng nó một cách xây dựng. Một vấn đề liên quan đến văn minh và sự vận hành đúng đắn của nó trong kỷ nguyên mới, còn vấn đề kia liên quan đến văn hóa và việc sử dụng thời gian theo những đường lối sáng tạo.

It is not useful here to prophesy the uses to which the most potent energy hitherto released for man's helping can or will be put. Its first constructive use was to end the war. Its future constructive use lies in the hands of science and should be controlled by the men of goodwill to be found in all nations. This energy must be safeguarded from monied interests; it must be turned definitely into the usages of peace and employed to implement a new and happier world. An entirely new field of investigation opens today before science and one which they have long wished to penetrate. In the hands of science, this new potency is far safer than in the hands of capital or of those who would exploit this discovery for the increase of their dividends. In the hands of the great democracies and of the Anglo-Saxon and Scandinavian races, this discovery is safer than in other hands. It cannot however be kept in these hands indefinitely. Other nations and races are discovering this "secret of release" and the future security of humanity is, therefore, dependent upon two things:

Ở đây, việc tiên đoán những cách sử dụng mà năng lượng mạnh mẽ nhất từng được giải phóng cho sự trợ giúp con người có thể hoặc sẽ được đưa vào là điều không hữu ích. Công dụng xây dựng đầu tiên của nó là chấm dứt chiến tranh. Công dụng xây dựng trong tương lai của nó nằm trong tay khoa học và phải được kiểm soát bởi những người thiện chí có mặt trong mọi quốc gia. Năng lượng này phải được bảo vệ khỏi các lợi ích tiền bạc; nó phải được chuyển dứt khoát vào các mục đích hòa bình và được sử dụng để thực hiện một thế giới mới mẻ, hạnh phúc hơn. Ngày nay, một lĩnh vực khảo cứu hoàn toàn mới mở ra trước khoa học, một lĩnh vực mà các nhà khoa học từ lâu đã mong muốn thâm nhập. Trong tay khoa học, quyền năng mới này an toàn hơn nhiều so với trong tay tư bản hay những kẻ muốn khai thác khám phá này để gia tăng cổ tức của họ. Trong tay các nền dân chủ lớn và các dân tộc Anglo-Saxon cùng Scandinavia, khám phá này an toàn hơn so với trong những bàn tay khác. Tuy nhiên, nó không thể được giữ mãi trong những bàn tay này. Các quốc gia và chủng tộc khác đang khám phá "bí mật của sự giải phóng" này, và do đó an ninh tương lai của nhân loại tùy thuộc vào hai điều:

1. The steady and planned education of the people of every nation in right human relations and the cultivation of the spirit of goodwill. This will lead to a complete revolution of the present political regimes, which are largely nationalistic in their

1. Sự giáo dục đều đặn và có kế hoạch cho dân chúng của mọi quốc gia về các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người và việc vun trồng tinh thần thiện chí. Điều này sẽ dẫn đến một cuộc cách mạng toàn diện trong các chế độ chính trị hiện nay, vốn phần

planning and selfish in their purposes. True democracy, at present only a dream, will be founded on education for goodwill.

lớn mang tính dân tộc chủ nghĩa trong hoạch định và ích kỷ trong mục đích. Nền dân chủ chân chính, hiện nay mới chỉ là một giấc mơ, sẽ được đặt nền trên giáo dục vì thiện chí.

2. The education of the children of the future in the fact of human unity and the use of the world's resources for the good of all. [68]

2. Sự giáo dục trẻ em của tương lai về sự kiện hợp nhất của nhân loại và việc sử dụng các tài nguyên của thế giới vì lợi ích của tất cả. [68]

Certain nations, because of their international character and the multiplicity of races which compose them, are normally more inclusive in their thinking and planning than are the others. They are more prone to think in terms of humanity as a whole than are the others. Such nations are the United States, the British Commonwealth of Nations and the united Soviet Socialist Republics. Many nations and races constitute these three Great Powers—the central triangle at the heart of the coming new world. Hence their opportunity to guide mankind at this time and their innate responsibility to act as world leaders. Other races have no such inherent capacity. They are not, for instance, successful colonists and are more nationalistic and exploiting in their approach to "subject races". For the three Great Powers, the fusion of the many elements composing their nationals into a united whole has been a necessary conditioning impulse. The basic intention of the United States is the well-being of all within its national jurisdiction and the "pursuit of happiness" is a familiar citation of this intent; the fundamental principle governing British rule is justice for all; the underlying motive of the U.S.S.R. is right living conditions, opportunity for all and the general levelling of all separative classes into one thriving group of human beings. All these objectives are good and

Một số quốc gia, do tính chất quốc tế của họ và do tính đa dạng của các chủng tộc cấu thành họ, thường có tư duy và hoạch định bao gồm hơn các quốc gia khác. Họ dễ có khuynh hướng suy nghĩ theo phạm vi nhân loại như một toàn thể hơn các quốc gia khác. Những quốc gia như thế là Hoa Kỳ, Khối Thịnh Vượng Chung Anh và Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết. Nhiều quốc gia và chủng tộc cấu thành ba Cường Quốc này — tam giác trung tâm ở trái tim của thế giới mới đang đến. Vì thế, đây là cơ hội của họ để dẫn dắt nhân loại vào lúc này, và là trách nhiệm bẩm sinh của họ để hành động như các nhà lãnh đạo thế giới. Các chủng tộc khác không có năng lực cố hữu như thế. Chẳng hạn, họ không phải là những người thực dân thành công, và trong cách tiếp cận đối với "các chủng tộc lệ thuộc", họ mang tính dân tộc chủ nghĩa và bóc lột hơn. Đối với ba Cường Quốc, sự dung hợp nhiều yếu tố cấu thành dân chúng của họ thành một toàn thể hợp nhất đã là một xung lực tác động cần thiết. Ý định căn bản của Hoa Kỳ là sự an lạc của tất cả những ai nằm trong quyền tài phán quốc gia của mình, và "sự mưu cầu hạnh phúc" là một trích dẫn quen thuộc của ý định này; nguyên lý căn bản chi phối sự cai trị của Anh là công lý cho tất cả; động cơ nền tảng của Liên bang Xô viết là các điều kiện sống đúng đắn, cơ hội cho tất cả và sự san bằng chung mọi giai cấp chia rẽ thành một nhóm con người hưng thịnh duy

their application to the life of humanity will guarantee a happier and more peaceful world.

nhất. Tất cả các mục tiêu này đều tốt đẹp, và việc áp dụng chúng vào đời sống nhân loại sẽ bảo đảm một thế giới hạnh phúc hơn và hòa bình hơn.

In every country without exception there are the good and the bad elements; there are progressive and reactionary groups. There are cruel and ambitious men in Russia who would gladly exploit the world for the gain of Russia and who would seek to impose the will of the proletariat upon all classes and castes throughout the civilized world; there are thinking men in Russia and men of vision who are opposing them. There are reactionary and class-conscious people in the British [69] Empire who fear the growing power of the masses and who hang on desperately to their inherited prestige and standing; they would hold back the British people from progress and would like to see the restoration of the old hierarchical, paternalistic and feudal system; the mass of the people, speaking through the voice of labour, will have none of it. In the United States there is isolation, the persecution of such minorities as the Negro race and an ignorant and arrogant nationalism, voiced by some Senators and Representatives with their racial hatreds, their separative attitudes and their unsound political methods.

Trong mọi quốc gia không ngoại lệ đều có các yếu tố tốt và xấu; có các nhóm tiến bộ và phản động. Có những người tàn nhẫn và tham vọng ở Nga, những kẻ sẵn lòng khai thác thế giới vì lợi ích của Nga và tìm cách áp đặt ý chí của giai cấp vô sản lên mọi giai cấp và đẳng cấp trên khắp thế giới văn minh; có những người biết suy nghĩ ở Nga và những người có tầm nhìn đang chống lại họ. Có những người phản động và ý thức giai cấp trong Đế quốc Anh [69] sợ hãi quyền lực ngày càng tăng của quần chúng và tuyệt vọng bám giữ uy tín cùng địa vị kế thừa của họ; họ muốn kìm hãm dân tộc Anh khỏi sự tiến bộ, và muốn thấy sự phục hồi của hệ thống cũ có tính đẳng cấp, gia trưởng và phong kiến; khối đông dân chúng, nói qua tiếng nói của lao động, sẽ không chấp nhận điều đó. Tại Hoa Kỳ có chủ nghĩa biệt lập, sự bức hại các thiểu số như người Da Đen, và một chủ nghĩa dân tộc ngu dốt, kiêu ngạo, được một số Thượng nghị sĩ và Dân biểu phát ngôn, với những hận thù chủng tộc, những thái độ chia rẽ và các phương pháp chính trị thiếu lành mạnh của họ.

Fundamentally, however, these three Great Powers constitute the hope of the world and form the basic spiritual triangle behind the plans and the shaping of the events which will inaugurate the new world. The other powerful nations, little as they may like to realize it, are not in so strong a position; they have not the same idealism or the same vast national resources; their national preoccupation limits their world vision; they are conditioned by narrower ideologies,

Tuy nhiên, về căn bản, ba Cường Quốc này cấu thành niềm hy vọng của thế giới và hình thành tam giác tinh thần căn bản đứng sau các kế hoạch và sự định hình những biến cố sẽ khai mở thế giới mới. Các quốc gia hùng mạnh khác, dù họ có thể không muốn nhận ra điều đó đến đâu, cũng không ở trong một vị thế mạnh mẽ như vậy; họ không có cùng chủ nghĩa lý tưởng hay cùng các nguồn lực quốc gia rộng lớn; mối bận tâm quốc gia của họ giới hạn tầm nhìn thế giới của họ; họ bị

by a greater struggle for national existence, by their fights for boundaries and material gains, and by a failure to offer full cooperation with humanity as a whole. The smaller nations have not quite the same attitude; they are relatively cleaner in their political regimes and constitute basically the nucleus of that federated world which is inevitably taking shape around the three Great Powers. These federations will be based upon cultural ideals and will be formed to guarantee right human relations; they will not eventually be founded on power politics; they will not be combinations of nations banded together versus other combinations for selfish ends. Boundaries and regional controls and international jealousies will not be controlling factors. [70]

tác động bởi những hệ tư tưởng hẹp hơn, bởi cuộc đấu tranh lớn hơn cho sự tồn tại quốc gia, bởi các cuộc chiến giành biên giới và lợi ích vật chất, và bởi sự thất bại trong việc đưa ra sự hợp tác đầy đủ với nhân loại như một toàn thể. Các quốc gia nhỏ hơn không hoàn toàn có cùng thái độ ấy; họ tương đối trong sạch hơn trong các chế độ chính trị của mình và về căn bản cấu thành hạt nhân của thế giới liên bang hóa đang không tránh khỏi thành hình quanh ba Cường Quốc. Các liên bang này sẽ đặt nền trên các lý tưởng văn hóa và sẽ được hình thành để bảo đảm các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người; rốt cuộc, chúng sẽ không được đặt nền trên chính trị quyền lực; chúng sẽ không phải là những tổ hợp quốc gia liên kết với nhau chống lại những tổ hợp khác vì các mục đích ích kỷ. Biên giới, sự kiểm soát khu vực và những ghen tị quốc tế sẽ không phải là các nhân tố chi phối. [70]

To bring about these happier conditions, one major adjustment must be made and one fundamental change brought about. Otherwise no hope of peace will be found on earth. The relation between capital and labour and between both of these groups and humanity as a whole must be worked out. The problem is one with which we are all familiar; it is one which evokes violent prejudices and partisanships and in the clamour of all that is being said and in the violence of the battle it might serve a useful purpose to approach the subject from a more universal angle and with an eye to the emerging spiritual values.

Để đem lại những điều kiện hạnh phúc hơn này, cần phải thực hiện một sự điều chỉnh chủ yếu và tạo ra một thay đổi căn bản. Nếu không, sẽ không tìm thấy hy vọng hòa bình nào trên Trái Đất. Mối quan hệ giữa tư bản và lao động, và giữa cả hai nhóm này với nhân loại như một toàn thể, phải được giải quyết. Vấn đề này là vấn đề tất cả chúng ta đều quen thuộc; nó gợi lên những thành kiến và phe phái mãnh liệt, và giữa tiếng ồn ào của tất cả những gì đang được nói ra cùng tính dữ dội của cuộc đấu tranh, việc tiếp cận chủ đề từ một góc độ phổ quát hơn và với cái nhìn hướng tới các giá trị tinh thần đang xuất hiện có thể phục vụ một mục đích hữu ích.

First of all, it must be recognized that the cause of all world unrest, of the world wars which have wrecked humanity and the widespread misery upon our planet can largely be attributed to a selfish group with

Trước hết, cần phải nhận biết rằng nguyên nhân của mọi bất ổn thế giới, của các cuộc chiến tranh thế giới đã tàn phá nhân loại và của nỗi khốn khổ lan rộng trên hành tinh chúng ta, phần lớn có thể được quy cho một

materialistic purposes who have for centuries exploited the masses and used the labour of mankind for their selfish ends. From the feudal barons of Europe and Great Britain in the Middle Ages through the powerful business groups of the Victorian era to the handful of capitalists—national and international—who today control the world's resources, the capitalistic system has emerged and has wrecked the world. This group of capitalists has cornered and exploited the world's resources and the staples required for civilized living; they have been able to do this because they have owned and controlled the world's wealth through their interlocking directorates and have retained it in their own hands. They have made possible the vast differences existing between the very rich and the very poor; they love money and the power which money gives; they have stood behind governments and politicians; they have controlled the electorate; they have made possible the narrow nationalistic aims of selfish politics; they have financed the world businesses and controlled oil, coal, [71] power, light and transportation; they control publicly or sub rosa the world's banking accounts.

nhóm ích kỷ với các mục đích duy vật, những kẻ trong nhiều thế kỷ đã bóc lột quần chúng và sử dụng lao động của nhân loại cho các mục đích ích kỷ của họ. Từ các lãnh chúa phong kiến của châu Âu và Anh quốc trong thời Trung Cổ, qua các nhóm kinh doanh quyền lực của thời đại Victoria, đến một nhóm nhỏ các nhà tư bản — quốc gia và quốc tế — ngày nay kiểm soát các tài nguyên của thế giới, hệ thống tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện và đã tàn phá thế giới. Nhóm các nhà tư bản này đã độc chiếm và khai thác các tài nguyên của thế giới cùng những mặt hàng thiết yếu cần cho đời sống văn minh; họ có thể làm điều này vì họ đã sở hữu và kiểm soát của cải thế giới thông qua các ban giám đốc đan xen của mình, và đã giữ nó trong tay riêng. Họ đã khiến những khác biệt rộng lớn giữa người rất giàu và người rất nghèo trở nên khả hữu; họ yêu tiền và quyền lực mà tiền đem lại; họ đứng sau các chính phủ và chính trị gia; họ kiểm soát cử tri; họ đã khiến các mục tiêu dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi của chính trị ích kỷ trở nên khả hữu; họ đã tài trợ cho các doanh nghiệp thế giới và kiểm soát dầu mỏ, than đá, [71] năng lượng, ánh sáng và vận tải; họ kiểm soát công khai hay ngấm ngầm các tài khoản ngân hàng của thế giới.

The responsibility for the widespread misery to be found today in every country in the world lies predominantly at the door of certain major interrelated groups of business-men, bankers, executives of international cartels, monopolies, trusts and organizations and directors of huge corporations who work for corporate or personal gain. They are not interested in benefiting the public except in so far that the public demand for better living conditions will enable them—under the Law of Supply and Demand—to provide the goods, the transportation, light and power which will in the long run bring in heavier financial

Trách nhiệm đối với nỗi khốn khổ lan rộng đang thấy ngày nay trong mọi quốc gia trên thế giới chủ yếu thuộc về một số nhóm lớn có liên hệ với nhau gồm các doanh nhân, chủ ngân hàng, giám đốc điều hành của các cartel quốc tế, các tổ chức độc quyền, các trust và tổ chức, cùng các giám đốc của những tập đoàn khổng lồ, những người làm việc vì lợi ích công ty hay cá nhân. Họ không quan tâm đến việc đem lợi ích cho công chúng, ngoại trừ trong chừng mực nhu cầu của công chúng về điều kiện sống tốt hơn sẽ cho phép họ — dưới Định luật Cung và Cầu — cung cấp hàng hóa, vận tải, ánh sáng và năng lượng, những thứ rốt cuộc sẽ đem lại

returns. Exploitation of man-power, the manipulation of the major planetary resources and the promotion of war for private or business profit are characteristic of their methods.

lợi tức tài chính lớn hơn. Việc bóc lột nhân lực, thao túng các tài nguyên hành tinh chủ yếu và thúc đẩy chiến tranh vì lợi nhuận riêng hay lợi nhuận kinh doanh là đặc trưng của các phương pháp của họ.

In every nation, such men and organizations —responsible for the capitalistic system— are to be found. The ramifications of their businesses and their financial grasp upon humanity were, prior to the war, active in every land and though they went underground during the war, they still exist. They form an international group, closely interrelated, working in complete unity of idea and intention and knowing and understanding each other. These men belonged to both the Allied Nations and the Axis Powers; they have worked together before and through the entire period of the war through interlocking directorates, under false names and through deceptive organizations, aided by neutrals of their own way of thinking. Today, in spite of the disaster which they have brought upon the world, they are again organized and renewing their methods; their goals remain unchanged; their international relationships remain unbroken; they constitute the greatest menace mankind faces today; they control politics; they buy prominent [72] men in every nation; they insure silence through threat, cash and fear; they amass wealth and buy a spurious popularity through philanthropic enterprise; their families live soft and easy lives and seldom know the meaning of God-ordained work; they surround themselves with beauty, luxury and possessions and shut their eyes to the poverty, stark unhappiness, lack of warmth and decent clothing, the starvation and the ugliness of the lives of the millions by whom they are surrounded; they contribute to charities and church agencies as a salve to their consciences or to avoid

Trong mọi quốc gia, đều có thể thấy những người và tổ chức như thế — chịu trách nhiệm cho hệ thống tư bản chủ nghĩa. Các nhánh rẽ của công việc kinh doanh của họ và sự nắm giữ tài chính của họ đối với nhân loại, trước chiến tranh, đã hoạt động ở mọi vùng đất; và dù họ rút xuống ngầm trong thời chiến, họ vẫn tồn tại. Họ hình thành một nhóm quốc tế, liên hệ chặt chẽ với nhau, làm việc trong sự hợp nhất trọn vẹn về ý tưởng và ý định, biết rõ và thấu hiểu lẫn nhau. Những người này thuộc cả các Quốc Gia Đồng Minh lẫn các Cường Quốc Trục; họ đã làm việc cùng nhau trước và trong suốt toàn bộ thời kỳ chiến tranh, thông qua các ban giám đốc đan xen, dưới những tên giả và qua các tổ chức lừa dối, được trợ giúp bởi những quốc gia trung lập có cùng cách suy nghĩ với họ. Ngày nay, bất chấp thảm họa mà họ đã đem đến cho thế giới, họ lại được tổ chức và đang đổi mới các phương pháp của mình; các mục tiêu của họ vẫn không thay đổi; các mối quan hệ quốc tế của họ vẫn không bị phá vỡ; họ cấu thành mối đe dọa lớn nhất mà nhân loại đang đối diện ngày nay; họ kiểm soát chính trị; họ mua chuộc những người nổi bật [72] trong mọi quốc gia; họ bảo đảm sự im lặng bằng đe dọa, tiền mặt và nỗi sợ; họ tích lũy của cải và mua một sự nổi tiếng giả tạo qua hoạt động từ thiện; gia đình họ sống đời mềm mại, dễ dàng và hiếm khi biết ý nghĩa của công việc do Thượng đế an bài; họ bao quanh mình bằng cái đẹp, xa hoa và của cải, rồi nhắm mắt trước nghèo đói, bất hạnh trần trụi, thiếu hơi ấm và quần áo tử tế, nạn đói và sự xấu xí trong đời sống của hàng triệu người đang vây quanh họ; họ đóng góp cho các cơ quan từ thiện và giáo hội như một liều thuốc xoa dịu lương tâm

income taxes; they provide work for countless thousands but see to it that these thousands receive so small a wage that real comfort, leisure, culture and travel are impossible.

hoặc để tránh thuế thu nhập; họ cung cấp việc làm cho vô số ngàn người, nhưng bảo đảm rằng những ngàn người ấy nhận mức lương quá thấp đến nỗi sự tiện nghi thật sự, thời gian nhàn rỗi, văn hóa và du lịch là điều bất khả.

The above is a terrible indictment. It can, however, be substantiated a thousand times over; it is breeding revolution and a growing spirit of unrest. The masses of the people in every land are aroused and awakening and a new day is dawning. A war is starting between the selfish monied interests and the mass of humanity who demand fair play and a right share of the world's wealth.

Những điều trên là một bản cáo trạng khủng khiếp. Tuy nhiên, nó có thể được chứng minh hàng ngàn lần; nó đang nuôi dưỡng cách mạng và một tinh thần bất ổn ngày càng tăng. Khối đông dân chúng trong mọi vùng đất đang bị khuấy động và thức tỉnh, và một ngày mới đang ló dạng. Một cuộc chiến đang bắt đầu giữa các lợi ích tiền bạc ích kỷ và khối đông nhân loại đang đòi hỏi sự đối xử công bằng và phần chia đúng đắn trong của cải của thế giới.

There are those, however, within the capitalistic system who are aware of the danger with which the monied interests are faced and whose natural tendency is to think along broader and more humanitarian lines. These men fall into two main groups:

Tuy nhiên, trong hệ thống tư bản chủ nghĩa có những người ý thức được hiểm nguy mà các lợi ích tiền bạc đang đối diện, và khuynh hướng tự nhiên của họ là suy nghĩ theo những đường lối rộng lớn hơn và nhân đạo hơn. Những người này rơi vào hai nhóm chính:

First, those who are real humanitarians, who seek the good of their fellowmen and who have no desire to exploit the masses or to profit by the misery of others. They have risen to place and power through their sheer ability or through inherited business position and they cannot avoid the responsibility of the disposal of the millions in their hands. They are frequently rendered helpless by their fellow executives and their hands are largely tied by the existing rules of the game, by their [73] sense of responsibility to their stockholders and by the realization that, no matter what they do —fight or resign—the situation remains unchanged. It is too big for the individual. They remain, therefore, relatively powerless.

Thứ nhất, những người thật sự là các nhà nhân đạo, tìm kiếm lợi ích của đồng loại và không có mong muốn bóc lột quần chúng hay thu lợi từ nỗi khốn khổ của người khác. Họ đã vươn lên địa vị và quyền lực nhờ khả năng thuần túy của mình hoặc nhờ vị thế kinh doanh được kế thừa, và họ không thể tránh trách nhiệm định đoạt những khoản tiền hàng triệu trong tay mình. Họ thường bị làm cho bất lực bởi các đồng sự điều hành, và đôi tay họ phần lớn bị trói buộc bởi các luật chơi hiện hữu, bởi [73] ý thức trách nhiệm của họ đối với các cổ đông, và bởi nhận thức rằng bất kể họ làm gì — đấu tranh hay từ chức — tình hình vẫn không thay đổi. Nó quá lớn đối với cá nhân. Vì vậy, họ vẫn tương đối bất lực. Họ công bằng và chính

They are fair and just, decent and kind, simple in their way of life and with a true sense of values, but there is little of a potent nature that they can do.

trực, đứng đắn và tử tế, giản dị trong cách sống và có một ý thức chân thật về các giá trị, nhưng họ có thể làm rất ít điều có bản chất mạnh mẽ.

Second, those who are clever enough to read the signs of the times; they realize that the capitalistic system cannot continue indefinitely in the face of humanity's rising demands and the steady emerging of the spiritual values. They are beginning therefore to change their methods and to universalize their businesses and to institute cooperative procedures with their employees. Their inherent selfishness prompts the change and the instinct of self-preservation determines their attitudes. In between these two groups are those who belong to neither the one nor the other; they are a fruitful field for the propaganda of the selfish capitalist or the unselfish humanitarian.

Thứ hai, những người đủ khôn ngoan để đọc các dấu hiệu của thời đại; họ nhận ra rằng hệ thống tư bản chủ nghĩa không thể tiếp tục vô hạn định trước những đòi hỏi ngày càng tăng của nhân loại và sự xuất hiện đều đặn của các giá trị tinh thần. Vì vậy, họ bắt đầu thay đổi các phương pháp của mình, phổ quát hóa các công việc kinh doanh và thiết lập các thủ tục hợp tác với nhân viên của họ. Tính ích kỷ cố hữu thúc đẩy sự thay đổi, và bản năng tự bảo tồn quyết định thái độ của họ. Ở giữa hai nhóm này là những người không thuộc nhóm này cũng không thuộc nhóm kia; họ là một cánh đồng màu mỡ cho tuyên truyền của nhà tư bản ích kỷ hoặc của nhà nhân đạo vô tư.

It might be well to add here that the selfish thinking and the separative motivation which distinguishes the capitalistic system is also to be found in the small and unimportant business men—in the corner grocery, the plumber and the haberdasher who exploits his employees and deceives his customers. It is the universal spirit of selfishness and the love of power with which we have to contend. The war has, however, acted like a purge. It has opened the eyes of men to the underlying cause of war—economic distress, based on the exploitation of the planet's resources by an international group of selfish and ambitious men. The opportunity to change things is now present.

Có lẽ nên thêm ở đây rằng lối suy nghĩ ích kỷ và động cơ chia rẽ vốn phân biệt hệ thống tư bản chủ nghĩa cũng có thể được tìm thấy nơi các doanh nhân nhỏ bé và không quan trọng — nơi tiệm tạp hóa góc phố, người thợ ống nước và người bán đồ nam giới bóc lột nhân viên và lừa dối khách hàng của mình. Chính tinh thần ích kỷ phổ quát và lòng yêu quyền lực là điều chúng ta phải đối phó. Tuy nhiên, chiến tranh đã tác động như một cuộc thanh tẩy. Nó đã mở mắt con người trước nguyên nhân nền tảng của chiến tranh — tình trạng khốn khó kinh tế, dựa trên sự bóc lột các tài nguyên của hành tinh bởi một nhóm quốc tế gồm những người ích kỷ và tham vọng. Cơ hội để thay đổi mọi sự hiện đang có mặt.

Let us now look at the opposing group—Labour.

Bây giờ, chúng ta hãy nhìn vào nhóm đối lập — Lao động.

A powerful group, representing the capitalistic system, both national and international, and an equally [74] powerful group of labour unions and their leaders, face each other today. Both groups are national and international in scope. It remains to be seen which of the two will eventually control the planet or if a third group made up of practical idealists may not emerge and take over. The interest of the spiritual workers in the world today is not on the side of the capitalists nor even of labour, as it is now functioning; it is on the side of humanity.

Một nhóm hùng mạnh, đại diện cho hệ thống tư bản chủ nghĩa, cả quốc gia lẫn quốc tế, và một nhóm hùng mạnh không kém [74] gồm các công đoàn lao động cùng các nhà lãnh đạo của họ, ngày nay đang đối mặt nhau. Cả hai nhóm đều có phạm vi quốc gia và quốc tế. Còn phải xem trong hai nhóm ấy nhóm nào cuối cùng sẽ kiểm soát hành tinh, hoặc liệu một nhóm thứ ba gồm các nhà lý tưởng thực tiễn có thể xuất hiện và tiếp quản hay không. Mối quan tâm của những người hoạt động tinh thần trong thế giới ngày nay không đứng về phía các nhà tư bản, cũng không đứng về phía lao động như hiện đang vận hành; nó đứng về phía nhân loại.

For thousands of years, if history is to be believed, the wealthy landowners, the institutional heads of tribes, the feudal lords, the slave owners, merchants or business executives have been in power; they exploited the poor; they searched for the maximum output at the minimum cost. It is no new story. In the Middle Ages, the exploited workmen, the skilled craftsmen and cathedral builders began to form guilds and lodges for mutual protection, for joint discussion and frequently to promote the finest type of craftsmanship. These groups grew in power as the centuries slipped by yet the position of the employed man, woman or child remained deplorable.

Trong hàng ngàn năm, nếu lịch sử đáng tin, các địa chủ giàu có, các thủ lĩnh định chế của bộ lạc, các lãnh chúa phong kiến, các chủ nô, thương gia hay giám đốc kinh doanh đã nắm quyền; họ bóc lột người nghèo; họ tìm kiếm sản lượng tối đa với chi phí tối thiểu. Đây không phải là câu chuyện mới. Trong thời Trung Cổ, những công nhân bị bóc lột, các thợ thủ công lành nghề và những người xây dựng đại giáo đường bắt đầu hình thành các phường hội và hội quán để bảo vệ lẫn nhau, để cùng thảo luận và thường để thúc đẩy loại hình thủ công tinh xảo nhất. Các nhóm này tăng trưởng về quyền lực khi các thế kỷ trôi qua, tuy vậy vị thế của người nam, người nữ hay trẻ em làm thuê vẫn đáng thương.

With invention of machinery and the inauguration of the machine age during the 18th and 19th centuries, the condition of the labouring elements of the population became acutely bad; living conditions were abominable, unsanitary and dangerous to health, owing to the growth of urban areas around factories. They still are, as witness the housing problem of munitions workers during the past several years and the situation around the coal fields both in the

Với việc phát minh máy móc và khai mở thời đại máy móc trong các thế kỷ 18 và 19, tình trạng của các thành phần lao động trong dân cư trở nên cực kỳ tồi tệ; điều kiện sống ghê tởm, mất vệ sinh và nguy hiểm cho sức khỏe, do sự tăng trưởng của các khu đô thị quanh nhà máy. Chúng vẫn còn như vậy, bằng chứng là vấn đề nhà ở của công nhân sản xuất đạn dược trong vài năm qua và tình hình quanh các mỏ than ở cả Hoa Kỳ lẫn Anh quốc. Việc bóc lột trẻ em gia tăng. Xưởng bóc

States and Great Britain. The exploitation of children increased. The sweat-shop flourished; modern capitalism came into its own and the sharp distinction between the very poor and the very rich became the outstanding characteristic of the Victorian era. From the angle of the planned evolutionary [75] and spiritual development of the human family, leading to civilized and cultural living and to fair play and equal opportunity for all, the situation could not have been worse. Commercial selfishness and wild discontent flourished. The very rich flaunted their superior status in the faces of the very poor, paralleled with a patronizing paternalism. The spirit of revolution grew among the herded, overworked masses who, by their efforts, contributed to the wealth of the rich classes.

lột sức lao động phát triển mạnh; chủ nghĩa tư bản hiện đại đi vào vị thế của mình, và sự phân biệt sắc bén giữa người rất nghèo và người rất giàu trở thành đặc trưng nổi bật của thời đại Victoria. Từ góc độ sự phát triển tiến hoá [75] và tinh thần đã được hoạch định của gia đình nhân loại, dẫn đến đời sống văn minh và văn hóa, cùng sự đối xử công bằng và cơ hội bình đẳng cho tất cả, tình hình không thể tồi tệ hơn. Sự ích kỷ thương mại và bất mãn cuồng loạn cùng phát triển. Những người rất giàu phô trương địa vị ưu việt của mình trước mặt những người rất nghèo, song song với một chủ nghĩa gia trưởng kẻ cả. Tinh thần cách mạng lớn lên trong các khối đông bị dồn tụ và làm việc quá sức, những người bằng nỗ lực của mình đã góp phần vào của cải của các giai cấp giàu có.

The spiritual principle of *Freedom* became increasingly recognized and its expression demanded. World conditions tended in the same direction. Movements of every kind became possible, symbolizing this growth and the demand for freedom. The machine age was succeeded by the age of transportation, of electricity, of railroads, the automobile, and the airplane. The age of communications paralleled this also, giving us the telegraph, the telephone, the radio and today, television and radar. All these merged into the present age of science which has given us the liberation of atomic energy and the potentialities inherent in the discovery. In spite of the fact that a machine can do the work of many men, which greatly contributed to the wealth of the man with capital, fresh industries and the growth of worldwide means of distribution provided new fields of employment and the demands of the most materialistic period the world has ever seen gave a great impetus to capital and provided jobs for countless millions. Educational facilities also grew and with

Nguyên lý tinh thần của *Tự Do* ngày càng được nhận biết và sự biểu hiện của nó được đòi hỏi. Các điều kiện thế giới có khuynh hướng theo cùng chiều hướng ấy. Các phong trào đủ loại trở nên khả hữu, tượng trưng cho sự tăng trưởng này và đòi hỏi tự do. Thời đại máy móc được tiếp nối bởi thời đại vận tải, điện lực, đường sắt, xe hơi và máy bay. Thời đại truyền thông cũng song hành với điều này, đem đến cho chúng ta điện báo, điện thoại, vô tuyến và ngày nay là truyền hình cùng radar. Tất cả những điều này hòa nhập vào thời đại khoa học hiện nay, vốn đã đem lại cho chúng ta sự giải phóng năng lượng nguyên tử và các tiềm năng vốn có trong khám phá ấy. Dù một máy móc có thể làm công việc của nhiều người, điều đã góp phần rất lớn vào của cải của người có tư bản, các ngành công nghiệp mới và sự phát triển các phương tiện phân phối trên toàn thế giới đã cung cấp những lĩnh vực việc làm mới, và những đòi hỏi của thời kỳ duy vật nhất mà thế giới từng thấy đã đem lại một xung lực lớn cho tư bản và cung cấp việc làm cho vô số triệu người. Các phương tiện giáo dục

this came the demand by the labouring classes for better living conditions, higher pay and more leisure. This the employers have constantly fought; they organized themselves against the demands of the awakening mass of men and precipitated a condition which forced labour to take action.

cũng phát triển, và cùng với điều này xuất hiện đòi hỏi của các giai cấp lao động về điều kiện sống tốt hơn, lương cao hơn và nhiều thời gian nhàn rỗi hơn. Điều này các chủ sử dụng lao động đã không ngừng chống lại; họ tự tổ chức để chống lại các đòi hỏi của khối đông con người đang thức tỉnh, và làm ngưng tụ một tình trạng buộc lao động phải hành động.

[76] Groups of enlightened men in Europe, Great Britain and the United States began to agitate, to write books which were widely read, to start discussions, and to urge the monied classes to awaken to the situation and to the appalling living conditions under which the labouring class and peasantry lived. The abolitionists fought slavery—whether of Negroes or of whites, of children or of adults. A rapid developing free press began to keep the "lower classes" informed of what was going on; parties were formed to end certain glaring abuses; the French Revolution, the writings of Marx and of others, and the American Civil War all played their part in forcing the issue of the common man. Men in every country determined to fight for freedom and their proper human rights.

[76] Những nhóm người giác ngộ ở châu Âu, Anh quốc và Hoa Kỳ bắt đầu vận động, viết những cuốn sách được đọc rộng rãi, khơi lên các cuộc thảo luận, và thúc giục các giai cấp có tiền thức tỉnh trước tình thế và trước những điều kiện sống kinh hoàng mà giai cấp lao động và nông dân phải chịu. Những người chủ trương bãi nô đã đấu tranh chống chế độ nô lệ—dù là nô lệ da đen hay da trắng, trẻ em hay người lớn. Một nền báo chí tự do đang phát triển nhanh chóng bắt đầu thông tin cho "các giai cấp thấp" về những gì đang diễn ra; các đảng phái được thành lập để chấm dứt một số lạm dụng hiển nhiên; Cách mạng Pháp, các trước tác của Marx và của những người khác, cùng Nội chiến Hoa Kỳ, tất cả đều góp phần buộc vấn đề của người dân thường phải được đặt ra. Con người ở mọi quốc gia quyết tâm đấu tranh cho tự do và những quyền con người chính đáng của mình.

Gradually employees and labourers came together for mutual protection and their just rights. The Labour Union movement came into being eventually with its formidable weapons: education for freedom and the strike. Many discovered that in union there is strength and that together they could defy the employer and wrest from the monied interests decent wages, better living conditions and that greater leisure which is the right of every man. The fact of the steadily increasing power of labour and of

Dần dần, các nhân viên và người lao động liên kết lại để bảo vệ lẫn nhau và đòi các quyền công chính của mình. Cuối cùng, phong trào Công đoàn ra đời với những vũ khí đáng gờm của nó: giáo dục cho tự do và đình công. Nhiều người khám phá rằng trong sự đoàn kết có sức mạnh, và rằng cùng nhau họ có thể thách thức giới chủ, đồng thời giành lấy từ các thế lực tiền bạc mức lương xứng đáng, điều kiện sống tốt hơn và nhiều thời giờ nhàn rỗi hơn—điều vốn là quyền của mọi người. Sự kiện quyền lực của

its international strength is well known and a primary modern interest.

lao động đang tăng lên đều đặn và sức mạnh quốc tế của nó là điều ai cũng biết, và là một mối quan tâm hàng đầu của thời hiện đại.

Powerful individuals among the union leaders came to the surface of the movement. Some of the employers, who had the best interests of their workers at heart, stood by them and aided them. They were relatively a small minority but they served to weaken the confidence and power of the majority. The fight of the workers is still going on; gains are steadily being made; shorter hours and better pay are constantly being demanded and when refused the weapon of the strike is used. The use of the strike, so beneficent and helpful [77] in the early days of the rise of labour to power, is now itself becoming a tyranny in the hands of the unscrupulous and self-seeking. Labour leaders are now so powerful that many of them have shifted into the position of dictators and are exploiting the mass of workers whom they earlier served. Labour is also becoming exceedingly rich and untold millions have been accumulated by the great national organizations everywhere. *The Labour Movement is itself now capitalistic.*

Những cá nhân đầy quyền lực trong hàng ngũ lãnh đạo công đoàn nổi lên trên bề mặt của phong trào. Một số chủ nhân, những người thật sự quan tâm đến lợi ích tốt đẹp nhất của công nhân mình, đã đứng về phía họ và trợ giúp họ. Họ chỉ là một thiểu số tương đối nhỏ, nhưng họ đã góp phần làm suy yếu niềm tin và quyền lực của đa số. Cuộc đấu tranh của công nhân vẫn còn tiếp diễn; các thành quả vẫn đều đặn đạt được; giờ làm ngắn hơn và lương cao hơn liên tục được đòi hỏi, và khi bị từ chối thì vũ khí đình công được sử dụng. Việc sử dụng đình công, vốn rất hữu ích và lợi lạc [77] trong những ngày đầu lao động vươn lên nắm quyền, nay chính nó đang trở thành một bạo quyền trong tay những kẻ vô lương tâm và vụ lợi. Các lãnh đạo lao động ngày nay quyền lực đến mức nhiều người trong số họ đã chuyển sang vị thế của những nhà độc tài và đang khai thác quần chúng công nhân mà trước kia họ từng phụng sự. Lao động cũng đang trở nên cực kỳ giàu có, và vô số triệu đã được các tổ chức quốc gia lớn ở khắp nơi tích lũy. *Chính Phong trào Lao động hiện nay đã mang tính tư bản.*

Labour and Labour Unions have done noble work. Labour has been elevated into its rightful place in the life of the nations and the essential dignity of man has been emphasized. Humanity is being rapidly fused into one great corporate body under the influence of the Law of Supply and of Demand which is a point to be remembered. The destiny of the race and the power to make national and international decisions, affecting the whole of mankind, is passing into the hands of the masses, of the working classes and of the man in the street. The

Lao động và các Công đoàn đã thực hiện một công việc cao quý. Lao động đã được nâng lên đúng vị trí của nó trong đời sống các quốc gia, và phẩm giá thiết yếu của con người đã được nhấn mạnh. Nhân loại đang nhanh chóng được dung hợp thành một tập thể rộng lớn thống nhất dưới ảnh hưởng của Định luật Cung và Cầu, đây là một điểm cần ghi nhớ. Vận mệnh của nhân loại và quyền lực đưa ra các quyết định quốc gia và quốc tế, ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại, đang chuyển vào tay quần chúng, các giai cấp lao động và người bình dân. Việc khai sinh các

inauguration of the labour unions was, in fact, a great spiritual movement, leading to the uprising anew of the divine spirit in man and an expression of the spiritual qualities inherent in the race.

công đoàn, thật ra, là một phong trào tinh thần lớn lao, dẫn đến sự trỗi dậy trở lại của tinh thần thiêng liêng trong con người và là một biểu hiện của các phẩm tính tinh thần vốn có trong nhân loại.

Yet all is not well with the labour movement. The question arises whether it is not sorely in need of a drastic housecleaning. With the coming-in of labour governments in certain countries, with the growth of democracy and the demand for freedom, with the uprising of the rule of the proletariat in Russia, and the higher educational standard of the race, it might well appear that new, better and different methods may now be used to implement the Four Freedoms and to insure right human relations. If there is a realization that there should be right human relations among nations, it is obvious that such relations should exist also between capital and labour (composed as both groups are of [78] human beings) and between the quarrelling labour organizations. Labour is today a dictatorship, using threat, fear and force to gain its ends. Many of its leaders are powerful and ambitious men, with a deep love of money and a determination to wield power. Bad housing, poor pay and evil conditions still exist everywhere and it is not in every case the fault of the employer.

Tuy nhiên, không phải mọi sự đều ổn thỏa với phong trào lao động. Câu hỏi được đặt ra là liệu phong trào ấy có đang hết sức cần một cuộc thanh lọc triệt để hay không. Với sự xuất hiện của các chính phủ lao động ở một số quốc gia, với sự phát triển của dân chủ và yêu cầu tự do, với sự trỗi dậy của quyền cai trị của giai cấp vô sản ở Nga, và với trình độ giáo dục cao hơn của nhân loại, rất có thể thấy rằng giờ đây những phương pháp mới, tốt hơn và khác biệt hơn có thể được dùng để thực thi Bốn Tự Do và bảo đảm các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người. Nếu có sự nhận ra rằng giữa các quốc gia cần có các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, thì hiển nhiên những mối quan hệ như thế cũng phải tồn tại giữa tư bản và lao động, vì cả hai nhóm đều gồm [78] con người, cũng như giữa các tổ chức lao động đang tranh chấp. Lao động ngày nay là một chế độ độc tài, dùng đe dọa, sợ hãi và mãnh lực để đạt mục tiêu. Nhiều lãnh đạo của nó là những người đầy quyền lực và tham vọng, có lòng yêu tiền sâu đậm và quyết tâm nắm giữ quyền lực. Nhà ở tồi tệ, lương thấp và điều kiện xấu vẫn còn tồn tại khắp nơi, và không phải trong mọi trường hợp lỗi đều thuộc về người chủ.

Power in the future lies in the hands of the masses. These masses are moving forward and by the sheer weight of their numbers, by their planned thinking and the rapidly growing interrelation now established between labour movements all over the world, nothing today can stop their progress. The major asset which labour has over capital is that it is working for

Quyền lực trong tương lai nằm trong tay quần chúng. Những quần chúng này đang tiến tới, và bằng sức nặng đơn thuần của số đông, bằng tư duy có kế hoạch của họ và bằng mối liên hệ hỗ tương đang tăng trưởng nhanh chóng, nay đã được thiết lập giữa các phong trào lao động trên toàn thế giới, ngày nay không gì có thể ngăn được bước tiến của họ. Tài sản lớn nhất mà lao động có so với tư

countless millions whilst the capitalist works for the good of a few. *The norm of humanity lies at the heart of the labour movement.*

bản là lao động đang làm việc cho vô số triệu người, trong khi nhà tư bản làm việc vì lợi ích của một số ít. *Chuẩn mực của nhân loại nằm ngay trong trung tâm của phong trào lao động.*

We need to grasp somewhat this picture of a world-wide condition of misery, based on both the capitalistic and the labour movements, to see this entire picture realistically and fairly. In some form or another the interplay between capital and labour, between employer and employee and between the monied interests and the exploited masses has been present. With the steam age, the scientific age, the age of electricity and the age of planetary intercommunication, this evil grew and spread. Capital became more and more potent; Labour became increasingly restless and demanding. The culminating struggle was presented in the world war and its aftermath, a thirty year war in which capital implemented the war and the efforts of labour won it.

Chúng ta cần phần nào nắm bắt bức tranh này về một tình trạng khốn khổ trên toàn thế giới, dựa trên cả các phong trào tư bản lẫn lao động, để nhìn toàn cảnh ấy một cách thực tế và công bằng. Dưới hình thức này hay hình thức khác, sự tương tác giữa tư bản và lao động, giữa chủ nhân và người làm công, giữa các thế lực tiền bạc và quần chúng bị bóc lột đã luôn hiện diện. Với thời đại hơi nước, thời đại khoa học, thời đại điện lực và thời đại giao tiếp trên toàn hành tinh, điều ác này lớn lên và lan rộng. Tư bản ngày càng trở nên mạnh mẽ; Lao động ngày càng bất an và đòi hỏi nhiều hơn. Cuộc đấu tranh đạt đến đỉnh điểm trong chiến tranh thế giới và hậu quả của nó, một cuộc chiến ba mươi năm trong đó tư bản cung ứng phương tiện cho chiến tranh và các nỗ lực của lao động đã chiến thắng nó.

Certain questions arise. In the answering of these questions, humanity will solve its problems or, if they remain unsolved, the human race will come to an end.

Một số câu hỏi được đặt ra. Trong việc trả lời các câu hỏi này, nhân loại sẽ giải quyết các vấn đề của mình; hoặc nếu chúng vẫn không được giải quyết, nhân loại sẽ đi đến chỗ kết thúc.

1. Is the capitalistic system to remain in power? Is it entirely evil? Are not capitalists human beings? [79]

1. Hệ thống tư bản có tiếp tục nắm quyền hay không? Nó có hoàn toàn xấu xa không? Chẳng phải các nhà tư bản cũng là con người sao? [79]

2. Will labour itself, through its unions and its growing power, vested in its leaders, become a tyranny?

2. Liệu bản thân lao động, qua các công đoàn và quyền lực ngày càng tăng của nó, được đặt vào tay các lãnh đạo, có trở thành một bạo quyền hay không?

3. Can labour and capital form a working agreement or amalgamation? Do we face

3. Lao động và tư bản có thể hình thành một thỏa thuận làm việc hay một sự hợp nhất

another type of war between these two groups?

không? Có phải chúng ta đang đối diện với một kiểu chiến tranh khác giữa hai nhóm này không?

4. In what way can the Law of Supply and Demand be implemented so that there is justice for all and plenty for all?

4. Định luật Cung và Cầu có thể được thực thi theo cách nào để có công lý cho tất cả và sung túc cho tất cả?

5. Must some form of totalitarian control be adopted by the various world governments in order to meet the requirements of supply and demand? Must we legislate for material ends and comfort?

5. Liệu các chính phủ khác nhau trên thế giới có phải chấp nhận một hình thức kiểm soát toàn trị nào đó để đáp ứng các yêu cầu của cung và cầu không? Liệu chúng ta có phải lập pháp vì những mục tiêu vật chất và tiện nghi không?

6. What standard of living will—in the New Age—seem essential to man? Shall we have a purely materialistic civilization or shall we have a spiritual world trend?

6. Trong Kỷ Nguyên Mới, tiêu chuẩn sống nào sẽ có vẻ thiết yếu đối với con người? Chúng ta sẽ có một nền văn minh thuần túy duy vật, hay sẽ có một khuynh hướng thế giới tinh thần?

7. What must be done to prevent the monied interests from again mobilizing for the exploitation of the world?

7. Phải làm gì để ngăn các thế lực tiền bạc một lần nữa huy động nhằm khai thác thế giới?

8. What really lies at the very heart of the modern materialistic difficulty?

8. Điều gì thật sự nằm ngay trong cốt lõi của khó khăn duy vật hiện đại?

This last question can be answered in the well known words: "The love of money is the root of all evil". This throws us back on the fundamental weakness of humanity—the quality of *desire*. Of this, money is the result and the symbol.

Câu hỏi cuối cùng này có thể được trả lời bằng những lời quen thuộc: "Lòng yêu tiền là cội rễ của mọi điều ác". Điều này đưa chúng ta trở lại với điểm yếu căn bản của nhân loại —phẩm tính của *dục vọng*. Tiền bạc là kết quả và biểu tượng của dục vọng ấy.

From the simple process of barter and exchange (as practised by the primeval savage) to the intricate and formidable financial and economic structure of the modern world, desire is the underlying cause. It demands the satisfaction of sensed need, the desire for goods and possessions, the desire for material comfort, for the

Từ tiến trình đơn giản của đổi chác và trao đổi, như người hoang sơ thời nguyên thủy đã thực hành, cho đến cơ cấu tài chính và kinh tế phức tạp, đáng gờm của thế giới hiện đại, dục vọng là nguyên nhân nền tảng. Nó đòi sự thỏa mãn nhu cầu được cảm nhận, dục vọng đối với hàng hóa và sở hữu, dục vọng đối với tiện nghi vật chất, đối với việc thu

acquisition and the accumulation of *things*, the desire for power and the supremacy which money alone can give. This desire controls and dominates human thinking; it is the keynote of our modern civilization; it is also the octopus which is slowly strangling human [80] life, enterprise, and decency; it is the millstone around the neck of mankind.

đạt và tích lũy *đồ vật*, dục vọng đối với quyền lực và địa vị tối thượng mà chỉ tiền bạc mới có thể đem lại. Dục vọng này kiểm soát và thống trị tư duy con người; nó là chủ âm của nền văn minh hiện đại của chúng ta; nó cũng là con bạch tuộc đang chậm rãi bóp nghẹt sự sống [80] nhân loại, sáng kiến và sự tử tế; nó là cối đá đeo quanh cổ nhân loại.

To own, to possess, and to compete with other men for supremacy has been the keynote of the average human being—man against man, householder against householder, business against business, organization against organization, party against party, nation against nation, labour against capital—so that today it is recognized that the problem of peace and happiness is primarily related to the world's resources and to the ownership of those resources.

Sở hữu, chiếm hữu, và cạnh tranh với những người khác để giành địa vị tối thượng đã là chủ âm của con người trung bình—người chống người, gia chủ chống gia chủ, doanh nghiệp chống doanh nghiệp, tổ chức chống tổ chức, đảng phái chống đảng phái, quốc gia chống quốc gia, lao động chống tư bản—đến nỗi ngày nay người ta nhận ra rằng vấn đề hòa bình và hạnh phúc trước hết liên quan đến các tài nguyên của thế giới và quyền sở hữu những tài nguyên ấy.

The dominating words in our newspapers, over our radios, and in all our discussions are based upon the financial structure of human economy: banking interests, salaries, national debts, reparations, cartels and trusts, finance, taxation—these are the words which control our planning, arouse our jealousies, feed our hatreds or our dislike of other nations, and set us one against the other. *The love of money is the root of all evil.*

Những từ ngữ chi phối trên báo chí, qua radio và trong mọi cuộc thảo luận của chúng ta đều dựa trên cơ cấu tài chính của nền kinh tế nhân loại: lợi ích ngân hàng, tiền lương, nợ quốc gia, bồi thường chiến tranh, cartel và trust, tài chính, thuế khóa—đó là những từ ngữ kiểm soát việc hoạch định của chúng ta, khơi dậy lòng ganh tị, nuôi dưỡng hận thù hoặc sự không ưa thích của chúng ta đối với các quốc gia khác, và đặt chúng ta chống lại nhau. *Lòng yêu tiền là cội rễ của mọi điều ác.*

There are, however, large numbers of people whose lives are not dominated by the love of money and who can normally think in terms of the higher values. They are the hope of the future but are individually imprisoned in the system which, spiritually, must end. Though they do not love money they need it and must have it; the tentacles of the

Tuy nhiên, có rất nhiều người mà đời sống không bị lòng yêu tiền thống trị, và những người ấy bình thường có thể suy nghĩ theo các giá trị cao hơn. Họ là hy vọng của tương lai, nhưng xét riêng từng cá nhân, họ đang bị giam trong hệ thống mà, về mặt tinh thần, phải chấm dứt. Dù họ không yêu tiền, họ vẫn cần tiền và phải có tiền; các vòi của thế giới

business world surround them; they too must work and earn the wherewithal to live; the work they seek to do to aid humanity cannot be done without the required funds; the churches are materialistic in their mode of work and—after caring for the organizational aspect of their work—there is little left for Christ's work, for simple spiritual living. The task facing the men and women of goodwill in every land today seems too heavy and the problems to be solved seem well-nigh insoluble. Men and women of goodwill are now asking the question: Can the conflict [81] between capital and labour be ended and a new world be thereby reborn? Can living conditions be so potently changed that right human relations can be permanently established?

kinh doanh bao quanh họ; họ cũng phải làm việc và kiếm phương tiện để sống; công việc họ tìm cách làm nhằm trợ giúp nhân loại không thể được thực hiện nếu không có các ngân quỹ cần thiết; các giáo hội mang tính duy vật trong phương thức làm việc của họ, và—sau khi lo liệu cho phương diện tổ chức trong công việc—chỉ còn lại rất ít cho công việc của Đức Christ, cho đời sống tinh thần giản dị. Nhiệm vụ trước mặt những người nam và nữ thiện chí ở mọi xứ sở ngày nay dường như quá nặng nề, và các vấn đề cần giải quyết dường như hầu như không thể giải được. Những người nam và nữ thiện chí hiện đang đặt câu hỏi: Liệu cuộc xung đột [81] giữa tư bản và lao động có thể chấm dứt, và nhờ đó một thế giới mới được tái sinh hay không? Liệu các điều kiện sống có thể được thay đổi mạnh mẽ đến mức các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người có thể được thiết lập vĩnh viễn hay không?

These relationships *can* be established, and for the following reasons:

Những mối quan hệ này *có thể* được thiết lập, vì những lý do sau:

1. Humanity has suffered so terribly during the past two hundred years that it *is* possible to bring about the needed changes, provided that the correct steps are taken before the pain and agony are forgotten and their effects have passed out of man's consciousness. These steps must be taken at once whilst patent evidences of the past are still present, and the aftermath of world war is before our eyes.

1. Nhân loại đã chịu đau khổ khủng khiếp trong hai trăm năm qua đến mức *có thể* đem lại những thay đổi cần thiết, với điều kiện các bước đi đúng đắn được thực hiện trước khi nỗi đau và sự thống khổ bị quên lãng và các tác động của chúng đã ra khỏi tâm thức con người. Những bước đi này phải được thực hiện ngay lập tức, trong khi các bằng chứng rõ ràng của quá khứ vẫn còn hiện diện, và hậu quả của chiến tranh thế giới còn ở trước mắt chúng ta.

2. The release of the energy of the atom is definitely the inauguration of the New Age; it will so completely alter our way of life that much of the planning at present being done will be found to be of an interim nature; it will simply help humanity to make a great transition out of the materialistic system

2. Việc giải phóng năng lượng của nguyên tử chắc chắn là sự khai mở Kỷ Nguyên Mới; nó sẽ làm thay đổi hoàn toàn lối sống của chúng ta đến mức phần lớn việc hoạch định hiện đang được thực hiện sẽ được thấy là có tính chất chuyển tiếp; nó đơn giản sẽ giúp nhân loại thực hiện một cuộc Chuyển tiếp lớn ra

now dominating into one in which right human relations will be the basic characteristic. This new and better way of life will be developed for two main reasons:

khỏi hệ thống duy vật hiện đang thống trị, để bước vào một hệ thống trong đó các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người sẽ là đặc tính nền tảng. Lối sống mới và tốt đẹp hơn này sẽ được phát triển vì hai lý do chính:

a. The purely spiritual reasons of human brotherhood, of peaceful cooperative enterprise and the constantly unfolding principle of the Christ consciousness in the hearts of men. This may be deemed a mystical and visionary reason; it is already more controlling in its effects than is believed.

a. Những lý do thuần túy tinh thần của tình huynh đệ nhân loại, của nỗ lực hợp tác hòa bình và nguyên khí của tâm thức Đức Christ đang không ngừng khai mở trong tâm con người. Điều này có thể bị xem là một lý do thần bí và viễn tưởng; nhưng trong các tác động của nó, nó đã có sức chi phối nhiều hơn người ta tin.

b. The frankly selfish motive of self-preservation. The release of atomic energy has not only put into human hands a potent force which will inevitably bring in a new and better way of life, but also a terrible weapon, capable of wiping the human family off the face of the earth. [82]

b. Động cơ thẳng thắn ích kỷ của sự tự bảo tồn. Việc giải phóng năng lượng nguyên tử không chỉ đặt vào tay con người một mãnh lực hùng mạnh, chắc chắn sẽ đem lại một lối sống mới và tốt đẹp hơn, mà còn đặt vào tay họ một vũ khí khủng khiếp, có khả năng xóa sạch gia đình nhân loại khỏi mặt đất. [82]

3. The steady and selfless work of the men and women of goodwill in every land. This work is non-spectacular but surely founded on right principles and it is one of the main agencies for peace.

3. Công việc đều đặn và vị tha của những người nam và nữ thiện chí ở mọi xứ sở. Công việc này không phô trương, nhưng chắc chắn được đặt nền trên các nguyên tắc đúng đắn, và nó là một trong những tác nhân chính cho hòa bình.

On account of this energy discovery capital and labour are each faced with a problem, and both these problems will reach a point of crisis in the next few years.

Do khám phá về năng lượng này, cả tư bản lẫn lao động đều đối diện với một vấn đề, và cả hai vấn đề này sẽ đạt đến một điểm khủng hoảng trong vài năm tới.

Money, the accumulation of financial assets and the cornering of the earth's resources for organizational exploitation will soon prove utterly useless and futile, provided that these resources of energy and the mode of their release remain in the hands of the people's chosen representatives and are not the secret possession of certain groups of powerful men or of any one nation. Atomic

Tiền bạc, sự tích lũy tài sản tài chính và việc độc chiếm các tài nguyên của Trái Đất để khai thác có tổ chức sẽ sớm chứng tỏ hoàn toàn vô ích và phù phiếm, với điều kiện các tài nguyên năng lượng này và phương thức giải phóng chúng vẫn nằm trong tay những đại diện do nhân dân chọn, chứ không phải là sở hữu bí mật của một số nhóm người quyền lực hay của bất kỳ quốc gia nào. Năng

energy belongs to humanity as a whole. The responsibility for its control must lie in the hands of the men of goodwill. They must control its destiny and make it available along constructive lines for the use of men everywhere. *No one nation should own the formula or secret for the release of energy.* Until mankind, however, has moved forward in its understanding of right human relations, an international group of men of goodwill—trusted and chosen by the people—should safeguard these potencies.

lượng nguyên tử thuộc về toàn thể nhân loại. Trách nhiệm kiểm soát nó phải nằm trong tay những người thiện chí. Họ phải kiểm soát vận mệnh của nó và làm cho nó sẵn có theo các đường lối xây dựng để con người ở khắp nơi sử dụng. *Không một quốc gia nào nên sở hữu công thức hay bí mật giải phóng năng lượng.* Tuy nhiên, cho đến khi nhân loại tiến tới trong sự thấu hiểu các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, một nhóm quốc tế gồm những người thiện chí—được nhân dân tin cậy và lựa chọn—phải bảo vệ các quyền năng này.

If this energy is released into constructive channels and if it remains safely guarded by the right men, the capitalistic system is doomed. The problem of labour will then be the major problem of unemployment—a dreaded word which will be meaningless in the golden age which lies ahead. The masses will then be faced by the problem of leisure. This is a problem which when faced and solved will release the creative energy of man into channels undreamed of today.

Nếu năng lượng này được giải phóng vào các kênh xây dựng và nếu nó vẫn được bảo vệ an toàn bởi những người đúng đắn, hệ thống tư bản sẽ đến hồi cáo chung. Khi đó, vấn đề của lao động sẽ là vấn đề lớn về thất nghiệp—một từ đáng sợ nhưng sẽ trở nên vô nghĩa trong thời đại hoàng kim đang ở phía trước. Khi ấy quần chúng sẽ đối diện với vấn đề nhàn rỗi. Đây là một vấn đề mà khi được đối diện và giải quyết sẽ giải phóng năng lượng sáng tạo của con người vào những kênh mà ngày nay chưa ai mơ tưởng.

The release of atomic energy is the first of many great releases in all the kingdoms of nature; the great [83] release still ahead of humanity will bring into expression mass creative powers, spiritual potencies and psychic unfoldments which will prove and demonstrate the divinity and the immortality of man.

Việc giải phóng năng lượng nguyên tử là sự giải phóng đầu tiên trong nhiều sự giải phóng lớn lao ở tất cả các giới trong thiên nhiên; sự giải phóng lớn lao [83] vẫn còn ở phía trước nhân loại sẽ đưa vào biểu hiện các quyền năng sáng tạo đại chúng, các tiềm lực tinh thần và những sự khai mở thông linh, vốn sẽ chứng minh và biểu thị thiên tính cùng sự bất tử của con người.

All this will take time. The time factor must govern as never before the activities of the men of goodwill and the work of those whose task it is to educate not only the children and the youth of the world but also to train humanity in the major undertaking of right human relations and in the

Tất cả điều này sẽ cần thời gian. Yếu tố thời gian phải chi phối, hơn bao giờ hết, các hoạt động của những người thiện chí và công việc của những người có nhiệm vụ giáo dục không chỉ trẻ em và thanh niên của thế giới, mà còn huấn luyện nhân loại trong công cuộc lớn lao là thiết lập các mối quan hệ

possibilities immediately ahead. The note to be struck and the word to be emphasized is *humanity*. Only one dominant concept can today save the world from a looming economic fight to the death, can prevent the uprising again of the materialistic systems of the past, can stop the re-emerging of the old ideas and concepts and can bring to an end the subtle control by the financial interests and the violent discontent of the masses. *A belief in human unity must be endorsed*. This unity must be grasped as something worth fighting and dying for; it must constitute the new foundation for all our political, religious and social reorganization and must provide the theme for our educational systems. Human unity, human understanding, human relationships, human fair play and the essential oneness of all men—these are the only concepts upon which to construct the new world, through which to abolish competition and to bring to an end the exploitation of one section of humanity by another and the hitherto unfair possession of the earth's wealth. As long as there are extremes of riches and poverty men are falling short of their high destiny.

đúng đắn giữa người với người và trong những khả năng ngay trước mắt. Âm điệu cần được xướng lên và từ cần được nhấn mạnh là *nhân loại*. Ngày nay chỉ một khái niệm chủ đạo mới có thể cứu thế giới khỏi một cuộc chiến kinh tế sống còn đang lờ mờ hiện ra, có thể ngăn sự trỗi dậy trở lại của các hệ thống duy vật trong quá khứ, có thể chặn sự tái xuất hiện của những ý tưởng và quan niệm cũ, và có thể chấm dứt sự kiểm soát tinh vi của các thế lực tài chính cùng sự bất mãn dữ dội của quần chúng. *Niềm tin vào sự thống nhất của nhân loại phải được xác nhận*. Sự thống nhất này phải được nắm bắt như một điều đáng để chiến đấu và chết vì nó; nó phải cấu thành nền tảng mới cho mọi sự tái tổ chức chính trị, tôn giáo và xã hội của chúng ta, và phải cung cấp chủ đề cho các hệ thống giáo dục của chúng ta. Sự thống nhất của nhân loại, sự thấu hiểu giữa người với người, các mối quan hệ giữa người với người, sự công bằng giữa người với người và tính nhất thể thiết yếu của mọi người—đó là những khái niệm duy nhất để xây dựng thế giới mới, qua đó xóa bỏ cạnh tranh và chấm dứt việc một bộ phận nhân loại khai thác một bộ phận khác, cũng như việc chiếm hữu bất công từ trước đến nay đối với của cải của Trái Đất. Chừng nào còn có những cực đoan giàu nghèo, con người vẫn chưa đạt tới vận mệnh cao cả của mình.

The Kingdom of God can appear on earth, and this in the immediate future, but the members of this kingdom recognize neither rich nor poor, neither high nor low, neither labour nor capital but only the children of the one Father, and the fact—natural and yet spiritual—[84] that all men are brothers. Here lies the solution of the problem with which we are dealing. The spiritual Hierarchy of our planet recognizes neither capital nor labour; it recognizes only men and brothers. The solution is, therefore, education and still more education and the

Thiên Giới có thể xuất hiện trên Trái Đất, và điều này trong tương lai gần, nhưng các thành viên của giới này không thừa nhận giàu hay nghèo, cao hay thấp, lao động hay tư bản, mà chỉ thừa nhận những người con của một Cha duy nhất, và sự kiện—tự nhiên nhưng đồng thời tinh thần—[84] rằng mọi người đều là huynh đệ. Chính nơi đây có lời giải cho vấn đề mà chúng ta đang đề cập đến. Thánh Đoàn của hành tinh chúng ta không thừa nhận tư bản hay lao động; Thánh Đoàn chỉ thừa nhận con người và huynh đệ. Do đó, lời giải là giáo dục, và còn giáo dục nhiều

adaptation of the recognized trends of the times to the vision seen by the spiritually minded and by those who love their fellowmen.

hơn nữa, cùng với việc thích ứng các khuynh hướng đã được nhận biết của thời đại với tầm nhìn mà những người có trí hướng tinh thần và những người yêu thương đồng loại mình đã thấy.

CHAPTER 4 - THE PROBLEM OF THE RACIAL MINORITIES – CHƯƠNG 4 - VẤN ĐỀ CÁC THIỂU SỐ CHỦNG TỘC

[85] The racial problem is badly obscured by its historical retrospect and presentation, much of which is unsound and untrue; it is obscured also by ancient hatreds and national jealousies. These are inherent in human nature but are fed and fostered by prejudice and those who are animated by ulterior and selfish intentions. New and rapidly arising ambitions are also fomenting the difficulty; these ambitions are right and sound, particularly in the case of the Negro. These ambitions are often exploited and distorted by selfish political interests and trouble-making agencies. Still other factors conditioning the racial problem are the economic distress under which so many labour today, the imperialistic control of certain nations, the lack of educational attainments, or a civilization so ancient that it is showing signs of degeneration. These and many other factors are everywhere present, conditioning human thinking, deluding the many affected by the problem and greatly handicapping the efforts of those who are seeking to bring about right action and develop a more balanced and constructive attitude among these minorities. Minorities, along with the rest of mankind, are subject to the unerring forces of evolution and are struggling towards a higher and better existence, towards more wholesome living conditions, towards more individual and racial freedom and a much higher level of right human relations.

[85] Vấn đề chủng tộc bị che mờ nghiêm trọng bởi sự hồi cố và trình bày lịch sử của nó, phần lớn trong đó không vững chắc và không đúng sự thật; nó cũng bị che mờ bởi những hận thù cổ xưa và những ganh tị quốc gia. Những điều này vốn có trong bản chất con người, nhưng được nuôi dưỡng và khuyến khích bởi thành kiến và bởi những kẻ được thúc đẩy bởi các ý định thầm kín và ích kỷ. Những tham vọng mới và đang nhanh chóng nảy sinh cũng đang kích động khó khăn; các tham vọng này là đúng đắn và lành mạnh, đặc biệt trong trường hợp người da đen. Những tham vọng này thường bị các lợi ích chính trị ích kỷ và các tác nhân gây rối khai thác và bóp méo. Những yếu tố khác đang tác động lên vấn đề chủng tộc là tình trạng khốn khó kinh tế mà rất nhiều người ngày nay đang phải gánh chịu, sự kiểm soát đế quốc của một số quốc gia, sự thiếu thành tựu giáo dục, hoặc một nền văn minh cổ xưa đến mức đang bộc lộ dấu hiệu suy thoái. Những yếu tố này và nhiều yếu tố khác hiện diện khắp nơi, tác động lên tư duy con người, đánh lừa nhiều người bị vấn đề này ảnh hưởng, và gây trở ngại lớn cho nỗ lực của những ai đang tìm cách đem lại hành động đúng đắn và phát triển một thái độ quân bình hơn, xây dựng hơn trong các thiểu số này. Các thiểu số, cùng với phần còn lại của nhân loại, chịu sự chi phối của những mãnh lực tiến hoá không sai lầm và đang đấu tranh hướng tới một tồn tại cao hơn, tốt đẹp hơn, hướng tới các điều kiện sống lành mạnh hơn, hướng tới tự do cá nhân và chủng tộc nhiều hơn, và một cấp độ cao hơn nhiều của các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người.

The sensitivity of these minorities, the inflammatory condition of their immediate and expressed ambition and the violence and prejudice of some of those who speak and fight for them prevent the majority from approaching [86] their problem with the calmness, the cool calculation and the recognition of relation to the whole of humanity which their problem fundamentally requires. Racial faults are more widely recognized than racial virtues; racial qualities find themselves in conflict with national characteristics or world trends and these still further increase the difficulty. The efforts of well-meaning citizens (and they are many) and the plans of the convinced humanitarian to aid these minorities are too often based solely upon a good heart, Christian principles and a sense of justice; these fine qualities are, however, often implemented by a profound ignorance of the true facts, of the historical values and of the various relationships involved. They are also often impulsed by a fighting fanaticism which borders on a hatred for the majority who (as the fighting protagonist sees it) are responsible for the cruel injustices under which the racial minority labours. They fail to recognize that the minority itself is not free from faults but is in a measure also responsible for some of the difficulties. These racial faults and difficulties are usually frankly ignored by the minority itself and its friends.

Sự nhạy cảm của các thiểu số này, tình trạng dễ bùng cháy của tham vọng trực tiếp và được bày tỏ của họ, cùng bạo lực và thành kiến của một số người nói và đấu tranh cho họ, ngăn cản đa số tiếp cận [86] vấn đề của họ với sự bình tĩnh, sự tính toán điềm tĩnh và sự nhận biết mối liên hệ với toàn thể nhân loại mà vấn đề của họ căn bản đòi hỏi. Các lỗi lầm chủng tộc được nhận biết rộng rãi hơn các đức tính chủng tộc; các phẩm tính chủng tộc tự thấy mình xung đột với các đặc tính quốc gia hoặc các khuynh hướng thế giới, và những điều này càng làm tăng thêm khó khăn. Nỗ lực của những công dân có thiện chí, và họ rất đông, cùng các kế hoạch của người nhân đạo xác tín nhằm trợ giúp các thiểu số này, quá thường khi chỉ dựa trên một tấm lòng tốt, các nguyên tắc Cơ Đốc và ý thức công lý; tuy nhiên, các phẩm tính tốt đẹp này thường được thực thi bằng một sự thiếu hiểu biết sâu xa về các sự kiện thật, các giá trị lịch sử và các mối quan hệ khác nhau có liên quan. Chúng cũng thường được thúc đẩy bởi một tinh thần cuồng tín chiến đấu gần như thành hận thù đối với đa số, những người mà, như nhân vật đấu tranh chính nhìn nhận, phải chịu trách nhiệm về các bất công tàn nhẫn mà thiểu số chủng tộc đang gánh chịu. Họ không nhận ra rằng chính thiểu số ấy cũng không phải không có lỗi, mà ở một mức độ nào đó cũng chịu trách nhiệm về một số khó khăn. Các lỗi lầm và khó khăn chủng tộc này thường bị chính thiểu số ấy và bạn bè của họ thẳng thắn làm ngơ.

Racial faults may be entirely the result of the point reached in evolution, of unfair environing conditions and of a certain type of temperament, as is the case with the Negro minority in the United States of America, which leaves them basically *not* responsible for the difficulty; or the responsibility of the struggling minority

Các lỗi lầm chủng tộc có thể hoàn toàn là kết quả của điểm đã đạt tới trong tiến hoá, của các điều kiện môi trường bất công và của một kiểu khí chất nào đó, như trường hợp thiểu số da đen ở Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, điều khiến về căn bản họ *không* chịu trách nhiệm về khó khăn; hoặc trách nhiệm của thiểu số đang đấu tranh có thể lớn hơn

may be far greater than it is willing to admit, as is the case with the Jewish minority in the world who are an ancient and civilized people with a full culture of their own, plus certain inherent characteristics which may account for much of their trouble. The difficulty again may be largely a historical one and based upon certain essential incompatibilities such as those which can exist between a conquered and a conquering people, between a militant [87] group and a negative, pacifist group. These can be found existing today between the Moslem and Hindu populations of India—an ancient problem which the British inherited. To all these contributing factors in the problem of the minorities must be added the separative tendencies which the differing religious systems have fostered and which today they deliberately continue to foster. The narrowness of religious creeds is a potent, contributing cause.

nhiều so với điều họ sẵn lòng thừa nhận, như trường hợp thiểu số Do Thái trên thế giới, vốn là một dân tộc cổ xưa và văn minh với một nền văn hóa đầy đủ của riêng họ, cộng thêm một số đặc tính cố hữu có thể giải thích phần lớn rắc rối của họ. Khó khăn cũng có thể phần lớn mang tính lịch sử và dựa trên một số sự bất tương hợp thiết yếu, như những điều có thể tồn tại giữa một dân tộc bị chinh phục và một dân tộc chinh phục, giữa một nhóm hiếu chiến [87] và một nhóm thụ động, chủ hòa. Những điều này ngày nay có thể được thấy đang tồn tại giữa các cộng đồng Hồi giáo và Ấn giáo ở Ấn Độ—một vấn đề cổ xưa mà người Anh đã thừa hưởng. Vào tất cả những yếu tố góp phần này trong vấn đề các thiểu số, cần thêm các khuynh hướng chia rẽ mà các hệ thống tôn giáo khác nhau đã nuôi dưỡng và ngày nay vẫn cố ý tiếp tục nuôi dưỡng. Sự hẹp hòi của các tín điều tôn giáo là một nguyên nhân góp phần mạnh mẽ.

At the very outset of our discussion, it would be wise to remember that the entire problem we are considering can be traced back to the outstanding human weakness, the great sin or heresy of separateness. There is surely no greater sin than this; it is responsible for the entire range of human evil. It sets an individual against his brother; it makes him consider his selfish, personal interests as of paramount importance; it leads inevitably to crime and cruelty; it constitutes the greatest hindrance to happiness in the world, for it sets man against man, group against group, class against class and nation against nation. It engenders a destructive sense of superiority and leads to the pernicious doctrine of superior and inferior nations and races; it produces economic selfishness and leads to the economic exploitation of human beings, to trade barriers, to the condition of have and have not, to territorial possessiveness and to the extremes of

Ngay từ đầu cuộc thảo luận của chúng ta, sẽ là khôn ngoan nếu nhớ rằng toàn bộ vấn đề chúng ta đang xem xét có thể được truy nguyên về điểm yếu nổi bật của con người, tội lỗi hay tà thuyết lớn lao của sự chia rẽ. Chắc chắn không có tội lỗi nào lớn hơn điều này; nó chịu trách nhiệm cho toàn bộ phạm vi điều ác của con người. Nó đặt một cá nhân chống lại huynh đệ mình; nó khiến y xem các lợi ích ích kỷ, cá nhân của mình là tối quan trọng; nó tất yếu dẫn đến tội ác và sự tàn nhẫn; nó cấu thành trở ngại lớn nhất đối với hạnh phúc trên thế giới, vì nó đặt người chống người, nhóm chống nhóm, giai cấp chống giai cấp và quốc gia chống quốc gia. Nó sinh ra một ý thức hủy hoại về sự ưu việt và dẫn đến giáo lý độc hại về các quốc gia và chủng tộc thượng đẳng và hạ đẳng; nó tạo ra sự ích kỷ kinh tế và dẫn đến việc khai thác kinh tế đối với con người, đến các rào cản thương mại, đến tình trạng có và không có, đến sự chiếm hữu lãnh thổ và đến những

poverty and riches; it sets an important emphasis upon material acquisitiveness, upon boundaries, and the dangerous doctrine of national sovereignty and its various selfish implications; it breeds distrust between peoples and hatred throughout the entire world and has led since time began to cruel and destructive wars. It has today brought the entire planetary population to its present dire and dreadful condition so that men everywhere are beginning to realize that unless something is fundamentally changed, mankind is practically [88] already destroyed. But who will engineer the needed change and where is the leadership which will bring it about? It is a state of affairs which mankind itself must face as a whole; and by meeting and facing this basic expression of universal wrongdoing, humanity can bring about the needed change and is offered a new opportunity for right action, leading to right human relations.

cực đoan của nghèo đói và giàu có; nó đặt một sự nhấn mạnh quan trọng lên tính thu đạt vật chất, lên các biên giới, và giáo lý nguy hiểm về chủ quyền quốc gia cùng các hàm ý ích kỷ khác nhau của nó; nó sinh ra sự bất tín giữa các dân tộc và hận thù trên toàn thế giới, và từ thuở ban đầu đã dẫn đến những cuộc chiến tranh tàn nhẫn và hủy diệt. Ngày nay nó đã đưa toàn bộ dân cư hành tinh đến tình trạng thảm khốc và đáng sợ hiện tại, đến nỗi con người ở khắp nơi bắt đầu nhận ra rằng trừ phi có điều gì đó được thay đổi tận gốc, nhân loại thực tế [88] đã bị hủy diệt rồi. Nhưng ai sẽ thực hiện sự thay đổi cần thiết, và đâu là sự lãnh đạo sẽ đem nó lại? Đó là một tình trạng mà chính nhân loại, như một toàn thể, phải đối diện; và bằng cách gặp gỡ và đối diện với biểu hiện căn bản này của sai trái phổ quát, nhân loại có thể đem lại sự thay đổi cần thiết và được trao một cơ hội mới cho hành động đúng đắn, dẫn đến các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người.

From the angle of our subject, the problem of the minorities, this sense of separateness (with its many far-reaching effects) falls into two major categories; these are so closely related that it is well-nigh impossible to consider them apart.

Từ góc độ chủ đề của chúng ta, vấn đề các thiểu số, ý thức chia rẽ này, cùng với nhiều tác động sâu rộng của nó, rơi vào hai phạm trù chính; chúng liên hệ với nhau chặt chẽ đến mức hầu như không thể xem xét chúng riêng rẽ.

First, there is *the spirit of nationalism* with its sense of sovereignty and its selfish desires and aspirations. This, in its worst aspect, sets one nation against another, fosters a sense of national superiority and leads the citizens of a nation to regard themselves and their institutions as superior to those of another nation; it cultivates pride of race, of history, of possessions and of cultural progress and breeds an arrogance, a boastfulness and a contempt of other civilizations and cultures

Trước hết, có *tinh thần dân tộc chủ nghĩa* với ý thức chủ quyền và những dục vọng, khát vọng ích kỷ của nó. Trong phương diện tệ hại nhất, điều này đặt quốc gia này chống lại quốc gia khác, nuôi dưỡng một ý thức ưu việt quốc gia và dẫn công dân của một quốc gia đến chỗ xem chính họ và các thể chế của họ là cao hơn của quốc gia khác; nó vun bồi niềm kiêu hãnh về chủng tộc, về lịch sử, về sở hữu và về tiến bộ văn hóa, đồng thời sinh ra một sự kiêu căng, khoe khoang và khinh miệt các nền văn minh và văn hóa khác, điều

which is evil and degenerating; it engenders also a willingness to sacrifice other people's interests to one's own and a basic failure to admit that "God hath made all men equal". This type of nationalism is universal and everywhere to be found and no nation is free from it; it indicates a blindness, a cruelty and a lack of proportion for which mankind is already paying a terrible price and which will bring humanity down in ruins if persisted in.

này là xấu xa và suy thoái; nó cũng sinh ra sự sẵn lòng hy sinh lợi ích của người khác cho lợi ích của mình và một thất bại căn bản trong việc thừa nhận rằng "Thượng đế đã tạo mọi người bình đẳng". Kiểu dân tộc chủ nghĩa này có tính phổ quát và có thể được tìm thấy khắp nơi, không quốc gia nào thoát khỏi nó; nó chỉ ra một sự mù quáng, một sự tàn nhẫn và một sự thiếu ý thức về tỉ lệ mà nhân loại đã phải trả một giá khủng khiếp, và nếu cứ tiếp tục, nó sẽ kéo nhân loại sụp đổ trong đổ nát.

There is, needless to say, an ideal nationalism which is the reverse of all this; it exists as yet only in the minds of an enlightened few in every nation, but it is not yet an effective and constructive aspect of any nation anywhere; it remains still a dream, a hope and, let us [89] believe, a fixed intention. This type of nationalism rightly fosters its individual civilization but as a national contribution to the general good of the comity of nations and not as a means of self-glorification; it defends its constitution, its lands and its people through the rectitude of its living expression, the beauty of its mode of life and the selflessness of its attitudes; it does not infringe, for any reason, the rights of other people or nations. It aims to improve and perfect its own mode of life so that all in the world may benefit. It is a living, vital, spiritual organism and not a selfish, material organization.

Không cần phải nói, có một dân tộc chủ nghĩa lý tưởng, vốn là điều ngược lại với tất cả những điều này; cho đến nay nó chỉ tồn tại trong trí của một số ít người giác ngộ ở mỗi quốc gia, nhưng nó vẫn chưa là một phương diện hiệu quả và xây dựng của bất kỳ quốc gia nào ở bất cứ đâu; nó vẫn còn là một giấc mơ, một hy vọng và, chúng ta hãy [89] tin, một ý định cố định. Kiểu dân tộc chủ nghĩa này nuôi dưỡng đúng đắn nền văn minh cá biệt của nó, nhưng như một đóng góp quốc gia cho lợi ích chung của cộng đồng các quốc gia, chứ không như một phương tiện tự tôn vinh; nó bảo vệ hiến pháp, đất đai và nhân dân của mình bằng sự ngay thẳng trong biểu hiện sống của mình, vẻ đẹp trong lối sống của mình và tính vị tha trong các thái độ của mình; vì bất kỳ lý do nào, nó cũng không xâm phạm các quyền của những dân tộc hay quốc gia khác. Nó nhằm cải thiện và hoàn thiện lối sống riêng của mình để tất cả trên thế giới có thể được lợi ích. Nó là một cơ thể sống động, sinh động, tinh thần, chứ không phải một tổ chức vật chất ích kỷ.

Secondly, there is the problem of *the racial minorities.* They present a problem because of their relation to the nations within which or among which they find themselves. It is largely the problem of the relation of the

Thứ hai, có vấn đề của *các thiểu số chủng tộc.* Họ tạo thành một vấn đề vì mối quan hệ của họ với các quốc gia mà trong đó hoặc giữa đó họ thấy mình hiện diện. Phần lớn đó là vấn đề về mối quan hệ của kẻ yếu với kẻ mạnh,

weaker to the stronger, of the few to the many, of the undeveloped to the developed, or of one religious faith to another more powerful and controlling; it is closely tied up with the problem of nationalism, of colour, of historical process and of future purpose. It is a major and most critical problem in every part of the world today.

của số ít với số đông, của kẻ chưa phát triển với kẻ đã phát triển, hoặc của một tín ngưỡng tôn giáo với một tín ngưỡng khác mạnh hơn và có quyền kiểm soát hơn; nó gắn bó mật thiết với vấn đề dân tộc chủ nghĩa, màu da, tiến trình lịch sử và mục đích tương lai. Đây là một vấn đề lớn và cực kỳ nghiêm trọng ở mọi phần của thế giới ngày nay.

As we consider this crucial problem (upon which so much of the future peace of the world depends), we must make an effort to keep our own mental and national attitude well in the background and to see the emerging problem in the light of the Biblical statement that there is "one God and Father of all who is above all and through all and in us all". Let us regard that statement as a scientific one and not as a pious, religious hope. God has made us all of one blood and that God—under some name or aspect, whether transcendent or immanent, whether regarded as energy or intelligence, whether called God, Brahma, the Abstract or the Absolute—is universally recognized. Again, under the great [90] Law of Evolution and the process of creation, men are subject to the same reactions to their environment, to the same pain, to the same joys, to the same anxieties, to the same appetites and the same urges towards betterment, to the same mystical aspiration, to the same sinful tendencies and desires, to the same selfishness, and to the same amazing aptitude for heroic divine expression, to the same love and beauty, to the same innate pride, to the same sense of divinity and to the same fundamental efforts. Under the great evolutionary process, men and races differ in mental development, in physical stamina, in creative possibilities, in understanding, in human perceptiveness and in their position upon the ladder of civilization; this, however, is temporary, for

Khi xem xét vấn đề then chốt này, vấn đề mà phần lớn hòa bình tương lai của thế giới tùy thuộc vào đó, chúng ta phải cố gắng giữ thái độ tâm lý và dân tộc của riêng mình lùi thật xa vào hậu cảnh, và nhìn vấn đề đang nổi lên dưới ánh sáng của lời tuyên bố trong Kinh Thánh rằng có "một Thượng đế và Cha của mọi người, Đấng ở trên mọi người, qua mọi người và trong tất cả chúng ta". Chúng ta hãy xem lời tuyên bố ấy như một lời tuyên bố khoa học chứ không như một hy vọng tôn giáo ngoan đạo. Thượng đế đã tạo tất cả chúng ta cùng một huyết thống, và Thượng đế ấy—dưới một danh xưng hay phương diện nào đó, dù siêu việt hay nội tại, dù được xem như năng lượng hay trí tuệ, dù gọi là Thượng đế, Brahma, Trừu tượng hay Tuyệt đối—đều được thừa nhận phổ quát. Lại nữa, dưới Định luật Tiến Hoá [90] vĩ đại và tiến trình sáng tạo, con người chịu cùng những phản ứng trước môi trường, cùng nỗi đau, cùng niềm vui, cùng lo âu, cùng ham muốn, cùng thúc đẩy hướng tới cải thiện, cùng khát vọng thần bí, cùng khuynh hướng và dục vọng tội lỗi, cùng sự ích kỷ, và cùng năng khiếu kỳ diệu cho sự biểu hiện thiêng liêng anh hùng, cùng tình thương và vẻ đẹp, cùng niềm kiêu hãnh bẩm sinh, cùng ý thức về thiên tính và cùng những nỗ lực căn bản. Dưới tiến trình tiến hoá lớn lao, con người và các chủng tộc khác nhau về phát triển trí tuệ, sức bền thể chất, các khả năng sáng tạo, sự thấu hiểu, sự nhạy bén nhân bản và vị trí của họ trên nấc thang văn minh; tuy nhiên, điều này chỉ là tạm thời, vì cùng những tiềm

the same potentialities exist in all of us without exception, and will eventually display themselves. These distinctions, which have in the past set peoples and races so far apart, are rapidly dying out with the spread of education, with the uniting discoveries of science bringing us all so close together and with the power to think, to read and to plan.

năng ấy hiện hữu trong tất cả chúng ta không ngoại lệ, và cuối cùng sẽ tự biểu lộ. Những khác biệt này, vốn trong quá khứ đã đặt các dân tộc và chủng tộc cách xa nhau đến thế, đang nhanh chóng mất đi cùng với sự lan rộng của giáo dục, với các khám phá hợp nhất của khoa học đang đưa tất cả chúng ta lại gần nhau đến thế, và với năng lực suy nghĩ, đọc và hoạch định.

All evolution is cyclic in nature; nations and races pass through the same cycles of childhood, growth, manhood, maturity, decline and disappearance, as does every human being. But behind these cycles, the triumphant spirit of man moves on from height to height, from attainment to attainment and towards an ultimate goal which as yet no man visions but which is summed up for us in the possibility of being in the world as Christ was; this is the hope held out to us in the New Testament and by all the Sons of God down the ages and in every land and by all religious faiths.

Mọi tiến hoá đều có bản chất chu kỳ; các quốc gia và chủng tộc trải qua cùng những chu kỳ ấu thơ, tăng trưởng, trưởng thành, chín muồi, suy tàn và biến mất, như mỗi con người. Nhưng đằng sau các chu kỳ này, tinh thần khải hoàn của con người tiến bước từ cao điểm này đến cao điểm khác, từ thành tựu này đến thành tựu khác, và hướng tới một mục tiêu tối hậu mà cho đến nay chưa ai hình dung được, nhưng mục tiêu ấy được tóm lược cho chúng ta trong khả năng hiện hữu trong thế giới như Đức Christ đã hiện hữu; đây là hy vọng được nêu ra cho chúng ta trong Tân Ước, và bởi tất cả các Con của Thượng đế qua các thời đại, ở mọi xứ sở và bởi mọi tín ngưỡng tôn giáo.

In considering our theme we need now to do two things: first of all consider what makes a people, a race or a nation a minority, and then consider along what lines a solution may lie. The world today is full of [91] clamouring minorities who—rightly or wrongly—are making claims upon the majority. Some of the majorities are sincerely concerned in seeing justice done to the struggling and appealing minorities; others are using them as "talking points" for their own ends or are championing the cause of the small and weak nations, not from any humanitarian reasons but for power politics.

Khi xem xét chủ đề của chúng ta, giờ đây chúng ta cần làm hai điều: trước hết xem xét điều gì khiến một dân tộc, một chủng tộc hay một quốc gia trở thành thiểu số, rồi xem xét lời giải có thể nằm theo những đường lối nào. Thế giới ngày nay đầy [91] những thiểu số đang kêu đòi, những người—đúng hay sai—đang đưa ra các yêu sách đối với đa số. Một số đa số chân thành quan tâm đến việc thấy công lý được thực hiện cho các thiểu số đang đấu tranh và kêu gọi; những đa số khác sử dụng họ như "đề tài nói chuyện" cho mục đích riêng của mình, hoặc bênh vực chính nghĩa của các quốc gia nhỏ và yếu, không vì bất kỳ lý do nhân đạo nào, mà vì chính trị quyền lực.

The Minorities

There are both national and international minorities. In the international situation there are powerful majorities—the Big Three, the Big Four or the Big Five and numerous smaller nations, demanding equal rights, equal votes and equal position. These smaller nations are afraid of the more powerful nations and of their ability to enforce their will. They are afraid of exploitation by some powerful nation or amalgamation of nations, distrustful of favours and support because of future claimed indebtedness, and unable to enforce their will or express their desires because of military weakness and political impotence. You have, therefore, in the world today great and influential nations such as the U.S.S.R., the British Commonwealth of Nations and the United States of America; you have also powers which have been great and then forfeited all right to recognition; you have other powers, such as France and Spain, who are secondary in influence, but resent it greatly, and finally many small nations each with its own individual life, civilization and culture. All of these without exception are characterized by a spirit of nationalism, by a determination to hold on to what is or has been their own at any cost, and all possessing an historical past and local tradition which condition their thinking; all have their own developed or developing culture and all are bound together by what we call modern civilization. It is a civilization at present founded on materialism and one [92] which has signally failed to instill into men a true sense of values—the values which alone can bind humanity together and bring to an end the great heresy of separateness.

Các Thiểu Số

Có cả các thiểu số quốc gia và quốc tế. Trong tình hình quốc tế, có những đa số đầy quyền lực—Ba Cường Quốc, Bốn Cường Quốc hoặc Năm Cường Quốc—và nhiều quốc gia nhỏ hơn, đang đòi quyền bình đẳng, lá phiếu bình đẳng và vị thế bình đẳng. Các quốc gia nhỏ hơn này sợ các quốc gia quyền lực hơn và khả năng áp đặt ý chí của họ. Họ sợ bị một quốc gia hùng mạnh hay một sự hợp nhất các quốc gia khai thác, không tin các ân huệ và sự hỗ trợ vì món nợ được đòi hỏi trong tương lai, và không thể áp đặt ý chí hay bày tỏ các mong muốn của mình vì yếu kém quân sự và bất lực chính trị. Do đó, trong thế giới ngày nay, các bạn có những quốc gia lớn và có ảnh hưởng như Liên Xô, Khối Thịnh Vượng Chung Anh và Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ; các bạn cũng có những cường quốc từng vĩ đại rồi đánh mất mọi quyền được công nhận; các bạn có những cường quốc khác, như Pháp và Tây Ban Nha, có ảnh hưởng thứ yếu nhưng rất phẫn uất vì điều đó; và sau cùng là nhiều quốc gia nhỏ, mỗi quốc gia có đời sống cá biệt, nền văn minh và văn hóa riêng. Tất cả những quốc gia này, không ngoại lệ, đều được đặc trưng bởi tinh thần dân tộc chủ nghĩa, bởi quyết tâm nắm giữ bằng mọi giá những gì đang hoặc đã là của riêng họ, và tất cả đều có một quá khứ lịch sử cùng truyền thống địa phương tác động lên tư duy của họ; tất cả đều có nền văn hóa đã phát triển hoặc đang phát triển của riêng mình, và tất cả được ràng buộc với nhau bởi điều chúng ta gọi là nền văn minh hiện đại. Đó là một nền văn minh hiện nay đặt nền trên chủ nghĩa duy vật, và là một nền văn minh [92] đã thất bại rõ rệt trong việc gieo vào con người một ý thức chân thật về các giá trị—những giá trị duy nhất có thể ràng buộc nhân loại lại với nhau và chấm dứt Đại Tà thuyết về sự chia rẽ.

All these nations, great and small, have suffered cruelly during the years of war (1914-1945) and are doomed still to suffer through the years of immediate adjustment. Some have suffered more than others and have the opportunity to demonstrate a resultant purification, if they so choose. Others chose an easy way during the war and abstained from taking sides, losing thereby a great spiritual opportunity, based upon the principle of sharing; they will need to learn the lessons of pain in other ways and more slowly; nations in the western hemisphere have not suffered in any acute manner, for their territories have been spared, and their civilian populations have lived in comfort, ease and plenty; they too have lost something and will also need to learn in other ways humanity's great lesson of identification and non-separateness.

Tất cả các quốc gia này, lớn và nhỏ, đã chịu đau khổ tàn khốc trong những năm chiến tranh (1914-1945), và vẫn còn phải chịu đau khổ qua những năm điều chỉnh ngay trước mắt. Một số đã chịu đau khổ nhiều hơn những quốc gia khác và có cơ hội biểu thị một sự thanh lọc do đó mà có, nếu họ chọn như vậy. Những quốc gia khác đã chọn con đường dễ dàng trong chiến tranh và tránh đứng về phía nào, vì thế đánh mất một cơ hội tinh thần lớn lao, dựa trên nguyên tắc chia sẻ; họ sẽ cần học các bài học của đau khổ theo những cách khác và chậm hơn; các quốc gia ở bán cầu tây không chịu đau khổ nghiêm trọng, vì lãnh thổ của họ được tránh khỏi, và dân thường của họ đã sống trong tiện nghi, dễ chịu và sung túc; họ cũng đã đánh mất điều gì đó và cũng sẽ cần học theo những cách khác bài học lớn lao của nhân loại về sự đồng hoá với và tính không chia rẽ.

Great and small today face a new world; great and small have lost faith in the old ways, and few really wish to see the old manner of life restored; all the nations, great and small, are fighting diplomatically, politically and economically for all they can get for themselves; distrust and criticism are widespread; there is no true sense of security, especially among the minorities. Some of the great nations, with a sound realization that there is no peace for the world unless there is justice for all, are struggling to create an organization which will give place and opportunity to all nations but their efforts are largely based on a selfish common sense; they are founded also upon the knowledge that material security and a sufficiency of material supplies must be the result of a compromise between that which has been and the—as yet—impossible vision of the [93] idealist. Their objectives, however, are still material, physical and tangible and are presented idealistically but

Lớn và nhỏ ngày nay đều đối diện với một thế giới mới; lớn và nhỏ đều đã mất niềm tin vào các đường lối cũ, và ít người thật sự mong thấy lối sống cũ được phục hồi; tất cả các quốc gia, lớn và nhỏ, đang đấu tranh về ngoại giao, chính trị và kinh tế để giành tất cả những gì họ có thể lấy cho mình; sự bất tín và phê bình lan rộng; không có ý thức an toàn thật sự, đặc biệt giữa các thiểu số. Một số quốc gia lớn, với sự nhận thức vững chắc rằng thế giới sẽ không có hòa bình nếu không có công lý cho tất cả, đang đấu tranh để tạo nên một tổ chức sẽ đem lại chỗ đứng và cơ hội cho mọi quốc gia, nhưng các nỗ lực của họ phần lớn dựa trên một lẽ thường ích kỷ; chúng cũng được đặt nền trên nhận biết rằng an toàn vật chất và sự đầy đủ các nguồn cung vật chất phải là kết quả của một sự thỏa hiệp giữa điều đã có và tầm nhìn—cho đến nay vẫn bất khả—của người duy tâm [93]. Tuy nhiên, các mục tiêu của họ vẫn còn là vật chất, hồng trần và hữu hình, được trình bày một cách lý tưởng nhưng với các

with selfish motives. This is, however, a great step forward. The ideal is universally recognized even if it remains as yet a dream.

động cơ ích kỷ. Dù vậy, đây là một bước tiến lớn. Lý tưởng được thừa nhận phổ quát, dù cho đến nay nó vẫn còn là một giấc mơ.

As we face the world picture today, we must see it in its true colours and must realize that if the best possible steps, spiritual and material, were to be taken for the smallest and least important of the minorities, it would create a situation which would completely reverse world politics and usher in an entirely new and more enlightened cultural and civilized age. This, however, is not likely to happen; so close are the interlocking selfish interests that the use of a system of perfect justice and fairness in any one case would upset major material interests, infringe the so-called rights of powerful nations, encroach on settled boundaries and outrage powerful groups even in most distant lands.

Khi đối diện với bức tranh thế giới ngày nay, chúng ta phải thấy nó trong màu sắc chân thật của nó và phải nhận ra rằng nếu những bước tốt nhất có thể, cả tinh thần lẫn vật chất, được thực hiện cho thiểu số nhỏ nhất và ít quan trọng nhất, điều đó sẽ tạo ra một tình thế đảo ngược hoàn toàn nền chính trị thế giới và mở ra một thời đại văn hóa và văn minh hoàn toàn mới, giác ngộ hơn. Tuy nhiên, điều này khó có khả năng xảy ra; các lợi ích ích kỷ đan cài quá chặt đến mức việc áp dụng một hệ thống công lý và công bằng hoàn hảo trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ làm đảo lộn các lợi ích vật chất lớn, xâm phạm những quyền gọi là của các quốc gia hùng mạnh, lấn vào các biên giới đã định và xúc phạm các nhóm quyền lực ngay cả ở những xứ sở xa xôi nhất.

Today—on an international scale—the battle of the minorities is going on; Russia is reaching out after influence in many directions; the United States of America is seeking to hold the place of paramount control in South America and in the Far East commercially and politically and is earning a name in those countries (rightly or wrongly) as imperialistic; Great Britain is endeavouring to protect her “lifeline” to the East by political moves in the Near East; France is attempting to regain her lost power by obstructing the work of the U.N. and by championing the cause of the smaller nations in Europe. As the Great Powers play politics and angle for place and position, the masses of the people in every land—great and small—are full of fear and questioning; they are worn by the war, sick of insecurity, underfed and frightened as they look toward the future, tired to their very souls of

Ngày nay—trên quy mô quốc tế—cuộc chiến của các thiểu số đang tiếp diễn; Nga đang vươn ra tìm ảnh hưởng theo nhiều hướng; Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ đang tìm cách giữ vị trí kiểm soát tối thượng ở Nam Mỹ và Viễn Đông về mặt thương mại và chính trị, và đang mang tiếng ở các nước ấy, đúng hay sai, là đế quốc; Anh quốc đang nỗ lực bảo vệ “tuyến sinh mệnh” của mình đến phương Đông bằng các động thái chính trị ở Cận Đông; Pháp đang cố giành lại quyền lực đã mất bằng cách cản trở công việc của Liên Hiệp Quốc và bằng cách bênh vực chính nghĩa của các quốc gia nhỏ hơn ở châu Âu. Khi các Cường Quốc chơi chính trị và mưu cầu chỗ đứng cùng vị thế, quần chúng nhân dân ở mọi xứ sở—lớn và nhỏ—đầy sợ hãi và hoài nghi; họ mòn mỏi vì chiến tranh, chán ngán sự bất an, thiếu ăn và khiếp sợ khi nhìn về tương lai, mệt mỏi đến tận linh hồn vì chiến đấu và tranh cãi, mệt mỏi vì bạo quyền

fighting and quarrelling, weary of the tyranny of striking workmen, and wanting [94] only to live in safety, to own the necessities of existence, to raise their children in a certain measure of civilized culture and to live in a land where there are sound economics, a living religion and an adequate educational system.

In every country the great sin of separateness is again rearing its ugly head; minorities abound and are abused; cleavages are everywhere to be found; parties are clamouring for attention and adherents; religious groups are spreading dissension and seeking to gain in membership at the expense of other groups; the rich are organizing so as to control the finances of the world; the poor are fighting for their rights and better living conditions; the tyranny of selfish politics permeates both capital and labour.

This is a true and tragic picture. It is, happily, not the only one. There is another; a study of this other picture will lead to renewed optimism and to constant faith in divine planning and the beauty of the human being. In every nation there are those who see a better vision of a better world, who are thinking and talking and planning *in terms of humanity*, and who realize that those who form the various groups—political, religious, educational and labour—are men and women and essentially, if unconsciously, brothers. They see the world whole and are working towards an inevitable unification; they recognize the problems of the nations, great and small, and the difficult situation in which the minorities today find themselves; they know that the use of force produces results which are not truly effective (for the cost is far too great) and are usually

của những công nhân đình công, và chỉ muốn [94] sống trong an toàn, có những nhu yếu phẩm của sự tồn tại, nuôi dạy con cái mình trong một mức độ nào đó của văn hóa văn minh, và sống trong một xứ sở có nền kinh tế lành mạnh, một tôn giáo sống động và một hệ thống giáo dục đầy đủ.

Trong mọi quốc gia, tội lỗi lớn lao của sự chia rẽ lại đang ngẩng cái đầu xấu xí của nó lên; các thiểu số đầy dẫy và bị ngược đãi; những phân rẽ có mặt khắp nơi; các đảng phái đang kêu gào đòi sự chú ý và người ủng hộ; các nhóm tôn giáo đang gieo rắc bất hòa và tìm cách gia tăng số tín đồ bằng cái giá của các nhóm khác; người giàu đang tổ chức để kiểm soát tài chính của thế giới; người nghèo đang đấu tranh cho các quyền của họ và các điều kiện sống tốt hơn; bạo quyền của chính trị ích kỷ thấm vào cả tư bản lẫn lao động.

Đây là một bức tranh chân thật và bi thảm. May mắn thay, đó không phải là bức tranh duy nhất. Còn có một bức tranh khác; việc nghiên cứu bức tranh khác này sẽ dẫn đến niềm lạc quan mới và đức tin bền bỉ vào sự hoạch định thiêng liêng và vẻ đẹp của con người. Trong mỗi quốc gia có những người thấy một tầm nhìn tốt đẹp hơn về một thế giới tốt đẹp hơn, những người đang suy nghĩ, nói năng và hoạch định *theo những phạm trù của nhân loại*, và những người nhận ra rằng những ai tạo thành các nhóm khác nhau—chính trị, tôn giáo, giáo dục và lao động—đều là những người nam và nữ, và về bản chất, dù chưa nhận thức được điều đó, là huynh đệ. Họ thấy thế giới như một toàn thể và đang làm việc hướng tới một sự thống nhất tất yếu; họ nhận ra các vấn đề của các quốc gia, lớn và nhỏ, và tình thế khó khăn mà các thiểu số ngày nay đang thấy mình ở trong đó; họ biết rằng việc sử dụng

transient. They realize that the only true hope is an enlightened public opinion and that this must be the result of sound educational methods and just and exact propaganda.

mãnh lực tạo ra những kết quả không thật sự hiệu quả, vì cái giá quá lớn, và thường chỉ nhất thời. Họ nhận ra rằng hy vọng chân thật duy nhất là một công luận được giác ngộ, và điều này phải là kết quả của các phương pháp giáo dục lành mạnh và tuyên truyền công bằng, chính xác.

It will be obvious that it will not be possible to take up the tale of all the minorities in the international field [95] and deal for instance with the struggle of the little nations for recognition and for what they consider (rightly or wrongly) their just rights. The story of the little nations would take years to write and years to read. It would be the story of humanity. All we can do is to recognize that they have a case to be presented and a problem to be solved, but that justice and fair play, full opportunity and equal sharing of the world's economic resources will only be possible when certain broad and general principles have been enforced by the weight of public opinion.

Hiển nhiên sẽ không thể kể lại câu chuyện của tất cả các thiểu số trong lĩnh vực quốc tế [95] và chẳng hạn đề cập đến cuộc đấu tranh của các quốc gia nhỏ để được công nhận và để đạt những gì họ xem là, đúng hay sai, các quyền công chính của mình. Câu chuyện của các quốc gia nhỏ sẽ cần nhiều năm để viết và nhiều năm để đọc. Nó sẽ là câu chuyện của nhân loại. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là nhận ra rằng họ có một trường hợp cần được trình bày và một vấn đề cần được giải quyết, nhưng công lý và sự công bằng, cơ hội đầy đủ và sự chia sẻ bình đẳng các tài nguyên kinh tế của thế giới sẽ chỉ có thể có khi một số nguyên tắc rộng lớn và tổng quát được thực thi bằng sức nặng của công luận.

The problems of two minorities are attracting at this time much public attention. If they can be solved a tremendous step forward will have been made towards world understanding. They are:

Các vấn đề của hai thiểu số hiện đang thu hút nhiều sự chú ý của công chúng. Nếu chúng có thể được giải quyết, một bước tiến khổng lồ hướng tới sự thấu hiểu thế giới sẽ được thực hiện. Đó là:

1. *The Jewish Problem.* The Jews constitute an international minority of great aggressiveness, exceedingly vocal, and they also constitute a minority in practically every nation in the world. Their problem is, therefore, unique.

1. *Vấn Đề Do Thái.* Người Do Thái cấu thành một thiểu số quốc tế rất hung hăng, cực kỳ lớn tiếng, và họ cũng cấu thành một thiểu số trong hầu như mọi quốc gia trên thế giới. Do đó, vấn đề của họ là độc nhất.

2. *The Negro Problem.* This is another unique problem, with the Negro constituting a majority in that great (and as yet undeveloped) continent of Africa, and at the same time constituting a minority in the

2. *Vấn Đề Người Da Đen.* Đây là một vấn đề độc nhất khác, với người da đen cấu thành đa số trên lục địa lớn lao, và cho đến nay vẫn chưa phát triển, là châu Phi, đồng thời cấu thành một thiểu số ở Hợp Chúng Quốc Hoa

United States of America and one which is attracting great attention. This problem is unique in the sense that it is essentially the problem of the white people and one which they must solve because they produced it and have perpetuated it.

Kỳ và là một thiểu số đang thu hút nhiều sự chú ý. Vấn đề này độc nhất theo nghĩa nó về bản chất là vấn đề của người da trắng, và là vấn đề mà họ phải giải quyết vì họ đã tạo ra nó và đã duy trì nó.

If we can get some idea of the significance of these problems, materially and spiritually, and can gain some insight into the responsibilities involved, much of usefulness may be gained. In the case of the Jews, the sin of separateness is deeply inherent in the race itself, as well as among those among whom they live, but for the perpetuation of the separation the Jews are largely [96] responsible; in the case of the Negro, the separative instinct derives from the white people; the Negro is struggling to end it and, therefore, the spiritual forces of the world are on the side of the Negro.

Nếu chúng ta có thể nắm được phần nào thâm nghĩa của những vấn đề này, cả về vật chất lẫn tinh thần, và có thể đạt được một mức độ thấu hiểu nào đó về các trách nhiệm liên hệ, thì nhiều điều hữu ích có thể thu hoạch được. Trong trường hợp người Do Thái, tội lỗi của sự chia rẽ đã ăn sâu trong chính chủng tộc ấy, cũng như nơi những người mà họ sống giữa; nhưng đối với việc duy trì sự chia rẽ đó, người Do Thái phần lớn [96] phải chịu trách nhiệm; trong trường hợp người da đen, bản năng chia rẽ xuất phát từ người da trắng; người da đen đang tranh đấu để chấm dứt nó, và do đó, các mãnh lực tinh thần của thế giới đứng về phía người da đen.

1. The Jewish Problem

1. Vấn đề Do Thái

This problem is so old and so well known that it is difficult to say anything about it which will not be in the nature of a platitude, that will not indicate a bias of some kind (from the point of view of the reader) and that will not arouse in the Jewish reader above all an undesirable reaction. There is little usefulness, however, in saying that which will be acceptable or which agrees with all points of view or is a statement of all that has hitherto been said. There are things to be said which are not so familiar and which have seldom been said, or have been said in a spirit of criticism or of anti-Semitism instead of in a spirit of love, as is attempted here.

Vấn đề này quá xưa cũ và quá quen thuộc đến nỗi khó có thể nói điều gì về nó mà không mang tính sáo mòn, không biểu lộ một thiên kiến nào đó theo quan điểm của người đọc, và nhất là không khơi dậy nơi độc giả Do Thái một phản ứng không mong muốn. Tuy nhiên, chẳng có mấy ích lợi khi chỉ nói những điều có thể được chấp nhận, hoặc phù hợp với mọi quan điểm, hoặc chỉ là sự lặp lại tất cả những gì từ trước đến nay đã được nói. Có những điều cần phải nói vốn không quen thuộc lắm và hiếm khi được nói ra, hoặc nếu có nói thì đã được nói trong tinh thần phê phán hay bài Do Thái, thay vì trong tinh thần yêu thương như ở đây đang cố gắng thực hiện.

Let us look for a moment at the situation of the Jews, prior to the bitter and unpardonable attack made upon them by Hitler and prior to the war 1939-1945. They were to be found in every land and claimed citizenship in every country; within the nation of their birth, they preserved intact their own racial identity, their own peculiar way of life, their own national religion (which is everybody's privilege) and a close adherence to those of their own race. Other groups have done this but to a much lesser degree and have been eventually absorbed and assimilated by the land of their citizenship. The Jews have always constituted a nation within a nation, though this has been less marked in Great Britain, Holland, France and Italy than elsewhere, and therefore, in none of these countries has there been any strong anti-Semitic feeling.

Chúng ta hãy nhìn trong chốc lát vào hoàn cảnh của người Do Thái trước cuộc tấn công cay nghiệt và không thể tha thứ mà Hitler đã giáng lên họ, và trước cuộc chiến 1939-1945. Họ có mặt ở mọi xứ sở và đòi quyền công dân trong mọi quốc gia; trong quốc gia nơi họ sinh ra, họ vẫn giữ nguyên vẹn bản sắc chủng tộc riêng, lối sống đặc thù riêng, tôn giáo dân tộc riêng của họ, điều vốn là đặc quyền của mọi người, và một sự gắn bó mật thiết với những người thuộc chủng tộc họ. Các nhóm khác cũng đã làm như vậy, nhưng ở mức độ ít hơn nhiều, và cuối cùng đã được hấp thụ và đồng hóa bởi xứ sở mà họ là công dân. Người Do Thái luôn luôn tạo thành một quốc gia bên trong một quốc gia, mặc dù điều này ít rõ rệt hơn ở Anh, Hà Lan, Pháp và Ý so với những nơi khác; vì thế, trong các quốc gia này không hề có cảm xúc bài Do Thái mạnh mẽ nào.

In every country and down the ages, the Jew has turned to commerce and has worked with money; they [97] are a strictly commercial and urban people and have shown little interest in agriculture, except lately under the Zionist Movement in Palestine. To their extremely materialistic tendencies they have added a great sense of the beautiful and an artistic conception which has added much to the world of art; they have ever been the patrons of the beautiful, and have also been amongst the world's great philanthropists and this in spite of undesirable and devious business methods, which have made them greatly disliked and mistrusted in the world of business. They are and remain an essentially oriental people—which the occidental is apt to forget; if he remembered it he would realize that the Eastern approach to truth and honesty and to the use and possession of money is widely different to that of the Western, and herein is to be found a part of

Trong mọi quốc gia và qua các thời đại, người Do Thái đã hướng về thương mại và làm việc với tiền bạc; họ [97] là một dân tộc thuần thương mại và đô thị, và tỏ ra ít quan tâm đến nông nghiệp, ngoại trừ gần đây dưới Phong Trào Phục Quốc Do Thái tại Palestine. Vào các khuynh hướng cực kỳ duy vật của mình, họ đã thêm một ý thức lớn lao về cái đẹp và một quan niệm nghệ thuật đã đóng góp nhiều cho thế giới nghệ thuật; họ luôn luôn là những người bảo trợ cái đẹp, và cũng thuộc hàng những nhà từ thiện lớn của thế giới; điều này diễn ra bất chấp các phương pháp kinh doanh không đáng ưa và quanh co, vốn đã khiến họ bị ghét bỏ và ngờ vực nhiều trong thế giới kinh doanh. Họ là và vẫn là một dân tộc cốt yếu thuộc phương Đông, điều mà người phương Tây thường quên; nếu y nhớ điều đó, y sẽ nhận ra rằng cách tiếp cận của phương Đông đối với chân lý, sự lương thiện, cũng như đối với việc sử dụng và sở hữu tiền bạc, khác biệt rất rộng so với cách của phương Tây, và chính ở đây

the difficulty. It is not so much a question of right and wrong as one of different standards and inherent racial attitudes which are shared with the whole of the East.

có thể tìm thấy một phần của khó khăn. Vấn đề không hẳn là đúng hay sai cho bằng là các tiêu chuẩn khác nhau và những thái độ chủng tộc cố hữu mà họ chia sẻ với toàn thể phương Đông.

The modern Jew is also the product of many centuries of persecution and of migrations; he has wandered from country to country and from city to city, and in the course of these wanderings he has inevitably developed certain habits of living and thinking which, again, the occidental fails to recognize and for which he makes no allowance; the Jews are, for instance, the product of centuries of tent-dwelling and hence the untidy effect they have on any community in which they live and which the more organized Westerner (a cave-dweller) fails to recognize. They are also the product of their need, down the centuries, to *live off* the people among whom they wander, to seize the presented chance to take what they want, to see to it that their children get the best of everything available, no matter what the cost to others, to cling to their own people in the midst of the alien races among whom they cast [98] their lot, and to preserve inviolate, as far as may be, their national religion, their national taboos and the ancient landmarks. This has been essential to their existence under persecution; it has been compulsory for them to preserve these factors in their ancient forms as far as possible, so as to provide evidence to other Hebrews in new lands and cities that they were Jews as they claimed to be. It is this that makes them the most reactionary and conservative race in the world.

Người Do Thái hiện đại cũng là sản phẩm của nhiều thế kỷ bị bách hại và di cư; y đã lang thang từ nước này sang nước khác, từ thành phố này sang thành phố khác, và trong quá trình lang thang ấy, y tất yếu đã phát triển một số thói quen sống và suy nghĩ mà, một lần nữa, người phương Tây không nhận ra và không hề xét đến; chẳng hạn, người Do Thái là sản phẩm của nhiều thế kỷ sống trong lều trại, và vì thế có tác động bừa bộn mà họ tạo ra trên bất cứ cộng đồng nào họ sống trong đó, điều mà người phương Tây có tổ chức hơn, vốn là người ở hang, không nhận ra. Họ cũng là sản phẩm của nhu cầu, qua các thế kỷ, phải *sống nhờ* những người mà họ lang thang giữa họ, phải chộp lấy cơ hội được đưa ra để lấy điều họ muốn, phải bảo đảm rằng con cái họ có được những gì tốt nhất trong mọi thứ sẵn có, bất kể cái giá phải trả cho người khác là gì, phải bám chặt vào dân tộc mình giữa những chủng tộc xa lạ mà họ đã gieo [98] số phận mình vào đó, và phải giữ gìn bất khả xâm phạm, trong mức có thể, tôn giáo dân tộc, các điều cấm kỵ dân tộc và những cột mốc cổ xưa của họ. Điều này đã thiết yếu cho sự tồn tại của họ dưới sự bách hại; họ đã bị buộc phải bảo tồn các yếu tố này trong những hình thức cổ xưa của chúng càng nhiều càng tốt, để cung cấp bằng chứng cho những người Hebrew khác trong các xứ sở và thành phố mới rằng họ là người Do Thái như họ đã tự nhận. Chính điều này khiến họ trở thành chủng tộc phản động và bảo thủ nhất trên thế giới.

Racial characteristics have become increasingly pronounced owing to the inevitable intermarriage during the past

Các đặc tính chủng tộc đã ngày càng trở nên rõ rệt do việc nội hôn tất yếu trong những thế kỷ qua và do sự nhấn mạnh mà người Do

centuries and the emphasis laid by the orthodox Jew in the past upon racial purity. The young and modern Jew lays no emphasis upon this and has usually no objection to intermarriage with the Gentiles, but this is only a late development which meets with no approval from the older generation. The Gentile also objects in many cases.

Thái chính thống trong quá khứ đặt vào sự thuần chủng. Người Do Thái trẻ tuổi và hiện đại không đặt nặng điều này và thường không phản đối việc kết hôn với người không phải Do Thái, nhưng đây chỉ là một phát triển gần đây, không nhận được sự tán thành của thế hệ lớn tuổi. Người ngoại tộc trong nhiều trường hợp cũng phản đối.

The Jew is a good citizen, law-abiding, kindly and decent in his ways, anxious to play his part in community life and ready with his money when asked for it but—he still remains apart. The Ghetto tendency, as one might call it, can be seen spreading everywhere, particularly in the larger cities in the different countries. Down the ages, the Jews for measures of protection and for communal happiness tended to herd together and to seek each other out, and the Gentiles among whom they found themselves fostered this tendency; thus habits of association were formed which still control. Added to this, and due to the separative action of the Gentile world, restricted areas and cities began to appear in many countries in which no Jew was permitted to reside or to purchase property or to settle. Because of the aptitude of the Jew to live off other people and to live within a nation, benefiting by its customs, culture and civilization but retaining a separate identity and not [99] becoming a true part of the national life, the Jew has ever been subjected to persecution; *as a race,* he is nowhere liked and people are on guard against him and his methods.

Người Do Thái là một công dân tốt, tuân thủ luật pháp, tử tế và đứng đắn trong cách sống, mong muốn đóng vai trò của mình trong đời sống cộng đồng và sẵn sàng đóng góp tiền bạc khi được yêu cầu, nhưng y vẫn cứ đứng riêng ra. Khuynh hướng Ghetto, nếu có thể gọi như vậy, có thể được thấy đang lan rộng khắp nơi, đặc biệt trong các thành phố lớn ở các quốc gia khác nhau. Qua các thời đại, người Do Thái, vì các biện pháp bảo vệ và vì hạnh phúc cộng đồng, có khuynh hướng tụ lại với nhau và tìm kiếm nhau, và những người không phải Do Thái mà họ thấy mình sống giữa đã nuôi dưỡng khuynh hướng này; như thế, các thói quen liên kết đã hình thành và vẫn còn chi phối. Thêm vào đó, và do hành động chia rẽ của thế giới không phải Do Thái, những khu vực và thành phố bị hạn chế bắt đầu xuất hiện tại nhiều quốc gia, nơi không người Do Thái nào được phép cư trú, mua tài sản hay định cư. Vì khả năng của người Do Thái trong việc sống nhờ người khác và sống bên trong một quốc gia, hưởng lợi từ phong tục, văn hóa và văn minh của quốc gia ấy nhưng vẫn giữ một bản sắc riêng và không [99] trở thành một phần đích thực của đời sống quốc gia, người Do Thái luôn luôn phải chịu bách hại; *với tư cách một chủng tộc,* y không được ưa thích ở bất cứ đâu, và người ta cảnh giác đối với y cùng các phương pháp của y.

This general statement is often untrue where the individual Jew is concerned.

Nhận định tổng quát này thường không đúng khi nói đến từng cá nhân Do Thái.

There are Jews in every nation and locality who are deeply loved by all who know them, whether Jew or Gentile, who are respected by all around them, who are sought after and valued. These belong to the great spiritual aristocracy of humanity, and though they function in Jewish bodies and bear Jewish names, they join forces with men and women gathered out of all nations who belong to humanity and who have outgrown national and racial characteristics. These men and women are, as a group, the hope of humanity, the guarantee of the new and better world for which we all wait; their numbers are increasing daily. In a broad generalization about any race or nation, the individual necessarily suffers, but the statements made about the race or nation *as a whole* are correct, true and verifiable.

Trong mọi quốc gia và địa phương đều có những người Do Thái được tất cả những ai biết họ yêu mến sâu sắc, dù là người Do Thái hay người không phải Do Thái, được mọi người quanh họ kính trọng, được tìm kiếm và trân quý. Họ thuộc về tầng lớp quý tộc tinh thần vĩ đại của nhân loại, và dù họ hoạt động trong những thân thể Do Thái và mang tên Do Thái, họ liên kết lực lượng với những người nam và nữ được quy tụ từ mọi quốc gia, thuộc về nhân loại và đã vượt khỏi các đặc tính quốc gia và chủng tộc. Những người nam và nữ này, với tư cách một nhóm, là niềm hy vọng của nhân loại, là bảo chứng cho thế giới mới và tốt đẹp hơn mà tất cả chúng ta đang chờ đợi; số lượng của họ đang tăng lên từng ngày. Trong một sự khái quát rộng về bất cứ chủng tộc hay quốc gia nào, cá nhân tất yếu phải chịu thiệt, nhưng những nhận định được đưa ra về chủng tộc hay quốc gia *như một toàn thể* là đúng, chân xác và có thể kiểm chứng.

Perhaps the major factor which has made the Jew separative and which has cultivated in him the superiority complex which distinguishes him (under an outer inferiority) in his religious faith. This faith is one of the oldest in the world; it is older than Buddhism by centuries; older than many of the Hindu faiths, and much more ancient than Christianity, and there are features in it which have definitely made the Jew what he is. It is a religion of taboos, built up carefully to protect the wandering Jew as he drifted from one community to another; it is a religion with a distinctly material basis, emphasizing the "land flowing with milk and honey"; this was not symbolic in the days of its use, but a presented objective of his travels. The colouring of the religion is separative; God is the God of the Jews; [100] the Jews are God's chosen people; they must be preserved in physical purity and their well-being is of major importance to

Có lẽ yếu tố chính đã khiến người Do Thái trở nên chia rẽ và đã nuôi dưỡng nơi y phức cảm ưu việt vốn phân biệt y, bên dưới một mặc cảm tự ti bên ngoài, chính là đức tin tôn giáo của y. Đức tin này là một trong những tôn giáo cổ xưa nhất thế giới; nó lâu đời hơn Phật giáo nhiều thế kỷ; lâu đời hơn nhiều tín ngưỡng Ấn Độ giáo, và cổ xưa hơn nhiều so với Kitô giáo; và trong đó có những đặc điểm chắc chắn đã làm cho người Do Thái thành như hiện nay. Đó là một tôn giáo của các điều cấm kỵ, được xây dựng cẩn thận để bảo vệ người Do Thái lang thang khi y trôi dạt từ cộng đồng này sang cộng đồng khác; đó là một tôn giáo có nền tảng vật chất rõ rệt, nhấn mạnh "vùng đất chảy sữa và mật"; điều này không mang tính biểu tượng trong những ngày nó được sử dụng, mà là một mục tiêu được đưa ra cho những chuyến đi của y. Sắc thái của tôn giáo ấy mang tính chia rẽ; Thượng đế là Thượng đế của người Do Thái; [100] người Do Thái là dân được

Jehovah; they have a messianic destiny, and Jehovah is jealous of their contacts and interest in any other people or God. To these divine requirements they have, as a people, been obedient and hence their plight in a modern world.

Thượng đế chọn; họ phải được giữ gìn trong sự thuần khiết thể chất, và an lạc của họ có tầm quan trọng chủ yếu đối với Jehovah; họ có một định mệnh thiên sai, và Jehovah ghen tuông đối với các tiếp xúc và mối quan tâm của họ dành cho bất cứ dân tộc hay Thượng đế nào khác. Đối với những đòi hỏi thiêng liêng này, họ, với tư cách một dân tộc, đã vâng phục, và từ đó phát sinh cảnh ngộ của họ trong thế giới hiện đại.

The word "love" as it concerns relation to other people is lacking in their religious presentation, though love of Jehovah is taught with due threats; the concept of a future life, dependent upon conduct and behaviour to others and on right action in the world of men, is almost entirely lacking in *The Old Testament* and teaching on immortality is nowhere emphasized; salvation is apparently dependent upon the keeping of numerous physical laws and rules related to physical cleanliness; they go so far as to establish retail shops where these rules are kept—in a modern world where scientific methods are applied to purity in food. All these and other factors of less importance set the Jew apart, and these he enforces no matter how obsolete they are or inconvenient to others.

Từ "yêu thương", khi liên quan đến mối quan hệ với người khác, thiếu vắng trong cách trình bày tôn giáo của họ, mặc dù tình thương dành cho Jehovah được dạy kèm theo những lời đe dọa thích đáng; quan niệm về một đời sống tương lai, tùy thuộc vào cách cư xử và hành vi đối với người khác cùng hành động đúng đắn trong thế giới con người, hầu như hoàn toàn thiếu vắng trong *Cựu Ước*, và giáo huấn về sự bất tử không được nhấn mạnh ở bất cứ đâu; sự cứu rỗi dường như tùy thuộc vào việc giữ nhiều luật lệ và quy tắc về thể chất liên quan đến sự sạch sẽ của thân thể; họ đi xa đến mức thiết lập các cửa hàng bán lẻ nơi những quy luật này được tuân giữ, trong một thế giới hiện đại nơi các phương pháp khoa học được áp dụng cho sự tinh khiết của thực phẩm. Tất cả những yếu tố này và những yếu tố khác ít quan trọng hơn đã đặt người Do Thái riêng ra, và y cưỡng hành chúng bất kể chúng lỗi thời đến đâu hay gây bất tiện cho người khác thế nào.

These factors demonstrate the complexity of the problem from the Jewish angle and its irritating and frictional nature to the Gentile. This irritating factor is something which the Jew seldom if ever recognizes. The Gentile today neither remembers nor cares that the Jews were instrumental in having Christ put to death (according to *The New Testament*); he is more apt to remember that

Những yếu tố này cho thấy tính phức tạp của vấn đề từ góc độ Do Thái, và bản chất gây bực bội, ma sát của nó đối với người không phải Do Thái. Yếu tố gây bực bội này là điều mà người Do Thái hiếm khi, nếu có bao giờ, nhận ra. Người ngoại tộc ngày nay không nhớ cũng chẳng quan tâm rằng người Do Thái đã là công cụ trong việc khiến Đức Christ bị xử tử, theo *Tân Ước*; y có khuynh

Christ was a Jew and to wonder why the Jew was not the first to claim and love Him. He remembers far more acutely Jewish business methods, the fact that the Jew, if orthodox, regards Gentile food as impure for him and that the Jew considers his citizenship as secondary to his racial obligations. He regards the Jew as a follower of an obsolete religion; he intensely [101] dislikes the cruel and jealous Jehovah of the Jews and looks upon *The Old Testament* as the history of a cruel and aggressive people—apart from the Psalms of David, which all men love.

hướng nhớ hơn rằng Đức Christ là người Do Thái và tự hỏi tại sao người Do Thái lại không phải là người đầu tiên tuyên nhận và yêu mến Ngài. Y nhớ rõ hơn nhiều các phương pháp kinh doanh của người Do Thái, sự kiện rằng người Do Thái, nếu chính thống, xem thức ăn của người không phải Do Thái là ô uế đối với y, và người Do Thái xem quyền công dân của mình là thứ yếu so với các nghĩa vụ chủng tộc. Y xem người Do Thái là tín đồ của một tôn giáo lỗi thời; y cực kỳ [101] ghét Jehovah tàn bạo và ghen tuông của người Do Thái, và nhìn *Cựu Ước* như lịch sử của một dân tộc tàn bạo và hiếu chiến, ngoại trừ các Thánh Vịnh của David, vốn được mọi người yêu mến.

These are points to which the Jew at no time seems to pay attention and yet it is these things in their aggregate which have set the Jew apart from the world in which he wants to live and be happy and in which he is the victim of an inheritance which could with profit be modernized. Nowhere is the emergence of a new world religion more greatly needed than in the case of the Jew in the modern world.

Đây là những điểm mà dường như người Do Thái không bao giờ chú ý, thế mà chính những điều ấy, trong tổng hợp của chúng, đã đặt người Do Thái tách khỏi thế giới mà y muốn sống và được hạnh phúc trong đó, và trong đó y là nạn nhân của một di sản có thể được hiện đại hóa một cách hữu ích. Không nơi nào sự xuất hiện của một tôn giáo thế giới mới lại cần thiết hơn trong trường hợp người Do Thái trong thế giới hiện đại.

Yet—God has made all men equal; the Jew is a man and a brother, and every right that the Gentile owns is his also, inalienably and intrinsically his. This the Gentile has forgotten and great is his responsibility for wrong doing and cruel action. The Jew for ages has not been wanted by his Gentile brother; he has been chased from place to place; constantly and ceaselessly the Jew has been forced to move on or move out—across the desert from Egypt to the Holy Land, from there (centuries later) to the Mesopotamia Valley and from that time on in a constant series of migrations, with great streams of wandering Jews moving ceaselessly north, south and west and a

Tuy vậy, Thượng đế đã tạo nên mọi người bình đẳng; người Do Thái là một con người và một huynh đệ, và mọi quyền mà người không phải Do Thái sở hữu cũng là của y, bất khả chuyển nhượng và vốn có nơi y. Điều này người không phải Do Thái đã quên, và trách nhiệm của y đối với hành động sai trái và hành vi tàn bạo là lớn lao. Qua nhiều thời đại, người Do Thái đã không được người huynh đệ không phải Do Thái của mình mong muốn; y đã bị xua đuổi từ nơi này sang nơi khác; liên tục và không ngừng, người Do Thái đã bị buộc phải đi tiếp hoặc ra đi, băng qua sa mạc từ Ai Cập đến Thánh Địa, từ đó, nhiều thế kỷ sau, đến Thung lũng Mesopotamia, và từ thời ấy trở đi trong một

small trickle going east; expelled from cities and countries during the Middle Ages, then after a period of relative quiescence again the displaced Jews were on the move in Europe, homeless, drifting hither and thither (along with many thousands of other nationalities, however), helpless in the hands of a cruel fate, or not so helpless but organized by certain political groups for international and selfish ends. In the countries where anti-Semitic feeling has been practically nonexistent for decades, antagonism is rising; in Great Britain its evil head can now be seen, and in the United States of America it is a mounting menace. [102] It is for the Gentiles to bring the cycle of persecutions to an end once and for all; it is for the Jew to take those steps which will not arouse the dislike of the Gentiles among whom he lives.

chuỗi di cư liên tục, với những dòng lớn người Do Thái lang thang không ngừng di chuyển về bắc, nam và tây, cùng một dòng nhỏ chảy về đông; bị trục xuất khỏi các thành phố và quốc gia trong thời Trung Cổ, rồi sau một thời kỳ tương đối yên lắng, những người Do Thái bị di dời lại lên đường ở châu Âu, vô gia cư, trôi dạt đây đó, tuy cùng với nhiều ngàn người thuộc các quốc tịch khác, bất lực trong tay một số phận tàn nhẫn, hoặc không đến nỗi bất lực nhưng bị một số nhóm chính trị tổ chức cho các mục tiêu quốc tế và ích kỷ. Tại các quốc gia nơi cảm xúc bài Do Thái hầu như không tồn tại trong nhiều thập niên, sự đối kháng đang gia tăng; tại Anh, cái đầu xấu xa của nó nay đã có thể thấy, và tại Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ nó là một mối đe dọa đang tăng lên. [102] Chính người không phải Do Thái phải đưa chu kỳ bách hại đến chỗ chấm dứt một lần dứt khoát; chính người Do Thái phải thực hiện những bước đi sẽ không khơi dậy sự ghét bỏ của những người không phải Do Thái mà y sống giữa họ.

The need of the Jew at this time is for a solution of this ancient problem which has disturbed the peace of countries down the centuries. The responsibility of the non-Jews, in the light of humanitarian demand, is vital; the record of the persecution of the Jews is a grievous and ghastly story, only paralleled by the Jewish treatment of their enemies, as related in *The Old Testament.* The fate of the Jews in the world war is a terrible tale of cruelty, torture and wholesale murder and *the treatment of the Jews down the ages is one of the blackest chapters in human history*. For it there is no excuse or condonation, and right thinking people everywhere are aware of this and are eagerly demanding that these persecutions end. The spiritual forces of the world and the spiritual leaders of humanity (both those working on

Nhu cầu của người Do Thái vào lúc này là tìm một giải pháp cho vấn đề cổ xưa đã làm xáo trộn nền hòa bình của các quốc gia qua nhiều thế kỷ. Trách nhiệm của những người không phải Do Thái, dưới ánh sáng của đòi hỏi nhân đạo, là thiết yếu; hồ sơ bách hại người Do Thái là một câu chuyện đau buồn và ghê rợn, chỉ có thể sánh với cách người Do Thái đối xử với kẻ thù của họ, như được thuật lại trong *Cựu Ước.* Số phận người Do Thái trong cuộc thế chiến là một câu chuyện khủng khiếp về sự tàn bạo, tra tấn và giết chóc hàng loạt, và *cách đối xử với người Do Thái qua các thời đại là một trong những chương đen tối nhất trong lịch sử nhân loại.* Đối với điều đó không có lời bào chữa hay sự dung thứ nào, và những người suy nghĩ đúng đắn ở khắp nơi đều ý thức điều này và đang tha thiết đòi hỏi rằng các cuộc bách hại ấy phải chấm dứt. Các mãnh lực tinh thần

the outer plane and those guiding from the inner side of the veil) are seeking a solution.

của thế giới và các nhà lãnh đạo tinh thần của nhân loại, cả những vị đang hoạt động trên cõi bên ngoài lẫn những vị đang hướng dẫn từ phía bên trong của bức màn, đang tìm kiếm một giải pháp.

The solution, however, will be found only when the Jews themselves seek to find the way out and cease their present policy of demanding that the Gentiles and Christians make all the concessions, find the solution of the problem alone, and, unaided by the Jews, bring the evil situation to an end. The Jews voice loudly and constantly their demand for redress and help; they blame the non-Jewish nations for their miseries; they fail always to recognize any conditions on their own side which could account for some of the general dislike with which they are confronted; they make no concessions to the civilizations and cultures in which they find themselves but insist on remaining apart; they blame others for their isolation, but the fact remains that they have been given equal opportunity as citizens in all open-minded [103] countries. Their contribution to the solution of this ancient problem is a material one, and shows no psychological insight or any recognition of the spiritual values involved; no problem can today be solved entirely along material lines. Man has as a whole outgrown that.

Tuy nhiên, giải pháp sẽ chỉ được tìm thấy khi chính người Do Thái tự mình tìm kiếm con đường thoát ra và chấm dứt chính sách hiện nay của họ là đòi hỏi người không phải Do Thái và người Kitô hữu phải thực hiện mọi nhượng bộ, một mình tìm ra giải pháp cho vấn đề, và không có sự trợ giúp của người Do Thái, đưa tình trạng xấu xa ấy đến chỗ kết thúc. Người Do Thái lớn tiếng và liên tục nêu đòi hỏi được đền bù và giúp đỡ; họ đổ lỗi cho các quốc gia không phải Do Thái về những nỗi khốn khổ của họ; họ luôn luôn không nhận ra bất cứ điều kiện nào nơi phía mình có thể giải thích phần nào sự ghét bỏ chung mà họ đang đối diện; họ không nhượng bộ gì đối với các nền văn minh và văn hóa mà họ thấy mình đang ở trong đó, nhưng khăng khăng đứng riêng ra; họ đổ lỗi cho người khác về sự cô lập của mình, nhưng sự thật vẫn là họ đã được trao cơ hội bình đẳng với tư cách công dân trong tất cả các quốc gia cởi mở [103]. Sự đóng góp của họ vào giải pháp cho vấn đề cổ xưa này là một đóng góp vật chất, và không cho thấy sự thấu hiểu tâm lý hay bất cứ sự nhận biết nào về các giá trị tinh thần liên hệ; ngày nay không vấn đề nào có thể được giải quyết hoàn toàn theo các đường lối vật chất. Con người, như một toàn thể, đã vượt khỏi điều đó.

The problem of the Jews goes deeply into the entire question of right human relations; it can only be solved on that inclusive basis. It concerns the interplay between people of different races but recognizing brotherhood in the human family; it evokes the whole problem of selfishness and unselfishness, of

Vấn đề của người Do Thái đi sâu vào toàn bộ câu hỏi về các mối quan hệ đúng đắn của con người; nó chỉ có thể được giải quyết trên nền tảng bao gồm ấy. Nó liên quan đến sự tương tác giữa những người thuộc các chủng tộc khác nhau nhưng nhận biết tình huynh đệ trong gia đình nhân loại; nó gợi lên toàn bộ

consideration and of justice, and these are factors which must condition all parties. The Jew needs to recognize his share in bringing about the dislike which hounds him everywhere; the Gentile must shoulder his responsibility for endless persecutions and pay the price of restitution. The Jew has evoked and still evokes dislike, and for this there is absolutely no need.

vấn đề của tính ích kỷ và tính vô kỷ, của sự quan tâm và công lý, và đây là những yếu tố phải tác động lên mọi bên. Người Do Thái cần nhận ra phần của mình trong việc tạo nên sự ghét bỏ đang săn đuổi y khắp nơi; người không phải Do Thái phải gánh lấy trách nhiệm của mình đối với những cuộc bách hại vô tận và trả giá bằng việc bồi hoàn. Người Do Thái đã khơi dậy và vẫn khơi dậy sự ghét bỏ, và đối với điều này tuyệt đối không có nhu cầu nào cả.

To sum up, the Jew has set up an ancient pattern of living within other nations; as a citizen with all the rights of citizenship, he has built up a wall of taboos, of habits and of religious observances which separate him off from his environment and make him non-assimilable. These must go, and he must become a citizen not only in name but in fact. There is no other problem like it in the world today—an entire people of distinctive race, religion, goals, characteristics, culture and a uniquely ancient and most reactionary civilization, scattered as a minority in every nation, positing an international problem, possessed of great wealth and influence, claiming citizenship in every nation but retaining deliberately their racial identity, creating dissension among the nations, attempting in no way to meet harmoniously their complex problem on any large scale with due psychological understanding or consideration of the Gentile environment [104] to which they ceaselessly make appeal, proffering only material solutions and constant, almost abusive, demands for the Gentile to shoulder the entire blame and end the difficulty.

Tóm lại, người Do Thái đã thiết lập một mô hình cổ xưa về việc sống bên trong các quốc gia khác; với tư cách một công dân có đầy đủ quyền công dân, y đã dựng lên một bức tường gồm các điều cấm kỵ, các thói quen và những nghi thức tôn giáo tách y khỏi môi trường của mình và khiến y không thể đồng hóa. Những điều này phải ra đi, và y phải trở thành công dân không chỉ trên danh nghĩa mà trong thực tế. Ngày nay không có vấn đề nào khác giống như vậy trên thế giới, một toàn thể dân tộc có chủng tộc, tôn giáo, mục tiêu, đặc tính, văn hóa riêng biệt và một nền văn minh cổ xưa độc đáo, cực kỳ phản động, rải rác như một thiểu số trong mọi quốc gia, đặt ra một vấn đề quốc tế, sở hữu của cải và ảnh hưởng lớn, đòi quyền công dân trong mọi quốc gia nhưng cố ý giữ bản sắc chủng tộc của họ, tạo ra bất hòa giữa các quốc gia, không hề cố gắng trên quy mô lớn nào để gặp gỡ một cách hài hòa vấn đề phức tạp của họ với sự thấu hiểu tâm lý thích đáng hay sự quan tâm đến môi trường không phải Do Thái [104] mà họ không ngừng kêu gọi, chỉ đưa ra các giải pháp vật chất và những đòi hỏi liên tục, hầu như xúc phạm, rằng người không phải Do Thái phải gánh toàn bộ lỗi lầm và chấm dứt khó khăn.

Alongside of this, one must place the long and sorry story of the persecution of the Jews by the Gentiles—widespread in the

Bên cạnh điều này, người ta phải đặt câu chuyện dài và đau buồn về sự bách hại người Do Thái bởi người không phải Do Thái, lan

Middle Ages (if one goes no further back), sporadic in more modern times, but culminating in the violent treatment of the Jews during the world war. It was, however, a treatment not uniquely theirs but meted out also to Poles, Greeks and the helpless of many nations. This is a point which the Jews today appear to forget. They have not been alone in their persecution. The Jews constituted only twenty per cent of the dispersed persons in Europe after the war.

rộng trong thời Trung Cổ, nếu không đi xa hơn về trước, rải rác trong thời hiện đại hơn, nhưng đạt đến đỉnh điểm trong cách đối xử bạo lực với người Do Thái trong cuộc thế chiến. Tuy nhiên, đó không phải là một cách đối xử chỉ riêng họ phải chịu, mà cũng đã giáng lên người Ba Lan, người Hy Lạp và những kẻ bất lực thuộc nhiều quốc gia. Đây là một điểm mà người Do Thái ngày nay dường như quên. Họ không đơn độc trong sự bách hại của mình. Người Do Thái chỉ chiếm hai mươi phần trăm số người bị phân tán ở châu Âu sau chiến tranh.

This same sorry story of Gentile cruelty includes also the growing anti-Semitism which can be seen even in countries which have been relatively free from it; there is a constant discrimination against the Jew in business circles; restricted areas are increasing everywhere; the plight of Jewish school children in the U.S.A., for instance, who are discriminated against, hooted at and abused, is shocking to contemplate. The situation also exists wherein no country anywhere wants to open its doors and offer the unwanted Jews asylum. No nation wants to admit them in their hundreds. Right thinking people in every nation are seeking and will continue to seek a solution, and one will be found. This problem child within the family of nations is a child of the one Father and spiritually identified with all men everywhere. People know that there is "neither Jew nor Gentile", as St. Paul expressed it (facing two thousand years ago the same sad problem), and men and women in both groups have constantly and increasingly proved the truth of this statement. [105]

Cũng câu chuyện đau buồn ấy về sự tàn bạo của người không phải Do Thái còn bao gồm cả chủ nghĩa bài Do Thái đang gia tăng, có thể thấy ngay cả trong những quốc gia vốn tương đối tự do khỏi nó; có sự phân biệt đối xử liên tục chống lại người Do Thái trong các giới kinh doanh; những khu vực hạn chế đang gia tăng khắp nơi; cảnh ngộ của trẻ em học đường Do Thái ở Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ chẳng hạn, bị phân biệt đối xử, bị la ó và bị lăng mạ, thật gây chấn động khi suy ngẫm. Cũng tồn tại tình trạng không quốc gia nào ở bất cứ đâu muốn mở cửa và trao nơi tị nạn cho những người Do Thái không ai muốn nhận. Không quốc gia nào muốn nhận họ vào với số lượng hàng trăm. Những người suy nghĩ đúng đắn trong mọi quốc gia đang tìm kiếm và sẽ tiếp tục tìm kiếm một giải pháp, và một giải pháp sẽ được tìm thấy. Đứa trẻ có vấn đề này trong gia đình các quốc gia là con của một Cha duy nhất và về mặt tinh thần đồng hoá với mọi người ở khắp nơi. Người ta biết rằng "không có Do Thái cũng không có người không phải Do Thái", như Thánh Paul đã diễn đạt, khi đối diện cùng vấn đề đau buồn ấy hai ngàn năm trước, và những người nam và nữ trong cả hai nhóm đã không ngừng và ngày càng chứng minh chân lý của phát biểu này. [105]

Such is the problem of the Jewish minority, given with a frankness which will evoke much criticism, but given in this way in the hope that because it is prompted by love, the Jews will shoulder their own responsibilities, will cease crying aloud to the Gentiles to solve the problem *alone,* and will begin to cooperate with a full sense of spiritual understanding and so aid the thousands of Gentiles who earnestly want to help. There has never been a time when the Gentile world has been more keen to do what is right by the Jew or more anxious to solve his problem and make restitution for all he has suffered. Changed inner attitudes are needed on both sides, but very largely on the side of the Jews; there is evidence that these new attitudes are germinating, even if the finding of the right solution may take much time. There are Jews who today are saying what is said here.

Đó là vấn đề của thiểu số Do Thái, được trình bày với sự thẳng thắn sẽ khơi dậy nhiều phê phán, nhưng được trình bày theo cách này với hy vọng rằng vì nó được thúc đẩy bởi tình thương, người Do Thái sẽ gánh lấy các trách nhiệm của chính mình, sẽ thôi kêu lớn với người không phải Do Thái để giải quyết vấn đề *một mình,* và sẽ bắt đầu hợp tác với một ý thức đầy đủ về sự thấu hiểu tinh thần, nhờ đó trợ giúp hàng ngàn người không phải Do Thái tha thiết muốn giúp đỡ. Chưa từng có thời điểm nào mà thế giới không phải Do Thái lại nhiệt thành hơn trong việc làm điều đúng đối với người Do Thái, hay lo lắng hơn trong việc giải quyết vấn đề của y và bồi hoàn cho tất cả những gì y đã chịu đựng. Những thái độ bên trong đã thay đổi là cần thiết ở cả hai phía, nhưng phần rất lớn là về phía người Do Thái; có bằng chứng rằng những thái độ mới này đang nảy mầm, cho dù việc tìm ra giải pháp đúng có thể mất nhiều thời gian. Ngày nay có những người Do Thái đang nói điều được nói ở đây.

2. The Negro Problem

2. Vấn đề người da đen

This problem is totally different to that of the Jews. In the first case you have an exceedingly ancient people who for thousands of years have played their part in the arena of world history and who have developed a culture and identified themselves with a civilization which has enabled them to take their place on equal terms with what we call the “civilized” peoples. In the case of the Negro, we are considering a people who have (during the past two hundred years) begun to rise in the scale of human endeavour and have, in that time, made amazing progress against great odds and much opposition. Two hundred years ago, the Negroes were all to be found in Africa and are still there in the millions; two hundred years ago, they were what the

Vấn đề này hoàn toàn khác với vấn đề của người Do Thái. Trong trường hợp thứ nhất, các bạn có một dân tộc cực kỳ cổ xưa, trong hàng ngàn năm đã đóng vai trò của mình trong đấu trường lịch sử thế giới và đã phát triển một nền văn hóa, đồng thời đồng hoá với một nền văn minh đã giúp họ có thể giữ vị trí ngang hàng với những dân tộc mà chúng ta gọi là “văn minh”. Trong trường hợp người da đen, chúng ta đang xét một dân tộc mà trong hai trăm năm qua đã bắt đầu vươn lên trong thang nỗ lực của con người và, trong thời gian ấy, đã đạt được tiến bộ đáng kinh ngạc trước những bất lợi lớn lao và nhiều chống đối. Hai trăm năm trước, tất cả người da đen đều có mặt ở châu Phi và vẫn còn ở đó hàng triệu người; hai trăm năm trước, họ là những gì mà người Âu và người

European and American regarded as “raw savages”, divided into countless tribes, living in a state of nature, primitive, warlike, totally uneducated from the modern point of view, ruled by chieftains and under the guidance of [106] tribal Gods, controlled by tribal taboos, differing greatly from each other—the Pygmy and the Bechuanaland warrior would appear to have no point of resemblance except their colour—constantly fighting among themselves and raiding each other’s territory.

Mỹ xem là “những kẻ man dã thô sơ”, chia thành vô số bộ lạc, sống trong trạng thái tự nhiên, sơ khai, hiếu chiến, hoàn toàn không được giáo dục theo quan điểm hiện đại, do các tù trưởng cai trị và dưới sự hướng dẫn của [106] các thần linh bộ lạc, bị chi phối bởi các điều cấm kỵ bộ lạc, khác biệt nhau rất lớn, người Pygmy và chiến binh Bechuanaland dường như không có điểm tương đồng nào ngoài màu da, liên tục đánh nhau giữa họ và đột kích lãnh thổ của nhau.

For centuries they have been exploited and driven into slavery, first by the Arabs, then later by those who purchased them from the slave-owners and carried them into slavery to the United States or to the West Indies. They have been exploited also by the European nations who seized vast territories in Africa and enriched themselves on the produce of those countries and the labour of their inhabitants—the French in the French Sudan, the Belgians in the Belgian Congo, the Dutch and the British in South Africa and the West Coast of Africa, the Germans in German East Africa and the Italians in Eastern Africa. It is a sorry story of cruelty, theft and exploitation on the part of the white race, though much good also came out of it for the black race. The story of these relationships is still unfinished, and unless it is conducted in the future with righteousness and justice, may terminate in tragedy. There is, however, much improvement in the internal history of these territories, and there is much reason for optimism.

Trong nhiều thế kỷ, họ đã bị khai thác và bị đẩy vào cảnh nô lệ, trước hết bởi người Ả Rập, rồi về sau bởi những người mua họ từ các chủ nô và đưa họ vào đời nô lệ tại Hợp Chúng Quốc hoặc Tây Ấn. Họ cũng đã bị khai thác bởi các quốc gia châu Âu, những nước đã chiếm đoạt các lãnh thổ rộng lớn ở châu Phi và làm giàu bằng sản phẩm của các xứ ấy và lao động của cư dân ở đó, người Pháp ở Sudan thuộc Pháp, người Bỉ ở Congo thuộc Bỉ, người Hà Lan và người Anh ở Nam Phi và Bờ Tây châu Phi, người Đức ở Đông Phi thuộc Đức và người Ý ở Đông Phi. Đó là một câu chuyện đau buồn về sự tàn bạo, trộm cắp và khai thác về phía chủng tộc da trắng, mặc dù nhiều điều tốt đẹp cũng đã phát sinh từ đó cho chủng tộc da đen. Câu chuyện về các mối quan hệ này vẫn chưa kết thúc, và trừ khi trong tương lai nó được tiến hành với sự chính trực và công lý, nó có thể kết thúc trong bi kịch. Tuy nhiên, có nhiều cải thiện trong lịch sử nội bộ của các lãnh thổ này, và có nhiều lý do để lạc quan.

The problem of the Negro falls into two divisions: the problem of the future of the African Negro and the problem of the future of the Negro in the western hemisphere.

Vấn đề người da đen rơi vào hai phân bộ: vấn đề tương lai của người da đen châu Phi và vấn đề tương lai của người da đen ở Tây bán cầu.

Africa is potential and the destiny of its countless millions of inhabitants is still in the embryonic stage; the relationship of its true inhabitants to the alien races who seek to dominate them remains still in the realm of political manoeuvring and commercial greed. It should, however, be recognized that in spite of the many attendant evils which follow ever on the trail of the exploiting white man, the impact of the white races [107] on the "black continent" has brought great evolutionary development and benefits—education, medical aid, the ending of the ceaseless tribal wars, sanitation, and a more enlightened religious system in the place of the barbaric cults and crude religious practices. Much evil followed the explorer, the missionary and the trader but much good also followed in their steps, particularly in those of the missionary. The Negro is naturally religious and mystically inclined, and the major tenets of the Christian faith have a definite appeal to his nature; the emotional aspects of the Christian presentation (with the emphasis upon love and goodness and the life hereafter) is understood by the emotionally focussed Negro. Behind the many separative religious cults of that dark land, there emerges a fundamental and pure mysticism, ranging all the way from nature worship and a primitive animism to a deep occult knowledge and an esoteric understanding which may some day make Africa the seat of the purest form of occult teaching and living. This, however, lies several centuries ahead.

Châu Phi là tiềm năng, và định mệnh của vô số triệu cư dân ở đó vẫn còn trong giai đoạn phôi thai; mối quan hệ của những cư dân đích thực của nó với các chủng tộc ngoại lai đang tìm cách thống trị họ vẫn còn nằm trong phạm vi vận động chính trị và lòng tham thương mại. Tuy nhiên, cần nhận ra rằng bất chấp nhiều điều xấu xa đi kèm, vốn luôn theo dấu chân người da trắng khai thác, tác động của các chủng tộc da trắng [107] lên "lục địa đen" đã đem lại sự phát triển tiến hoá và các lợi ích lớn lao: giáo dục, trợ giúp y tế, chấm dứt những cuộc chiến bộ lạc không ngừng, vệ sinh, và một hệ thống tôn giáo sáng suốt hơn thay cho các giáo phái man rợ và các thực hành tôn giáo thô sơ. Nhiều điều xấu đã theo sau nhà thám hiểm, nhà truyền giáo và thương nhân, nhưng nhiều điều tốt cũng đã theo bước họ, đặc biệt là theo bước nhà truyền giáo. Người da đen vốn tự nhiên có tính tôn giáo và khuynh hướng thần bí, và các giáo lý chính của đức tin Kitô giáo có sức hấp dẫn rõ rệt đối với bản chất của y; các phương diện cảm xúc trong cách trình bày Kitô giáo, với sự nhấn mạnh vào tình thương, sự thiện lành và đời sống sau này, được người da đen phân cực cảm xúc thấu hiểu. Đằng sau nhiều giáo phái tôn giáo chia rẽ của vùng đất tối tăm ấy, đang xuất hiện một thần bí học căn bản và thuần khiết, trải dài từ sự thờ phụng thiên nhiên và thuyết vật linh sơ khai đến một tri thức huyền bí sâu xa và một sự thấu hiểu nội môn, điều một ngày nào đó có thể khiến châu Phi trở thành trung tâm của hình thức giáo huấn và đời sống huyền bí thuần khiết nhất. Tuy nhiên, điều này còn ở phía trước nhiều thế kỷ.

In considering the problem of the African Negro, it is the long range vision with which we must deal and the steady rising into power of millions of people who have, as yet, only made the first steps towards modern

Khi xem xét vấn đề người da đen châu Phi, chính tầm nhìn dài hạn là điều chúng ta phải đề cập đến, cùng sự vươn lên đều đặn vào quyền lực của hàng triệu người, cho đến nay, chỉ mới thực hiện những bước đầu tiên

civilization and culture, but are taking others with an almost frightening rapidity. The undesirable aspects of civilization are present, but the benefits conferred far outweigh these, and the Negro, in spite of his natural and understandable antagonism, should recognize them as a debt he owes to the aggressive and acquisitive white nations. Contact with them has stimulated his intellectual perception; the white man's way of living has lifted the Negroes of Africa out of their primitive state into a more modern one; education and modern ways of thinking and planning are rapidly fitting the Negroes to take their place in a modern world; science, transportation [108] and knowledge —brought to them through the medium of the white races—are tying them closely into the developing scheme of modern history; the new world with its better ways of living is as much for the Negro as for the white man.

hướng tới văn minh và văn hóa hiện đại, nhưng đang bước tiếp những bước khác với tốc độ gần như đáng sợ. Các phương diện không đáng mong muốn của văn minh đang hiện diện, nhưng những lợi ích được ban cho vượt xa chúng, và người da đen, bất chấp sự đối kháng tự nhiên và có thể hiểu được của y, nên nhận ra chúng như một món nợ y mắc đối với các quốc gia da trắng hiếu chiến và chiếm hữu. Sự tiếp xúc với họ đã kích thích nhận thức trí tuệ của y; lối sống của người da trắng đã nâng những người da đen ở châu Phi ra khỏi trạng thái sơ khai của họ vào một trạng thái hiện đại hơn; giáo dục và các cách suy nghĩ, hoạch định hiện đại đang nhanh chóng chuẩn bị cho người da đen giữ vị trí của họ trong một thế giới hiện đại; khoa học, giao thông [108] và tri thức, được đưa đến cho họ qua trung gian các chủng tộc da trắng, đang buộc họ chặt chẽ vào tiến trình đang phát triển của lịch sử hiện đại; thế giới mới với những cách sống tốt đẹp hơn thuộc về người da đen cũng như thuộc về người da trắng.

But beyond this necessary recognition of indebtedness and the effort to benefit from the presented conditions and to ignore that which is evil and undesirable, the Negro problem, both in Africa and in the western world, is largely (if not entirely) that of the white race and one which it is their responsibility to solve. In Africa the Negro greatly outnumbers the white population; the latter is in so small a minority that they are faced with a most difficult situation, living as they do in the midst of an overpoweringly vast black population. In the West and in America, the situation is reversed and the Negroes constitute a minority, greatly outnumbered by the white people. In Africa the Negro is virile and militant; in America and the West Indies he has been somewhat emasculated and psychologically defeated by years of forced

Nhưng vượt ngoài sự nhận biết cần thiết này về món nợ và nỗ lực hưởng lợi từ các điều kiện được đưa ra, đồng thời bỏ qua điều xấu xa và không đáng mong muốn, vấn đề người da đen, cả ở châu Phi lẫn trong thế giới phương Tây, phần lớn, nếu không hoàn toàn, là vấn đề của chủng tộc da trắng và là vấn đề mà họ có trách nhiệm giải quyết. Ở châu Phi, người da đen đông hơn rất nhiều so với dân số da trắng; nhóm sau ở trong một thiểu số nhỏ đến mức họ đối diện với một tình trạng hết sức khó khăn, sống như họ đang sống giữa một dân số da đen áp đảo và bao la. Ở phương Tây và tại châu Mỹ, tình hình đảo ngược, và người da đen tạo thành một thiểu số, bị người da trắng vượt trội rất nhiều về số lượng. Ở châu Phi, người da đen mạnh mẽ và hiếu chiến; ở châu Mỹ và Tây Ấn, y đã phần nào bị làm suy yếu và bị đánh bại về tâm lý bởi nhiều năm lao động cưỡng bức và nô lệ.

labour and slavery. Slavery exists also in Africa, but it has been of a different kind and has not produced quite the same results as it has in the West.

Chế độ nô lệ cũng tồn tại ở châu Phi, nhưng nó thuộc một loại khác và không tạo ra hoàn toàn cùng những kết quả như ở phương Tây.

The problem facing the white races now in Africa is so to train the Negroes that they will be fitted for true self-government. They must be helped to take over their own destiny; they must be given a sense of trained responsibility; they must be taught to realize that Africa can belong to its own people and at the same time be a cooperating partner in world enterprise. This can only happen when the antagonism between the white people and the black races is ended; between the two of them goodwill must be demonstrated. Right human relations must be firmly established between the emerging Negro empire and the rest of the world; the new [109] ideals and the new world trends must be fostered in the receptive Negro consciousness and in this way "darkest Africa" will become a radiant centre of light, ready for self-government and expressing true freedom. Increasingly these Negro races will forsake their emotional reaction to circumstances and events, and meet all that transpires with a mental grasp and an intuitive perception which will put them on a par and perhaps ahead of the many who today condition the environment and the circumstances of the Negro.

Vấn đề mà các chủng tộc da trắng đang đối diện hiện nay ở châu Phi là huấn luyện người da đen sao cho họ sẽ thích hợp với nền tự trị đích thực. Họ phải được giúp để nắm lấy định mệnh của chính mình; họ phải được trao một ý thức về trách nhiệm đã được rèn luyện; họ phải được dạy để nhận ra rằng châu Phi có thể thuộc về chính dân tộc của nó, đồng thời là một đối tác hợp tác trong công cuộc thế giới. Điều này chỉ có thể xảy ra khi sự đối kháng giữa người da trắng và các chủng tộc da đen chấm dứt; giữa hai bên, thiện chí phải được biểu lộ. Các mối quan hệ đúng đắn của con người phải được thiết lập vững chắc giữa đế quốc da đen đang xuất hiện và phần còn lại của thế giới; các lý tưởng [109] mới và các xu hướng thế giới mới phải được nuôi dưỡng trong tâm thức người da đen vốn dễ tiếp nhận, và theo cách này "châu Phi tối tăm nhất" sẽ trở thành một trung tâm ánh sáng rạng ngời, sẵn sàng cho tự trị và biểu lộ tự do đích thực. Ngày càng nhiều, các chủng tộc da đen này sẽ từ bỏ phản ứng cảm xúc của họ đối với hoàn cảnh và sự kiện, và đối diện mọi điều xảy ra với một sự nắm bắt trí tuệ và một nhận thức trực giác, điều sẽ đặt họ ngang hàng, và có lẽ vượt trước, nhiều người ngày nay đang tác động lên môi trường và hoàn cảnh của người da đen.

We might express the possibilities as follows: Will the Negroes of Africa arrive at control of their own continent by violently ejecting the governing white races and by a long cycle of wars between the different Negro groups which people that continent? Or will the matter be settled by an understanding farsighted policy on the part

Chúng ta có thể diễn đạt các khả năng như sau: Liệu người da đen châu Phi sẽ đạt được quyền kiểm soát lục địa của chính họ bằng cách trục xuất dữ dội các chủng tộc da trắng đang cai trị và bằng một chu kỳ chiến tranh dài giữa những nhóm da đen khác nhau cư ngụ trên lục địa ấy chăng? Hay vấn đề sẽ được giải quyết bằng một chính sách thấu

of the white people, plus cooperative planning for the future? Will this be paralleled by an ability on the part of the Negro races to move slowly and wisely, to avoid bloodshed and rancour, to see through the devious ways of selfish political agents (seeking to exploit them) and demonstrate also such an outstanding capacity to handle their own affairs and produce their own leaders that naturally and automatically, without conflict or violence, they will gather the reins of government into their own hands and gradually eliminate white control? Will the white nations who today commercially exploit Africa, holding on to their land tenure, relinquish their so-called rights (based on the fact that possession is nine-tenths of the law) and substitute the New Age methods of right human relations and intelligent cooperation, the sharing of resources, so rich and varied in that wonderful continent, and contribute their trained skill, their proved commercial benefits and their scientific knowledge to all that Africa has to offer of usefulness and productive materials to the world? The [110] European nations and the British peoples are now following a programme leading to the release of Africa into the hands of its own people. At the same time, a sane patience should lead the African peoples to concentrate on educational processes, and agricultural and economic developments. The destiny of this great land will clarify itself and Africa will take its place as a great centre of cultural light, shining within a civilized land.

hiểu, nhìn xa trông rộng về phía người da trắng, cộng với sự hoạch định hợp tác cho tương lai? Liệu điều này sẽ được song hành bởi một khả năng về phía các chủng tộc da đen để tiến chậm rãi và minh triết, tránh đổ máu và oán hận, nhìn thấu các đường lối quanh co của những tác nhân chính trị ích kỷ, những kẻ tìm cách khai thác họ, và cũng biểu lộ một năng lực nổi bật đến mức để xử lý các công việc của chính họ và sản sinh các nhà lãnh đạo của chính họ, đến nỗi một cách tự nhiên và tự động, không xung đột hay bạo lực, họ sẽ thu lấy dây cương chính quyền vào tay mình và dần dần loại bỏ sự kiểm soát của người da trắng? Liệu các quốc gia da trắng ngày nay đang khai thác thương mại châu Phi, bám giữ quyền sở hữu đất đai của họ, có từ bỏ những quyền được gọi là của họ, dựa trên sự kiện rằng chiếm hữu là chín phần mười của luật pháp, và thay thế bằng các phương pháp Kỷ Nguyên Mới của các mối quan hệ đúng đắn của con người và sự hợp tác thông minh, sự chia sẻ các tài nguyên phong phú và đa dạng trong lục địa tuyệt diệu ấy, và đóng góp kỹ năng đã được rèn luyện, các lợi ích thương mại đã được chứng minh và tri thức khoa học của họ vào tất cả những gì châu Phi có thể đem lại cho thế giới về sự hữu dụng và các vật liệu sản xuất chăng? Các [110] quốc gia châu Âu và các dân tộc Anh hiện đang theo một chương trình dẫn đến việc trao trả châu Phi vào tay chính dân tộc của nó. Đồng thời, một sự kiên nhẫn lành mạnh nên dẫn các dân tộc châu Phi tập trung vào các tiến trình giáo dục, và các phát triển nông nghiệp cùng kinh tế. Định mệnh của vùng đất vĩ đại này sẽ tự làm sáng tỏ, và châu Phi sẽ giữ vị trí của mình như một trung tâm lớn của ánh sáng văn hóa, tỏa sáng trong một vùng đất văn minh.

Unless both races, the black and the white, approach the problem of their relationship with sanity, with long range vision, with patience and without hatred or fear, the

Trừ khi cả hai chủng tộc, da đen và da trắng, tiếp cận vấn đề về mối quan hệ của họ với sự tỉnh táo, với tầm nhìn dài hạn, với sự kiên nhẫn và không có hận thù hay sợ hãi, lịch sử

cultural history of our planet will be retarded for many years. The hitherto unused and unorganized power of the countless millions of Africa is something that the white race should carefully consider. They can place the Negro peoples as rapidly as possible on an equality of opportunity, of constitutional and human rights, and help them to pass through the stage of adolescence in which they are now to be found to that full and useful maturity in which they will handle their own problems and territory. This process is now going forward and Africa will thus take its place (through its many possible national groups) in the great family of nations and bring into the world arena a race with an amazing contribution to make of spiritual assets, cultural values and creative possibilities.

văn hóa của hành tinh chúng ta sẽ bị trì hoãn trong nhiều năm. Quyền năng cho đến nay chưa được sử dụng và chưa được tổ chức của vô số triệu người ở châu Phi là điều mà chủng tộc da trắng nên cẩn thận xem xét. Họ có thể đặt các dân tộc da đen nhanh nhất có thể vào sự bình đẳng về cơ hội, về các quyền hiến định và nhân quyền, và giúp họ đi qua giai đoạn vị thành niên mà hiện nay họ đang ở trong đó để đạt đến sự trưởng thành đầy đủ và hữu ích, trong đó họ sẽ xử lý các vấn đề và lãnh thổ của chính họ. Tiến trình này hiện đang tiến tới, và như thế châu Phi sẽ giữ vị trí của mình, qua nhiều nhóm quốc gia khả hữu của nó, trong đại gia đình các quốc gia, và đưa vào đấu trường thế giới một chủng tộc có một đóng góp đáng kinh ngạc để thực hiện về các tài sản tinh thần, các giá trị văn hóa và các khả năng sáng tạo.

The innate endowment of the Negro is very rich in content. He is creative, artistic and capable of the highest mental development when taught and trained—as capable as is the white man; this has been proved again and again by the artists and the scientists who have come out of the Negro race and by the fact of their aspirations and their ambitions. The time has come when the white man must cease to look upon the Negro as a field labourer, a factory hand, a beast of burden, or one only [111] capable of housework or unskilled labour and accord him the respect and the opportunity which is due him.

Thiên phú bẩm sinh của người da đen rất phong phú về nội dung. Y có tính sáng tạo, nghệ thuật và có khả năng phát triển trí tuệ cao nhất khi được dạy dỗ và rèn luyện, có khả năng như người da trắng; điều này đã được chứng minh hết lần này đến lần khác bởi các nghệ sĩ và nhà khoa học xuất thân từ chủng tộc da đen, cũng như bởi sự kiện về các khát vọng và hoài bão của họ. Đã đến lúc người da trắng phải thôi nhìn người da đen như một lao động đồng ruộng, một công nhân nhà máy, một con vật kéo tải, hay một người chỉ [111] có khả năng làm việc nhà hoặc lao động không lành nghề, và dành cho y sự tôn trọng cùng cơ hội thuộc về y.

The Negro of Africa is emerging fast and when a few more years of education, study and travel have played their part, the problem of Africa will become even more acute than it already is. It need not become dangerous if the white race demonstrates wisdom, understanding, selfless thinking

Người da đen châu Phi đang xuất hiện nhanh chóng, và khi thêm vài năm giáo dục, học tập và du hành nữa đã đóng vai trò của chúng, vấn đề châu Phi sẽ trở nên còn gay gắt hơn hiện nay. Nó không cần trở nên nguy hiểm nếu chủng tộc da trắng biểu lộ minh triết, sự thấu hiểu, tư tưởng vô kỷ và sự sẵn

and a willingness to give complete freedom to the Negro races. The future peace of the world depends today upon enlightened, far-seeing statesmanship and an appreciation of the fact that God has made all men free.

lòng trao tự do hoàn toàn cho các chủng tộc da đen. Nền hòa bình tương lai của thế giới ngày nay tùy thuộc vào tài lãnh đạo quốc gia sáng suốt, nhìn xa, và sự nhận thức rằng Thượng đế đã tạo nên mọi người tự do.

The problem of the Negro in the western hemisphere constitutes a very ugly story, seriously implicates the white man and provides an outstanding disgrace. Brought to the United States and to the West Indies more than two centuries ago and forced into slavery, the Negro has never had a fair deal or any true opportunity. Under the constitution of the United States, all men are regarded as free and equal; the Negro, however, is not free or equal, particularly in the southern states. The situation in the West Indies more closely resembles that in the northern states, where conditions are somewhat better but where there is still no equality of opportunity and much racial discrimination. The treatment of the Negro in the southern states is a blot upon the country; there the fight is to keep the Negro consistently *down,* to refuse him equality of education and of opportunity, to keep his standard of living at the lowest possible level and well below that of the white, to refuse him political recognition and, in a democratic country where all men are entitled to vote, he is prevented from sharing in this constitutional privilege. In the northern states these conditions do not exist to the same extent, but the Negro is steadily discriminated against, is refused equal opportunity and has to fight [112] for every privilege. A few corrupt and ignorant senators consistently outrage the good intentions of the mass of American people by perpetuating these evil conditions and fighting by every possible means to prevent their being changed; they play upon the fears of their constituents and block every move made to bring about a better and

Vấn đề người da đen ở Tây bán cầu tạo thành một câu chuyện rất xấu xí, khiến người da trắng bị liên lụy nghiêm trọng và cung cấp một nỗi ô nhục nổi bật. Bị đưa đến Hợp Chúng Quốc và Tây Ấn hơn hai thế kỷ trước và bị cưỡng bức vào đời nô lệ, người da đen chưa bao giờ nhận được một sự đối xử công bằng hay bất cứ cơ hội đích thực nào. Theo hiến pháp của Hợp Chúng Quốc, mọi người đều được xem là tự do và bình đẳng; tuy nhiên, người da đen không tự do hay bình đẳng, đặc biệt tại các bang miền Nam. Tình hình ở Tây Ấn giống với tình hình ở các bang miền Bắc hơn, nơi các điều kiện có phần tốt hơn nhưng vẫn không có sự bình đẳng về cơ hội và có nhiều phân biệt chủng tộc. Cách đối xử với người da đen tại các bang miền Nam là một vết nhơ trên đất nước; ở đó, cuộc chiến là nhằm giữ người da đen luôn luôn *ở dưới,* từ chối y sự bình đẳng về giáo dục và cơ hội, giữ mức sống của y ở mức thấp nhất có thể và thấp hơn hẳn so với người da trắng, từ chối sự công nhận chính trị đối với y, và trong một quốc gia dân chủ nơi mọi người đều có quyền bỏ phiếu, y bị ngăn cản không được chia sẻ đặc quyền hiến định này. Tại các bang miền Bắc, những điều kiện này không tồn tại ở cùng mức độ, nhưng người da đen vẫn liên tục bị phân biệt đối xử, bị từ chối cơ hội bình đẳng và phải tranh đấu [112] cho từng đặc quyền. Một số thượng nghị sĩ tham nhũng và vô minh liên tục xúc phạm các ý định tốt đẹp của đại đa số nhân dân Mỹ bằng cách duy trì những điều kiện xấu xa này và tranh đấu bằng mọi phương tiện có thể để ngăn chúng bị thay đổi; họ lợi dụng nỗi sợ của cử tri mình và chặn đứng mọi động thái nhằm tạo ra một tình trạng tốt đẹp hơn và trong sạch hơn, điều sẽ *phù hợp với hiến*

cleaner situation which would be *in line with the constitution*. These shortsighted politicians attempt to sidetrack the issue and throw dust in the eyes of their constituents by fighting for the freedom of distant small nations in Europe; at the same time they steadily defy their own constitution by refusing freedom and liberty to the Negroes of their own country. For their attitude and conduct there is today no possible excuse. It remains a mystery in the minds of other enlightened nations why the broad-minded people of the United States—vociferous in their demand for their own personal freedom and insistent upon the defense of the constitution—permit this condition to exist and perpetuate in office these men who bring about a constant infringement of the constitutional rights of American citizens.

pháp. Những chính khách thiển cận này cố chuyển hướng vấn đề và đánh lừa cử tri của họ bằng cách tranh đấu cho tự do của những quốc gia nhỏ xa xôi ở châu Âu; đồng thời, họ liên tục thách thức chính hiến pháp của mình bằng cách từ chối tự do và quyền tự do cho người da đen trong chính quốc gia của họ. Đối với thái độ và hành vi của họ, ngày nay không thể có lời bào chữa nào. Trong tâm trí của các quốc gia khai sáng khác, vẫn còn là một điều bí ẩn tại sao những người có tâm trí rộng mở của Hợp Chúng Quốc, vốn lớn tiếng trong đòi hỏi về tự do cá nhân của chính họ và khăng khăng bảo vệ hiến pháp, lại cho phép tình trạng này tồn tại và tiếp tục duy trì trong chức vụ những người gây nên sự xâm phạm liên tục đối với các quyền hiến định của công dân Mỹ.

The cry of the south that the Negro is not educationally fitted to vote is negated by the fact that he can and does vote in the northern states, in many cases as wisely as his white brother, and though his vote can often be purchased by electioneering politicians so also can that of the white voter; the cry that white women must be protected from the animal instincts of the Negroes means nothing, for they need equal protection from the animal instincts of the white man, and this statistics will adequately prove; the cry that paternalism is what the Negro needs and that only the southerner understands how to handle the Negro is disproved by the Negro himself who wants none of it; his repudiation of it demonstrates a sound sense of values and that he knows the distinction between paternalism (which keeps the [113] Negro backward, uneducated and under obligation to the white) and the freedom which he wants to share with all men in the world.

Tiếng kêu của miền Nam rằng người da đen không đủ trình độ giáo dục để bỏ phiếu bị phủ định bởi sự kiện y có thể và thực sự bỏ phiếu ở các bang miền Bắc, trong nhiều trường hợp minh triết như người huynh đệ da trắng của y; và mặc dù lá phiếu của y thường có thể bị các chính khách vận động bầu cử mua chuộc, thì lá phiếu của cử tri da trắng cũng vậy; tiếng kêu rằng phụ nữ da trắng phải được bảo vệ khỏi các bản năng thú vật của người da đen chẳng có ý nghĩa gì, vì họ cần sự bảo vệ tương đương khỏi các bản năng thú vật của người da trắng, và các thống kê sẽ chứng minh đầy đủ điều này; tiếng kêu rằng chế độ gia trưởng là điều người da đen cần và chỉ người miền Nam mới hiểu cách xử lý người da đen, bị chính người da đen bác bỏ, kẻ không muốn bất cứ điều gì thuộc loại ấy; sự phủ nhận của y đối với nó biểu lộ một ý thức lành mạnh về các giá trị và cho thấy y biết sự phân biệt giữa chế độ gia trưởng, vốn giữ người da đen [113] lạc hậu, vô học và chịu ơn người da

trắng, với tự do mà y muốn chia sẻ với mọi người trên thế giới.

The Negro is naturally easy, accommodating, kindly and anxious to like people and be liked; if today so many Negroes are arrogant, vindictive, full of hate and anxious to assert themselves it is because they have been made so by the white people. The white people face a grave responsibility and it lies in their hands to change conditions. When they do so, they will find the Negro as responsive to good and fair treatment, equal opportunity and right living conditions as he is responsive sometimes in the wrong way to the evil educational, political and living conditions under which he now labours. This applies to the entire Negro problem in the western hemisphere.

Người da đen vốn tự nhiên dễ chịu, dễ thích nghi, tử tế và mong muốn yêu mến người khác cũng như được yêu mến; nếu ngày nay có nhiều người da đen kiêu căng, thù hằn, đầy căm ghét và nóng lòng khẳng định mình, đó là vì họ đã bị người da trắng làm cho trở nên như vậy. Người da trắng đối diện một trách nhiệm nghiêm trọng, và việc thay đổi các điều kiện nằm trong tay họ. Khi họ làm như vậy, họ sẽ thấy người da đen đáp ứng với cách đối xử tốt lành và công bằng, cơ hội bình đẳng và các điều kiện sống đúng đắn, cũng như đôi khi y đáp ứng theo cách sai lầm đối với các điều kiện giáo dục, chính trị và sinh hoạt xấu xa mà y hiện đang phải chịu đựng. Điều này áp dụng cho toàn bộ vấn đề người da đen ở Tây bán cầu.

The Negro cannot be discriminated against for all time; he cannot be asked to defend his country and then have his country refuse him the ordinary rights of citizenship. Public opinion is on the side of the Negro and there is a steadily growing determination among the white citizens of the western hemisphere that he be given his constitutional rights, equal commercial and business opportunities, equal educational facilities and equally good living conditions. It is for the people of America to speak with a clear voice and demand that Negroes be given their just rights. Every white American should shoulder his responsibility for this minority and study the Negro problem; he should learn to know the Negro personally as a friend and a brother; he should see to it that he plays his part in changing the present condition.

Người da đen không thể bị phân biệt đối xử mãi mãi; y không thể bị yêu cầu bảo vệ đất nước của mình rồi sau đó đất nước của y lại từ chối y các quyền công dân thông thường. Công luận đứng về phía người da đen, và có một quyết tâm đang tăng trưởng đều đặn nơi các công dân da trắng của Tây bán cầu rằng y phải được trao các quyền hiến định của mình, các cơ hội thương mại và kinh doanh bình đẳng, các phương tiện giáo dục bình đẳng và các điều kiện sống tốt đẹp ngang nhau. Chính nhân dân Mỹ phải lên tiếng rõ ràng và đòi hỏi rằng người da đen được trao các quyền chính đáng của họ. Mỗi người Mỹ da trắng nên gánh lấy trách nhiệm của mình đối với thiểu số này và nghiên cứu vấn đề người da đen; y nên học cách biết người da đen một cách cá nhân như một người bạn và một huynh đệ; y nên bảo đảm rằng mình đóng vai trò trong việc thay đổi tình trạng hiện nay.

On the subject of intermarriage, the best and soundest thinkers in both the white and black races at this time deplore mixed marriages. They mean no happiness for either party. When considering this subject [114] it should be remembered, however, that intermarriage between the white peoples and the yellow races (the Chinese and the Japanese) is equally unfortunate and —with the rarest exception—seldom proves successful and is never satisfactory where the children of such unions are concerned. The world war (1914-1945) has itself produced a great admixture of races. Where marching armies go there is inevitable promiscuity and a resultant new population; the world today is producing and will produce the results of these (so-called) illicit unions between the soldiers of all nations and the peoples of the countries in which they find themselves. These children of mixed race, as well as the half-castes and the Eurasians may be the answer to a large part of the problem. There will be hundreds of thousands of these children of mixed parentage, forming part of the world population in the next generation and immediate cycle and they are a group with which we will have to reckon.

Về đề tài hôn nhân dị chủng, những tư tưởng gia tốt nhất và lành mạnh nhất trong cả hai chủng tộc da trắng và da đen vào lúc này đều lấy làm tiếc về các cuộc hôn nhân pha trộn. Chúng không mang lại hạnh phúc cho bên nào. Tuy nhiên, khi xem xét đề tài này [114] cần nhớ rằng hôn nhân dị chủng giữa các dân tộc da trắng và các chủng tộc da vàng, người Trung Quốc và người Nhật, cũng bất hạnh như vậy và, trừ những ngoại lệ hiếm hoi nhất, hiếm khi chứng tỏ thành công và không bao giờ thỏa đáng khi xét đến con cái của những sự kết hợp ấy. Chính cuộc thế chiến 1914-1945 đã tạo ra một sự pha trộn lớn lao giữa các chủng tộc. Nơi nào các đạo quân hành quân đi qua, nơi đó có sự chung đụng bừa bãi không tránh khỏi và một dân số mới phát sinh; thế giới ngày nay đang tạo ra và sẽ tạo ra các kết quả của những cuộc kết hợp bị gọi là bất hợp pháp này giữa binh sĩ của mọi quốc gia và các dân tộc của những xứ sở mà họ thấy mình ở trong đó. Những đứa trẻ lai chủng này, cũng như những người lai và người Âu-Á, có thể là lời đáp cho một phần lớn của vấn đề. Sẽ có hàng trăm ngàn trẻ em thuộc huyết thống pha trộn như vậy, tạo thành một phần của dân số thế giới trong thế hệ kế tiếp và chu kỳ gần trước mắt, và họ là một nhóm mà chúng ta sẽ phải tính đến.

The Solution

Giải pháp

It will be obvious that a finding of a solution to the problem of the minorities is essentially the finding of a solution to the great heresy of separateness. This is immensely difficult not only because of humanity's predisposing tendency in this direction, but because that same human nature cannot be easily or rapidly changed. Also, this change and the breaking down of the spirit of separateness has to be brought about in a world of men which is today full

Hiển nhiên rằng việc tìm ra một giải pháp cho vấn đề các thiểu số, về căn bản, là việc tìm ra một giải pháp cho Đại Tà thuyết về sự chia rẽ. Điều này vô cùng khó khăn, không chỉ vì khuynh hướng sẵn có của nhân loại theo hướng này, mà còn vì chính bản chất con người ấy không thể được thay đổi dễ dàng hay nhanh chóng. Hơn nữa, sự thay đổi này và việc phá vỡ tinh thần chia rẽ phải được thực hiện trong một thế giới con người ngày nay đầy ngờ vực và sợ hãi, hầu như

of distrust and fear and hardly aware of what is really needed—able only to cry in unison: Give us peace in our time!

không ý thức được điều gì thật sự cần thiết, chỉ có thể cùng đồng thanh kêu lên: Hãy cho chúng tôi hòa bình trong thời của chúng tôi!

If by an act of immediate legislation the Negro minority gained its full rights the problem would remain the same, for the hearts and minds of men would not have been altered and the solution would be entirely [115] superficial; although the Jews have gained their desire and Palestine was handed over to them the anti-Semitic feeling present—with practically no exception—in every nation remains exactly the same as before, plus the bloodshed in Palestine.

Nếu bằng một đạo luật tức thời, thiểu số da đen giành được đầy đủ các quyền của mình, vấn đề vẫn sẽ y nguyên, vì trái tim và trí tuệ của con người chưa được biến đổi, và giải pháp sẽ hoàn toàn [115] hời hợt; mặc dù người Do Thái đã đạt được mong muốn của họ và Palestine đã được trao lại cho họ, cảm xúc bài Do Thái hiện diện, hầu như không ngoại lệ, trong mọi quốc gia vẫn y nguyên như trước, cộng thêm đổ máu tại Palestine.

The problem goes far deeper than is often estimated; it is inherent in human nature and is the product of countless centuries of fostered growth and the wrong type of education of the masses. Nation is still pitted against nation in the political arena, group against group and (within the nations) party against party and man against man. The wise and the farseeing, those prompted by a sane and unselfish commonsense, the idealist and the men and women of goodwill are everywhere and are struggling to find a solution, to build a new world structure of law, order and peace, which will insure right human relations; but they are, in turn, a tiny minority in comparison to the vast multitude of human beings peopling our earth; their task is hard and from the point at which they must work, appears to them at times as presenting well-nigh insuperable difficulties.

Vấn đề đi sâu hơn nhiều so với điều người ta thường ước lượng; nó vốn cố hữu trong bản chất con người và là sản phẩm của vô số thế kỷ tăng trưởng được nuôi dưỡng cùng kiểu giáo dục sai lầm dành cho quần chúng. Quốc gia vẫn còn đối đầu với quốc gia trên vũ đài chính trị, nhóm đối đầu với nhóm và trong nội bộ các quốc gia, đảng phái đối đầu với đảng phái, người đối đầu với người. Những người minh triết và nhìn xa, những ai được thúc đẩy bởi lương tri lành mạnh và vô kỷ, người lý tưởng và những người nam và nữ thiện chí có mặt khắp nơi và đang đấu tranh để tìm một giải pháp, để xây dựng một cơ cấu thế giới mới của luật pháp, trật tự và hòa bình, vốn sẽ bảo đảm các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người; nhưng đến lượt họ, họ chỉ là một thiểu số nhỏ bé so với vô số con người đang cư ngụ trên Trái Đất chúng ta; nhiệm vụ của họ rất khó khăn và, từ vị trí mà họ phải làm việc, đôi khi đối với họ dường như đưa ra những khó khăn hầu như không thể vượt qua.

Certain questions inevitably arise in the minds of the men of goodwill everywhere:

Một số câu hỏi tất yếu nảy sinh trong trí của những người thiện chí ở khắp nơi:

Can the Great Powers be trusted to function selflessly in the interests of the Little Powers and of humanity as a whole?

Liệu các Cường Quốc có thể được tin cậy để hành động một cách vô kỷ vì lợi ích của các Tiểu Quốc và của toàn thể nhân loại không?

Can power politics and the various national imperialisms be forgotten and ended?

Liệu chính trị quyền lực và các chủ nghĩa đế quốc quốc gia khác nhau có thể bị quên đi và chấm dứt không?

Can a world policy be devised which will insure justice for all whether great or small?

Liệu có thể hoạch định một chính sách thế giới vốn sẽ bảo đảm công lý cho tất cả, dù lớn hay nhỏ không?

Can world opinion be sufficiently strong in the interests of right human relations that it can tie the hands of the selfishly aggressive and open the door of opportunity to those who have as yet had little?

Liệu dư luận thế giới có thể đủ mạnh vì lợi ích của các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người đến mức có thể trói tay những kẻ hiếu chiến ích kỷ và mở cánh cửa cơ hội cho những ai cho đến nay vẫn có rất ít không?

Is the hope of establishing an era of right human relations within nations as well as internationally, an [116] impossible dream, a waste of time to consider or an evidence only of wishful thinking?

Liệu hy vọng thiết lập một kỷ nguyên của các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người trong các quốc gia cũng như trên bình diện quốc tế có phải là một giấc mơ [116] bất khả, một điều phí thời gian để suy xét, hay chỉ là bằng chứng của tư duy mong ước không?

Does the goal of right human relations, equal rights and opportunity for all men everywhere provide an entirely possible goal for which all well-intentioned men can work with some hope of success?

Liệu mục tiêu về các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người, về quyền lợi và cơ hội bình đẳng cho mọi người ở khắp nơi, có đem lại một mục tiêu hoàn toàn khả thi để tất cả những người có thiện chí có thể làm việc với một hy vọng nào đó về thành công không?

What are the first steps which should be taken to promote such right endeavours and to lay a secure foundation of world goodwill?

Những bước đầu tiên nào cần được thực hiện để thúc đẩy các nỗ lực đúng đắn như thế và đặt một nền tảng vững chắc cho thiện chí thế giới?

How can public opinion be sufficiently aroused so that the many steps to promote right human relations will be faced by legislators and politicians everywhere?

Làm thế nào dư luận công chúng có thể được khơi dậy đủ mạnh để các nhà lập pháp và chính trị gia ở khắp nơi phải đối diện với

nhiều bước nhằm thúc đẩy các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người?

What should the minorities do in order to gain their just demands, without promoting more differences and feeding the fire of hatred?

Các nhóm thiểu số nên làm gì để đạt được những đòi hỏi chính đáng của họ mà không thúc đẩy thêm các dị biệt và nuôi dưỡng ngọn lửa hận thù?

How can we abolish the great lines of demarcation between races, nations and groups, and the cleavages that are to be found everywhere, working in such a manner that the "one humanity" emerges in the arena of world affairs?

Làm thế nào chúng ta có thể xóa bỏ những đường phân giới lớn giữa các chủng tộc, quốc gia và nhóm, cùng những rạn nứt hiện hữu khắp nơi, bằng cách làm việc sao cho "một nhân loại" xuất hiện trên vũ đài các công việc thế giới?

How can we develop the consciousness that what is good for the part can also be good for the whole and that the highest good of the unit within the whole guarantees the good of that whole?

Làm thế nào chúng ta có thể phát triển tâm thức rằng điều tốt cho bộ phận cũng có thể tốt cho toàn thể, và rằng lợi ích cao nhất của đơn vị trong toàn thể bảo đảm lợi ích của chính toàn thể ấy?

These and many other questions arise and clamour for an answer. The answer comes in the form of a generally accepted platitude and is unfortunately in the nature of an anti-climax: *Establish right human relations by developing a spirit of goodwill.* Then and only then shall we have a world at peace and ready to move forward into a new and better era. Though a platitude is, in the majority of cases, the statement of a recognizable truth, it is difficult in this case to make people admit its feasibility. Nevertheless, because it is a truth, it is bound eventually to demonstrate as such, not only in the minds of a few people here and there but on a large [117] scale throughout the world. People are looking eagerly for the unexpected and the unusual, for an anticipated miracle and for God (whatever they mean in their own minds by that term) to take action, thus relieving them of responsibility and doing their work for them.

Những câu hỏi này và nhiều câu hỏi khác nảy sinh và đòi một lời đáp. Câu trả lời đến dưới hình thức một lời sáo ngữ được chấp nhận rộng rãi và, đáng tiếc, mang tính chất của một kết thúc hụt hẫng: *Hãy thiết lập các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người bằng cách phát triển tinh thần thiện chí.* Khi ấy và chỉ khi ấy, chúng ta mới có một thế giới hòa bình và sẵn sàng tiến vào một kỷ nguyên mới và tốt đẹp hơn. Dù trong đa số trường hợp, một lời sáo ngữ là sự phát biểu của một chân lý có thể nhận ra, trong trường hợp này thật khó khiến con người thừa nhận tính khả thi của nó. Tuy nhiên, vì đó là một chân lý, cuối cùng nó nhất định sẽ tự chứng minh như thế, không chỉ trong trí của một vài người rải rác đây đó mà trên quy mô rộng lớn [117] khắp thế giới. Con người đang háo hức tìm kiếm điều bất ngờ và khác thường, một phép lạ được mong đợi, và Thượng đế, dù họ hiểu thuật ngữ ấy trong trí mình thế nào, sẽ hành động, nhờ đó giải thoát họ khỏi

trách nhiệm và làm công việc của họ thay cho họ.

Not by such methods do men move forward; not by shifting responsibility do they learn and progress. The miracle may happen and the beautiful and the unexpected appear but only when men have themselves created the right setting and by the wonder of their own achievement made it possible for a still more wonderful expression of rightness to manifest. We can have no further expression of divinity until men act more divinely than at present; we shall have no "return of Christ" or a downpouring of the Christ consciousness until the Christ in every man is more awake and alert than is at present the case; the Prince of Peace or the Spirit of Peace will not make the presence of peace felt on earth until the peaceful intentions of men everywhere are changing the aspect of world affairs. Unity will not be the distinctive characteristic of mankind until men have themselves pulled down the separating walls, and have removed the barriers between race and race, between nation and nation, between religion and religion and between man and man.

Con người không tiến lên bằng những phương pháp như thế; họ không học hỏi và tiến bộ bằng cách chuyển trách nhiệm. Phép lạ có thể xảy ra, và điều đẹp đẽ cùng bất ngờ có thể xuất hiện, nhưng chỉ khi chính con người đã tạo nên khung cảnh đúng đắn và, bằng sự kỳ diệu của thành tựu riêng mình, khiến cho một biểu hiện còn kỳ diệu hơn nữa của sự đúng đắn có thể hiển lộ. Chúng ta không thể có thêm biểu hiện nào của thiên tính cho đến khi con người hành động thiêng liêng hơn hiện nay; chúng ta sẽ không có "sự trở lại của Đức Christ" hay một sự tuôn đổ của tâm thức Christ cho đến khi Đức Christ trong mỗi người thức tỉnh và tỉnh táo hơn so với hiện nay; Đấng Hoàng Tử Hòa Bình hay Đấng Tinh thần Hòa Bình sẽ không làm cho sự hiện diện của hòa bình được cảm nhận trên Trái Đất cho đến khi những ý hướng hòa bình của con người ở khắp nơi đang làm thay đổi phương diện của các công việc thế giới. Sự hợp nhất sẽ không là đặc tính nổi bật của nhân loại cho đến khi chính con người đã phá đổ những bức tường chia cách và loại bỏ các rào cản giữa chủng tộc với chủng tộc, giữa quốc gia với quốc gia, giữa tôn giáo với tôn giáo và giữa người với người.

The wonder of the present situation and its outstanding opportunity is that for the first time, and on a planetary scale, men are aware of the evil which must be eliminated; everywhere there is discussion and planning; there are meetings and forums, and conferences and committees, ranging all the way from the great deliberations of the United Nations down to the tiny meetings held in some remote village.

Điều kỳ diệu của tình thế hiện tại và cơ hội nổi bật của nó là lần đầu tiên, và trên quy mô hành tinh, con người ý thức về điều ác cần phải bị loại trừ; khắp nơi đều có thảo luận và hoạch định; có các cuộc họp và diễn đàn, hội nghị và ủy ban, trải dài từ những cuộc nghị bàn lớn của Liên Hiệp Quốc cho đến các cuộc họp nhỏ bé được tổ chức trong một ngôi làng xa xôi nào đó.

The beauty of the present situation is that even in the smallest community a practical

Vẻ đẹp của tình thế hiện tại là ngay cả trong cộng đồng nhỏ nhất, cư dân cũng được đưa

expression of what is needed on a worldwide scale is offered to the inhabitants; [118] differences in families, in churches, in municipalities, in cities, in nations, between races and internationally all call for the same objective and for the same process of adjustment: *the establishing of right human relations*. The technique or method to bring this about remains everywhere the same: *the use of the spirit of goodwill.*

ra một biểu hiện thực tiễn của điều cần thiết trên quy mô toàn thế giới; [118] những khác biệt trong gia đình, trong giáo hội, trong các đô thị, trong các thành phố, trong các quốc gia, giữa các chủng tộc và trên bình diện quốc tế, tất cả đều đòi hỏi cùng một mục tiêu và cùng một tiến trình điều chỉnh: *việc thiết lập các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người*. Kỹ thuật hay phương pháp để đem lại điều này ở khắp nơi vẫn như nhau: *việc sử dụng tinh thần thiện chí.*

Goodwill is the simplest expression of true love and the one most easily understood. The use of goodwill in connection with the problems with which humanity is faced releases the intelligence along constructive lines; where goodwill is present, the walls of separation and of misunderstanding fall.

Thiện chí là biểu hiện đơn giản nhất của tình thương chân thật và là biểu hiện dễ được thấu hiểu nhất. Việc sử dụng thiện chí liên quan đến những vấn đề mà nhân loại đang đối diện giải phóng trí tuệ theo các đường lối xây dựng; nơi nào có thiện chí hiện diện, nơi đó những bức tường chia cách và hiểu lầm sụp đổ.

Love and understanding will eventually follow upon a practical expression of goodwill as a factor in every type of human relation and as a mode of contact between groups, between nations and their minorities, between nation and nation and also in the field of international politics and religions. The expression of true love as a factor in the life of our planet may lie very far ahead, but goodwill is a present possibility and the organizing of goodwill an outstanding necessity.

Tình thương và sự thấu hiểu cuối cùng sẽ theo sau một biểu hiện thực tiễn của thiện chí như một yếu tố trong mọi loại quan hệ giữa người với người và như một phương thức tiếp xúc giữa các nhóm, giữa các quốc gia và các nhóm thiểu số của họ, giữa quốc gia với quốc gia, và cả trong lĩnh vực chính trị quốc tế và tôn giáo. Biểu hiện của tình thương chân thật như một yếu tố trong đời sống hành tinh chúng ta có thể còn rất xa phía trước, nhưng thiện chí là một khả năng hiện tại và việc tổ chức thiện chí là một nhu cầu nổi bật.

There is today much talk about goodwill and a constant use of the word; there is a real intention to employ it in every field of human thought and in relation to every human problem; there is evidence that there is a real effort at this time to make goodwill an effective agent in negotiating world peace and understanding and in bringing about right human relations.

Ngày nay có nhiều lời nói về thiện chí và việc sử dụng từ này không ngừng; có một ý định thực sự nhằm vận dụng nó trong mọi lĩnh vực tư tưởng của con người và liên quan đến mọi vấn đề của con người; có bằng chứng cho thấy vào lúc này đang có một nỗ lực thực sự để biến thiện chí thành một tác nhân hữu hiệu trong việc thương thuyết hòa bình và sự thấu hiểu thế giới, cũng như

trong việc đem lại các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người.

The major need is an immediate campaign, carried forward by all men of goodwill everywhere throughout the world to interpret the meaning of goodwill, to emphasize the practical nature of its expression, to gather together into an effective and active world group all men and women of goodwill and to do this, not in order to create a super-organization, but to convince the unhappy, [119] the distressed and the abused of the magnitude of the intelligent aid which stands ready to assist them. They must also demonstrate their ability to strengthen the hands of all workers who are struggling to bring about right human relations and prove to them the potency of the force of an educated and alive public opinion (educated by the men of goodwill) upon which they can draw. Thus there will be established in every nation, in every city and village, men of goodwill—with trained understanding, practical commonsense, a knowledge of world problems and a willingness to spread goodwill and find the men of like mind in their environment.

Nhu cầu chủ yếu là một chiến dịch tức thời, được tất cả những người thiện chí ở khắp nơi trên thế giới tiến hành, nhằm diễn giải ý nghĩa của thiện chí, nhấn mạnh bản chất thực tiễn của sự biểu hiện thiện chí, tập hợp tất cả những người nam và nữ thiện chí thành một nhóm thế giới hữu hiệu và năng động, và làm điều này không phải để tạo ra một siêu tổ chức, mà để thuyết phục những người bất hạnh, [119] đau khổ và bị lạm dụng về tầm vóc của sự trợ giúp thông minh đang sẵn sàng hỗ trợ họ. Họ cũng phải chứng minh khả năng tăng cường sức mạnh cho tất cả những người hoạt động đang đấu tranh để đem lại các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người, và chứng minh cho họ thấy quyền năng của mãnh lực nơi một dư luận công chúng được giáo dục và sống động, do những người thiện chí giáo dục, mà họ có thể dựa vào. Như vậy, trong mỗi quốc gia, trong mỗi thành phố và làng mạc, sẽ có những người thiện chí được thiết lập, với sự thấu hiểu được rèn luyện, lương tri thực tiễn, tri thức về các vấn đề thế giới và thiện nguyện lan tỏa thiện chí cũng như tìm ra những người cùng chí hướng trong môi trường của họ.

The work of the men of goodwill is an educational one. They hold and advocate no miraculous solution of world problems but they *know* that a spirit of goodwill, particularly if trained and implemented by knowledge, can produce *an atmosphere* and *an attitude* which will make the solving of problems possible. When men of goodwill meet, no matter what their political party, nation or religion, there is no problem which they cannot eventually solve and solve to the satisfaction of the various parties involved. *It is the production of this atmosphere and the*

Công việc của những người thiện chí là một công việc giáo dục. Họ không nắm giữ và bênh vực một giải pháp kỳ diệu nào cho các vấn đề thế giới, nhưng họ *biết* rằng một tinh thần thiện chí, đặc biệt nếu được rèn luyện và được thực thi bằng tri thức, có thể tạo ra *một bầu không khí* và *một thái độ* khiến việc giải quyết các vấn đề trở nên khả thi. Khi những người thiện chí gặp nhau, bất kể đảng phái chính trị, quốc gia hay tôn giáo của họ là gì, không có vấn đề nào mà cuối cùng họ không thể giải quyết, và giải quyết thỏa đáng cho các bên khác nhau có liên quan. *Chính*

evocation of this attitude which is the principal work of the men of goodwill and not the presentation of some cut and dried solution. This spirit of goodwill can be present even where there is fundamental disagreement between parties. But this is seldom the case today. There is a real spirit of goodwill controlling quite a few of the discussions of the United Nations organization on quite difficult and touchy points, and this is becoming increasingly apparent.

việc tạo ra bầu không khí này và gợi lên thái độ này là công việc chính yếu của những người thiện chí, chứ không phải việc trình bày một giải pháp đã được định sẵn và đóng khung. Tinh thần thiện chí này có thể hiện diện ngay cả nơi có sự bất đồng căn bản giữa các bên. Nhưng ngày nay điều này hiếm khi xảy ra. Có một tinh thần thiện chí thực sự đang chi phối khá nhiều cuộc thảo luận của tổ chức Liên Hiệp Quốc về những điểm khá khó khăn và nhạy cảm, và điều này ngày càng trở nên rõ rệt.

There is absolutely no reason to believe that the growth of goodwill in the world need be a slow and gradual affair. The reverse can be the case if the men and women who today feel within themselves a genuine [120] goodwill and who are free from prejudice will seek each other out and work together to spread goodwill. A prejudiced person, a religious fanatic, or a staunch nationalist have a hard task in developing true goodwill within themselves. They can accomplish it if they care enough for their fellowman, and seek to leave him free, but they will have to seek for the dark area in their own minds where a wall of separativeness exists and tear it down. They will have to develop (with deliberation) true goodwill (*not* tolerance) towards the object of their prejudice, towards the man of an alien religion and towards the nation or race to which they feel antagonistic or upon which they look down. A prejudice is a first brick in a separating wall.

Hoàn toàn không có lý do gì để tin rằng sự tăng trưởng của thiện chí trên thế giới cần phải là một việc chậm chạp và tuần tự. Điều ngược lại có thể xảy ra nếu những người nam và nữ ngày nay cảm thấy trong chính mình một thiện chí chân thật [120] và thoát khỏi thành kiến sẽ tìm đến nhau và cùng nhau làm việc để lan tỏa thiện chí. Một người có thành kiến, một kẻ cuồng tín tôn giáo, hay một nhà dân tộc chủ nghĩa kiên định đều có một nhiệm vụ khó khăn trong việc phát triển thiện chí chân thật nơi chính mình. Họ có thể hoàn thành điều đó nếu họ đủ quan tâm đến đồng loại của mình và tìm cách để người ấy được tự do, nhưng họ sẽ phải tìm vùng tối trong chính trí mình, nơi một bức tường chia rẽ đang tồn tại, và phá đổ nó. Họ sẽ phải phát triển, một cách có chủ ý, thiện chí chân thật, *không phải* sự khoan dung, đối với đối tượng thành kiến của mình, đối với người thuộc một tôn giáo xa lạ và đối với quốc gia hay chủng tộc mà họ cảm thấy đối kháng hoặc xem thường. Một thành kiến là viên gạch đầu tiên trong một bức tường chia cách.

Goodwill is far more widespread throughout the world than people think; it simply needs to be discovered, educated and set to work. It must not be exploited, however, by groups working for their own ends, no matter how

Thiện chí lan rộng khắp thế giới hơn nhiều so với điều con người nghĩ; nó chỉ cần được khám phá, giáo dục và đưa vào hoạt động. Tuy nhiên, nó không được các nhóm làm việc vì mục đích riêng của mình khai thác,

honestly, correctly or sincerely. It would, if that was done, be diverted into a partisan effort. The men of goodwill stand midway between opposing groups where such exist, in order to create a condition in which discussion and compromise can become happily possible. They tread constantly the "noble middle path" of the Buddha which runs between the pairs of opposites, straight to the very heart of God; they tread the "narrow way" of love of which Christ spoke, and they indicate they are treading it by an expression of the only aspect of love which humanity can at present understand: *Goodwill.*

dù họ làm việc trung thực, đúng đắn hay chân thành đến đâu. Nếu điều đó xảy ra, thiện chí sẽ bị chuyển hướng thành một nỗ lực phe phái. Những người thiện chí đứng ở điểm giữa giữa các nhóm đối lập, nơi nào có các nhóm như thế, nhằm tạo ra một tình trạng trong đó thảo luận và thỏa hiệp có thể trở nên khả thi một cách tốt đẹp. Họ liên tục bước trên "con đường trung đạo cao quý" của Đức Phật, chạy giữa các cặp đối cực, thẳng đến chính trái tim của Thượng đế; họ bước trên "con đường hẹp" của tình thương mà Đức Christ đã nói đến, và họ cho thấy họ đang bước trên con đường ấy bằng một biểu hiện của phương diện duy nhất của tình thương mà nhân loại hiện nay có thể thấu hiểu: *Thiện chí.*

When goodwill is expressed and organized, recognized and used, world problems, no matter what they may be, will in due time reach solution; when goodwill is a true and active factor in human affairs, we shall then pass on to a fuller and richer understanding of the nature of love and to an expression of some still higher [121] aspect of that divine love; when goodwill is widespread among men, we shall see the establishing of right human relations and a new spirit of confidence, trust and understanding will be found in mankind.

Khi thiện chí được biểu hiện và tổ chức, được nhận biết và sử dụng, các vấn đề thế giới, bất kể là gì, theo thời gian sẽ đạt đến giải pháp; khi thiện chí là một yếu tố chân thật và năng động trong các công việc của con người, khi ấy chúng ta sẽ tiến tới một sự thấu hiểu đầy đủ và phong phú hơn về bản chất của tình thương, và tới một biểu hiện của một phương diện còn cao hơn nữa [121] của tình thương thiêng liêng ấy; khi thiện chí lan rộng trong nhân loại, chúng ta sẽ thấy việc thiết lập các mối liên hệ đúng đắn giữa người với người, và một tinh thần mới của lòng tin, sự tín nhiệm và sự thấu hiểu sẽ được tìm thấy trong nhân loại.

Men and women of goodwill exist in every nation and in all parts of the world in their innumerable thousands. Let these be found, reached and put in touch with each other; let them be set to work to create a right atmosphere in world affairs and in their own communities; let them know that associated they are omnipotent and that they can so educate and train public opinion that the world attitude to world problems will be

Những người nam và nữ thiện chí hiện hữu trong mọi quốc gia và ở mọi phần của thế giới, với vô số hàng nghìn người. Hãy để họ được tìm thấy, được tiếp cận và được đặt trong liên hệ với nhau; hãy để họ được đưa vào công việc tạo nên một bầu không khí đúng đắn trong các công việc thế giới và trong chính cộng đồng của họ; hãy để họ biết rằng khi liên kết với nhau, họ là toàn năng, và họ có thể giáo dục và rèn luyện dư luận

right and correct and in line with the divine plan; let them realize that the solutions of the critical problems with which humanity is faced at the portal of the New Age will not be found by deciding upon some line of action and forcing it on public attention by propaganda and by campaigning. It will come by advocating and developing a spirit of goodwill (with its results: a right atmosphere and a sound attitude) and an understanding heart.

công chúng đến mức thái độ của thế giới đối với các vấn đề thế giới sẽ đúng đắn, chính xác và phù hợp với Thiên Cơ; hãy để họ nhận ra rằng các giải pháp cho những vấn đề nguy kịch mà nhân loại đang đối diện tại ngưỡng cửa Kỷ Nguyên Mới sẽ không được tìm thấy bằng cách quyết định một đường lối hành động nào đó rồi áp đặt nó lên sự chú ý của công chúng bằng tuyên truyền và vận động. Nó sẽ đến bằng việc bênh vực và phát triển một tinh thần thiện chí, cùng các kết quả của nó: một bầu không khí đúng đắn và một thái độ lành mạnh, và một trái tim thấu hiểu.

The Christian era was ushered in by a mere handful of men, the twelve Apostles, the seventy disciples and the five hundred who recognized the message of the Christ. The new era in which Christ will "see of the travail of His soul and be satisfied", is being ushered in by the hundreds of thousands of the men of goodwill now active in the world and who can become still more active if recognized, reached and organized.

Kỷ nguyên Cơ Đốc đã được mở đầu bởi chỉ một nhóm nhỏ người: mười hai Tông đồ, bảy mươi đệ tử và năm trăm người đã nhận ra thông điệp của Đức Christ. Kỷ nguyên mới, trong đó Đức Christ sẽ "nhìn thấy công khó của linh hồn Ngài và được thỏa lòng", đang được mở đầu bởi hàng trăm nghìn người thiện chí hiện đang hoạt động trên thế giới và có thể trở nên còn năng động hơn nữa nếu được nhận biết, được tiếp cận và được tổ chức.

CHAPTER 5 - THE PROBLEM OF THE CHURCHES – CHƯƠNG 5 - VẤN ĐỀ CỦA CÁC GIÁO HỘI

[122] The title of this chapter is not called the problem of religion but simply the problem of those people and organizations who attempt to teach religion, who claim to represent the spiritual life, to direct the spiritual approach of the human soul to God and to lay down the rules for the spiritual life. In writing on this theme we are treading on dangerous ground.

[122] Tựa đề của chương này không được gọi là vấn đề của tôn giáo, mà đơn giản là vấn đề của những người và tổ chức đang cố gắng giảng dạy tôn giáo, tuyên bố đại diện cho đời sống tinh thần, hướng dẫn sự tiếp cận tinh thần của linh hồn con người đến Thượng đế và đặt ra các quy luật cho đời sống tinh thần. Khi viết về chủ đề này, chúng ta đang bước trên một vùng đất nguy hiểm.

There is no justifiable quarrel with the religious spirit; it exists and is essential to a full and true life on earth. We can recognize the timelessness of faith and the witness of the Spirit, down countless ages, to the *fact of God. Christ lives* and guides the people of the world and He does this not from any vague or distant centre called the "right hand of God" (a symbolic phrase), but from close at hand and near to humanity whom He eternally loves. When He said, "Lo, I am with you all the days, even unto the end of the world", He meant exactly what He said. The approach of the human Spirit to its Source, to that spiritual Centre where divinity rules and to those Who guide and direct that approach, will inevitably go on; the *way* stands eternally open to pilgrims and all such pilgrims, all souls, find their way eventually into the Father's Home.

Không có sự tranh cãi chính đáng nào với tinh thần tôn giáo; nó hiện hữu và thiết yếu cho một đời sống trọn vẹn và chân thật trên Trái Đất. Chúng ta có thể nhận ra tính vượt thời gian của đức tin và chứng ngôn của Tinh thần, qua vô số thời đại, về *sự thật của Thượng đế. Đức Christ đang sống* và hướng dẫn các dân tộc trên thế giới, và Ngài làm điều này không từ một trung tâm mơ hồ hay xa xôi nào gọi là "bên hữu Thượng đế", một cụm từ biểu tượng, mà từ rất gần và kề cận nhân loại, những người Ngài yêu thương vĩnh cửu. Khi Ngài nói: "Này, Ta ở cùng các ngươi mọi ngày, cho đến tận thế", Ngài muốn nói đúng điều Ngài đã nói. Sự tiếp cận của Tinh thần con người đến Nguồn Cội của nó, đến Trung Tâm tinh thần nơi thiên tính cai quản, và đến Những Đấng hướng dẫn và chỉ đạo sự tiếp cận ấy, tất yếu sẽ tiếp diễn; *con đường* vẫn vĩnh viễn rộng mở cho những người hành hương, và tất cả những người hành hương như thế, tất cả các linh hồn, cuối cùng đều tìm thấy đường vào Nhà của Cha.

The fact of God, the fact of Christ, the fact of men's spiritual approach to divinity, the fact of the deathlessness of the Spirit, the fact of spiritual opportunity and the fact of man's relation to God and to his fellowmen—upon

Sự thật của Thượng đế, sự thật của Đức Christ, sự thật về sự tiếp cận tinh thần của con người đến thiên tính, sự thật về tính bất tử của Tinh thần, sự thật về cơ hội tinh thần và sự thật về mối liên hệ của con người với

these we can take our stand. We should emphasize [123] also the evolutionary presentation of truth and its constant adaptation to the need of humanity at any given period in history.

Thượng đế và với đồng loại của y — trên những điều này chúng ta có thể đứng vững. Chúng ta cũng nên nhấn mạnh [123] sự trình bày chân lý theo tiến hóa và sự thích ứng liên tục của nó với nhu cầu của nhân loại trong bất kỳ thời kỳ nào của lịch sử.

Christianity is an expression—in essence, if not yet factually—of the love of God, immanent in His created universe. Churchianity has, however, laid itself open to attack and the mass of thinking people know this; unfortunately, these thinking people are a small minority.

Cơ Đốc giáo là một biểu hiện — về bản chất, nếu chưa phải trên thực tế — của tình thương của Thượng đế, nội tại trong vũ trụ do Ngài sáng tạo. Tuy nhiên, chủ nghĩa giáo hội đã tự mở mình cho sự công kích, và khối đông những người biết suy nghĩ hiểu điều này; đáng tiếc, những người biết suy nghĩ ấy là một thiểu số nhỏ.

For the sake of clarity and in order that the outline of the facts and of the potentialities may emerge clearly, we will divide this subject into the following sections, beginning with the most unpleasant and controversial and ending on a note of hope, of purpose and of vision.

Vì sự rõ ràng và để phác thảo các sự kiện cùng các tiềm năng có thể hiện ra minh bạch, chúng ta sẽ chia chủ đề này thành các phần sau đây, bắt đầu với phần khó chịu và gây tranh cãi nhất, và kết thúc bằng một âm điệu của hy vọng, mục đích và tầm nhìn.

I. The Failure of the Churches. Would you, in all truthfulness and in the light of world events, say that the churches had succeeded?

I. Sự Thất Bại của các Giáo Hội. Các bạn có thật lòng, và trong ánh sáng của các biến cố thế giới, nói rằng các giáo hội đã thành công không?

II. The Opportunity of the Churches. Do they recognize it?

II. Cơ Hội của các Giáo Hội. Họ có nhận ra nó không?

III. The Essential Truths which Humanity needs and intuitively accepts. What are they?

III. Những Chân Lý Cốt Yếu mà Nhân Loại cần và trực giác chấp nhận. Chúng là gì?

IV. The Regeneration of the Churches. Is it possible?

IV. Sự Tái Sinh của các Giáo Hội. Điều đó có thể không?

V. The New World Religion.

V. Tôn Giáo Thế Giới Mới.

Today the immediate need of mankind is emerging with clarity, and the steps which

Ngày nay, nhu cầu tức thời của nhân loại đang hiện ra rõ ràng, và những bước mà các

the churches propose taking to meet that need are also becoming clear. It seems essential, therefore, that we face the situation exactly as it is and that we isolate those truths which are essential to man's progress and enlightenment and eliminate factors which are controversial and unimportant; it is necessary also that we define the way of salvation which the churches should follow; if the churches are working and the churchmen are thinking in a Christlike way, then the salvation of humanity is assured. It is above all else essential that a vision is [124] presented which will be a vision for all men everywhere and not simply a beautiful hope of a sectarian group or a fanatical self-satisfied organization. It is essential that we return to Christ and to His message and to the way of life exemplified by Him.

giáo hội đề nghị thực hiện để đáp ứng nhu cầu ấy cũng đang trở nên rõ ràng. Vì vậy, dường như điều thiết yếu là chúng ta phải đối diện tình thế đúng như nó là, và phải tách riêng những chân lý thiết yếu cho sự tiến bộ và giác ngộ của con người, đồng thời loại bỏ các yếu tố gây tranh cãi và không quan trọng; cũng cần thiết là chúng ta định rõ con đường cứu rỗi mà các giáo hội nên theo; nếu các giáo hội đang làm việc và các giáo sĩ đang suy nghĩ theo cách của Đức Christ, thì sự cứu rỗi của nhân loại được bảo đảm. Trên hết mọi sự, điều thiết yếu là một tầm nhìn [124] được trình bày, tầm nhìn ấy sẽ là tầm nhìn cho mọi người ở khắp nơi chứ không chỉ là một hy vọng đẹp đẽ của một nhóm giáo phái hay một tổ chức cuồng tín tự mãn. Điều thiết yếu là chúng ta trở về với Đức Christ, với thông điệp của Ngài và với lối sống mà Ngài đã nêu gương.

Churchmen need to remember that the human spirit is greater than the churches and greater than their teaching. In the long run, that human spirit will defeat them and proceed triumphantly into the kingdom of God, leaving them far behind unless they enter as an humble part of the mass of men. Pompous prelates and executive ecclesiastics have no part in that kingdom. Christ does not need prelates and executives. He needs humble teachers of the truth able to exemplify the spiritual life. Nothing under heaven can arrest the progress of the human soul on its long pilgrimage from darkness to light, from the unreal to the real, from death to immortality and from ignorance to wisdom. If the great organized religious groups of churches in every land and composing all faiths do not offer *spiritual* guidance and help, humanity will find another way. Nothing can keep the spirit of man from God.

Các giáo sĩ cần nhớ rằng tinh thần con người lớn hơn các giáo hội và lớn hơn giáo huấn của họ. Về lâu dài, tinh thần con người ấy sẽ đánh bại họ và tiến bước khải hoàn vào Thiên Giới, bỏ họ lại rất xa phía sau trừ khi họ bước vào như một phần khiêm nhường của khối đông nhân loại. Các giáo phẩm phô trương và những nhà điều hành giáo hội không có phần trong giới ấy. Đức Christ không cần các giáo phẩm và những nhà điều hành. Ngài cần những huấn sư khiêm nhường của chân lý, có khả năng nêu gương đời sống tinh thần. Không gì dưới trời có thể ngăn chặn sự tiến bộ của linh hồn con người trên cuộc hành hương dài của nó từ bóng tối đến ánh sáng, từ điều không thực đến điều thực, từ cái chết đến bất tử và từ vô minh đến minh triết. Nếu các nhóm tôn giáo có tổ chức lớn của các giáo hội trong mọi xứ sở và bao gồm mọi tín ngưỡng không cung ứng sự hướng dẫn và trợ giúp *tinh thần*, nhân loại sẽ tìm một con đường khác. Không gì có thể giữ tinh thần con người xa khỏi Thượng đế.

I. THE FAILURE OF THE CHURCHES

Let us remember: *Christ has not failed*. It is the human element which has failed and which has thwarted His intentions, and prostituted the truth which He presented. Theology, dogma, doctrine, materialism, politics and money have created a vast dark cloud between the churches and God; they have shut out the true vision of God's love, and it is to this vision of a loving reality and to a vital recognition of its implications that we must return.

Is there any chance that a renewal of the faith as it was in Christ will return? Are there enough men of vision in the churches to save the day—a vision of [125] meeting the need of man and not a vision of the growth and aggrandizement of the churches? Such men *do exist* in every religious organization, but they are deplorably few. Even if united (which seems as yet sadly impossible because of doctrinal differences), they present a somewhat futile group versus the organized power, the materialistic splendour, the vested interests and the fanatical determination of the reactionary ecclesiastics of all faiths. It is usually the struggling minority (in this case the spiritually-minded few) who guard the true vision and finally bring it into being; they are the ones who walk the torrid, unhappy streets with agonizing humanity and who, therefore, recognize in an acute sense the need for the regeneration of the churches.

Our religious platforms, our pulpits, and our religious periodicals and magazines are full of appeals for men to turn again to God and

I. SỰ THẤT BẠI CỦA CÁC GIÁO HỘI

Chúng ta hãy nhớ: *Đức Christ đã không thất bại*. Chính yếu tố con người đã thất bại, đã cản trở các ý định của Ngài và làm sa đọa chân lý mà Ngài đã trình bày. Thần học, tín điều, giáo lý, chủ nghĩa vật chất, chính trị và tiền bạc đã tạo ra một đám mây đen khổng lồ giữa các giáo hội và Thượng đế; chúng đã che khuất tầm nhìn chân thật về tình thương của Thượng đế, và chính về tầm nhìn này của một thực tại đầy yêu thương, cũng như về một sự nhận biết sống động các hàm ý của nó, mà chúng ta phải trở lại.

Liệu có cơ hội nào để một sự phục hưng đức tin như đã có trong Đức Christ sẽ trở lại không? Có đủ những người có tầm nhìn trong các giáo hội để cứu vãn tình thế không — một tầm nhìn [125] về việc đáp ứng nhu cầu của con người chứ không phải một tầm nhìn về sự tăng trưởng và sự phóng đại quyền thế của các giáo hội? Những người như thế *quả thật có hiện hữu* trong mọi tổ chức tôn giáo, nhưng họ ít ỏi một cách đáng buồn. Ngay cả nếu hợp nhất, điều cho đến nay vẫn có vẻ đáng buồn là không thể vì các khác biệt giáo lý, họ cũng chỉ là một nhóm hơi bất lực trước quyền lực có tổ chức, vẻ huy hoàng vật chất, các quyền lợi cố hữu và quyết tâm cuồng tín của các giáo sĩ phản động thuộc mọi tín ngưỡng. Thường chính thiểu số đang đấu tranh, trong trường hợp này là một ít người có khuynh hướng tinh thần, gìn giữ tầm nhìn chân thật và cuối cùng đưa nó vào hiện hữu; họ là những người bước đi trên các đường phố nóng bỏng, bất hạnh cùng nhân loại đau đớn, và do đó nhận ra một cách sâu sắc nhu cầu tái sinh các giáo hội.

Các diễn đàn tôn giáo, giảng đài của chúng ta, cùng các tạp chí và báo chí tôn giáo của chúng ta đầy những lời kêu gọi con người

to find in religion a way out of the present chaotic conditions. Yet, humanity has never before been so spiritually inclined or so consciously and definitely oriented to the spiritual values and to the need for spiritual revaluations and realizations. The appeals going out should be made to the church leaders and to the ecclesiastics of all faiths and to church workers everywhere; it is *they* who should return to the simplicity of the faith as it is in Christ. It is *they* who need regeneration. Men are everywhere demanding light. Who is to give it to them?

quay lại với Thượng đế và tìm trong tôn giáo một lối thoát khỏi các tình trạng hỗn loạn hiện nay. Tuy nhiên, nhân loại chưa bao giờ trước đây lại có khuynh hướng tinh thần nhiều đến thế, hoặc được định hướng một cách có ý thức và xác định đến thế đối với các giá trị tinh thần và nhu cầu về những sự tái định giá và chứng nghiệm tinh thần. Những lời kêu gọi đang phát ra nên được gửi đến các nhà lãnh đạo giáo hội, các giáo sĩ của mọi tín ngưỡng và những người hoạt động trong giáo hội ở khắp nơi; chính *họ* là những người nên trở về với sự đơn giản của đức tin như nó hiện hữu trong Đức Christ. Chính *họ* là những người cần tái sinh. Con người ở khắp nơi đang đòi hỏi ánh sáng. Ai sẽ trao ánh sáng ấy cho họ?

There are two major factors which are responsible for the failure of the churches:

Có hai yếu tố chính chịu trách nhiệm cho sự thất bại của các giáo hội:

1. Narrow theological interpretations of the Scriptures.

1. Những diễn giải thần học hẹp hòi về Kinh Thánh.

2. Material and political ambitions.

2. Những tham vọng vật chất và chính trị.

In every land down the ages men have sought to foist their personal, religious interpretations of truth, of [126] the Scriptures and of God upon the mass of men. They have taken the Bibles of the world and have attempted to explain them, passing the ideas they find through the filter of their own minds and brains and in the process inevitably stepping down the meaning. Not content with this, their followers have forced these man-evolved interpretations upon the unthinking and the ignorant. Every religion—Buddhism, Hinduism in its many aspects, Mohammedanism and Christianity—has produced a flock of outstanding minds who have sought (usually quite sincerely) to understand what God is supposed to have said, who have

Trong mọi xứ sở qua các thời đại, con người đã tìm cách áp đặt các diễn giải cá nhân và tôn giáo của mình về chân lý, về [126] Kinh Thánh và về Thượng đế lên khối đông nhân loại. Họ đã lấy các Kinh Thánh của thế giới và cố gắng giải thích chúng, đưa các ý tưởng họ tìm thấy qua bộ lọc của chính thể trí và bộ não mình, và trong tiến trình ấy tất yếu làm hạ thấp ý nghĩa. Không hài lòng với điều này, những người theo họ đã áp đặt các diễn giải do con người tạo ra ấy lên những người không suy nghĩ và vô minh. Mọi tôn giáo — Phật giáo, Ấn giáo trong nhiều phương diện của nó, Hồi giáo và Cơ Đốc giáo — đều đã sản sinh một đoàn những trí tuệ nổi bật, những người đã tìm cách, thường là khá chân thành, thấu hiểu điều được cho là Thượng đế đã nói, đã hình thành các giáo lý và tín điều

formulated doctrines and dogmas on this basis of what they thought God meant and their words and ideas have, therefore, become religious law and the irrefutable truths of countless millions. In the last analysis, what have you? The ideas of some human mind—interpreted in terms of his period, tradition and background—about what God said in some Scripture which has been subjected during the centuries to the difficulties and the mistakes incident to constant translation—a translation often based on oral teaching.

trên cơ sở điều họ nghĩ Thượng đế muốn nói, và do đó lời nói cùng ý tưởng của họ đã trở thành luật tôn giáo và những chân lý không thể bác bỏ của vô số triệu người. Xét đến cùng, các bạn có gì? Các ý tưởng của một trí con người nào đó, được diễn giải theo thời kỳ, truyền thống và bối cảnh của y, về điều Thượng đế đã nói trong một Kinh Thánh nào đó vốn trong nhiều thế kỷ đã chịu các khó khăn và sai lầm gắn liền với việc dịch thuật liên tục, một sự dịch thuật thường dựa trên giáo huấn truyền khẩu.

The doctrine of the verbal inspiration of the Scriptures of the world (deemed particularly applicable to the Christian Bible) is today completely exploded and with it the infallibility of interpretation; all the world Scriptures are now seen to be based on poor translations and no part of them—after thousands of years of translation—is as it originally was, if it ever existed as an original manuscript and was not in reality some man's recollection of what was said. At the same time, it must be remembered that the general trend and the basic teaching, as well as the significance of the symbols, is usually correct, though again, symbolism itself must be subjected to modern translation and not to the misinterpretation of ignorance. The point is that dogmas [127] and doctrines, theology and dogmatic affirmations, do not necessarily indicate the truth as it exists in the mind of God, with Whose mind the majority of dogmatic interpreters claim familiarity. Theology is simply what men *think* is in the mind of God.

Giáo lý về sự linh hứng từng lời của các Kinh Thánh thế giới, được xem là đặc biệt áp dụng cho Kinh Thánh Cơ Đốc, ngày nay đã hoàn toàn bị bác bỏ, và cùng với nó là tính không thể sai lầm của việc diễn giải; mọi Kinh Thánh thế giới hiện nay được thấy là dựa trên các bản dịch kém, và không phần nào trong chúng, sau hàng nghìn năm dịch thuật, còn như nguyên thủy, nếu chúng từng hiện hữu như một bản thảo nguyên thủy chứ không phải trong thực tế là ký ức của một người nào đó về điều đã được nói. Đồng thời, cần nhớ rằng xu hướng chung và giáo huấn căn bản, cũng như thâm nghĩa của các biểu tượng, thường là đúng, dù một lần nữa, chính biểu tượng cũng phải được đặt dưới sự dịch thuật hiện đại chứ không phải dưới sự diễn giải sai lầm của vô minh. Điểm cốt yếu là các tín điều [127] và giáo lý, thần học và các xác quyết tín điều, không nhất thiết chỉ ra chân lý như nó hiện hữu trong trí của Thượng đế, với trí của Ngài mà đa số những nhà diễn giải tín điều tuyên bố là quen thuộc. Thần học đơn giản là điều con người *nghĩ* đang có trong trí của Thượng đế.

The more ancient the Scripture, the greater, necessarily, the distortion. The doctrine of a vengeful God, the doctrine of retribution in some mythical hell, the teaching that God

Kinh Thánh càng cổ xưa thì sự biến dạng tất yếu càng lớn. Giáo lý về một Thượng đế báo thù, giáo lý về sự trừng phạt trong một địa ngục huyền thoại nào đó, giáo huấn rằng

only loves those who interpret Him in terms of some particular school of theological thought, the symbolism of the blood sacrifice, the appropriation of the Cross as a Christian symbol, the teaching about the Virgin Birth and the picture of an angry Deity only appeased by death are the unhappy results of man's own thinking, of his own lower nature, of his sectarian isolationism (fostered by the Jewish *Old Testament*, but not generally found in the Oriental faiths) and of his sense of fear, inherited from the animal side of his nature —all these are fostered and inculcated by theology but not by Christ, or the Buddha or Shri Krishna.

Thượng đế chỉ yêu những ai diễn giải Ngài theo một trường phái tư tưởng thần học đặc thù nào đó, biểu tượng của hy sinh bằng máu, việc chiếm hữu Thập Giá như một biểu tượng Cơ Đốc, giáo huấn về Sự Sinh Nở Đồng Trinh và hình ảnh về một Thượng Đế giận dữ chỉ được xoa dịu bằng cái chết, là những kết quả đáng buồn của chính tư tưởng con người, của bản chất thấp của y, của chủ nghĩa biệt lập giáo phái nơi y, được nuôi dưỡng bởi *Cựu Ước* Do Thái nhưng nói chung không thấy trong các tín ngưỡng Đông phương, và của cảm thức sợ hãi nơi y, được thừa hưởng từ phía thú tính trong bản chất y — tất cả những điều này được thần học nuôi dưỡng và nhồi nhét, nhưng không phải bởi Đức Christ, Đức Phật hay Shri Krishna.

The little minds of men at their past and present stages of evolution cannot today and never have comprehended the mind and the purposes of the One in Whom we live and move and have our being; they have interpreted God in terms of themselves; therefore when men unthinkingly accept a dogma, they are only accepting the point of view of some other fallible human being, and are not accepting a divine truth at all. It is this truth that theological seminaries must begin to teach, training their men to think for themselves and to remember that the key to truth lies in the unifying power of Comparative Religion. Only those principles and truths which are universally recognized and which find their place in every religion are truly necessary to salvation. The secondary and controversial line of presented [128] truths is usually unnecessary or significant only in so far as it buttresses the primary and essential truth.

Những trí tuệ nhỏ bé của con người ở các giai đoạn tiến hóa quá khứ và hiện tại của họ ngày nay không thể, và chưa bao giờ, lĩnh hội được trí và các mục đích của Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu; họ đã diễn giải Thượng đế theo chính họ; do đó, khi con người chấp nhận một tín điều một cách không suy nghĩ, họ chỉ đang chấp nhận quan điểm của một con người sai lầm khác, chứ hoàn toàn không chấp nhận một chân lý thiêng liêng. Chính chân lý này mà các chủng viện thần học phải bắt đầu giảng dạy, rèn luyện người của họ biết tự suy nghĩ và nhớ rằng chìa khóa của chân lý nằm trong quyền năng hợp nhất của Tôn Giáo So Sánh. Chỉ những nguyên lý và chân lý nào được công nhận phổ quát và tìm thấy vị trí của mình trong mọi tôn giáo mới thật sự cần thiết cho sự cứu rỗi. Dòng chân lý thứ yếu và gây tranh cãi được trình bày [128] thường là không cần thiết hoặc chỉ có thâm nghĩa trong chừng mực nó củng cố chân lý sơ cấp và thiết yếu.

It is this distorted presentation of truth which has led humanity to the formulation

Chính sự trình bày chân lý bị bóp méo này đã dẫn nhân loại đến việc hình thành một

of a body of doctrines about which Christ apparently knew nothing. Christ cared only that men should recognize that God is love, that all men are the children of the one Father and, therefore, brothers; that man's spirit is eternal and that there is no death; He longed that the Christ within every man (the innate Christ consciousness which makes us one with each other and with Christ) should flower forth in all its glory; He taught that service was the keynote of the spiritual life and that the will of God would be revealed. These are not the points about which the mass of commentators have written. They have discussed ad nauseam how far Christ was divine and how far He was human, the nature of the Virgin Birth, the function of St. Paul as a teacher of Christian truth, the nature of hell, salvation through blood, and the authenticity and historicity of the Bible.

tập hợp giáo lý mà dường như Đức Christ không hề biết gì. Đức Christ chỉ quan tâm rằng con người nên nhận ra Thượng đế là tình thương, rằng mọi người là con của cùng một Cha và do đó là anh em; rằng tinh thần của con người là vĩnh cửu và không có cái chết; Ngài khát mong rằng Đức Christ bên trong mỗi người, tức tâm thức Christ bẩm sinh khiến chúng ta hợp nhất với nhau và với Đức Christ, sẽ nở hoa trong toàn bộ vinh quang của nó; Ngài dạy rằng phụng sự là chủ âm của đời sống tinh thần và rằng Ý Chí của Thượng Đế sẽ được mặc khải. Đây không phải là những điểm mà khối đông các nhà chú giải đã viết đến. Họ đã bàn luận đến mức buồn nôn về việc Đức Christ thiêng liêng đến đâu và nhân tính đến đâu, bản chất của Sự Sinh Nở Đồng Trinh, chức năng của Thánh Phao-lô như một huấn sư của chân lý Cơ Đốc, bản chất của địa ngục, sự cứu rỗi qua máu, và tính xác thực cùng tính lịch sử của Kinh Thánh.

Today men's minds are recognizing the dawn of freedom; they are realizing that every man should be free to worship God in his own way. This will not mean (in the coming new age) that every man will pick a theological school to which he will choose to adhere. His own God-illumined mind will search for truth and he will interpret it for himself. The day of theology is over and that of a living truth is with us. This the orthodox churches refuse to recognize. Truth is essentially non-controversial; where controversy emerges, the concept is usually secondary in importance and consists largely of men's ideas about truth.

Ngày nay trí con người đang nhận ra bình minh của tự do; họ đang nhận ra rằng mỗi người nên được tự do thờ phượng Thượng đế theo cách riêng của mình. Điều này sẽ không có nghĩa là, trong kỷ nguyên mới sắp đến, mỗi người sẽ chọn một trường phái thần học mà y quyết định bám theo. Trí của chính y, được Thượng đế soi sáng, sẽ tìm kiếm chân lý và y sẽ tự diễn giải nó cho mình. Thời đại của thần học đã qua, và thời đại của một chân lý sống động đang ở với chúng ta. Điều này các giáo hội chính thống từ chối nhận ra. Chân lý về bản chất là không gây tranh cãi; nơi nào tranh cãi xuất hiện, khái niệm ấy thường có tầm quan trọng thứ yếu và phần lớn gồm các ý tưởng của con người về chân lý.

Men have gone far today in the rejection of dogmas and doctrine and this is good and right and encouraging. It signifies progress,

Ngày nay con người đã đi xa trong việc bác bỏ các tín điều và giáo lý, và điều này là tốt, đúng đắn và đáng khích lệ. Nó biểu thị tiến

but, as yet, the churches fail to see in this the workings of divinity. Freedom of [129] thought, the questioning of presented truths, a refusal to accept the teachings of the churches in terms of the past theology, and a rejection of imposed ecclesiastical authority are characteristic of creative spiritual thinking at this time; this is regarded by orthodox churchmen as indicative of dangerous tendencies and as a turning away from God and, consequently, of a loss of the sense of divinity. *It indicates exactly the reverse.*

bộ, nhưng cho đến nay các giáo hội không thấy trong điều này hoạt động của thiên tính. Tự do [129] tư tưởng, việc chất vấn các chân lý được trình bày, sự từ chối chấp nhận các giáo huấn của giáo hội theo thần học quá khứ, và sự bác bỏ thẩm quyền giáo hội bị áp đặt là đặc trưng của tư duy tinh thần sáng tạo vào lúc này; điều này bị các giáo sĩ chính thống xem là dấu hiệu của các khuynh hướng nguy hiểm và là sự quay lưng khỏi Thượng đế, và do đó là sự mất đi cảm thức về thiên tính. *Nó chỉ ra đúng điều ngược lại.*

Perhaps as serious, because of its effect upon untold thousands of the more ignorant public, are the materialistic and political ambitions of the churches. In the Eastern faiths this is not so prominently the case; in the Western world this tendency is fast bringing on the degeneration of the churches. In the Oriental religions a disastrous negativity has prevailed; the truths given out have not sufficed to better the daily life of the believer or to anchor the truths creatively upon the physical plane. The effect of the Eastern doctrines is largely subjective and negative as to daily affairs. The negativity of the theological interpretations of the Buddhist and Hindu Scriptures have kept the people in a quiescent condition from which they are slowly beginning to emerge. The Mohammedan faith is, like the Christian, a positive presentation of truth though very materialistic; both these faiths have been militant and political in their activities.

Có lẽ cũng nghiêm trọng không kém, vì tác động của nó lên vô số hàng nghìn người trong công chúng kém hiểu biết hơn, là các tham vọng vật chất và chính trị của các giáo hội. Trong các tín ngưỡng Đông phương, điều này không nổi bật như vậy; trong thế giới Tây phương, khuynh hướng này đang nhanh chóng đưa đến sự thoái hóa của các giáo hội. Trong các tôn giáo Đông phương, một tính thụ động tai hại đã thắng thế; các chân lý được trao ra đã không đủ để cải thiện đời sống hằng ngày của tín đồ hoặc để neo giữ các chân lý một cách sáng tạo trên cõi hồng trần. Tác động của các giáo lý Đông phương phần lớn là nội tại và thụ động đối với các công việc hằng ngày. Tính thụ động của các diễn giải thần học về Kinh Thánh Phật giáo và Ấn giáo đã giữ dân chúng trong một tình trạng yên lặng thụ động, từ đó họ đang chậm rãi bắt đầu xuất hiện. Tín ngưỡng Hồi giáo, giống như Cơ Đốc giáo, là một sự trình bày chân lý tích cực dù rất duy vật; cả hai tín ngưỡng này đều mang tính chiến đấu và chính trị trong các hoạt động của chúng.

The great Western faith, Christianity, has been definitely objective in its presentation of truth; this was needed. It has been militant, fanatical, grossly materialistic and

Tín ngưỡng lớn của Tây phương, Cơ Đốc giáo, đã rõ ràng hướng ra bên ngoài trong sự trình bày chân lý của mình; điều này là cần thiết. Nó đã mang tính chiến đấu, cuồng tín,

ambitious. It has combined political objectives with pomp and ceremony, with great stone structures, with power and an imposed authority of a most cramping nature.

hết sức duy vật và đầy tham vọng. Nó đã kết hợp các mục tiêu chính trị với sự phô trương và nghi lễ, với những công trình đá đồ sộ, với quyền lực và một thẩm quyền áp đặt thuộc loại hết sức bóp nghẹt.

The early Christian Church (which was relatively pure in its presentation of truth and in its living processes) eventually split into three main divisions—[130] the Roman Catholic Church which today seeks to make capital out of the claim that it was the Mother Church, the Byzantine or Greek Orthodox Church and the Protestant Churches. All of them split away on the question of doctrine and all of them were originally sincere and clean and relatively pure and good. All have steadily deteriorated since the day of their inception and today the following sad and serious situation can be found:

Giáo Hội Cơ Đốc sơ khai, vốn tương đối trong sạch trong sự trình bày chân lý và trong các tiến trình sống động của mình, cuối cùng đã chia thành ba bộ phận chính — [130] Giáo Hội Công Giáo La Mã, ngày nay tìm cách khai thác tuyên bố rằng mình là Giáo Hội Mẹ, Giáo Hội Byzantium hay Chính Thống Hy Lạp, và các Giáo Hội Tin Lành. Tất cả đều tách ra trên vấn đề giáo lý, và tất cả lúc ban đầu đều chân thành, trong sạch, tương đối thuần khiết và tốt đẹp. Tất cả đã suy thoái đều đặn kể từ ngày khởi đầu của mình, và ngày nay có thể thấy tình trạng đáng buồn và nghiêm trọng sau đây:

1. *The Roman Catholic Church* is distinguished by three things which are all contrary to the spirit of Christ:

1. *Giáo Hội Công Giáo La Mã* được phân biệt bởi ba điều, tất cả đều trái với tinh thần của Đức Christ:

a. An intensely materialistic attitude. The Church of Rome stands for great stone structures—cathedrals, churches, institutions, convents, monasteries. In order to build them, the policy down the centuries has been to drain the money out of the pockets of rich and poor alike. The Roman Catholic Church is a strictly capitalistic church. The money gathered into its coffers supports a powerful ecclesiastical hierarchy and provides for its many institutions and schools.

a. Một thái độ hết sức duy vật. Giáo Hội La Mã đại diện cho các công trình đá đồ sộ — các nhà thờ chính tòa, nhà thờ, định chế, tu viện nữ, tu viện nam. Để xây dựng chúng, chính sách qua nhiều thế kỷ là rút tiền khỏi túi người giàu lẫn người nghèo. Giáo Hội Công Giáo La Mã là một giáo hội tư bản chủ nghĩa nghiêm ngặt. Tiền bạc được thu vào kho quỹ của nó duy trì một hệ thống giáo phẩm đầy quyền lực và cung cấp cho nhiều định chế cùng trường học của nó.

b. A far-reaching and far-sighted political program in which temporal power is the goal and not the welfare of the little people. The present program of the Catholic Church has definite political implications; their

b. Một chương trình chính trị sâu rộng và nhìn xa, trong đó quyền lực thế tục là mục tiêu chứ không phải phúc lợi của những người nhỏ bé. Chương trình hiện tại của Giáo Hội Công Giáo có những hàm ý chính trị rõ

attitude to Communism has in it the seeds of another world war. The political activities of the Catholic Church have not built for peace, no matter under what guise they are presented.

rệt; thái độ của họ đối với Chủ nghĩa Cộng sản chứa trong nó các mầm mống của một cuộc chiến tranh thế giới khác. Các hoạt động chính trị của Giáo Hội Công Giáo đã không xây dựng cho hòa bình, bất kể chúng được trình bày dưới vỏ bọc nào.

c. A planned policy whereby the mass of the people are kept in intellectual ignorance and, through this ignorance, are naturally to be found among the reactionary and conservative forces which are so powerfully at work resisting the new age with its [131] new civilization and more enlightened culture. Blind faith and complete confidence in the priest and in the Vatican are regarded as spiritual duties.

c. Một chính sách được hoạch định, theo đó khối đông dân chúng bị giữ trong vô minh trí tuệ, và qua sự vô minh này, họ tự nhiên được tìm thấy trong hàng ngũ các lực lượng phản động và bảo thủ đang hoạt động mạnh mẽ để chống lại kỷ nguyên mới với [131] nền văn minh mới và nền văn hóa được khai sáng hơn của nó. Đức tin mù quáng và sự tin cậy hoàn toàn vào linh mục và Vatican được xem là các bổn phận tinh thần.

The Roman Catholic Church stands entrenched and unified against any new and evolutionary presentation of truth to the people; its roots are in the past but it is not growing into the light; its vast financial resources enable it to menace the future enlightenment of mankind under the cloak of paternalism and a colourful outer appearance which hides a crystallization and an intellectual stupidity which must inevitably spell its eventual doom, unless the faint stirrings of new life following the advent of Pope John XXIII can be nourished and developed.

Giáo Hội Công Giáo La Mã đứng cố thủ và thống nhất chống lại bất kỳ sự trình bày chân lý mới mẻ và tiến hóa nào cho dân chúng; rễ của nó nằm trong quá khứ nhưng nó không tăng trưởng vào ánh sáng; các nguồn tài chính khổng lồ của nó cho phép nó đe dọa sự khai sáng tương lai của nhân loại dưới chiếc áo choàng của chủ nghĩa gia trưởng và một vẻ ngoài đầy màu sắc che giấu một sự kết tinh và một sự ngu độn trí tuệ vốn tất yếu phải báo hiệu sự diệt vong cuối cùng của nó, trừ khi những khuấy động mờ nhạt của sự sống mới sau sự xuất hiện của Giáo hoàng Gioan XXIII có thể được nuôi dưỡng và phát triển.

2. *The Greek Orthodox Church* reached such a high stage of corruption, graft, greed and sexual evil that, temporarily and under the Russian revolution, it was abolished. This was a wise, needed and right action. The emphasis of this church was entirely material but it never wielded (nor will it wield) such power as the Roman Catholic Church did in the past. The refusal of the revolutionary party in Russia to recognize

2. *Giáo Hội Chính Thống Hy Lạp* đã đạt đến một mức độ cao đến mức về thối nát, hối lộ, tham lam và tà vạy tính dục đến nỗi, tạm thời và dưới cuộc cách mạng Nga, nó đã bị bãi bỏ. Đây là một hành động minh triết, cần thiết và đúng đắn. Trọng tâm của giáo hội này hoàn toàn là vật chất, nhưng nó chưa bao giờ sử dụng, và sẽ không sử dụng, quyền lực như Giáo Hội Công Giáo La Mã đã làm trong quá khứ. Việc đảng cách mạng ở Nga

this corrupt church was wise and salutary; it did no harm, for the sense of God can never be driven from the human heart. If all church organizations disappeared from off the earth, the sense of God and the recognition and the knowledge of Christ would emerge in strength and with a fresh and new conviction. The church in Russia has again received official recognition and faces a new opportunity. It does not yet constitute a factor in world affairs but there is hope that eventually it may emerge as a regenerating and spiritual force. The challenge of its environment is great and it cannot be reactionary as can—and are—the churches in other parts of the world. [132]

từ chối công nhận giáo hội thối nát này là minh triết và hữu ích; nó không gây hại, vì cảm thức về Thượng đế không bao giờ có thể bị xua khỏi trái tim con người. Nếu tất cả các tổ chức giáo hội biến mất khỏi mặt đất, cảm thức về Thượng đế, cùng sự nhận biết và tri thức về Đức Christ, sẽ xuất hiện trong sức mạnh và với một xác tín tươi mới. Giáo hội ở Nga lại đã nhận được sự công nhận chính thức và đang đối diện một cơ hội mới. Nó chưa cấu thành một yếu tố trong các công việc thế giới, nhưng có hy vọng rằng cuối cùng nó có thể xuất hiện như một mãnh lực tái sinh và tinh thần. Thách thức của môi trường nó rất lớn, và nó không thể phản động như các giáo hội ở những phần khác của thế giới có thể, và đang, như vậy. [132]

3. *The Protestant Churches*. The church, covered by the generic name of "protestant", is distinguished by its multiplicity of divisions; it is broad, narrow, liberal, radical and ever protesting. It comprises within its borders many churches, large and small. These churches are also distinguished by material objectives. They are relatively free from any such political bias as conditions the Roman Catholic Church, but it is a quarrelling, fanatical and intolerant body of believers. The spirit of differentiation is rampant; there is no unity or cohesion among them, but usually a constant spirit of rejection, a virulent partisanship and the growth of hundreds of protestant cults, a constant presentation of a narrow theology which teaches nothing new but produces fresh quarrelling around some doctrines or some question of church organization or procedure. The Protestant Churches have set a precedent of acrimonious controversy from which the older churches are relatively free, owing to their hierarchical method of government and their centralized authoritarian control. Again, however, the first efforts to achieve some form of unity

3. *Các Giáo Hội Tin Lành*. Giáo hội được bao trùm bởi danh xưng chung "tin lành" được phân biệt bởi tính đa dạng của các phân phái; nó rộng rãi, hẹp hòi, tự do, cấp tiến và luôn phản kháng. Nó bao gồm trong phạm vi của mình nhiều giáo hội, lớn và nhỏ. Các giáo hội này cũng được phân biệt bởi các mục tiêu vật chất. Chúng tương đối thoát khỏi thiên kiến chính trị như thiên kiến đang tác động lên Giáo Hội Công Giáo La Mã, nhưng đó là một tập thể tín đồ hay cãi vã, cuồng tín và bất khoan dung. Tinh thần biến phân tràn lan; không có sự hợp nhất hay cố kết giữa họ, mà thường chỉ có một tinh thần bác bỏ liên tục, một chủ nghĩa phe phái độc hại và sự tăng trưởng của hàng trăm giáo phái tin lành, một sự trình bày thường xuyên về một thần học hẹp hòi không dạy điều gì mới nhưng tạo ra những cuộc tranh cãi mới quanh một vài giáo lý hoặc một vài vấn đề về tổ chức hay thủ tục giáo hội. Các Giáo Hội Tin Lành đã đặt một tiền lệ về tranh cãi cay độc mà các giáo hội cổ hơn tương đối thoát khỏi, nhờ phương pháp cai quản theo phẩm trật và sự kiểm soát quyền uy tập trung của họ. Tuy nhiên, một lần nữa, những nỗ lực đầu tiên nhằm đạt được một

and cooperation have recently emerged and may continue to grow.

hình thức hợp nhất và hợp tác nào đó gần đây đã xuất hiện và có thể tiếp tục tăng trưởng.

The question arises whether Christ would be at home in the churches if He walked again among men. The rituals and the ceremonies, the pomp and the vestments, the candles and the gold and silver, the graded order of popes, cardinals, archbishops, canons and ordinary rectors, pastors and clergy would seemingly have small interest to the simple Son of God Who—when on earth—had nowhere to lay His head.

Câu hỏi nảy sinh là liệu Đức Christ có cảm thấy như ở nhà trong các giáo hội nếu Ngài lại bước đi giữa nhân loại hay không. Các nghi thức và nghi lễ, sự phô trương và lễ phục, nến và vàng bạc, trật tự cấp bậc của giáo hoàng, hồng y, tổng giám mục, kinh sĩ và các linh mục quản xứ, mục sư và giáo sĩ bình thường, dường như sẽ ít gây hứng thú cho Con của Thượng đế đơn sơ, Đấng — khi ở trên Trái Đất — không có nơi gối đầu.

There are deeply spiritual men whose lot is cast within the cramping walls of ecclesiasticism; they are many in the aggregate, and within all churches and faiths. Their lot is a difficult one; they are aware of conditions and they struggle and strive to present sound [133] Christian and religious ideas to a searching, suffering world. They are true sons of God; their feet are set in most unpleasant places; they are aware of the "dry rot" which has undermined the clerical structure and of the bigotry, selfishness, greed and narrow-mindedness with which they are surrounded.

Có những người sâu sắc về tinh thần mà số phận đặt họ trong các bức tường bóp nghẹt của chủ nghĩa giáo hội; xét toàn thể, họ rất đông và hiện diện trong mọi giáo hội và tín ngưỡng. Số phận của họ là khó khăn; họ ý thức về các tình trạng, và họ đấu tranh, nỗ lực để trình bày các ý tưởng Cơ Đốc và tôn giáo lành mạnh [133] cho một thế giới đang tìm kiếm và đau khổ. Họ là những người con chân thật của Thượng đế; chân họ đặt ở những nơi hết sức khó chịu; họ ý thức về "sự mục ruỗng âm thầm" đã làm suy yếu cơ cấu giáo sĩ, và về sự cố chấp, ích kỷ, tham lam và hẹp hòi bao quanh họ.

They know well that *no man has ever been saved by theology but only by the living Christ and through the awakened consciousness of the Christ within each human heart;* they interiorly repudiate the materialism in their environment and see little hope for humanity in the churches; they know well that the spiritual realities have been forgotten in the material development of the churches; they love their fellowmen and would like to divert the money spent in the upkeep of church structures and overhead to the creation of that Temple of God "not

Họ biết rõ rằng *không ai từng được cứu rỗi bởi thần học, mà chỉ bởi Đức Christ sống động và qua tâm thức được đánh thức về Đức Christ trong mỗi trái tim con người;* trong nội tâm, họ bác bỏ chủ nghĩa vật chất trong môi trường của mình và thấy ít hy vọng cho nhân loại nơi các giáo hội; họ biết rõ rằng các thực tại tinh thần đã bị lãng quên trong sự phát triển vật chất của các giáo hội; họ yêu đồng loại mình và muốn chuyển hướng tiền bạc dùng cho việc duy trì các cơ cấu giáo hội và chi phí vận hành sang việc tạo dựng Đền Thờ của Thượng đế "không do tay người làm

made with hands, eternal in the heavens". They serve that spiritual Hierarchy which stands—unseen and serene—behind all human affairs and feel no inner allegiance to any outer ecclesiastical hierarchy. The guidance of the human being into conscious relation to Christ and that spiritual Hierarchy is to them the factor of major importance and not the increase of church attendance and the authority of little men. They believe in the Kingdom of God of which Christ is the outstanding Executive but have no confidence in the temporal power claimed and wielded by Popes and Archbishops.

nên, vĩnh cửu trên các tầng trời". Họ phụng sự Thánh Đoàn vốn đứng — vô hình và tĩnh lặng — đằng sau mọi công việc của con người, và không cảm thấy sự trung thành nội tâm nào với bất kỳ hệ thống giáo phẩm bên ngoài nào. Việc hướng dẫn con người vào mối liên hệ có ý thức với Đức Christ và Thánh Đoàn ấy, đối với họ, là yếu tố có tầm quan trọng chủ yếu, chứ không phải sự gia tăng số người đi nhà thờ và thẩm quyền của những con người nhỏ bé. Họ tin vào Thiên Giới mà Đức Christ là Đấng Điều Hành nổi bật, nhưng không tin cậy vào quyền lực thế tục mà các Giáo hoàng và Tổng giám mục tuyên bố và sử dụng.

Such men are found in every great religious organization, both in the East and in the West and in all spiritual groups, dedicated ostensibly to spiritual purpose. They are simple, saintly men, asking nothing for the separated self, representing God in truth and in life, and having no real part in the church wherein they work; the church suffers sadly through the contrast which they represent and seldom permits them to rise to place [134] and power; their temporal power is nil but their spiritual example brings illumination and strength to their people. They are the hope of humanity for they are in touch with Christ and are an integral part of the Kingdom of God; they represent Deity in a manner which the great ecclesiastics and the so-called Princes of the Church seldom do.

Những người như thế được tìm thấy trong mọi tổ chức tôn giáo lớn, cả ở Đông phương lẫn Tây phương, và trong mọi nhóm tinh thần được hiến dâng, ít nhất trên danh nghĩa, cho mục đích tinh thần. Họ là những người đơn sơ, thánh thiện, không đòi hỏi gì cho cái ngã riêng biệt, đại diện cho Thượng đế trong chân lý và trong đời sống, và không thực sự có phần trong giáo hội nơi họ làm việc; giáo hội đau khổ nặng nề vì sự tương phản mà họ đại diện và hiếm khi cho phép họ vươn lên địa vị [134] và quyền lực; quyền lực thế tục của họ là con số không, nhưng gương sáng tinh thần của họ đem lại sự soi sáng và sức mạnh cho dân chúng của họ. Họ là niềm hy vọng của nhân loại vì họ tiếp xúc với Đức Christ và là một phần không thể tách rời của Thiên Giới; họ đại diện cho Thượng Đế theo một cách mà các giáo sĩ lớn và những người được gọi là các Ông Hoàng của Giáo Hội hiếm khi làm được.

II. THE OPPORTUNITY OF THE CHURCHES

II. CƠ HỘI CỦA CÁC GIÁO HỘI

Something of great moment has happened in the world. The spirit of destruction has stampeded through the earth, leaving the world of the past and the civilization which

Một điều có tầm quan trọng lớn lao đã xảy ra trong thế giới. Tinh thần hủy diệt đã cuồng loạn tràn qua Trái Đất, để lại thế giới của quá khứ và nền văn minh từng kiểm soát đời

controlled our modern life in ruins. Cities and homes have been destroyed; kingdoms and rulers have disappeared in the aftermath of war; ideologies and cherished beliefs have failed to meet the need of people and have broken down under the test of the times; starvation and insecurity are rampant everywhere; families and social groups have been disrupted; death has taken its toll of every nation and millions have died as a result of the inhuman processes of war. Broadly speaking, everyone has known terror, fear and hopelessness as they face the future; everyone is questioning what that future has in store and there is no surety anywhere. The voice of humanity is demanding light, peace and security.

sống hiện đại của chúng ta trong cảnh hoang tàn. Các thành phố và mái nhà đã bị phá hủy; các vương quốc và nhà cai trị đã biến mất trong hậu quả của chiến tranh; các hệ tư tưởng và những niềm tin được trân quý đã không đáp ứng được nhu cầu của con người và đã sụp đổ dưới thử thách của thời đại; nạn đói và sự bất an lan tràn khắp nơi; các gia đình và nhóm xã hội đã bị tan vỡ; cái chết đã đòi phần của nó nơi mọi quốc gia, và hàng triệu người đã chết do các tiến trình phi nhân của chiến tranh. Nói rộng ra, mọi người đều đã biết đến kinh hoàng, sợ hãi và tuyệt vọng khi đối diện với tương lai; mọi người đều tự hỏi tương lai ấy đang chứa đựng điều gì, và không nơi nào có sự chắc chắn. Tiếng nói của nhân loại đang đòi hỏi ánh sáng, hòa bình và an toàn.

Some seek it in the formation of new ideologies; some look for it along political lines and hope for relief and release through some form of government action or some political creed or party. Others demand the emergence of a leader, and there are few leaders anywhere to be seen at this time. The leadership provided is coming from groups of well-meaning people and a few statesmen who seem as bewildered as those they seek to help; they are rendered well-nigh impotent by the very magnitude of the task with which they are faced, [135] for the issue at stake is the rebuilding, the reconditioning and the re-educating of the entire world. Still others, more patient, are planning new educational processes and systems which will attempt to prepare the present generation of children for full living in the world of tomorrow, a world whose faint outlines are only dimly to be seen. Some are sinking back into a state of despair, escaping into isolationism and waiting, as philosophically as possible, for the release which death will bring, asking only a little food, some warmth, a few books and

Một số người tìm điều đó trong việc hình thành các hệ tư tưởng mới; một số khác tìm kiếm theo các đường lối chính trị và hy vọng có được sự cứu trợ và giải thoát qua một hình thức hành động chính quyền nào đó, hoặc qua một tín điều hay đảng phái chính trị nào đó. Những người khác đòi hỏi sự xuất hiện của một nhà lãnh đạo, và vào lúc này hầu như chẳng thấy có mấy nhà lãnh đạo ở đâu cả. Sự lãnh đạo đang được cung cấp đến từ các nhóm người thiện chí và một vài chính khách dường như cũng bối rối như những người mà họ tìm cách giúp đỡ; chính tầm vóc to lớn của nhiệm vụ họ đang đối diện khiến họ gần như bất lực, [135] vì vấn đề đang đặt ra là việc tái thiết, tái định hình và tái giáo dục toàn thể thế giới. Lại có những người khác, kiên nhẫn hơn, đang hoạch định các tiến trình và hệ thống giáo dục mới, vốn sẽ cố gắng chuẩn bị thế hệ trẻ em hiện nay cho một đời sống trọn vẹn trong thế giới ngày mai, một thế giới mà những đường nét mờ nhạt của nó chỉ mới được thấy một cách lờ mờ. Một số người đang chìm trở lại vào trạng thái tuyệt vọng, trốn vào chủ nghĩa biệt lập và chờ đợi, càng bình thản

sufficient clothing. Many are refusing altogether to think and are instead filling their lives with relief work. All are experiencing the reaction which follows in the aftermath of war and are not familiar with the processes of peace, because peace has never truly been known and is obviously still far away.

theo triết lý càng tốt, sự giải thoát mà cái chết sẽ mang lại, chỉ xin một ít thức ăn, chút hơi ấm, vài quyển sách và đủ quần áo. Nhiều người hoàn toàn từ chối suy nghĩ và thay vào đó lấp đầy đời mình bằng công tác cứu trợ. Tất cả đều đang trải nghiệm phản ứng theo sau hậu quả của chiến tranh và không quen thuộc với các tiến trình của hòa bình, bởi vì hòa bình chưa bao giờ thật sự được biết đến và rõ ràng vẫn còn rất xa.

Above everything else, men throughout the world in their countless millions are registering a deep spiritual need, are conscious of the stirrings of the spirit and are recognizing it for what it is. They may express this need in many forms and use many differing terminologies; they may look in diverse directions for the satisfaction of their longings, but everywhere there *is* a demand for things of truer value than those which conditioned the past and for the appearance of those virtues, spiritual impulses and incentives which men appear to have lost and which are the sum total of the forces which drive humanity on towards spiritual living.

Trên hết mọi điều, những người nam và nữ khắp thế giới, trong vô số triệu người, đang ghi nhận một nhu cầu tinh thần sâu xa, đang ý thức về những khuấy động của tinh thần và đang nhận ra nó đúng như bản chất của nó. Họ có thể diễn đạt nhu cầu này dưới nhiều hình thức và dùng nhiều thuật ngữ khác nhau; họ có thể tìm kiếm theo nhiều hướng khác nhau để thỏa mãn những khát vọng của mình, nhưng khắp nơi đều *có* một đòi hỏi về những điều có giá trị chân thật hơn các điều đã định hình quá khứ, và về sự xuất hiện của những đức hạnh, xung lực tinh thần và động cơ thúc đẩy mà con người dường như đã đánh mất, và vốn là tổng hợp các mãnh lực thúc đẩy nhân loại tiến tới đời sống tinh thần.

Everywhere people are ready for the light; they are expectant of a new revelation and of a new dispensation. Humanity has advanced so far on the way of evolution that these demands and expectations are not couched in terms of material betterment only, but in terms of a spiritual vision, true values and right human relations. They are demanding teaching and spiritual help along with the necessary requests for food, clothes and the [136] opportunity to work and live in freedom; they face famine in large areas of the world and yet are registering with equal dismay the famine of the soul.

Khắp nơi con người đã sẵn sàng cho ánh sáng; họ mong đợi một sự mặc khải mới và một thời kỳ tôn giáo mới. Nhân loại đã tiến xa đến mức trên con đường tiến hoá đến nỗi các đòi hỏi và kỳ vọng này không chỉ được diễn đạt bằng những thuật ngữ về sự cải thiện vật chất, mà còn bằng những thuật ngữ về một tầm nhìn tinh thần, các giá trị chân thật và những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người. Họ đang đòi hỏi giáo huấn và sự trợ giúp tinh thần cùng với những yêu cầu cần thiết về thức ăn, quần áo và [136] cơ hội làm việc và sống trong tự do; họ đối diện với nạn đói ở những vùng rộng lớn của thế giới, nhưng đồng thời cũng ghi

nhận với nỗi kinh hoàng tương tự nạn đói của linh hồn.

The great tragedy is, however, that they know not where to turn or to whose voice they should listen. The hope within them is spiritual and undying. This hope and this demand have reached the attentive ear of the Christ and His disciples in the place where They live, and work and watch over humanity. Through what agency will these forces of the spirit work for the restoration of the world? By what means will the spiritual Guides of the race lead men forward into greater light and the opportunity of the new age? Mankind faces towards the Way of Resurrection. Who shall lead him on that Way?

Tuy nhiên, bi kịch lớn lao là họ không biết quay về đâu hay nên lắng nghe tiếng nói của ai. Niềm hy vọng bên trong họ là tinh thần và bất diệt. Niềm hy vọng và đòi hỏi này đã đến được sự lắng nghe chăm chú của Đức Christ và các đệ tử của Ngài tại nơi Các Ngài sống, làm việc và trông nom nhân loại. Những mãnh lực của tinh thần này sẽ hoạt động qua cơ quan nào để phục hồi thế giới? Bằng phương tiện nào các Đấng Hướng Đạo tinh thần của nhân loại sẽ dẫn con người tiến vào ánh sáng lớn lao hơn và cơ hội của kỷ nguyên mới? Nhân loại đang hướng về Con Đường Phục Sinh. Ai sẽ dẫn y trên Con Đường ấy?

Will the organized religions and the churches throughout the world recognize the opportunity and respond to the appeal of Christ and to the spiritual demand of countless millions? Or will they work for organizations and the churches? Will the institutional aspect of the world religions loom more largely in the consciousness of churchmen than the need of the people for a simple presentation of life-giving truth? Will the interest and the power of the churches be turned to the rebuilding of the material structures, the re-establishing of financial security, the recovery of the status of outgrown theologies and the attainment anew of temporal power and prestige? Or will the churches have the vision and the courage to let the bad old ways go and turn to the people with the message that God is Love, proving the existence of that love by their own lives of simple loving service? Will they tell the people that Christ forever lives and bid them turn their eyes away from the old doctrines of death and blood and divine appeasement and centre them upon the

Liệu các tôn giáo có tổ chức và các giáo hội khắp thế giới có nhận ra cơ hội và đáp ứng lời kêu gọi của Đức Christ cùng nhu cầu tinh thần của vô số triệu người không? Hay họ sẽ làm việc cho các tổ chức và các giáo hội? Liệu phương diện thể chế của các tôn giáo thế giới có chiếm vị trí lớn hơn trong tâm thức của giới giáo sĩ so với nhu cầu của con người về một sự trình bày giản dị chân lý ban sự sống không? Liệu mối quan tâm và quyền lực của các giáo hội sẽ được hướng vào việc tái thiết các cấu trúc vật chất, tái lập an toàn tài chính, phục hồi địa vị của những thần học đã lỗi thời và giành lại quyền lực cùng uy tín thế tục không? Hay các giáo hội sẽ có tầm nhìn và lòng can đảm để buông bỏ những lối cũ tệ hại và quay về với dân chúng bằng thông điệp rằng Thượng đế là Tình thương, chứng minh sự hiện hữu của tình thương ấy bằng chính đời sống phụng sự thương yêu giản dị của họ? Liệu họ có nói với dân chúng rằng Đức Christ sống mãi và bảo họ quay mắt khỏi các giáo lý cũ về cái chết, máu huyết và việc xoa dịu Thượng đế, rồi tập trung mắt họ vào Nguồn của mọi sự sống và

Source of all life and upon the living Christ Who waits to pour out [137] upon them that "life more abundantly" for which they have so long waited and which He promised should be theirs? Will they teach that the destruction of the old forms was needed and that their disappearance is the guarantee that a new and fuller unlimited spiritual life is now possible? Will they remind the people that Christ Himself said that it is not possible to put new wine into old bottles? Will the potentates of the churches and the proud ecclesiastics relinquish publicly their wrong and material aims, their money and their palaces and "sell all that they have" and follow Christ on the path of service? Or will they—like the rich young man in the Gospel story—turn sadly away? Will they spend the available money in alleviating pain as Christ did, teaching the children the things of the kingdom of God as Christ did, and setting an example of simple faith, confident joy and assured knowledge of God as Christ did? Can churchmen of all faiths in both hemispheres attain that inner spiritual light which will make them light bearers and which will evoke that greater light which the new and anticipated revelation will surely bring? Can the materialism for which the churches have stood and the failures of their representatives to teach the people aright be swept away? These were the things which were responsible for the world war (1914-1945). There could have been no war if greed, hate and separativeness had not been rampant upon the earth and in the hearts of men; these disastrous faults were there because the spiritual values had no place in the life of the people and this was due to the fact that for centuries they have had small place in the life of the churches. The responsibility rests squarely upon the churches.

vào Đức Christ hằng sống, Đấng đang chờ tuôn đổ [137] trên họ "sự sống dồi dào hơn" mà họ đã chờ đợi từ lâu và mà Ngài đã hứa sẽ thuộc về họ không? Liệu họ có dạy rằng sự hủy diệt các hình tướng cũ là cần thiết và sự biến mất của chúng là bảo chứng rằng một đời sống tinh thần mới mẻ, đầy đủ hơn và không giới hạn nay đã có thể thành hiện thực không? Liệu họ có nhắc dân chúng rằng chính Đức Christ đã nói không thể đổ rượu mới vào bầu da cũ không? Liệu các giáo chủ quyền thế của các giáo hội và các giáo sĩ kiêu hãnh có công khai từ bỏ những mục tiêu sai lầm và vật chất của họ, tiền bạc và cung điện của họ, "bán tất cả những gì họ có" và theo Đức Christ trên con đường phụng sự không? Hay họ sẽ—như người thanh niên giàu có trong câu chuyện Phúc Âm—buồn rầu quay đi? Liệu họ có dùng số tiền sẵn có để làm dịu nỗi đau như Đức Christ đã làm, dạy trẻ em những điều của Thiên Giới như Đức Christ đã làm, và nêu gương về đức tin giản dị, sự hoan hỉ đầy tin tưởng và tri thức chắc chắn về Thượng đế như Đức Christ đã làm không? Liệu giới giáo sĩ thuộc mọi tín ngưỡng ở cả hai bán cầu có thể đạt được ánh sáng tinh thần bên trong, ánh sáng sẽ khiến họ trở thành những người mang ánh sáng và sẽ gợi lên ánh sáng lớn lao hơn mà sự mặc khải mới và được mong đợi chắc chắn sẽ mang lại không? Liệu chủ nghĩa vật chất mà các giáo hội đã đại diện, cùng những thất bại của các đại diện của họ trong việc dạy dân chúng một cách đúng đắn, có thể bị quét sạch không? Chính những điều này đã chịu trách nhiệm cho cuộc chiến tranh thế giới (1914-1945). Không thể có chiến tranh nếu tham lam, thù ghét và chia rẽ không lan tràn trên Trái Đất và trong tâm hồn con người; những lỗi lầm tai hại này đã hiện diện vì các giá trị tinh thần không có chỗ trong đời sống của dân chúng, và điều này là do trong nhiều thế kỷ chúng chỉ có một chỗ rất nhỏ trong đời sống của các giáo hội. Trách nhiệm đặt thẳng lên các giáo hội.

These are the questions with which the organized churches are confronted. Within the churches today there are men responding to the new spiritual idealism, [138] to the urgency of the opportunity and to the need for change. But the opportunity is controlled by reactionary minds. The movements towards the reorganization of the churches which are now proceeding all over the world still remain in the hands of the church dignitaries and synods and conclaves. The plans internationally being formed at this time would indicate that the authority is still vested in the wrong people.

Đó là những câu hỏi mà các giáo hội có tổ chức đang phải đối diện. Bên trong các giáo hội ngày nay có những người đang đáp ứng chủ nghĩa lý tưởng tinh thần mới, [138] tính cấp bách của cơ hội và nhu cầu thay đổi. Nhưng cơ hội đang bị những người có tư tưởng phản động kiểm soát. Những phong trào hướng tới việc tái tổ chức các giáo hội hiện đang diễn ra khắp thế giới vẫn còn nằm trong tay các chức sắc giáo hội, các hội đồng giáo hội và các mật nghị. Các kế hoạch đang được hình thành trên bình diện quốc tế vào lúc này cho thấy thẩm quyền vẫn còn được trao cho những người không đúng.

There is no indication on any large scale within the churches of a basic change of attitude towards theological teaching or church government. There is no indication that the great Oriental religions are taking an active lead in producing a new and better world. And still humanity waits. Humanity wants above all else assurance that God Is and that there is a divine Plan—a Plan which fits into the scheme of things and which holds within it both hope and strength. Men want the conviction that Christ lives; that the Coming One—for Whom all men wait—will come and that He will not be Christian, Hindu or Buddhist *but will belong to all men everywhere*. Men want to be assured that a great spiritual revelation is due and cannot be arrested and that there lies ahead of them a spiritual future as well as a material one. It is with this demand and this opportunity that the churches are faced.

Không có dấu hiệu nào trên quy mô lớn trong các giáo hội cho thấy một sự thay đổi căn bản về thái độ đối với giáo huấn thần học hay chính quyền giáo hội. Không có dấu hiệu nào cho thấy các tôn giáo lớn phương Đông đang tích cực dẫn đầu trong việc tạo ra một thế giới mới và tốt đẹp hơn. Và nhân loại vẫn chờ đợi. Trên hết mọi điều, nhân loại muốn được bảo đảm rằng Thượng đế Hiện Hữu và rằng có một Thiên Cơ—một Thiên Cơ ăn khớp với hệ thống của vạn sự và chứa đựng trong nó cả hy vọng lẫn sức mạnh. Con người muốn có niềm xác tín rằng Đức Christ đang sống; rằng Đấng Đang Đến—Đấng mà mọi người đang chờ đợi—sẽ đến và rằng Ngài sẽ không phải là người Ki-tô giáo, Ấn giáo hay Phật giáo *mà sẽ thuộc về mọi người ở khắp nơi*. Con người muốn được bảo đảm rằng một sự mặc khải tinh thần lớn lao đang đến hạn và không thể bị ngăn chặn, và rằng trước mặt họ có một tương lai tinh thần cũng như một tương lai vật chất. Chính với đòi hỏi và cơ hội này mà các giáo hội đang đối diện.

What is the solution of this intricate and difficult relationship throughout the world? A new presentation of truth, because God is not a fundamentalist; a new approach to

Giải pháp cho mối quan hệ phức tạp và khó khăn này trên khắp thế giới là gì? Một sự trình bày mới về chân lý, bởi vì Thượng đế không phải là một người bảo thủ giáo điều;

divinity, because God is ever accessible and requires no outer intermediaries today; a new mode of interpreting the ancient spiritual teaching, because man has evolved and what was suitable for infant humanity is today unsuitable for adult mankind. These are imperative changes.

một cách tiếp cận mới đối với thiên tính, bởi vì Thượng đế luôn luôn có thể được tiếp cận và ngày nay không đòi hỏi những trung gian bên ngoài; một phương thức mới để diễn giải giáo huấn tinh thần cổ xưa, bởi vì con người đã tiến hoá và điều từng thích hợp với nhân loại ấu thơ ngày nay không còn thích hợp với nhân loại trưởng thành. Đây là những thay đổi bắt buộc.

Nothing can prevent the new world religion from eventually emerging. It always has down the ages and [139] it always will. There is no finality in the presentation of truth; it develops and grows to meet man's growing demand for light. It will be implemented and developed by the spiritually minded in all churches, whose minds are open to the new inspirations of God's Mind, who are liberal and kind and whose individual lives are pure and aspiring. It will be hindered by the fundamentalists, the narrow-minded and the theologians in all the world religions, by those who refuse to let go the old interpretations and methods, who love the old doctrines and men's thoughts about them, and by those who lay the emphasis upon forms, upon rites and ceremonies, upon ritual and pomp, on authority and the building of stone edifices in these days of man's extremity, his starvation and his need.

Không gì có thể ngăn tôn giáo thế giới mới cuối cùng xuất hiện. Nó luôn luôn như vậy qua các thời đại và [139] sẽ luôn luôn như vậy. Không có tính chung cuộc trong việc trình bày chân lý; nó phát triển và lớn lên để đáp ứng đòi hỏi ngày càng tăng của con người về ánh sáng. Nó sẽ được thực hiện và phát triển bởi những người có khuynh hướng tinh thần trong mọi giáo hội, những người có trí tuệ mở ra với các cảm hứng mới của Trí của Thượng đế, những người tự do, nhân hậu, và có đời sống cá nhân thanh khiết, đầy khát vọng. Nó sẽ bị cản trở bởi những người bảo thủ giáo điều, những người hẹp hòi và các nhà thần học trong mọi tôn giáo thế giới, bởi những người từ chối buông bỏ các lối diễn giải và phương pháp cũ, những người yêu mến các giáo lý cũ và các tư tưởng của con người về chúng, và bởi những người đặt trọng tâm vào các hình tướng, các nghi lễ và lễ thức, nghi thức và vẻ hào nhoáng, vào thẩm quyền và việc xây dựng các công trình bằng đá trong những ngày con người đang ở mức cùng cực, đói khát và cần được giúp đỡ.

The Roman Catholic Church here faces her greatest opportunity and also her greatest crisis. Catholicism is founded in ancient tradition, is assertive of ecclesiastical authority, is responsive to outer forms and rituals and—in spite of a wide and beneficent philanthropy—is quite unable to leave her children free. If the Catholic

Ở đây Giáo hội Công giáo La Mã đối diện với cơ hội lớn nhất và cũng là cuộc khủng hoảng lớn nhất của mình. Công giáo được đặt nền trên truyền thống cổ xưa, khẳng định thẩm quyền giáo hội, đáp ứng với các hình tướng và nghi thức bên ngoài, và—dù có một hoạt động bác ái rộng lớn và hữu ích—lại hoàn toàn không thể để con cái mình được tự do.

Church can change her techniques, can relinquish authority over the souls of men (which she has never truly had) and can really follow the way of the Saviour, of the humble Carpenter of Nazareth, she can render a world service and set an example which will serve to enlighten the followers of every faith and of every branch of Christianity.

Nếu Giáo hội Công giáo có thể thay đổi các kỹ thuật của mình, có thể từ bỏ thẩm quyền trên linh hồn con người (điều mà thật ra giáo hội chưa bao giờ có), và có thể thật sự đi theo con đường của Đấng Cứu Thế, của người Thợ mộc khiêm nhường thành Nazareth, thì giáo hội có thể thực hiện một sự phụng sự thế giới và nêu một tấm gương sẽ giúp soi sáng những người theo mọi tín ngưỡng và mọi nhánh của Ki-tô giáo.

The problem of the freedom of the human soul and its *individual* relation to God Immanent and God Transcendent is the spiritual problem, facing all the world religions at this time. No longer must the churches interpose their authority and their interpretations between God and man. The time for that is past. This problem has been slowly shaping up for centuries, developing with the growth of the human intellect and [140] the self-consciousness of the human being and it is one which now cries aloud for solution.

Vấn đề tự do của linh hồn con người và mối quan hệ *cá nhân* của nó với Thượng đế Nội Tại và Thượng đế Siêu Việt là vấn đề tinh thần đang đối diện mọi tôn giáo thế giới vào lúc này. Các giáo hội không còn được chen thẩm quyền và các lối diễn giải của mình vào giữa Thượng đế và con người nữa. Thời điểm cho điều đó đã qua. Vấn đề này đã chậm rãi thành hình qua nhiều thế kỷ, phát triển cùng với sự tăng trưởng của trí năng con người và [140] ngã thức của con người, và nay nó đang lớn tiếng đòi hỏi một giải pháp.

III. THE ESSENTIAL TRUTHS

III. NHỮNG CHÂN LÝ CỐT YẾU

There are certain keynotes—embodying the future of religion—which should govern the thinking of enlightened churchmen of all faiths at this time. They are appropriate to both the East and the West. These are: World Religion—Revelation—Recognition. They will not be accepted by the narrow-minded Christian or believer of any faith.

Có một số chủ âm—hiện thân cho tương lai của tôn giáo—nên chi phối tư tưởng của những giáo sĩ giác ngộ thuộc mọi tín ngưỡng vào lúc này. Chúng thích hợp cho cả Đông phương lẫn Tây phương. Đó là: Tôn giáo Thế giới—Sự Mặc khải—Sự Nhận biết. Chúng sẽ không được người Ki-tô giáo hẹp hòi hay tín đồ hẹp hòi của bất cứ tín ngưỡng nào chấp nhận.

The day is dawning when all religions will be regarded as emanating from one great spiritual source; all will be seen as unitedly providing the one root out of which the universal world religion will inevitably emerge. Then there will be neither Christian nor heathen, neither Jew nor Gentile, but

Ngày đang rạng khi mọi tôn giáo sẽ được xem là phát xuất từ một nguồn tinh thần vĩ đại duy nhất; tất cả sẽ được thấy như cùng nhau cung cấp một cội rễ duy nhất, từ đó tôn giáo thế giới phổ quát tất yếu sẽ xuất hiện. Khi ấy sẽ không còn người Ki-tô giáo hay người ngoại đạo, không còn người Do Thái

simply one great body of believers, gathered out of all the current religions. They will accept the same truths, not as theological concepts but as essential to spiritual living; they will stand together on the same platform of brotherhood and of human relations; they will recognize divine sonship and will seek unitedly to cooperate with the divine Plan, as it is revealed to them by the spiritual leaders of the race, and as it indicates to them the next step to be taken on the Path of Approach to God. Such a *world religion* is no idle dream but something which is definitely forming today.

hay dân ngoại, mà chỉ đơn giản là một đoàn thể tín hữu vĩ đại, được quy tụ từ tất cả các tôn giáo hiện hành. Họ sẽ chấp nhận cùng những chân lý ấy, không phải như các khái niệm thần học mà như những điều cốt yếu cho đời sống tinh thần; họ sẽ cùng đứng trên cùng một nền tảng của tình huynh đệ và các mối quan hệ nhân loại; họ sẽ nhận biết quyền làm con thiêng liêng và sẽ cùng nhau tìm cách hợp tác với Thiên Cơ, như nó được mặc khải cho họ bởi các nhà lãnh đạo tinh thần của nhân loại, và như nó chỉ cho họ bước kế tiếp cần thực hiện trên Con Đường Tiếp Cận Thượng đế. Một *tôn giáo thế giới* như thế không phải là giấc mơ viển vông mà là điều đang thật sự thành hình ngày nay.

A second emerging guide to the spiritual life is the hope of *revelation*. Never before has man's need been greater and never has the surety of revelation been more certain; never has the spirit of man been more invocative of divine aid than it is today and, therefore, never before has a greater revelation been on its way. What that revelation will be, we cannot know. The revelation [141] of the nature of God has been a slow unfolding process, paralleled by the evolutionary growth of the human consciousness. It is not for us to define or limit it with our concrete thinking but to prepare for it, to unfold our intuitive perception and to live in expectation of the revealing light.

Một hướng dẫn thứ hai đang xuất hiện cho đời sống tinh thần là niềm hy vọng về *sự mặc khải*. Chưa bao giờ nhu cầu của con người lớn lao hơn, và chưa bao giờ sự chắc chắn của mặc khải lại xác thực hơn; chưa bao giờ tinh thần của con người khẩn cầu sự trợ giúp thiêng liêng hơn ngày nay, và vì vậy, chưa bao giờ một sự mặc khải lớn lao hơn đang trên đường đến. Chúng ta không thể biết sự mặc khải ấy sẽ là gì. Sự mặc khải [141] về bản chất của Thượng đế đã là một tiến trình khai mở chậm rãi, song hành với sự tăng trưởng tiến hoá của tâm thức con người. Không phải việc của chúng ta là định nghĩa hay giới hạn nó bằng tư duy cụ thể của mình, mà là chuẩn bị cho nó, khai mở tri giác trực giác của mình và sống trong sự mong đợi ánh sáng mặc khải.

A *world religion*, an expected *revelation* and then the development of the habit of *spiritual recognition*! It is the task of the churches to teach men to unfold this latent power of recognition—recognition of the beauty of divinity in all forms, recognition of that which is coming and of what an old Hindu seer has spoken of as the "raincloud

Một *tôn giáo thế giới*, một *sự mặc khải* được mong đợi, và rồi sự phát triển thói quen *nhận biết tinh thần*! Nhiệm vụ của các giáo hội là dạy con người khai mở quyền năng nhận biết tiềm tàng này—nhận biết vẻ đẹp của thiên tính trong mọi hình tướng, nhận biết điều đang đến và điều mà một nhà thông nhãn Ấn giáo cổ xưa đã nói đến như

of knowable things" which hovers over humanity, ready to precipitate the wonders which God holds in store for those who know the meaning of love. It is along these three lines that the work of the churches should, in the future, be directed; the carrying forward of this task would truly restore the churches and obliterate all the failures of the past.

"đám mây mưa của những điều khả tri" đang lơ lửng trên nhân loại, sẵn sàng ngưng tụ những điều kỳ diệu mà Thượng đế dành sẵn cho những ai biết ý nghĩa của tình thương. Chính theo ba đường hướng này mà công việc của các giáo hội trong tương lai nên được định hướng; việc tiến hành nhiệm vụ này sẽ thật sự phục hồi các giáo hội và xóa sạch mọi thất bại của quá khứ.

In these three attitudes there are certain basic truths which the churches can present to men everywhere—truths which are uniform in all the world religions:

Trong ba thái độ này có một số chân lý căn bản mà các giáo hội có thể trình bày cho con người khắp nơi—những chân lý đồng nhất trong mọi tôn giáo thế giới:

1. The Fact of God, Immanent and Transcendent

1. Sự Thật về Thượng đế, Nội Tại và Siêu Việt

The Eastern faiths have ever emphasized God immanent, deep within the human heart, "nearer than hands or feet", the Self, the One, the Atma, smaller than the small, yet all-comprehensive. The Western faiths have presented God transcendent, outside His universe, an Onlooker. God transcendent first of all conditioned men's concept of Deity, for the action of this transcendent God appeared in the processes of nature; later, in the Jewish dispensation, God appeared as the tribal Jehovah, as the soul (the rather unpleasant soul) of a nation. Next God was seen as a perfected man, and [142] the divine God-man walked the earth in the Person of Christ. Today we have a rapidly growing emphasis upon God immanent in every human being and in every created form. Today we should have the churches presenting a synthesis of these two ideas which have been summed up for us in the statement of Shri Krishna in the *Bhagavad Gita:* "Having pervaded this whole universe with a fragment of Myself, I remain". God, greater than the created whole, yet God present also in the part; God

Các tín ngưỡng phương Đông luôn luôn nhấn mạnh Thượng đế nội tại, sâu trong trái tim con người, "gần hơn tay hoặc chân", Bản Ngã, Đấng Duy Nhất, Atma, nhỏ hơn cái nhỏ, nhưng bao trùm tất cả. Các tín ngưỡng phương Tây đã trình bày Thượng đế siêu việt, ở bên ngoài vũ trụ của Ngài, một Đấng Quan Sát. Trước hết, Thượng đế siêu việt đã định hình quan niệm của con người về Thượng đế, vì hoạt động của Thượng đế siêu việt này xuất hiện trong các tiến trình của thiên nhiên; về sau, trong thời kỳ Do Thái giáo, Thượng đế xuất hiện như Jehovah của bộ tộc, như linh hồn (một linh hồn khá khó chịu) của một quốc gia. Kế đến, Thượng đế được thấy như một con người hoàn thiện, và [142] Đấng Thượng đế-người thiêng liêng đã bước đi trên Trái Đất trong Ngôi Vị của Đức Christ. Ngày nay chúng ta có một sự nhấn mạnh đang tăng trưởng nhanh chóng về Thượng đế nội tại trong mỗi con người và trong mọi hình tướng được sáng tạo. Ngày nay các giáo hội nên trình bày một tổng hợp của hai ý tưởng này, vốn đã được tóm lược cho chúng ta trong lời tuyên bố của Shri Krishna trong *Bhagavad Gita:* "Sau khi thấm

transcendent guarantees the plan for our world and is the Purpose, conditioning all lives from the minutest atom, up through all the kingdoms of nature to man.

nhập toàn thể vũ trụ này bằng một mảnh của Chính Ta, Ta vẫn còn lại". Thượng đế, lớn hơn toàn thể được sáng tạo, nhưng Thượng đế cũng hiện diện trong phần; Thượng đế siêu việt bảo đảm Thiên Cơ cho thế giới chúng ta và là Thiên Ý, định hình mọi sự sống từ nguyên tử nhỏ bé nhất, xuyên qua mọi giới của thiên nhiên cho đến con người.

2. The Fact of Immortality and Eternal Persistence

2. Sự Thật về Tính Bất Tử và Sự Tồn Tại Vĩnh Cửu

The spirit in man is undying; it forever endures, progressing from point to point and stage to stage upon the Path of Evolution, unfolding steadily and sequentially the divine attributes and aspects. This truth involves necessarily the recognition of two great natural laws: the Law of Rebirth and the Law of Cause and Effect. The churches in the West have refused officially to recognize the Law of Rebirth and have thereby wandered into a theological impasse and into a cul-de-sac from which there is no possible exit. The churches in the East have overemphasized these laws so that a negative, acquiescent attitude to life and its processes, based on continuously renewed opportunity, controls the people. Christianity has emphasized immortality but has made eternal happiness dependent upon the acceptance of a theological dogma: Be a true professing Christian and live eternally in a somewhat fatuous heaven or refuse to be an accepting Christian and go to an impossible hell—a hell growing out of the theology of *The Old Testament* and its presentation of a God full of hate and jealousy. Both concepts are today repudiated by all [143] sane, sincere, thinking people. No one of any true reasoning power or with any true belief in a God of love accepts the heaven of the churchmen or has any desire to go there.

Tinh thần trong con người là bất diệt; nó mãi mãi tồn tại, tiến từ điểm này đến điểm khác và từ giai đoạn này đến giai đoạn khác trên Con Đường Tiến Hoá, đều đặn và tuần tự khai mở các thuộc tính và phương diện thiêng liêng. Chân lý này tất yếu bao hàm sự nhận biết hai định luật tự nhiên lớn: Định luật Tái Sinh và Định luật Nhân Quả. Các giáo hội ở Tây phương đã chính thức từ chối nhận biết Định luật Tái Sinh và do đó đã lạc vào một ngõ cụt thần học, một đường cùng không có lối thoát khả dĩ. Các giáo hội ở Đông phương đã nhấn mạnh quá mức các định luật này, đến nỗi một thái độ thụ động, cam chịu đối với đời sống và các tiến trình của nó, dựa trên cơ hội liên tục được đổi mới, đang chi phối dân chúng. Ki-tô giáo đã nhấn mạnh tính bất tử nhưng đã khiến hạnh phúc vĩnh cửu lệ thuộc vào việc chấp nhận một tín điều thần học: Hãy là một người Ki-tô giáo tuyên xưng chân thật và sống vĩnh cửu trong một cõi thiên đường phần nào ngớ ngẩn, hoặc từ chối làm một Ki-tô hữu chấp nhận và đi vào một địa ngục không thể có—một địa ngục phát sinh từ thần học của *Cựu Ước* và sự trình bày của nó về một Thượng đế đầy thù ghét và ghen tuông. Cả hai quan niệm ngày nay đều bị mọi người [143] lành mạnh, chân thành và biết suy nghĩ bác bỏ. Không ai có năng lực lý trí chân thật, hay có niềm tin chân thật vào một Thượng đế của tình thương, chấp nhận thiên đường của giới

Still less do they accept the "lake that burneth with fire and brimstone" or the everlasting torture to which a God of love is supposed to condemn all who do not believe in the theological interpretations of the Middle Ages, of the modern fundamentalists or of the churchmen who seek—through doctrine, fear and threat—to keep people in line with the obsolete old teaching.

giáo sĩ hoặc có bất cứ mong muốn nào đến đó. Họ càng ít chấp nhận hơn "hồ cháy bằng lửa và diêm sinh" hay sự hành hạ đời đời mà một Thượng đế của tình thương được cho là kết án tất cả những ai không tin vào các diễn giải thần học của thời Trung cổ, của những người bảo thủ giáo điều hiện đại hoặc của giới giáo sĩ tìm cách—qua giáo lý, sợ hãi và đe dọa—giữ dân chúng đi theo giáo huấn cũ đã lỗi thời.

The essential truth lies elsewhere. "Whatsoever a man soweth that shall he also reap" is the truth which needs re-emphasizing. In these words, St. Paul phrases for us the ancient and true teaching of the Law of Cause and Effect called in the Orient, the Law of Karma. To that, he adds in another place the injunction to "work out your own salvation" and—as that contradicts the theological teaching and above all else is not possible to do in any one life—he implicitly endorses the Law of Rebirth, and makes the school of life a constantly recurring experience until man has fulfilled the command of the Christ (and this refers to every man) "Be ye, therefore, perfect, even as your Father in Heaven is perfect". Through recognition of the results of action—good or bad—and through constant reliving upon the earth, man eventually attains "unto the measure of the stature of the fullness of the Christ".

Chân lý cốt yếu nằm ở nơi khác. "Người ta gieo gì thì cũng sẽ gặt nấy" là chân lý cần được nhấn mạnh lại. Trong những lời này, Thánh Phao-lô diễn đạt cho chúng ta giáo huấn cổ xưa và chân thật về Định luật Nhân Quả, được gọi ở phương Đông là Định luật Nghiệp quả. Thêm vào đó, ở một nơi khác, ông đưa ra huấn thị "hãy tự thực hiện sự cứu rỗi của mình", và—vì điều đó mâu thuẫn với giáo huấn thần học và trên hết mọi điều là không thể thực hiện trong bất cứ một đời sống đơn lẻ nào—ông mặc nhiên xác nhận Định luật Tái Sinh, và khiến trường học của đời sống trở thành một kinh nghiệm không ngừng tái diễn cho đến khi con người hoàn thành mệnh lệnh của Đức Christ (và điều này chỉ mọi người): "Vậy các ngươi hãy nên trọn lành, như Cha các ngươi trên Trời là trọn lành". Qua sự nhận biết các kết quả của hành động—thiện hoặc ác—và qua việc liên tục sống lại trên Trái Đất, cuối cùng con người đạt "tới tầm vóc viên mãn của Đức Christ".

The fact of this innate divinity explains the urge at the heart of every man for betterment, for experience, for progress, for increasing realization and for his steady moving on towards the distant height which he has visioned. There is no other explanation of the capacity of the human spirit to emerge out of darkness, out of evil and death into life and goodness. This

Sự thật về thiên tính bẩm sinh này giải thích xung lực trong tâm của mỗi người hướng tới sự cải thiện, kinh nghiệm, tiến bộ, sự nhận biết ngày càng tăng và sự tiến bước vững vàng của y về phía đỉnh cao xa xôi mà y đã thấy trong tầm nhìn. Không có lời giải thích nào khác cho năng lực của tinh thần con người trong việc vươn ra khỏi bóng tối, khỏi sự ác và cái chết để đi vào sự sống và thiện

emergence has been the unfailing history of man. Something is [144] always happening to the human soul which projects him nearer to the Source of all good and nothing on earth can arrest this progress nearer to God.

hảo. Sự vươn lên này đã là lịch sử không sai chạy của con người. Luôn luôn có điều gì đó [144] đang xảy ra với linh hồn con người, điều phóng chiếu y đến gần hơn Nguồn của mọi điều thiện, và không điều gì trên Trái Đất có thể ngăn bước tiến này đến gần Thượng đế hơn.

3. Christ and the Hierarchy

3. Đức Christ và Thánh Đoàn

The third great spiritual and essential truth is the *fact* of Christ, the living Christ, present among His people, fulfilling His promise, "Lo, I am with you always, even unto the end of the world", and increasingly making His presence felt as men approach closer to Him and His group of disciples and world workers. The church emphasis has been (and is today) upon the dead Christ. Men have forgotten that He lives, though they give a tentative recognition to this hope and belief at Easter time, largely because His resurrection guarantees our own "rising again", and "because He lives, we shall live also". The fact of His livingness and of His presence today, here and now, on earth is not emphasized, except through vague and hopeful generalities. Men have forgotten the Christ who lives with us on earth, surrounded by His disciples, the Masters of the Wisdom, accessible to those who make the right approach and saving men by the force of His example and by the expression of the life which is in Him and is—unexpressed and largely undiscovered as yet by the majority—to be found also in every man.

Chân lý tinh thần và cốt yếu lớn thứ ba là *sự thật* về Đức Christ, Đức Christ hằng sống, hiện diện giữa dân của Ngài, hoàn thành lời hứa của Ngài: "Này, Ta ở cùng các ngươi luôn, cho đến tận thế", và ngày càng làm cho sự hiện diện của Ngài được cảm nhận khi con người tiến gần hơn đến Ngài và nhóm đệ tử cùng những người hoạt động thế giới của Ngài. Sự nhấn mạnh của giáo hội đã và hiện nay vẫn là vào Đức Christ đã chết. Con người đã quên rằng Ngài đang sống, dù họ tạm thời công nhận niềm hy vọng và niềm tin này vào mùa Phục Sinh, phần lớn vì sự phục sinh của Ngài bảo đảm cho "sự sống lại" của chính chúng ta, và "vì Ngài sống, chúng ta cũng sẽ sống". Sự thật về tính sống động của Ngài và về sự hiện diện của Ngài ngày nay, ở đây và bây giờ, trên Trái Đất, không được nhấn mạnh, ngoại trừ qua những khái quát mơ hồ và đầy hy vọng. Con người đã quên Đức Christ đang sống với chúng ta trên Trái Đất, được bao quanh bởi các đệ tử của Ngài, các Chân sư Minh triết, có thể được tiếp cận bởi những ai thực hiện cách tiếp cận đúng, và cứu rỗi con người bằng mãnh lực của tấm gương Ngài và bằng sự biểu lộ sự sống ở trong Ngài, sự sống ấy—chưa được biểu lộ và phần lớn vẫn chưa được đa số khám phá—cũng có thể được tìm thấy trong mọi người.

In the coming world religion, the emphasis will be on these truths. Life and not death will be proclaimed; attainment of spiritual status through spiritual living will be

Trong tôn giáo thế giới sắp đến, sự nhấn mạnh sẽ đặt trên những chân lý này. Sự sống chứ không phải cái chết sẽ được tuyên xưng; sự đạt đến địa vị tinh thần qua đời sống tinh

taught, and the fact of the existence of those who have thus attained and who work with Christ for the helping and salvaging of humanity will be the goal. The fact of the spiritual Hierarchy of our planet, the ability of mankind to contact its Members and to work in cooperation with Them, and the existence of Those Who [145] know what the will of God is and can work intelligently with that will—these are the truths upon which the future spiritual teaching will be based.

thần sẽ được dạy, và sự thật về sự hiện hữu của những Đấng đã đạt được như thế và đang làm việc với Đức Christ để giúp đỡ và cứu vớt nhân loại sẽ là mục tiêu. Sự thật về Thánh Đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta, khả năng của nhân loại tiếp xúc với các Thành viên của Thánh Đoàn và làm việc trong sự hợp tác với Các Ngài, cùng sự hiện hữu của Những Đấng [145] biết Ý Chí của Thượng Đế là gì và có thể làm việc một cách thông minh với ý chí ấy—đây là những chân lý mà giáo huấn tinh thần tương lai sẽ dựa vào.

The fact of the existence of this Hierarchy and its supreme Head, the Christ, is consciously recognized by hundreds of thousands today, though still denied by the orthodox. So many *know* this truth and so many people of integrity and worth are cooperating *consciously* with the Members of the Hierarchy that ecclesiastical antagonisms and the belittling comments of the concrete minded are of no avail. Men are moving out from under doctrinal authority into direct, personal and spiritual experience; they are coming under the direct authority which contact with Christ and His disciples, the Masters, ever confers.

Sự thật về sự hiện hữu của Thánh Đoàn này và Đấng Đứng Đầu tối cao của Thánh Đoàn, Đức Christ, ngày nay được hàng trăm ngàn người ý thức nhận biết, dù vẫn bị những người chính thống phủ nhận. Rất nhiều người *biết* chân lý này, và rất nhiều người chính trực, có giá trị đang hợp tác *một cách có ý thức* với các Thành viên của Thánh Đoàn, đến nỗi các đối kháng giáo hội và những lời bình phẩm hạ thấp của những người có trí cụ thể chẳng có tác dụng gì. Con người đang bước ra khỏi quyền lực giáo điều để đi vào kinh nghiệm trực tiếp, cá nhân và tinh thần; họ đang đi vào dưới thẩm quyền trực tiếp mà sự tiếp xúc với Đức Christ và các đệ tử của Ngài, các Chân sư, luôn luôn ban cho.

Christ in every man, the guarantee of our eventual spiritual attainment; Christ as the living example of that attainment, Who has entered for us within the veil, leaving us an example that we should follow His steps; Christ Who ever lives and Who has stayed with us for two thousand years, watching over His people, inspiring His working disciples, the Masters of the Wisdom, those "just men, made perfect" (as the Bible calls them); Christ demonstrating for us the possibility of this unfolding, living, spiritual

Đức Christ trong mỗi người, bảo chứng cho sự đạt thành tinh thần cuối cùng của chúng ta; Đức Christ như tấm gương sống động của sự đạt thành ấy, Đấng đã bước vào bên trong bức màn vì chúng ta, để lại cho chúng ta một tấm gương rằng chúng ta nên theo dấu chân Ngài; Đức Christ, Đấng luôn sống và đã ở lại với chúng ta trong hai ngàn năm, trông nom dân của Ngài, truyền cảm hứng cho các đệ tử đang làm việc của Ngài, các Chân sư Minh triết, những "người công chính, đã được làm cho hoàn thiện" (như Kinh Thánh gọi họ);

consciousness (which has been given the somewhat vague name of the "Christ consciousness") bringing every man, eventually—under the Laws of Rebirth and of Cause and Effect—to an ultimate perfection; these are the truths which the church will eventually endorse, teach and express through the lives and words of its exponents. This change in the doctrinal presentation will lead to a very different humanity to that which exists today; it will produce a humanity which will recognize the divine in all men, at varying stages of expression, a humanity which is not only expectant of the return of Christ but is assured of His [146] coming and reappearance—not from some distant Heaven but from that place on earth where He has always been, known and reached by thousands but held at a distance by the theologies and the fear-tactics of the church.

Đức Christ minh chứng cho chúng ta khả năng của tâm thức tinh thần sống động, đang khai mở này (vốn đã được gọi bằng cái tên phần nào mơ hồ là "tâm thức Christ"), cuối cùng đưa mọi người—dưới các Định luật Tái Sinh và Nhân Quả—đến sự hoàn thiện tối hậu; đây là những chân lý mà cuối cùng giáo hội sẽ xác nhận, giảng dạy và biểu lộ qua đời sống cùng lời nói của những người đại diện cho mình. Sự thay đổi này trong cách trình bày giáo lý sẽ dẫn đến một nhân loại rất khác với nhân loại hiện nay; nó sẽ tạo ra một nhân loại nhận biết điều thiêng liêng trong mọi người, ở các giai đoạn biểu lộ khác nhau, một nhân loại không chỉ mong đợi sự trở lại của Đức Christ mà còn chắc chắn về việc Ngài [146] đến và tái hiện—không phải từ một cõi Trời xa xôi nào, mà từ nơi trên Trái Đất nơi Ngài vẫn luôn ở đó, được hàng ngàn người biết đến và tiếp cận, nhưng bị giữ xa bởi các thần học và chiến thuật gây sợ hãi của giáo hội.

His coming will not be so much a triumphant return to a conquering church (conquering because the churches have done so fine a piece of work) but a recognition of His factual existence by those who have hitherto been blind to His presence with them and to the fact of His office and activities, ceaselessly carried forward on earth. He does not return to rule, for He has never left off ruling, working and loving; but men will come to recognize the signs of His activities and of His presence and will know that it is He Who is overthrowing the churches by the strength of His influence over the hearts and lives of men. Men will then realize that the word "spiritual" has little reference to religion, as was hitherto its major significance, but that it connotes divine activity in every phase of human living and human thinking; they will grasp the stupendous truth that sound economics, clear humanitarianism, effective education

Sự đến của Ngài sẽ không hẳn là một sự trở lại khải hoàn với một giáo hội chiến thắng (chiến thắng vì các giáo hội đã làm một công việc quá tốt đẹp), mà là sự nhận biết sự hiện hữu thực tế của Ngài bởi những người cho đến nay vẫn mù lòa trước sự hiện diện của Ngài với họ và trước sự thật về chức vụ cùng các hoạt động của Ngài, được tiến hành không ngừng trên Trái Đất. Ngài không trở lại để cai trị, vì Ngài chưa bao giờ ngừng cai trị, làm việc và thương yêu; nhưng con người sẽ đi đến chỗ nhận biết các dấu hiệu hoạt động và sự hiện diện của Ngài, và sẽ biết rằng chính Ngài đang lật đổ các giáo hội bằng sức mạnh ảnh hưởng của Ngài trên trái tim và đời sống con người. Khi ấy con người sẽ nhận ra rằng từ "tinh thần" ít liên hệ đến tôn giáo, vốn cho đến nay là thâm nghĩa chính của nó, mà nó hàm chỉ hoạt động thiêng liêng trong mọi giai đoạn của đời sống và tư tưởng con người; họ sẽ nắm bắt chân lý kỳ vĩ rằng kinh tế lành mạnh, chủ

(as it fits men for world citizenship) and a science, dedicated to human betterment, are all deeply spiritual and in their aggregated usefulness constitute a body of religious truth; they will discover that organized religion is only one phase of this *worldwide experience of divinity.*

nghĩa nhân đạo sáng suốt, giáo dục hữu hiệu (khi nó chuẩn bị con người cho tư cách công dân thế giới) và một khoa học được hiến dâng cho sự cải thiện con người đều mang tính tinh thần sâu xa, và trong tính hữu ích tổng hợp của chúng cấu thành một hệ thống chân lý tôn giáo; họ sẽ khám phá rằng tôn giáo có tổ chức chỉ là một giai đoạn của *kinh nghiệm toàn cầu về thiên tính.*

Christ will, therefore, surely come in three ways. He will come as men recognize that He is truly here as He has been ever since He *apparently* left the earth; He will come in the sense also that He will overshadow, inspire and directly guide and personally confer with His advanced disciples as they labour in the field of the world, in the effort to establish right human relations and as they become known as the directing Agents of [147] God's will; He will come also in the hearts of men everywhere, manifesting as the indwelling Christ, struggling towards the light and influencing the lives of men towards conscious recognition of divinity. Men on a large scale will then pass through the Bethlehem experience, the Christ in them will come to the birth and they will become "new men".

Vì vậy, Đức Christ chắc chắn sẽ đến theo ba cách. Ngài sẽ đến khi con người nhận biết rằng Ngài thật sự đang ở đây, như Ngài vẫn ở đây kể từ khi Ngài *dường như* rời Trái Đất; Ngài cũng sẽ đến theo nghĩa rằng Ngài sẽ phủ bóng, truyền cảm hứng, trực tiếp hướng dẫn và đích thân trao đổi với các đệ tử tiến bộ của Ngài khi họ lao động trong cánh đồng thế giới, trong nỗ lực thiết lập những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, và khi họ được biết đến như các Tác Nhân chỉ đạo [147] Ý Chí của Thượng Đế; Ngài cũng sẽ đến trong trái tim của con người khắp nơi, biểu hiện như Đức Christ nội tại, đang đấu tranh hướng tới ánh sáng và ảnh hưởng đời sống con người hướng tới sự nhận biết có ý thức về thiên tính. Khi ấy con người trên quy mô lớn sẽ trải qua kinh nghiệm Bethlehem, Đức Christ trong họ sẽ được sinh ra, và họ sẽ trở thành "những con người mới".

It will be for the dissemination of these *existing* truths that the church of the future will work, bringing a great regeneration to the body of humanity, a resurrection into life, and the restoration of the life of God on earth through a Christ-conscious humanity.

Chính để truyền bá những chân lý *hiện hữu* này mà giáo hội của tương lai sẽ làm việc, mang lại một sự tái sinh lớn lao cho toàn thể nhân loại, một sự phục sinh vào sự sống, và sự phục hồi sự sống của Thượng đế trên Trái Đất qua một nhân loại có tâm thức Christ.

When this has assumed large proportions and the recognition of these truths is worldwide, then we shall have the restoration of the Mysteries, the consequent realization that the Kingdom of God *is* on earth, and that man is in deed and in truth

Khi điều này đã đạt đến quy mô lớn và sự nhận biết các chân lý này lan khắp thế giới, bấy giờ chúng ta sẽ có sự phục hồi các Bí Nhiệm, sự chứng nghiệm theo sau rằng Thiên Giới *đang* ở trên Trái Đất, và rằng con người thật sự và đúng thật được tạo nên

made in the image of God and must inevitably—through the passing of time and the discipline of life—manifest his essential divinity, as Christ did.

theo hình ảnh của Thượng đế và tất yếu phải —qua thời gian trôi qua và kỷ luật của đời sống—biểu lộ thiên tính cốt yếu của mình, như Đức Christ đã làm.

4. The Brotherhood of Man

4. Tình Huynh Đệ của Con Người

Much has been written, preached and talked about brotherhood. So much has been said and so little brotherhood practised that the word has fallen somewhat into disrepute. Yet the word *is* a statement of the underlying origin and goal of humanity and is the keynote of the fourth kingdom in nature, the human.

Nhiều điều đã được viết, giảng và nói về tình huynh đệ. Quá nhiều điều đã được nói và quá ít tình huynh đệ được thực hành đến nỗi từ này phần nào đã mất uy tín. Tuy nhiên, từ ấy *là* một lời tuyên bố về nguồn gốc và mục tiêu nền tảng của nhân loại, và là chủ âm của giới thứ tư trong thiên nhiên, giới nhân loại.

Brotherhood is a great natural fact; all men are brothers; under the divergences of colour, creed, cultures and civilizations, there is only *one* humanity without distinction or differences in its essential nature, in its origin, its spiritual and mental objectives, its capacities, its qualities and its mode of development and of evolutionary unfoldment. In these divine attributes (for that is [148] what they are) all men are equal; it is only in relation to time and in the extent to which progress has been made in the revelation of innate divinity in all its fullness that temporary differences become apparent. It is the temporary differences and the sins which ignorance and inexperience betray which have engrossed the attention of the churches to the exclusion of the penetrating, piercing vision of the divine in every man. It is the fact of brotherhood which the churches must begin to teach—not from the angle of a transcendent God, an external unknowable Father—but from the angle of the divine life, eternally present in every human heart, and eternally struggling to express itself through individuals, nations and races.

Tình huynh đệ là một sự thật tự nhiên vĩ đại; mọi người đều là huynh đệ; bên dưới những khác biệt về màu da, tín điều, văn hóa và văn minh, chỉ có *một* nhân loại, không phân biệt hay khác nhau trong bản chất cốt yếu, trong nguồn gốc, các mục tiêu tinh thần và trí tuệ, các năng lực, phẩm tính và phương thức phát triển cùng sự khai mở tiến hoá của nó. Trong các thuộc tính thiêng liêng này (vì đó [148] chính là chúng), mọi người đều bình đẳng; chỉ trong tương quan với thời gian và mức độ tiến bộ đã đạt được trong sự mặc khải thiên tính bẩm sinh trong tất cả sự viên mãn của nó mà những khác biệt tạm thời mới hiện rõ. Chính những khác biệt tạm thời và các tội lỗi mà vô minh và thiếu kinh nghiệm bộc lộ đã chiếm trọn sự chú ý của các giáo hội, đến mức loại trừ tầm nhìn thấu suốt, xuyên thấu về điều thiêng liêng trong mỗi người. Chính sự thật về tình huynh đệ là điều các giáo hội phải bắt đầu giảng dạy—không từ góc độ một Thượng đế siêu việt, một Người Cha bên ngoài không thể biết được—mà từ góc độ sự sống thiêng liêng, vĩnh viễn hiện diện trong mọi trái tim con người, và vĩnh viễn đấu tranh để biểu lộ chính nó qua các cá nhân, quốc gia và chủng tộc.

The true expression of this realized brotherhood must inevitably come through the establishing of right human relations and the cultivation of goodwill. Churchmen have forgotten the sequence in the angel's song: "Glory to God in the highest, on earth peace, goodwill towards men". They have failed to realize and, therefore, to teach that only as goodwill is manifested in the daily lives of men are right human relations thereby established and peace on earth can come; they have failed also to realize that there is no glory to God until there *is* peace on earth through goodwill among men. The churches have forgotten that all men are sons of the Father and, therefore, brothers; that all men are divine, that some men are already God-conscious and expressing divinity and that some are not; they have overlooked the fact that because of their point in evolution some men know Christ, because the Christ in them is active while others are only struggling to bring the Christ life into activity; still others are entirely unaware of the divine Being hidden deep within their hearts. There is only difference in degree of consciousness; there is no difference in nature. [149]

Sự biểu lộ chân thật của tình huynh đệ đã được nhận biết này tất yếu phải đến qua việc thiết lập những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người và việc vun bồi thiện chí. Giới giáo sĩ đã quên trình tự trong bài ca của thiên thần: "Vinh danh Thượng đế trên nơi cao nhất, bình an dưới đất, thiện chí đối với con người". Họ đã thất bại trong việc nhận ra và, do đó, trong việc giảng dạy rằng chỉ khi thiện chí được biểu lộ trong đời sống hằng ngày của con người thì những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người mới nhờ đó được thiết lập và hòa bình trên Trái Đất mới có thể đến; họ cũng đã thất bại trong việc nhận ra rằng không có vinh quang cho Thượng đế cho đến khi *có* hòa bình trên Trái Đất qua thiện chí giữa con người. Các giáo hội đã quên rằng mọi người đều là con của Cha và, do đó, là huynh đệ; rằng mọi người đều thiêng liêng, rằng một số người đã có ý thức về Thượng đế và đang biểu lộ thiên tính, còn một số thì chưa; họ đã bỏ qua sự thật rằng do điểm tiến hoá của mình, một số người biết Đức Christ, vì Đức Christ trong họ đang hoạt động, trong khi những người khác chỉ đang đấu tranh để đưa sự sống Christ vào hoạt động; lại có những người khác hoàn toàn không biết đến Đấng thiêng liêng ẩn sâu trong trái tim họ. Chỉ có sự khác biệt về cấp độ tâm thức; không có sự khác biệt về bản chất. [149]

5. The Divine Approaches

5. Các Cuộc Tiếp Cận Thiêng Liêng

To all these above truths, essential to human unfoldment, must be added another. This truth is only as yet dimly sensed because it is a larger truth than any hitherto presented to the consciousness of mankind. It is larger because it is related to the Whole and not to individual man alone and his personal salvation. It is an extension of the individual approach to truth. Let us call it the truth concerning the great *Cyclic Approaches* of the

Vào tất cả những chân lý nêu trên, vốn cốt yếu cho sự khai mở của con người, phải thêm một chân lý khác. Chân lý này cho đến nay chỉ mới được cảm nhận lờ mờ, bởi vì nó là một chân lý rộng lớn hơn bất cứ chân lý nào từng được trình bày cho tâm thức nhân loại. Nó rộng lớn hơn vì nó liên hệ đến Toàn Thể chứ không chỉ đến cá nhân con người và sự cứu rỗi cá nhân của y. Nó là sự mở rộng của cách tiếp cận cá nhân đối với chân lý.

divine to the human; of these all world Saviours and Teachers are the symbol and the guarantee. At certain great moments down the ages, God drew nearer to His people and humanity at the same time made great, though oft unconscious efforts to draw near to God. From one angle, it might be regarded as God transcendent recognizing God immanent, and God in man reaching out to God in the Whole and greater than the Whole. On the part of God, working through the Head of the spiritual Hierarchy and its Membership, this effort was intentional, conscious and deliberate; on the part of man, it has been in the past largely unconscious, forced upon humanity by the tragedy of circumstances, by desperate need and by the driving urge of the immanent Christ consciousness.

Chúng ta hãy gọi nó là chân lý liên quan đến các *Cuộc Tiếp Cận Chu Kỳ* vĩ đại của thiêng liêng đến nhân loại; mọi Đấng Cứu Thế và Huấn sư thế giới đều là biểu tượng và bảo chứng của các cuộc tiếp cận này. Vào những khoảnh khắc lớn lao nhất định qua các thời đại, Thượng đế đã đến gần hơn với dân của Ngài, và đồng thời nhân loại đã thực hiện những nỗ lực lớn lao, dù thường vô thức, để đến gần Thượng đế. Từ một góc độ, điều này có thể được xem như Thượng đế siêu việt nhận biết Thượng đế nội tại, và Thượng đế trong con người vươn tới Thượng đế trong Toàn Thể và lớn hơn Toàn Thể. Về phía Thượng đế, hoạt động qua Đấng Đứng Đầu Thánh Đoàn tinh thần và các Thành viên của Thánh Đoàn, nỗ lực này là có chủ ý, có ý thức và có cân nhắc; về phía con người, trong quá khứ nó phần lớn là vô thức, bị áp đặt lên nhân loại bởi bi kịch của hoàn cảnh, bởi nhu cầu tuyệt vọng và bởi xung lực thúc đẩy của tâm thức Christ nội tại.

These great Approaches can be traced down the centuries; each time one took place, it meant a clearer understanding of divine purpose, a new and fresh revelation of divine quality, the institution of some aspect of a new world faith and the sounding of a note which produced a new civilization and culture or a fresh recognition of relationship between God and man or man and his brother.

Các Cuộc Tiếp Cận vĩ đại này có thể được truy nguyên qua nhiều thế kỷ; mỗi lần một cuộc tiếp cận diễn ra, nó có nghĩa là một sự thấu hiểu rõ ràng hơn về Thiên Ý, một sự mặc khải mới mẻ và tươi mới về phẩm tính thiêng liêng, việc thiết lập một phương diện nào đó của một đức tin thế giới mới và việc xướng lên một âm điệu tạo ra một nền văn minh và văn hóa mới, hoặc một sự nhận biết mới về mối quan hệ giữa Thượng đế và con người, hoặc giữa con người và huynh đệ của y.

Back in the dim past of history (hinted at through symbolism and in the Bibles of the world) there was a first major Approach when God took notice of man and [150] something happened—under the action and will of God the Creator, God transcendent—which affected primeval man, and he "became a *living soul*". As the yearning urge

Trong quá khứ mờ xa của lịch sử (được gợi ý qua biểu tượng và trong các Kinh Thánh của thế giới), đã có một Cuộc Tiếp Cận lớn đầu tiên khi Thượng đế chú ý đến con người và [150] một điều gì đó đã xảy ra—dưới tác động và ý chí của Thượng đế Đấng Sáng Tạo, Thượng đế siêu việt—ảnh hưởng đến con người nguyên thủy, và y "trở thành một *linh*

towards an undefined and unrealized good made itself felt in the inchoate longings of unthinking man (literally unthinking at that stage), it evoked a response from Deity; God drew near to man and man became imbued with that life and energy which, as time went by, would enable him to recognize himself as a son of God and eventually to express that sonship perfectly. This Approach was signalized by the appearance of the faculty of mind in man. In man was planted the embryonic power to think, to reason and to *know.* The universal Mind of God was reflected in the tiny mind of man.

hồn sống". Khi xung lực khao khát hướng tới một điều thiện chưa được định nghĩa và chưa được nhận ra bắt đầu được cảm thấy trong những khát vọng còn hỗn độn của con người không suy nghĩ (theo nghĩa đen là không suy nghĩ ở giai đoạn ấy), nó gợi lên một đáp ứng từ Thượng đế; Thượng đế đến gần con người và con người được thấm nhuần sự sống và năng lượng ấy, vốn theo thời gian sẽ giúp y nhận biết mình là một Con của Thượng đế và cuối cùng biểu lộ quyền làm con ấy một cách hoàn hảo. Cuộc Tiếp Cận này được đánh dấu bằng sự xuất hiện của quan năng trí tuệ nơi con người. Nơi con người đã được gieo trồng quyền năng phôi thai để suy nghĩ, lý luận và *biết.* Trí Tuệ Vũ Trụ của Thượng đế được phản chiếu trong trí tuệ nhỏ bé của con người.

Later, we are told, when the mental powers of the early humanity warranted it, another Approach between God and man, between the spiritual Hierarchy and humanity, became possible and the door into the Kingdom of God was opened. Man learned that the way into the Holy Place could be entered through *love.* To the mental principle was added—again by the force of invocation and responsive evocation—another divine attribute or principle, the principle of love.

Về sau, chúng ta được cho biết, khi các quyền năng trí tuệ của nhân loại sơ khai đã bảo đảm điều đó, một Cuộc Tiếp Cận khác giữa Thượng đế và con người, giữa Thánh Đoàn tinh thần và nhân loại, trở nên khả hữu và cánh cửa vào Thiên Giới được mở ra. Con người học biết rằng con đường vào Nơi Thánh có thể được bước vào qua *tình thương.* Vào nguyên khí trí tuệ lại được thêm—một lần nữa nhờ mãnh lực khẩn cầu và sự gợi lên đáp ứng—một thuộc tính hay nguyên khí thiêng liêng khác, nguyên khí tình thương.

These two great Approaches made it possible for the human soul to express or manifest two aspects of divinity: Intelligence and Love. Intelligence today is flowering through knowledge and science; it has, however, not yet unfolded on any large scale its latent beauty of wisdom; love today is only just beginning to engross human attention; its lowest aspect, *Goodwill*, is only now being recognized as a divine energy and is still a theory and a hope.

Hai Cuộc Tiếp Cận vĩ đại này đã làm cho linh hồn con người có thể biểu lộ hay hiển lộ hai phương diện của thiên tính: Trí Tuệ và Tình thương. Ngày nay Trí Tuệ đang nở hoa qua tri thức và khoa học; tuy nhiên, nó vẫn chưa khai mở trên quy mô lớn vẻ đẹp tiềm tàng của minh triết; ngày nay tình thương chỉ mới bắt đầu chiếm sự chú ý của con người; phương diện thấp nhất của nó, *Thiện chí*, chỉ nay mới được nhận biết như một năng lượng thiêng liêng và vẫn còn là một lý thuyết và một niềm hy vọng.

The Buddha came embodying in Himself the divine quality of wisdom; He was the manifestation of Light, and the Teacher of the way of enlightenment. He [151] demonstrated in Himself the processes of illumination and became "the Illumined One". Light, wisdom, reason, as divine yet human attributes, were focussed in the Buddha. He challenged the people to tread the Path of Illumination of which wisdom, mental perception and the intuition are aspects.

Đức Phật đến, hiện thân trong Chính Ngài phẩm tính thiêng liêng của minh triết; Ngài là sự biểu hiện của Ánh sáng, và là Huấn sư của con đường giác ngộ. Ngài [151] minh chứng trong Chính Ngài các tiến trình soi sáng và trở thành "Đấng Được Soi Sáng". Ánh sáng, minh triết, lý trí, như những thuộc tính vừa thiêng liêng vừa nhân loại, đã được tập trung nơi Đức Phật. Ngài thách thức dân chúng bước trên Con Đường Soi Sáng, trong đó minh triết, tri giác trí tuệ và trực giác là các phương diện.

Then came the next great Teacher, the Christ. He embodied in Himself a still greater divine principle—greater than the Mind, that of Love; yet at the same time, He embraced within Himself all that the Buddha had of light. Christ was the expression of both light and love. Christ also brought to human attention three deeply necessary concepts:

Rồi đến Huấn sư vĩ đại kế tiếp, Đức Christ. Ngài hiện thân trong Chính Ngài một nguyên khí thiêng liêng còn lớn lao hơn—lớn hơn Trí Tuệ, đó là Tình thương; tuy nhiên, đồng thời, Ngài bao gồm trong Chính Ngài tất cả những gì Đức Phật có về ánh sáng. Đức Christ là sự biểu lộ của cả ánh sáng lẫn tình thương. Đức Christ cũng đưa vào sự chú ý của con người ba khái niệm hết sức cần thiết:

1. The extreme value of the individual son of God and the necessity for intense spiritual effort.

1. Giá trị tột cùng của cá nhân Con của Thượng đế và sự cần thiết của nỗ lực tinh thần mãnh liệt.

2. The opportunity, presented to humanity, to take a great step forward and undergo the new birth.

2. Cơ hội được trình bày cho nhân loại để tiến một bước lớn về phía trước và trải qua sự sinh ra mới.

3. The method whereby a man could enter into the kingdom of God, voiced for us in His words, "Love your neighbour as yourself'. Individual effort, group opportunity and identification with each other—such is the message of the Christ.

3. Phương pháp nhờ đó một người có thể đi vào Thiên Giới, được Ngài nói ra cho chúng ta trong lời: "Hãy yêu người lân cận như chính mình". Nỗ lực cá nhân, cơ hội nhóm và sự đồng hoá với nhau—đó là thông điệp của Đức Christ.

Thus we have had four great Approaches of the divine to the human—two major Approaches and two lesser Approaches. These lesser Approaches made clear to us

Như vậy, chúng ta đã có bốn Cuộc Tiếp Cận vĩ đại của thiêng liêng đến nhân loại—hai Cuộc Tiếp Cận lớn và hai Cuộc Tiếp Cận nhỏ hơn. Những Cuộc Tiếp Cận nhỏ hơn này đã

the true nature of the great Approaches and showed us how that which was conferred in the far distant history of the race constitutes a divine heritage and the seed of ultimate perfection.

làm sáng tỏ cho chúng ta bản chất chân thật của các Cuộc Tiếp Cận lớn và chỉ cho chúng ta thấy điều đã được ban trong lịch sử xa xôi của nhân loại cấu thành một di sản thiêng liêng và hạt giống của sự hoàn thiện tối hậu như thế nào.

A fifth great Approach is now possible and will take place when humanity has put its house in order. A new revelation is hovering over mankind and for it the previous four Approaches have prepared humanity. A new heaven and a new earth are on their way. The words "a new Heaven" signify an entirely new conception as to the world of spiritual realities and perhaps of [152] the very nature of God Himself. May it not be possible that our present ideas of God as the Universal Mind, as Love and as Will may be enriched by some new idea and quality for which we have as yet no name or word and of which we have not the faintest understanding? Each of the three concepts as to the nature of divinity—mind, love and will— were entirely new when first presented to humanity.

Một Cuộc Tiếp Cận vĩ đại thứ năm nay đã khả hữu và sẽ diễn ra khi nhân loại sắp xếp lại ngôi nhà của mình. Một sự mặc khải mới đang lơ lửng trên nhân loại, và bốn Cuộc Tiếp Cận trước đã chuẩn bị nhân loại cho nó. Một cõi trời mới và một Trái Đất mới đang trên đường đến. Những lời "một cõi Trời mới" biểu thị một quan niệm hoàn toàn mới về thế giới của các thực tại tinh thần và có lẽ về [152] chính bản chất của Thượng đế. Chẳng lẽ không thể nào những ý tưởng hiện nay của chúng ta về Thượng đế như Vũ Trụ Trí, như Tình thương và như Ý Chí sẽ được làm phong phú bởi một ý tưởng và phẩm tính mới nào đó mà chúng ta cho đến nay chưa có tên gọi hay từ ngữ, và về nó chúng ta chưa có sự thấu hiểu mảy may nào sao? Mỗi một trong ba quan niệm về bản chất của thiên tính—trí tuệ, tình thương và ý chí—đều hoàn toàn mới khi lần đầu được trình bày cho nhân loại.

What this fifth Approach will bring to humanity we do not and cannot know. It will surely bring as definite results in the human consciousness as did the earlier Approaches. For some years now, the spiritual Hierarchy of our planet has been drawing nearer to humanity and its approach is responsible for the great concepts of freedom which are so close to the hearts of men everywhere. The dream of brotherhood, of fellowship, of world cooperation and of a peace, based on right human relations, is becoming clearer in our minds. We are also visioning a new and vital world religion, a universal faith which will

Cuộc Tiếp Cận thứ năm này sẽ mang gì đến cho nhân loại, chúng ta không biết và không thể biết. Nó chắc chắn sẽ mang lại trong tâm thức con người những kết quả xác định như các Cuộc Tiếp Cận trước đã làm. Từ nhiều năm nay, Thánh Đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta đã tiến gần hơn đến nhân loại, và sự tiếp cận của Thánh Đoàn chịu trách nhiệm cho các quan niệm lớn lao về tự do, vốn rất gần gũi với trái tim con người khắp nơi. Giấc mơ về tình huynh đệ, tình đồng đạo, sự hợp tác thế giới và một nền hòa bình dựa trên những mối quan hệ đúng đắn giữa người với người đang trở nên rõ ràng hơn trong trí chúng ta. Chúng ta cũng đang thấy

have its roots in the past, but which will make clear the new dawning beauty and the coming vital revelation.

trong tầm nhìn một tôn giáo thế giới mới và sống động, một đức tin phổ quát sẽ có cội rễ trong quá khứ, nhưng sẽ làm sáng tỏ vẻ đẹp mới đang rạng và sự mặc khải sống động sắp đến.

Of one thing we can be sure, this fifth Approach will in some way—deeply spiritual, yet wholly factual—prove the truth of the immanence of God and will prove also the close relationship between God transcendent and God immanent, for both expressions of God are true.

Về một điều chúng ta có thể chắc chắn: Cuộc Tiếp Cận thứ năm này, theo một cách nào đó —sâu xa về tinh thần nhưng hoàn toàn thực tế—sẽ chứng minh chân lý về tính nội tại của Thượng đế và cũng sẽ chứng minh mối quan hệ mật thiết giữa Thượng đế siêu việt và Thượng đế nội tại, vì cả hai biểu lộ của Thượng đế đều là chân thật.

IV. THE REGENERATION OF THE CHURCHES

IV. SỰ TÁI SINH CỦA CÁC GIÁO HỘI

Can the churches, both in the East and in the West, be regenerated, purified and brought into line with divine truth? Can they in reality take over the task which they loudly proclaim is theirs and become the genuine dispensers of truth and the representatives of the kingdom of God on earth? *The answer is yes.* These changes [153] can be made and their possibility can be demonstrated by the recognition of certain factors which are oft overlooked.

Liệu các giáo hội, cả ở Đông phương lẫn Tây phương, có thể được tái sinh, thanh luyện và đưa vào sự chỉnh hợp với chân lý thiêng liêng không? Liệu trong thực tế họ có thể đảm nhận nhiệm vụ mà họ lớn tiếng tuyên bố là của mình và trở thành những người phân phối chân lý đích thực cùng các đại diện của Thiên Giới trên Trái Đất không? *Câu trả lời là có.* Những thay đổi này [153] có thể được thực hiện, và khả năng của chúng có thể được chứng minh bằng sự nhận biết một số yếu tố thường bị bỏ qua.

A profound and sound optimism is entirely possible even in the midst of discouraging conditions. The heart of humanity is sound; God in His very nature and with all His power is present in the person of every man, unrevealed as yet in the majority but eternally present and moving towards full expression. Nothing can or ever has prevented mankind from a steady progress which has been from ignorance to knowledge and from darkness to light. The first great clause of the most ancient prayer in the world, “Lead us from darkness to

Một niềm lạc quan sâu xa và lành mạnh hoàn toàn có thể có, ngay cả giữa những hoàn cảnh gây nản lòng. Trái tim của nhân loại là lành mạnh; Thượng đế, trong chính bản chất của Ngài và với tất cả quyền năng của Ngài, hiện diện trong con người của mỗi người, nơi đa số vẫn chưa được mặc khải, nhưng vẫn hiện diện vĩnh cửu và đang tiến tới sự biểu lộ trọn vẹn. Không gì có thể, hoặc từng có thể, ngăn cản nhân loại tiến đều đặn từ vô minh đến tri thức và từ bóng tối đến ánh sáng. Mệnh đề vĩ đại đầu tiên của lời cầu nguyện cổ xưa nhất trên thế gian, “Xin dẫn

Light", has seen fulfilment to a large degree. Today we are on the verge of seeing the answer to the second clause: "Lead us from the unreal to the Real". This may well be the outstanding effect of the coming fifth Approach.

chúng con từ bóng tối đến Ánh sáng", đã được thành tựu ở một mức độ lớn. Ngày nay, chúng ta đang ở ngưỡng thấy lời đáp cho mệnh đề thứ hai: "Xin dẫn chúng con từ điều không thật đến Cái Thật". Đây rất có thể là hiệu quả nổi bật của Cuộc Tiếp Cận thứ năm sắp đến.

God is not as He has been presented; salvation is not achieved as the churches teach; man is not the miserable sinner which the clergy force him to believe. All this is unreal but the Real exists; it exists for the churches and for the professional representatives of organized religion as much as for any other man or group. *Churchmen are as basically divine, as sound and as surely on their way to enlightenment as any other group of men on earth.* The salvation of the churches rests on the humanity of its representatives and on their innate divinity as surely as does the salvation of the mass of men. This is for the church a hard saying.

Thượng đế không phải như Ngài đã được trình bày; sự cứu rỗi không đạt được như các giáo hội giảng dạy; con người không phải là kẻ tội lỗi khốn cùng mà hàng giáo sĩ buộc y phải tin. Tất cả những điều này đều không thật, nhưng Cái Thật vẫn hiện hữu; nó hiện hữu đối với các giáo hội và những đại diện chuyên nghiệp của tôn giáo có tổ chức cũng như đối với bất cứ người hay nhóm nào khác. *Những người trong giáo hội, về căn bản, cũng thiêng liêng, lành mạnh và chắc chắn đang trên đường đi tới giác ngộ như bất cứ nhóm người nào khác trên Trái Đất.* Sự cứu rỗi của các giáo hội dựa trên nhân tính của những đại diện của chúng và trên thiên tính bẩm sinh của họ, cũng chắc chắn như sự cứu rỗi của quần chúng nhân loại. Đối với giáo hội, đây là một lời nói khó nghe.

Great and good, holy and humble men are to be found serving as priests in every church, silently and quietly endeavouring to live as Christ would have them live, setting an example of a Christlike consciousness and demonstrating their close and recognized relation to God.

Trong mọi giáo hội đều có thể tìm thấy những người vĩ đại và tốt lành, thánh thiện và khiêm nhường, đang phụng sự với tư cách linh mục, âm thầm và lặng lẽ cố gắng sống như Đức Christ muốn họ sống, nêu gương về một tâm thức giống như Đức Christ và biểu lộ mối liên hệ gần gũi, được nhận biết của họ với Thượng đế.

[154] Let these men rise up, and in their spiritual might let them eliminate out of the churches those materially minded and narrow doctrinaires who keep the church as it is today; let them intensify the fire in their hearts and draw closer—with deliberation and understanding—to the Christ they serve; let them gather closer to the

[154] Hãy để những người này đứng lên, và trong sức mạnh tinh thần của họ, hãy để họ loại bỏ khỏi các giáo hội những kẻ duy vật và những nhà giáo điều hẹp hòi đang giữ giáo hội như tình trạng ngày nay; hãy để họ làm bừng mạnh hơn ngọn lửa trong tim mình và tiến gần hơn—với sự cân nhắc và thấu hiểu—đến Đức Christ mà họ phụng sự; hãy để họ

Hierarchy those they are seeking to help; let them discard—without fighting, comment or fury—the doctrines which hold the people in a mental prison and present those few and true teachings to which the hearts of all men everywhere respond. Let them have courage and cheer, optimism and joy, for the forces of evil have been greatly weakened and the masses of men are rapidly awakening to the true spiritual values; let them know that Christ and the true inner church are on their side; therefore, victory is already theirs.

đưa những người mà họ đang tìm cách giúp đỡ đến gần Thánh Đoàn hơn; hãy để họ từ bỏ —không tranh đấu, không bình luận hay giận dữ—những giáo điều đang giam giữ dân chúng trong nhà tù trí tuệ, và trình bày vài giáo huấn ít ỏi nhưng chân thật mà trái tim của mọi người ở khắp nơi đều đáp ứng. Hãy để họ có can đảm và sự vui tươi, lạc quan và sự hoan hỉ, vì các mãnh lực của cái ác đã suy yếu rất nhiều, và quần chúng nhân loại đang nhanh chóng thức tỉnh trước các giá trị tinh thần chân thật; hãy để họ biết rằng Đức Christ và giáo hội nội tại chân thật đang đứng về phía họ; vì vậy, chiến thắng đã thuộc về họ.

The processes of evolution may be long but they are proven and sure and nothing can arrest the moving forward into the Kingdom of God. Humanity must progress; stage by stage and cycle after cycle, humanity approaches closer to divinity, discovers a more brilliant light and arrives at a growing knowledge of God. God, in the person of Christ and of His disciples, also draws nearer to men. What has been in the past shall indeed be in the future; revelation will succeed revelation until the great Informing Life of our planet (called in the Bible the Ancient of Days) will stand finally revealed in all His glory; He will then Himself approach His regenerated and purified people.

Các tiến trình tiến hoá có thể dài lâu, nhưng chúng đã được chứng minh và chắc chắn, và không gì có thể ngăn chặn sự tiến tới Thiên Giới. Nhân loại phải tiến bộ; từng giai đoạn và hết chu kỳ này đến chu kỳ khác, nhân loại tiến gần hơn đến thiên tính, khám phá một ánh sáng rực rỡ hơn và đạt tới một tri thức ngày càng tăng về Thượng đế. Thượng đế, trong con người của Đức Christ và các đệ tử của Ngài, cũng tiến gần hơn đến con người. Điều đã có trong quá khứ quả thật sẽ có trong tương lai; sự mặc khải sẽ nối tiếp sự mặc khải, cho đến khi Sự Sống Vĩ Đại thấm nhuần hành tinh chúng ta, trong Kinh Thánh được gọi là Đấng Thái Cổ, cuối cùng sẽ hiển lộ trong tất cả vinh quang của Ngài; bấy giờ chính Ngài sẽ tiếp cận nhân loại đã được tái sinh và thanh luyện của Ngài.

Another point which should be remembered is that in the new generation lies hope—hope through repudiation of the ancient and undesirable, hope because of their ceaseless demand for spiritual light, hope because of the promptness with which they recognize truth wherever it is to be found (in the church or out of it) and hope because, having been born in the midst of a [155]

Một điểm khác cần được ghi nhớ là trong thế hệ mới có hy vọng—hy vọng nhờ sự khước từ những gì xưa cũ và không đáng mong muốn, hy vọng vì nhu cầu không ngừng của họ về ánh sáng tinh thần, hy vọng vì sự nhanh nhạy mà họ nhận ra chân lý ở bất cứ nơi nào có thể tìm thấy, dù trong giáo hội hay ngoài giáo hội, và hy vọng vì, sinh ra giữa một thế

ruined world and a general chaos, they are ready for the rebuilding.

giới [155] đổ nát và một tình trạng hỗn loạn chung, họ sẵn sàng cho công cuộc tái thiết.

The church will then proclaim that men can draw near to God, not through the mediation, absolution and the intercessory work of any priest or churchman but by right of man's inherent divinity. This it will be the duty of every churchman to evoke by example, by the energy of applied and practical love (not expressed through a soporific paternalism), and by the unified effort of the clergy of all faiths everywhere in the world.

Bấy giờ giáo hội sẽ tuyên bố rằng con người có thể đến gần Thượng đế, không phải qua sự trung gian, tha tội và công việc cầu thay của bất cứ linh mục hay người trong giáo hội nào, mà nhờ quyền của thiên tính cố hữu nơi con người. Đây sẽ là bổn phận của mọi người trong giáo hội: gợi lên điều ấy bằng gương mẫu, bằng năng lượng của tình thương được áp dụng và thực tiễn, không biểu lộ qua một chủ nghĩa phụ quyền gây mê ngủ, và bằng nỗ lực thống nhất của hàng giáo sĩ thuộc mọi tín ngưỡng ở khắp nơi trên thế giới.

The churches in the West need to realize that basically there is only one church but it is not necessarily only the orthodox Christian institution; God works in many ways, through many faiths and religious agencies; in their union will the fullness of truth be revealed. This is one reason for the elimination of nonessential doctrines.

Các giáo hội ở phương Tây cần nhận ra rằng, về căn bản, chỉ có một giáo hội duy nhất, nhưng không nhất thiết chỉ là định chế Kitô giáo chính thống; Thượng đế làm việc theo nhiều cách, qua nhiều tín ngưỡng và cơ quan tôn giáo; trong sự hợp nhất của chúng, sự trọn vẹn của chân lý sẽ được mặc khải. Đây là một lý do cho việc loại bỏ các giáo điều không thiết yếu.

V. THE NEW WORLD RELIGION

V. TÔN GIÁO THẾ GIỚI MỚI

In what way will this new presentation of religion and its new rituals and ceremonies take form? A new presentation is deeply desired and hopefully anticipated by those to whom the religious attitude is of fundamental importance. What are the signs of its coming? What must be the preliminary first steps? Are there any indications of developing trends which would incline one to believe in its eventual appearance?

Bằng cách nào sự trình bày mới này về tôn giáo, cùng các nghi lễ và nghi thức mới của nó, sẽ thành hình? Một sự trình bày mới đang được khao khát sâu xa và trông đợi đầy hy vọng bởi những người mà thái độ tôn giáo có tầm quan trọng nền tảng đối với họ. Những dấu hiệu nào cho thấy nó đang đến? Những bước đầu tiên sơ khởi phải là gì? Có dấu hiệu nào về các khuynh hướng đang phát triển khiến người ta nghiêng về niềm tin rằng cuối cùng nó sẽ xuất hiện không?

Many such questions arise. Much of what might be said in reply can be regarded by the sceptical and the orthodox as purely speculative. The present attitude of the

Nhiều câu hỏi như thế nảy sinh. Phần lớn những gì có thể được nói để đáp lại có thể bị người hoài nghi và người chính thống xem là thuần túy suy đoán. Thái độ hiện nay của

churches would seem to negate any possibility of a universal religion at this time —if ever; the divergences in doctrine and in the presented approach to God would appear to preclude any uniformity of approach. Necessarily, the outer structure of the New World Religion will be long in manifesting; there is [156] little chance of its full emergence during the present generation. The signs, however, of its rising are already to be seen on the horizon, and the dawn of true thinking is revealing them; the blueprints are already drawn. The inner attitude of humanity and a few outer happenings indicate a true inner recognition of the necessity for a revisal of orthodox religion and a revival of its spiritual influence. These are ever the preliminary steps to creation. Subjective realization always precedes the objective manifestation and so it is today in this case.

các giáo hội dường như phủ nhận mọi khả năng về một tôn giáo phổ quát vào lúc này—nếu có bao giờ; những khác biệt về giáo lý và về cách tiếp cận Thượng đế được trình bày dường như loại trừ mọi sự đồng nhất trong phương cách tiếp cận. Tất nhiên, cấu trúc bên ngoài của Tôn Giáo Thế Giới Mới sẽ còn lâu mới biểu hiện; có [156] rất ít cơ hội để nó hiển lộ trọn vẹn trong thế hệ hiện tại. Tuy nhiên, các dấu hiệu về sự trỗi dậy của nó đã có thể thấy nơi chân trời, và bình minh của tư duy chân thật đang làm chúng hiển lộ; các bản thiết kế đã được vẽ xong. Thái độ nội tâm của nhân loại và một vài biến cố bên ngoài cho thấy một sự nhận biết nội tâm chân thật về nhu cầu phải duyệt xét lại tôn giáo chính thống và phục hồi ảnh hưởng tinh thần của nó. Những điều này bao giờ cũng là các bước sơ khởi dẫn đến sáng tạo. Sự nhận biết nội tại luôn đi trước sự biểu hiện bên ngoài, và ngày nay trong trường hợp này cũng vậy.

Humanity is recognizing the need for a more vital approach to God and one more intelligently presented; men are tired of doctrinal and dogmatic differences and quarrels; the study of Comparative Religion has demonstrated that the foundational truths in every faith are identical. Because of this universality, they evoke recognition and response from all men everywhere. The only factor in reality which militates against the spiritual unity of all men everywhere is the existent clerical organizations and their militant attitude to religions and to faiths other than their own.

Nhân loại đang nhận ra nhu cầu về một phương cách tiếp cận Thượng đế sinh động hơn và được trình bày thông minh hơn; con người đã mệt mỏi với những khác biệt và tranh chấp giáo điều, tín điều; việc nghiên cứu Tôn Giáo So Sánh đã chứng minh rằng các chân lý nền tảng trong mọi tín ngưỡng đều giống nhau. Nhờ tính phổ quát này, chúng gợi lên sự nhận biết và đáp ứng từ mọi người ở khắp nơi. Yếu tố duy nhất trong thực tại chống lại sự hợp nhất tinh thần của mọi người ở khắp nơi là các tổ chức giáo sĩ hiện hữu và thái độ hiếu chiến của họ đối với các tôn giáo và tín ngưỡng khác với tôn giáo và tín ngưỡng của chính họ.

In spite of all this, the structure of the New World Religion is being raised by the dissenting groups within the institutional churches, by the many world groups who present the concept of God immanent, even

Bất chấp tất cả những điều này, cấu trúc của Tôn Giáo Thế Giới Mới đang được xây dựng bởi các nhóm bất đồng trong những giáo hội định chế, bởi nhiều nhóm thế giới trình bày khái niệm về Thượng đế nội tại, ngay cả khi

when they do so with selfish motive and with an unwholesome emphasis upon the powers of the indwelling divinity to provide perfect health, plenty of money, serene business success and unbroken popularity!

họ làm như thế với động cơ ích kỷ và với sự nhấn mạnh không lành mạnh vào các quyền năng của thiên tính nội trú nhằm đem lại sức khỏe hoàn hảo, nhiều tiền bạc, thành công kinh doanh thanh thản và sự nổi tiếng không gián đoạn!

The New World Religion is also being brought into expression through the work of the esoteric groups throughout the world because of their particular emphasis upon the fact of the spiritual Hierarchy, upon the office and the work of the Christ and upon the techniques of meditation whereby soul-awareness (or the Christ-consciousness) can be achieved. Prayer has been [157] expanded into meditation; desire has been lifted into mental aspiration. This is supplanted by a sense of unity and by the recognition of God immanent. This leads eventually to at-one-ment with God transcendent.

Tôn Giáo Thế Giới Mới cũng đang được đưa vào biểu lộ qua công việc của các nhóm nội môn khắp thế giới, bởi sự nhấn mạnh đặc biệt của họ vào sự kiện về Thánh Đoàn tinh thần, vào chức vụ và công việc của Đức Christ, và vào các kỹ thuật tham thiền nhờ đó sự nhận biết linh hồn, hay tâm thức Christ, có thể đạt được. Cầu nguyện đã được [157] mở rộng thành tham thiền; dục vọng đã được nâng lên thành khát vọng trí tuệ. Điều này được thay thế bởi ý thức về sự hợp nhất và bởi sự nhận biết Thượng đế nội tại. Cuối cùng điều này dẫn đến sự hợp nhất với Thượng đế siêu việt.

It is at this point that the Science of Invocation and Evocation can at times supersede the earlier techniques. The whole of humanity is moving forward into the area of mental understanding. The grasping nature of the prayers of the average men (based as they are upon desire for something) has long disturbed the intelligent; the vagueness of the meditation, taught and practised in the East and in the West (with its emphatically selfish note, personal liberation and personal satisfaction) is likewise causing a revolt. Something bigger and larger than individual desire and liberation is registered. Many groups are wrestling with these changes and this is, in itself, most hopeful.

Chính tại điểm này, Khoa Học Khẩn Cầu và Gợi Lên đôi khi có thể thay thế các kỹ thuật trước kia. Toàn thể nhân loại đang tiến vào lĩnh vực của sự thấu hiểu trí tuệ. Bản chất bám víu trong những lời cầu nguyện của người bình thường, vốn dựa trên ham muốn một điều gì đó, từ lâu đã làm những người thông minh bất an; sự mơ hồ của tham thiền, được dạy và thực hành ở phương Đông và phương Tây, với âm điệu ích kỷ rõ rệt của nó là giải thoát cá nhân và thỏa mãn cá nhân, cũng đang gây nên một cuộc phản kháng. Một điều gì lớn hơn và bao la hơn dục vọng cá nhân và sự giải thoát cá nhân đang được ghi nhận. Nhiều nhóm đang vật lộn với những thay đổi này, và điều đó, tự nó, là rất đáng hy vọng.

In the aggregate of these groups—within the churches or outside them—is to be found the nucleus of the New World Religion. To this should be added the activities of the

Trong tổng thể các nhóm này—bên trong các giáo hội hoặc bên ngoài chúng—có thể tìm thấy hạt nhân của Tôn Giáo Thế Giới Mới. Vào đó nên thêm các hoạt động của phong

spiritualistic movement, not from the angle of its emphasis upon phenomena (much of it is spurious or imaginative, but some of it realistic and true) but from the angle of its surety about human immortality and the evidence which it has collected. The spiritualists have not yet succeeded in proving immortality; they have succeeded in proving survival and have thus made a valuable contribution to the structure of the New World Religion.

trào thần linh học, không phải từ góc độ nhấn mạnh của nó vào hiện tượng, phần lớn là giả tạo hoặc do tưởng tượng, nhưng một phần là hiện thực và chân thật, mà từ góc độ sự xác tín của nó về sự bất tử của con người và chứng cứ mà nó đã thu thập. Các nhà thần linh học chưa thành công trong việc chứng minh sự bất tử; họ đã thành công trong việc chứng minh sự tồn tại tiếp tục, và nhờ đó đã đóng góp một phần giá trị vào cấu trúc của Tôn Giáo Thế Giới Mới.

The slowly developing powers of telepathic communication and the recognition of extra-sensory perception by science are also playing their part in demonstration of the world of non-tangible life and values; all these factors necessitate and "sub-stand" the demand for a new presentation of religion which will be inclusive in its scope and not exclusive—as it is today. The religion [158] of the future will account for the progress of humanity by its recognition of a divine Plan, historically proved. Scientifically applied discipline and training will enable mankind to function under the control of the inner divinity, or interior spiritual man; this training will also reveal to them the *fact* of God immanent in all forms and will enable them to participate in that great planetary movement—now slowly taking place—whereby God immanent is entering into a closer relation with God transcendent, via the spiritual Hierarchy of the earth.

Những quyền năng đang phát triển chậm rãi của giao tiếp viễn cảm và sự thừa nhận tri giác ngoại cảm bởi khoa học cũng đang góp phần vào việc chứng minh thế giới của sự sống và các giá trị phi vật thể; tất cả những yếu tố này đòi hỏi và "làm nền" cho nhu cầu về một sự trình bày mới của tôn giáo, có phạm vi bao gồm và không loại trừ như hiện nay. Tôn giáo [158] của tương lai sẽ giải thích sự tiến bộ của nhân loại qua sự nhận biết một Thiên Cơ, đã được chứng minh trong lịch sử. Kỷ luật và huấn luyện được áp dụng một cách khoa học sẽ giúp nhân loại hoạt động dưới sự kiểm soát của thiên tính nội tại, hay con người tinh thần bên trong; sự huấn luyện này cũng sẽ mặc khải cho họ *sự kiện* về Thượng đế nội tại trong mọi hình tướng và sẽ giúp họ tham dự vào phong trào hành tinh vĩ đại—nay đang diễn ra chậm rãi—qua đó Thượng đế nội tại đang bước vào một mối liên hệ gần gũi hơn với Thượng đế siêu việt, thông qua Thánh Đoàn tinh thần của Trái Đất.

The keynote of the New World Religion is *Divine Approach*. "Draw near to Him and He will draw near to you" is the injunction, emanating in new and clear tones from the Hierarchy today. *The great theme* of the New World Religion will be the unifying of the great divine Approaches; *the task* ahead of the churches is to prepare humanity,

Chủ âm của Tôn Giáo Thế Giới Mới là *Cuộc Tiếp Cận Thiêng Liêng*. "Hãy đến gần Ngài và Ngài sẽ đến gần các bạn" là lời huấn thị, đang phát ra bằng những âm điệu mới mẻ và rõ ràng từ Thánh Đoàn ngày nay. *Chủ đề vĩ đại* của Tôn Giáo Thế Giới Mới sẽ là sự hợp nhất các Cuộc Tiếp Cận thiêng liêng vĩ đại; *nhiệm vụ* trước mắt các giáo hội là chuẩn bị nhân

through organized and spiritual movements, for the fifth imminent Approach; *the method* employed will be the scientific and intelligent use of Invocation and Evocation and the recognition of its stupendous potency; *the objective* of the coming Approach, of the preparatory work and of the invocation, is revelation—a revelation which has ever been cyclically given and which today is ready for man's acceptance.

loại, qua những phong trào có tổ chức và tinh thần, cho Cuộc Tiếp Cận thứ năm đang gần kề; *phương pháp* được sử dụng sẽ là việc dùng Khẩn Cầu và Gợi Lên một cách khoa học và thông minh, cùng sự nhận biết quyền năng phi thường của nó; *mục tiêu* của Cuộc Tiếp Cận sắp đến, của công việc chuẩn bị và của sự khẩn cầu, là sự mặc khải—một sự mặc khải vốn luôn được ban theo chu kỳ và ngày nay đã sẵn sàng để con người chấp nhận.

Invocation is of three kinds. There is, first of all, the massed demand, unconsciously voiced, and the crying appeal, wrung from the hearts of men in all times of crisis, such as the present. This invocative cry rises ceaselessly from all men living in the midst of disaster and is addressed to that power outside themselves which they feel can and should come to their help in their moment of extremity. That great and wordless invocation is rising everywhere today. Then there is the invocational spirit, evidenced by sincere men as they participate in the rites of their religion and take advantage of the opportunity of united worship and prayer to lay their [159] demands for help before God. This group, added to the mass of men, creates a huge body of invocative applicants and, at this time, their massed intent is in great evidence and their invocation is rising to the Most High. Then, lastly, there are the trained disciples and aspirants of the world who use certain forms of words, certain carefully defined invocations and who—as they do—focus the invocative cry and the invocative appeal of the other two groups, giving it right direction and power. All these three groups are, consciously or unconsciously, swinging into activity at this time and their united effort guarantees a resultant evocation.

Khẩn cầu có ba loại. Trước hết, có nhu cầu tập thể, được cất lên một cách vô thức, và tiếng kêu cầu, bị vắt ra từ trái tim con người trong mọi thời kỳ khủng hoảng, như hiện nay. Tiếng kêu khẩn cầu này không ngừng dâng lên từ mọi người đang sống giữa tai họa và được hướng đến quyền năng bên ngoài chính họ mà họ cảm thấy có thể và nên đến trợ giúp họ trong giờ phút cùng cực. Lời khẩn cầu vĩ đại và không lời ấy ngày nay đang dâng lên khắp nơi. Kế đến, có tinh thần khẩn cầu, được chứng tỏ bởi những người chân thành khi họ tham dự các nghi thức của tôn giáo mình và tận dụng cơ hội thờ phượng và cầu nguyện chung để đặt [159] những nhu cầu được trợ giúp của họ trước Thượng đế. Nhóm này, cộng với quần chúng nhân loại, tạo nên một khối đông đảo những người khẩn cầu, và vào lúc này, ý định tập thể của họ biểu hiện rất rõ, còn lời khẩn cầu của họ đang dâng lên Đấng Tối Cao. Sau cùng, có các đệ tử và người chí nguyện đã được huấn luyện trên thế giới, những người sử dụng một số hình thức ngôn từ, một số lời khẩn cầu được xác định cẩn thận, và khi làm như thế, họ tập trung tiếng kêu khẩn cầu và lời thỉnh cầu khẩn cầu của hai nhóm kia, đem lại cho nó phương hướng đúng và quyền năng. Cả ba nhóm này, hữu thức hay vô thức, đều đang đi vào hoạt động vào lúc này, và nỗ lực hợp nhất của họ bảo đảm một sự gợi lên tương ứng.

This new invocative work will be the keynote of the coming world religion and will fall into two parts. There will be the invocative work of the masses of the people, everywhere trained by the spiritually minded people of the world (working in the churches whenever possible under an enlightened clergy) to accept the fact of the approaching spiritual energies, focussed through Christ and His spiritual Hierarchy, and trained also to voice their demand for light, liberation and understanding. There will also be the skilled work of invocation as practised by those who have trained their minds through right meditation, who know the potency of formulas, mantrams and invocations and who work consciously. They will increasingly use certain great formulas of words which will later be given to the race, just as the Lord's Prayer was given by the Christ, and the New Invocation has been given out for use at this time by the Hierarchy.

Công việc khẩn cầu mới này sẽ là chủ âm của tôn giáo thế giới sắp đến và sẽ chia thành hai phần. Sẽ có công việc khẩn cầu của quần chúng nhân dân, ở khắp nơi được những người có trí hướng tinh thần của thế giới huấn luyện, làm việc trong các giáo hội bất cứ khi nào có thể dưới một hàng giáo sĩ giác ngộ, để chấp nhận sự kiện về các năng lượng tinh thần đang đến gần, được tập trung qua Đức Christ và Thánh Đoàn tinh thần của Ngài, và cũng được huấn luyện để cất lên nhu cầu của họ về ánh sáng, giải thoát và thấu hiểu. Cũng sẽ có công việc khẩn cầu thiện nghệ như được thực hành bởi những người đã huấn luyện thể trí của họ qua tham thiền đúng đắn, những người biết quyền năng của các công thức, mantram và lời khẩn cầu, và những người làm việc một cách hữu thức. Họ sẽ ngày càng sử dụng một số công thức ngôn từ vĩ đại, về sau sẽ được ban cho nhân loại, cũng như Kinh Lạy Cha đã được Đức Christ ban, và Lời Khẩn Cầu Mới đã được Thánh Đoàn đưa ra để sử dụng vào lúc này.

This new religious science for which prayer, meditation and ritual have prepared humanity will train its people to present—at stated periods throughout the year—the voiced demand of the people of the world for relationship with God and for a closer spiritual relation to each other. This work, when rightly carried forward, will evoke response from the waiting Hierarchy [160] and from its Head, the Christ. Through this response, the belief of the masses will gradually be charged into the conviction of the knowers. In this way the mass of men will be transformed and spiritualized, and the two great divine centres of energy or groups—the Hierarchy and Humanity itself—will begin to work in complete at-one-ment and unity. Then the Kingdom of God

Khoa học tôn giáo mới này, mà cầu nguyện, tham thiền và nghi lễ đã chuẩn bị nhân loại cho nó, sẽ huấn luyện dân chúng của mình trình bày—vào những thời kỳ đã định trong suốt năm—nhu cầu được xướng lên của nhân dân thế giới về mối liên hệ với Thượng đế và về một mối liên hệ tinh thần gần gũi hơn với nhau. Công việc này, khi được tiến hành đúng đắn, sẽ gợi lên đáp ứng từ Thánh Đoàn đang chờ đợi [160] và từ Đấng Đứng Đầu của Thánh Đoàn, Đức Christ. Qua đáp ứng này, niềm tin của quần chúng sẽ dần dần được chuyển thành xác tín của các thức giả. Bằng cách này, quần chúng nhân loại sẽ được chuyển đổi và tinh thần hóa, và hai trung tâm hay nhóm năng lượng thiêng liêng vĩ đại—Thánh Đoàn và chính Nhân Loại—sẽ bắt đầu làm việc trong sự hợp nhất và thống nhất hoàn toàn. Bấy giờ Thiên Giới

will in deed and in truth be functioning on earth.

sẽ thật sự và đúng nghĩa hoạt động trên Trái Đất.

It will be obvious to you that this technique of invocation and evocation has its roots in past methods of human approach to Deity. Men have long used the method of prayer with important and deeply spiritual results, in spite of its frequent misuse for selfish purposes; people, more intelligent and more mentally focussed, have employed more generally the method of meditation in order to arrive at knowledge of God, to awaken the intuition and to understand the nature of truth. These two methods of prayer and of meditation have brought humanity to the various spiritual recognitions which distinguish human thinking; through their means also the Scriptures of the world have been produced and the great spiritual concepts which have conditioned human living and which have led man on from one revelation to another have found their way into the minds of men. Worship also has played its part and has attempted to organize groups of believers into an oriented and united approach to God; however, the emphasis has again been on God transcendent and not on God immanent. When the God immanent in every human heart is awakened and functioning (even if only in a small degree) the potency of worship as an act of invocative approach to God will prove amazing and miraculous in its results. A response beyond man's deepest hopes will be evoked from Christ and His group of workers.

Các bạn sẽ thấy rõ rằng kỹ thuật khẩn cầu và gợi lên này có cội rễ trong các phương pháp xưa kia của con người nhằm tiếp cận Thượng Đế. Con người từ lâu đã sử dụng phương pháp cầu nguyện với những kết quả quan trọng và sâu sắc về tinh thần, bất chấp việc nó thường bị lạm dụng cho các mục đích ích kỷ; những người thông minh hơn và tập trung trí tuệ hơn đã dùng phương pháp tham thiền một cách phổ biến hơn để đạt tới tri thức về Thượng đế, đánh thức trực giác và thấu hiểu bản chất của chân lý. Hai phương pháp cầu nguyện và tham thiền này đã đưa nhân loại đến những nhận biết tinh thần khác nhau vốn phân biệt tư duy con người; cũng nhờ phương tiện của chúng, các Thánh Kinh của thế giới đã được tạo ra, và những khái niệm tinh thần vĩ đại vốn đã định hình đời sống con người và dẫn dắt con người từ mặc khải này sang mặc khải khác đã tìm đường vào trí tuệ của con người. Sự thờ phượng cũng đã đóng vai trò của nó và đã cố gắng tổ chức các nhóm tín đồ thành một phương cách tiếp cận Thượng đế có định hướng và hợp nhất; tuy nhiên, một lần nữa, sự nhấn mạnh lại đặt trên Thượng đế siêu việt chứ không phải Thượng đế nội tại. Khi Thượng đế nội tại trong mỗi trái tim con người được đánh thức và hoạt động, dù chỉ ở một mức độ nhỏ, quyền năng của sự thờ phượng như một hành vi khẩn cầu tiếp cận Thượng đế sẽ chứng tỏ là kỳ diệu và nhiệm mầu trong các kết quả của nó. Một đáp ứng vượt quá những hy vọng sâu xa nhất của con người sẽ được gợi lên từ Đức Christ và nhóm người hoạt động của Ngài.

To these two great concepts underlying the New World Religion—Approach to God, and Invocation and [161] Evocation—must be added the exceedingly modern one of *energy*

Vào hai khái niệm vĩ đại này nằm dưới Tôn Giáo Thế Giới Mới—Tiếp Cận Thượng đế, và Khẩn Cầu cùng [161] Gợi Lên—phải thêm khái niệm hết sức hiện đại về *năng lượng* như

as the basis of all life, all forms and all action and the medium of all relationships. The force of the mind in producing telepathic rapport has already been recognized by science; mental power is today registered as an energy, capable of contact, of recognition and of producing a reciprocal activity. Prayer has always recognized this, without attempting to formulate the mode whereby phenomena are produced through the medium of prayer. But in prayer, meditation and worship there is undoubtedly an energy factor, proceeding from *this* to *that* and producing in many cases the desired response in some form or another. Meditation is also an energy, setting in motion potencies which can eliminate certain aspects of thought or attract other aspects, such as visions, ideas, and spiritual recognitions. Worship has ever been known to produce a group stimulation when successfully oriented and focussed even to the point of ecstasy or hysteria, Pentecost or revelation. To these three—Prayer, Meditation and Worship—must now be added conscious Invocation, plus a trained expectancy of a reciprocal Evocation.

nền tảng của mọi sự sống, mọi hình tướng và mọi hành động, cũng như phương tiện của mọi mối liên hệ. Mãnh lực của thể trí trong việc tạo ra mối giao cảm viễn cảm đã được khoa học thừa nhận; quyền năng trí tuệ ngày nay được ghi nhận như một năng lượng, có khả năng tiếp xúc, nhận biết và tạo ra một hoạt động hỗ tương. Cầu nguyện luôn luôn nhận biết điều này, dù không cố gắng công thức hóa phương thức qua đó các hiện tượng được tạo ra bằng phương tiện cầu nguyện. Nhưng trong cầu nguyện, tham thiền và thờ phượng chắc chắn có một yếu tố năng lượng, đi từ *điều này* đến *điều kia* và trong nhiều trường hợp tạo ra đáp ứng mong muốn dưới hình thức này hay hình thức khác. Tham thiền cũng là một năng lượng, khởi động những quyền năng có thể loại bỏ một số phương diện của tư tưởng hoặc thu hút những phương diện khác, như các linh ảnh, ý tưởng và nhận biết tinh thần. Sự thờ phượng từ lâu đã được biết là tạo ra một kích thích tập thể khi được định hướng và tập trung thành công, thậm chí đến mức xuất thần hay cuồng loạn, Lễ Ngũ Tuần hay sự mặc khải. Vào ba điều này—Cầu Nguyện, Tham Thiền và Thờ Phượng—nay phải thêm Khẩn Cầu hữu thức, cộng với một sự trông đợi được huấn luyện về một Gợi Lên hỗ tương.

There are also many forms of energy and many spiritual potencies which are not as yet generally recognized but to which the church Festivals of all religions bear witness; these are released at the period of the Festivals. It is not possible in this book to deal with this subject in any detail. But we can indicate the general line of thought which will produce and condition the New World Religion, which will link it with all of the good which the past has given, which will make it spiritually effective in the future and which today will slowly condition man's approach to God—an approach which for the

Cũng có nhiều hình thức năng lượng và nhiều quyền năng tinh thần chưa được nhận biết rộng rãi, nhưng các Lễ hội của giáo hội trong mọi tôn giáo đều làm chứng cho chúng; chúng được phóng thích vào thời kỳ các Lễ hội. Trong quyển sách này không thể đề cập đến chủ đề này một cách chi tiết. Nhưng chúng ta có thể chỉ ra đường hướng tư tưởng tổng quát sẽ tạo ra và định hình Tôn Giáo Thế Giới Mới, sẽ liên kết nó với tất cả điều tốt đẹp mà quá khứ đã trao, sẽ làm cho nó hữu hiệu về mặt tinh thần trong tương lai và ngày nay sẽ dần dần định hình phương cách con người tiếp cận Thượng đế

first time in history can be organized on a worldwide scale and consciously undertaken. This indicates that because of man's desperate need, because of [162] the crisis through which humanity has just passed and is now passing, men and women of vision and of inclusive thinking in all the churches of every world faith will end their doctrinal differences, agree on the essential religious truths and then proceed unitedly and with some uniformity of ritual and ceremonial to approach *together* the centre of spiritual power.

—một phương cách tiếp cận mà lần đầu tiên trong lịch sử có thể được tổ chức trên quy mô toàn cầu và được đảm nhận một cách hữu thức. Điều này cho thấy rằng, vì nhu cầu tuyệt vọng của con người, vì [162] cuộc khủng hoảng mà nhân loại vừa trải qua và hiện đang trải qua, những người nam và nữ có tầm nhìn và tư duy bao gồm trong tất cả các giáo hội của mọi tín ngưỡng thế giới sẽ chấm dứt những khác biệt giáo điều, đồng thuận về các chân lý tôn giáo thiết yếu, rồi cùng nhau tiến hành, một cách thống nhất và với phần nào sự đồng nhất về nghi lễ và nghi thức, để *cùng nhau* tiếp cận trung tâm quyền năng tinh thần.

Is this too much to expect and to ask of humanity in the hour of man's need? Cannot the enlightened members of the present great world religions in the East and in the West get together and plan for such an invocative undertaking and thus *together* inaugurate the mode of spiritual Approach which will serve to unify their efforts and establish the seed at least of the New World Religion?

Điều này có phải là quá nhiều để mong đợi và đòi hỏi nơi nhân loại trong giờ phút nhu cầu của con người không? Các thành viên giác ngộ của những tôn giáo thế giới lớn hiện nay ở phương Đông và phương Tây không thể cùng nhau họp lại và lập kế hoạch cho một công cuộc khẩn cầu như thế, và như vậy *cùng nhau* khai mở phương thức Tiếp Cận tinh thần sẽ giúp hợp nhất các nỗ lực của họ và ít nhất thiết lập hạt giống của Tôn Giáo Thế Giới Mới sao?

The establishing of a measure of uniformity of procedure will not prove so difficult once a measure of unity on the spiritual essentials has been achieved. This carefully determined uniformity will aid men everywhere to strengthen each other's work and enhance powerfully the stream of thought energy which can be directed towards those spiritual Lives, working under the Christ, Who stand expectantly waiting to come to the aid of humanity. At present the Christian religion has its great Festivals; the Buddhist keeps his particular set of spiritual events, and the Hindu has still another list of holy days, as has also the Mohammedan. Is it not possible that in the

Việc thiết lập một mức độ đồng nhất trong thủ tục sẽ không tỏ ra quá khó khăn một khi đã đạt được một mức độ hợp nhất trên các điều cốt yếu tinh thần. Sự đồng nhất được xác định cẩn thận này sẽ giúp con người ở khắp nơi củng cố công việc của nhau và tăng cường mạnh mẽ dòng năng lượng tư tưởng có thể được hướng đến những Sự Sống tinh thần đang làm việc dưới Đức Christ, Các Ngài đang trông đợi và chờ sẵn để đến trợ giúp nhân loại. Hiện nay tôn giáo Kitô giáo có các Lễ hội lớn của mình; Phật tử giữ nhóm sự kiện tinh thần riêng của họ, và người Hindu có một danh sách ngày thánh khác, cũng như người Hồi giáo. Chẳng lẽ không thể rằng trong thế giới tương lai, con người ở khắp

world of the future, men everywhere and of all faiths will keep the same holy days and unite in honour of the same Festivals? This will bring about a pooling of spiritual resources and a united spiritual effort, plus a simultaneous spiritual invocation. The potency of this is surely apparent.

nơi và thuộc mọi tín ngưỡng sẽ giữ cùng những ngày thánh và hợp nhất trong việc tôn vinh cùng những Lễ hội sao? Điều này sẽ đem lại sự góp chung các nguồn lực tinh thần và một nỗ lực tinh thần hợp nhất, cộng với một sự khẩn cầu tinh thần đồng thời. Quyền năng của điều này chắc chắn là hiển nhiên.

Let us indicate the possibilities of such a spiritual happening, and prophesy the nature of certain of the future worldwide Festivals. There are three such Festivals [163] each year which all men could and would normally and easily keep together, in unison and with a uniformity of approach which would link them all closely together. These three Festivals are concentrated in three consecutive months and lead, therefore, to a prolonged annual spiritual effort which should affect the entire year. They would serve to unite in closer spiritual ties the Eastern and the Western believer; they express divinity in manifestation through the place where the will of God is known, through the spiritual Hierarchy where the love of God is fully expressed and through humanity whose task it is intelligently to work out God's plan in love and goodwill to all men.

Chúng ta hãy chỉ ra những khả năng của một sự kiện tinh thần như thế, và tiên tri bản chất của một số Lễ hội toàn cầu trong tương lai. Có ba Lễ hội như thế [163] mỗi năm mà mọi người có thể và bình thường sẽ dễ dàng cùng nhau giữ, trong sự hòa hợp và với một sự đồng nhất trong phương cách tiếp cận, điều sẽ liên kết tất cả họ chặt chẽ với nhau. Ba Lễ hội này tập trung trong ba tháng liên tiếp và do đó dẫn đến một nỗ lực tinh thần hằng năm kéo dài, vốn sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ năm. Chúng sẽ giúp liên kết tín đồ phương Đông và phương Tây bằng những mối dây tinh thần gần gũi hơn; chúng biểu lộ thiên tính trong biểu hiện qua nơi Ý Chí của Thượng Đế được biết đến, qua Thánh Đoàn tinh thần nơi Tình thương của Thượng đế được biểu lộ trọn vẹn, và qua nhân loại, vốn có nhiệm vụ thực hiện Thiên Cơ của Thượng đế một cách thông minh trong tình thương và thiện chí đối với mọi người.

I. *The Festival of Easter.* This is the festival of the risen, living Christ, the Head of the spiritual Hierarchy, the Inaugurator of the Kingdom of God and the Expression of the love of God. On this day, the spiritual Hierarchy which He guides and directs will be universally recognized, man's relation to it emphasized and the nature of God's love registered. Men everywhere will invoke that love, with its power to produce resurrection and spiritual livingness. This Festival is determined always by the date of the first

I. *Lễ hội Phục Sinh.* Đây là lễ hội của Đức Christ phục sinh, hằng sống, Đấng Đứng Đầu Thánh Đoàn tinh thần, Đấng Khai Mở Thiên Giới và Sự Biểu Lộ Tình thương của Thượng đế. Vào ngày này, Thánh Đoàn tinh thần mà Ngài hướng dẫn và chỉ đạo sẽ được thừa nhận phổ quát, mối liên hệ của con người với Thánh Đoàn sẽ được nhấn mạnh và bản chất Tình thương của Thượng đế sẽ được ghi nhận. Con người ở khắp nơi sẽ khẩn cầu tình thương ấy, với quyền năng của nó nhằm tạo ra sự phục sinh và sức sống tinh thần. Lễ hội

Full Moon of spring. The eyes and thoughts of men will be fixed on life, not death; Good Friday will no longer be a factor in the life of the churches. Easter will be the great Western festival.

này luôn được xác định bởi ngày Trăng Tròn đầu tiên của mùa xuân. Mắt và tư tưởng của con người sẽ hướng vào sự sống, không phải sự chết; Thứ Sáu Tuần Thánh sẽ không còn là một yếu tố trong đời sống của các giáo hội. Phục Sinh sẽ là lễ hội vĩ đại của phương Tây.

II. *The Festival of Wesak or Vaisakha.* This is the festival of the Buddha, that great spiritual Intermediary between the centre where the will of God is known and the spiritual Hierarchy. The Buddha is the expression of the will of God, the embodiment of Light and the indicator of the divine purpose. Men everywhere will evoke wisdom and understanding and the inflow of light into the minds of men everywhere. This Festival is determined in relation to the Full Moon of Taurus. [164] It is the great Eastern festival and is already meeting with Western recognition; thousands of Christians today keep the festival of the Buddha.

II. *Lễ hội Wesak hay Vaisakha.* Đây là lễ hội của Đức Phật, Đấng Trung Gian tinh thần vĩ đại giữa trung tâm nơi Ý Chí của Thượng Đế được biết đến và Thánh Đoàn tinh thần. Đức Phật là sự biểu lộ Ý Chí của Thượng Đế, hiện thân của Ánh sáng và Đấng chỉ ra Thiên Ý. Con người ở khắp nơi sẽ gợi lên minh triết và thấu hiểu, cùng dòng tuôn ánh sáng vào thể trí của con người ở khắp nơi. Lễ hội này được xác định liên hệ với Trăng Tròn Kim Ngưu. [164] Đây là lễ hội vĩ đại của phương Đông và đã đang được phương Tây thừa nhận; hàng ngàn Kitô hữu ngày nay giữ lễ hội của Đức Phật.

III. *The Festival of Humanity.* This will be the festival of the spirit of humanity—aspiring to approach nearer to God, seeking conformity to the divine will to which the Buddha called attention, dedicated to the expression of goodwill which is the lowest aspect of love to which Christ called attention and of which He was the perfect expression. It will be the day pre-eminently on which the divine nature of man will be recognized and his power to express goodwill and to establish right human relations (because of his divinity) will be stressed. On this festival we are told Christ has for nearly two thousand years represented humanity and has stood before the Hierarchy as the God-man, the leader of His people and "the Eldest in a great family of brothers". This will, therefore, be a festival of deep invocation and appeal; it will express

III. *Lễ hội Nhân Loại.* Đây sẽ là lễ hội của tinh thần nhân loại—khát vọng tiến gần hơn đến Thượng đế, tìm kiếm sự phù hợp với Ý Chí thiêng liêng mà Đức Phật đã lưu ý, thánh hiến cho sự biểu lộ thiện chí, vốn là phương diện thấp nhất của tình thương mà Đức Christ đã lưu ý và Ngài là sự biểu lộ hoàn hảo của nó. Đây sẽ là ngày đặc biệt vượt trội, trong đó bản chất thiêng liêng của con người sẽ được nhận biết, và quyền năng của y trong việc biểu lộ thiện chí và thiết lập các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, nhờ thiên tính của y, sẽ được nhấn mạnh. Trong lễ hội này, chúng ta được cho biết rằng Đức Christ, trong gần hai ngàn năm, đã đại diện cho nhân loại và đã đứng trước Thánh Đoàn như Thượng đế-con người, người lãnh đạo dân của Ngài và "Người Anh Cả trong một đại gia đình huynh đệ". Vì vậy, đây sẽ là một lễ hội của sự khẩn cầu và thỉnh cầu sâu

a basic aspiration towards fellowship and for human and spiritual unity; it will represent the effect in the human consciousness of the work of the Buddha and of the Christ. It will be held at the time of the Full Moon of Gemini.

xa; nó sẽ biểu lộ một khát vọng nền tảng hướng tới tình huynh đệ và sự hợp nhất nhân loại và tinh thần; nó sẽ đại diện cho hiệu quả trong tâm thức nhân loại của công việc của Đức Phật và Đức Christ. Nó sẽ được tổ chức vào thời điểm Trăng Tròn Song Tử.

If in these early days of restoration and of the inauguration of the new civilization and of the new world, men of all faiths and all religions, of every cult and all esoteric groups were to keep these three great Festivals of Invocation, simultaneously and with understanding of the far-reaching implications, a great spiritual unity would be achieved; if they unitedly invoked the spiritual Hierarchy and sought consciously to contact its Head a great and general inflow of spiritual light and love would occur; if they together determined, with steadfastness and understanding, to approach nearer to God, who could doubt the stupendous results which eventually would be seen? Not only would an underlying unity [165] between men of all faiths be attained, not only would brotherhood be recognized as a fact and not only would our oneness of origin, of goal and of life be recognized but that which would be evoked would change all aspects of human living, would condition our civilisation, change our mode of life and make the spiritual world a dominant reality in the human consciousness.

Nếu trong những ngày đầu của sự phục hồi và của việc khai mở nền văn minh mới và thế giới mới, những người thuộc mọi tín ngưỡng và mọi tôn giáo, thuộc mọi phái thờ tự và mọi nhóm nội môn, cùng giữ ba Lễ hội Khẩn Cầu vĩ đại này, đồng thời và với sự thấu hiểu những hàm ý sâu rộng, thì một sự hợp nhất tinh thần vĩ đại sẽ đạt được; nếu họ cùng nhau khẩn cầu Thánh Đoàn tinh thần và hữu thức tìm cách tiếp xúc Đấng Đứng Đầu của Thánh Đoàn, một dòng tuôn lớn lao và rộng khắp của ánh sáng và tình thương tinh thần sẽ xảy ra; nếu họ cùng nhau quyết định, với sự kiên định và thấu hiểu, tiến gần hơn đến Thượng đế, ai có thể nghi ngờ những kết quả phi thường cuối cùng sẽ được thấy? Không chỉ một sự hợp nhất nền tảng [165] giữa những người thuộc mọi tín ngưỡng sẽ đạt được, không chỉ tình huynh đệ sẽ được nhận biết như một sự kiện, và không chỉ sự nhất thể của chúng ta về nguồn gốc, mục tiêu và sự sống sẽ được nhận biết, mà điều được gợi lên sẽ thay đổi mọi phương diện của đời sống con người, sẽ định hình nền văn minh của chúng ta, thay đổi lối sống của chúng ta và làm cho thế giới tinh thần trở thành một thực tại thống lĩnh trong tâm thức nhân loại.

God, in the person of Christ and His Hierarchy would draw nearer to His people; God, through the instrumentality of the Buddha, would reveal His eternal light and evoke our intelligent cooperation; God, through the spiritual Hierarchy and through that centre where the will of God is known, would bring humanity to the point of

Thượng đế, trong con người của Đức Christ và Thánh Đoàn của Ngài, sẽ đến gần dân của Ngài hơn; Thượng đế, qua phương tiện của Đức Phật, sẽ mặc khải ánh sáng vĩnh cửu của Ngài và gợi lên sự hợp tác thông minh của chúng ta; Thượng đế, qua Thánh Đoàn tinh thần và qua trung tâm nơi Ý Chí của Thượng Đế được biết đến, sẽ đưa nhân loại đến điểm

resurrection and to a spiritual awareness which would bring about goodwill towards men and peace on earth. The will of God transcendent would be carried out through the medium of God immanent in man; it would be expressed in love in response to the work of Christ; it would be intelligently presented on earth because the minds of men would have been illumined as the result of their united invocation, the unity of their effort and the oneness of their understanding.

phục sinh và đến một sự nhận biết tinh thần sẽ đem lại thiện chí đối với con người và hòa bình trên Trái Đất. Ý Chí của Thượng Đế siêu việt sẽ được thực hiện qua phương tiện của Thượng đế nội tại trong con người; nó sẽ được biểu lộ trong tình thương để đáp ứng công việc của Đức Christ; nó sẽ được trình bày một cách thông minh trên Trái Đất bởi vì thể trí của con người sẽ được soi sáng như kết quả của sự khẩn cầu hợp nhất của họ, sự hợp nhất trong nỗ lực của họ và sự nhất thể trong thấu hiểu của họ.

It is for this that humanity waits; it is for this that the churches must work; it is these qualities and characteristics which will condition the New World Religion.

Chính vì điều này mà nhân loại chờ đợi; chính vì điều này mà các giáo hội phải làm việc; chính những phẩm tính và đặc tính này sẽ định hình Tôn Giáo Thế Giới Mới.

The great Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love [166] and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through *humanity* itself can the Divine Plan work out.

Đại Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện vĩ đại không thuộc về bất cứ cá nhân hay nhóm nào, mà thuộc về toàn thể Nhân Loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của Lời Khẩn Cầu này nằm trong sự giản dị của nó, và trong sự biểu lộ một số chân lý trung tâm mà mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự hiện hữu của một Trí Tuệ căn bản mà chúng ta mơ hồ gọi là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ ngoài bên ngoài, quyền năng thúc đẩy của vũ trụ là Tình thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến Trái Đất, được các Kitô hữu gọi là Đức Christ, và đã hiện thân tình thương ấy để chúng ta có thể thấu hiểu; chân lý rằng cả tình thương [166] lẫn trí tuệ đều là các hiệu quả của điều được gọi là Ý Chí của Thượng Đế; và cuối cùng, chân lý hiển nhiên rằng chỉ qua chính *nhân loại* mà Thiên Cơ mới có thể được thực hiện.

THE GREAT INVOCATION

ĐẠI KHẤN NGUYỆN

From the point of Light within the Mind of God

Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế

Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian

CHAPTER 6 - THE PROBLEM OF INTERNATIONAL UNITY – CHƯƠNG 6 - VẤN ĐỀ HỢP NHẤT QUỐC TẾ

[167] The distribution of the world's resources and the settled unity of the peoples of the world are in reality one and the same thing, for behind all modern wars lies a fundamental economic problem. Solve that and wars will very largely cease. In considering, therefore, the preservation of peace, as sought for and emphasized by the United Nations at this time, it becomes immediately apparent that peace, security and world stability are primarily tied up with the economic problem. When there is freedom from want, one of the major causes of war will disappear. Where there is uneven distribution of the world's riches and where there is a situation in which some nations have or take everything and other nations lack the necessities of life, it is obvious that there is a trouble-breeding factor there and that something must be done. Therefore we should deal with world unity and peace primarily from the angle of the economic problem.

[167] Sự phân phối các nguồn lực của thế giới và sự hợp nhất ổn định của các dân tộc trên thế giới, trong thực tế, là một và cùng một điều, vì đằng sau mọi cuộc chiến tranh hiện đại có một vấn đề kinh tế căn bản. Giải quyết được điều đó thì chiến tranh phần lớn sẽ chấm dứt. Vì vậy, khi xem xét việc duy trì hòa bình, như Liên Hiệp Quốc đang tìm kiếm và nhấn mạnh vào lúc này, điều lập tức trở nên rõ ràng là hòa bình, an ninh và sự ổn định thế giới trước hết gắn liền với vấn đề kinh tế. Khi con người thoát khỏi thiếu thốn, một trong những nguyên nhân chính của chiến tranh sẽ biến mất. Nơi nào có sự phân phối không đều các của cải của thế giới, và nơi nào có tình trạng một số quốc gia có hoặc lấy mọi thứ còn các quốc gia khác thiếu những nhu yếu phẩm của đời sống, thì hiển nhiên nơi đó có một yếu tố gây rối loạn, và điều gì đó phải được thực hiện. Vì vậy, chúng ta nên đề cập đến sự hợp nhất và hòa bình thế giới trước hết từ góc độ vấn đề kinh tế.

With the cessation of World War II came the opportunity to inaugurate a new and better way of life, and to establish that security and peace for which all men ceaselessly long. Three groups immediately appeared in the world:

Với sự chấm dứt của Thế Chiến II, cơ hội đã đến để khai mở một lối sống mới và tốt đẹp hơn, và để thiết lập sự an ninh và hòa bình mà mọi người không ngừng khao khát. Ba nhóm lập tức xuất hiện trên thế giới:

1. The powerful, reactionary, conservative groups desirous of retaining as much of the past as possible, having great power and no vision.

1. Những nhóm quyền lực, phản động, bảo thủ, mong muốn giữ lại càng nhiều quá khứ càng tốt, có quyền lực lớn nhưng không có tầm nhìn.

2. The fanatical ideologists in every country —communistic, democratic and fascist. [168]

2. Những nhà ý thức hệ cuồng tín trong mọi quốc gia—cộng sản, dân chủ và phát xít. [168]

3. The inert masses of the people in every land, ignorant for the most part, desiring only peace after storm and security in the place of economic disaster; they are victimised by their rulers, by established old conditions, and kept in the dark as to the truth of the world situation.

3. Quần chúng trì trệ trong mọi xứ sở, phần lớn là vô minh, chỉ mong muốn hòa bình sau bão tố và an ninh thay cho thảm họa kinh tế; họ bị các nhà cai trị của mình, các điều kiện cũ đã được thiết lập, biến thành nạn nhân, và bị giữ trong bóng tối về chân lý của tình hình thế giới.

All these factors produce the present disorders and condition the deliberations of the United Nations. Though there is no major war, there is no peace, no security and no immediate hope of either.

Tất cả các yếu tố này tạo ra những rối loạn hiện nay và định hình các cuộc thảo luận của Liên Hiệp Quốc. Dù không có chiến tranh lớn, nhưng không có hòa bình, không có an ninh và không có hy vọng tức thời về cả hai.

It is essential for the future happiness and progress of humanity that there should be no return to the old ways, whether political, religious or economic. Therefore, in handling these problems we should search out the wrong conditions which have brought humanity to its present state of almost cataclysmic disaster. These conditions were the result of religious faiths which have not moved forward in their thinking for hundreds of years; of economic systems which lay the emphasis upon the accumulation of riches and material possessions and which leave all the power and the produce of the earth in the hands of a relatively few men, while the rest of humanity struggle for a bare subsistence; and of political regimes run by the corrupt, the totalitarian-minded, the grafters and those who love place and power more than they love their fellowmen.

Điều thiết yếu cho hạnh phúc và sự tiến bộ tương lai của nhân loại là không được quay trở lại những đường lối cũ, dù là chính trị, tôn giáo hay kinh tế. Vì vậy, khi xử lý những vấn đề này, chúng ta nên tìm ra những điều kiện sai lầm đã đưa nhân loại đến tình trạng gần như thảm họa kinh hoàng hiện nay. Những điều kiện này là kết quả của các tín ngưỡng tôn giáo đã không tiến lên trong tư duy của mình suốt hàng trăm năm; của các hệ thống kinh tế đặt sự nhấn mạnh vào việc tích lũy của cải và tài sản vật chất, và để lại mọi quyền lực cùng sản vật của Trái Đất trong tay một số tương đối ít người, trong khi phần còn lại của nhân loại phải vật lộn để có mức sinh tồn tối thiểu; và của các chế độ chính trị do những kẻ tham nhũng, có đầu óc toàn trị, những kẻ trục lợi và những người yêu địa vị cùng quyền lực hơn yêu đồng loại của mình điều hành.

It is essential that there should be a presentation of these things in terms of *the spiritual welfare* of humanity and a truer interpretation of the meaning of the word "spiritual". The time is long past when a line of demarcation can be drawn between the religious world and the political or the

Điều thiết yếu là phải trình bày những điều này theo ngôn ngữ của *phúc lợi tinh thần* của nhân loại và một sự diễn giải chân thật hơn về ý nghĩa của từ "tinh thần". Thời kỳ mà một đường ranh phân cách có thể được vạch ra giữa thế giới tôn giáo và thế giới chính trị hay kinh tế đã qua từ lâu. Lý do của nền

economic. The reason for the corrupt politics and the greedy ambitious planning of so many of the world's leading men can be found in the fact that spiritually minded men and women have not assumed—[169] as their spiritual duty and responsibility—the leadership of the people. They have left the power in the wrong hands and permitted the selfish and the undesirable to lead.

chính trị tham nhũng và những kế hoạch tham lam, đầy tham vọng của rất nhiều nhà lãnh đạo thế giới có thể được tìm thấy trong sự kiện rằng những người nam và nữ có trí hướng tinh thần đã không đảm nhận—[169] như bổn phận và trách nhiệm tinh thần của họ—vai trò lãnh đạo dân chúng. Họ đã để quyền lực vào tay sai lầm và cho phép những kẻ ích kỷ và không đáng mong muốn lãnh đạo.

The word "spiritual" does not belong to the churches or to the world religions. "Pure religion and undefiled" is pure charity and a selfless following of the Christ. The churches are themselves great capitalistic systems particularly the Roman Catholic Church, and show little evidence of the mind that was in Christ. The churches have had their opportunity, but have done little to change men's hearts or to benefit the people. Now, under cyclic law, political ideologies and national and international planning are occupying the attention of the people and everywhere efforts are being made to bring about better human relations. This, in the eyes of the spiritually minded and of the enlightened worker for humanity, is a sign of progress and an indication of the innate divinity in man. That is truly spiritual which properly relates man to man and man to God and which demonstrates in a better world and the expression of the Four Freedoms throughout the planet. For these the spiritual man must work.

Từ "tinh thần" không thuộc về các giáo hội hay các tôn giáo thế giới. "Tôn giáo tinh tuyền và không ô uế" là lòng bác ái thuần khiết và sự noi theo Đức Christ một cách vô ngã. Chính các giáo hội là những hệ thống tư bản lớn, đặc biệt là Giáo hội Công giáo La Mã, và cho thấy rất ít bằng chứng về trí tuệ đã có trong Đức Christ. Các giáo hội đã có cơ hội của mình, nhưng đã làm rất ít để thay đổi trái tim con người hay đem lợi ích cho dân chúng. Nay, theo định luật chu kỳ, các ý thức hệ chính trị và việc hoạch định quốc gia cũng như quốc tế đang chiếm sự chú ý của dân chúng, và ở khắp nơi những nỗ lực đang được thực hiện để đem lại các mối quan hệ tốt đẹp hơn giữa người với người. Điều này, trong mắt người có trí hướng tinh thần và người hoạt động giác ngộ cho nhân loại, là một dấu hiệu của tiến bộ và một chỉ dấu về thiên tính bẩm sinh trong con người. Điều thật sự tinh thần là điều liên hệ đúng đắn con người với con người và con người với Thượng đế, và được chứng minh trong một thế giới tốt đẹp hơn cùng sự biểu lộ của Bốn Quyền Tự Do trên toàn hành tinh. Vì những điều này, con người tinh thần phải làm việc.

The Kingdom of God will inaugurate a world which will be one in which it will be realized that—politically speaking—humanity, as a whole, is of far greater importance than any one nation; it will be a new world order, built upon different principles to those in the

Thiên Giới sẽ khai mở một thế giới trong đó người ta sẽ nhận ra rằng—nói theo phương diện chính trị—nhân loại, xét như một toàn thể, quan trọng hơn rất nhiều so với bất cứ quốc gia riêng lẻ nào; đó sẽ là một trật tự thế giới mới, được xây dựng trên những nguyên

past, and one in which men will carry the spiritual vision into their national governments, into their economic planning and into all measures taken to bring about security and right human relations. *Spirituality is essentially the establishing of right human relations*, the promotion of goodwill and finally the establishing of a true peace on earth, as the result of these two expressions of divinity [170]

tắc khác với quá khứ, và là một thế giới trong đó con người sẽ đưa tầm nhìn tinh thần vào các chính phủ quốc gia của họ, vào kế hoạch kinh tế của họ và vào mọi biện pháp được thực hiện để đem lại an ninh và các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người. *Tinh thần về bản chất là việc thiết lập các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người*, thúc đẩy thiện chí và cuối cùng thiết lập hòa bình chân thật trên Trái Đất, như kết quả của hai biểu lộ thiên tính này [170]

The world today is full of warring voices; everywhere there is an outcry against world conditions; everything is being dragged out into the light of day; abuses are being shouted from the housetops, as the Christ prophesied they would be. The reason for all this outcry, discussion, and noisy criticism is that, as men awaken to the facts and begin to think and plan, they are aware of guilt within themselves; their consciences trouble them; they are conscious of the inequality of opportunity, of the grave abuses, of the entrenched distinctions between man and man, and the factor of racial and national discriminations; they question their own individual goals as well as national planning. The masses of men in every land are beginning to realize that they are largely responsible for what is wrong, and that their inertness and lack of right action and thinking has led to the present unhappy state of world affairs. This constitutes a challenge and no challenge is ever totally welcome.

Thế giới ngày nay đầy những tiếng nói xung đột; ở khắp nơi có tiếng kêu phản đối các điều kiện thế giới; mọi sự đang bị kéo ra ánh sáng ban ngày; những lạm dụng đang được công bố từ mái nhà, như Đức Christ đã tiên tri. Lý do của tất cả tiếng kêu, thảo luận và phê bình ồn ào này là, khi con người thức tỉnh trước các sự kiện và bắt đầu suy nghĩ, lập kế hoạch, họ nhận biết tội lỗi trong chính mình; lương tâm họ làm họ bất an; họ có ý thức về sự bất bình đẳng cơ hội, về những lạm dụng nghiêm trọng, về những phân biệt cố thủ giữa người với người, và yếu tố kỳ thị chủng tộc và quốc gia; họ đặt câu hỏi về các mục tiêu cá nhân của chính họ cũng như kế hoạch quốc gia. Quần chúng nhân loại trong mọi xứ sở bắt đầu nhận ra rằng họ chịu trách nhiệm phần lớn đối với những gì sai trái, và rằng sự trì trệ cùng thiếu hành động và tư duy đúng đắn của họ đã dẫn đến tình trạng bất hạnh hiện nay của các sự việc thế giới. Điều này tạo thành một thách thức, và không có thách thức nào bao giờ được hoàn toàn hoan nghênh.

The awakening of the masses and the determination of the reactionary forces and of the monied interests to preserve the old and fight the new are largely responsible for the present world crisis. The battle between the old, entrenched forces and the emerging, new idealism constitutes the problem today;

Sự thức tỉnh của quần chúng và quyết tâm của các mãnh lực phản động cùng các lợi ích tiền bạc nhằm bảo tồn cái cũ và chống lại cái mới phần lớn chịu trách nhiệm cho cuộc khủng hoảng thế giới hiện nay. Trận chiến giữa các mãnh lực cũ cố thủ và chủ nghĩa lý tưởng mới đang xuất hiện tạo thành vấn đề

other factors—though important, individually or nationally—are from the true and spiritual standpoint relatively negligible.

ngày nay; các yếu tố khác—dù quan trọng về cá nhân hay quốc gia—từ quan điểm chân thật và tinh thần, tương đối không đáng kể.

The unity, peace and security of the nations, great and small, are not to be attained by following the guidance of the greedy capitalist or the ambitious in any nation, and yet in many situations that guidance is being accepted. They are not to be gained by the blind following of any ideology, no matter how good it may seem to those conditioned by it; yet there are those who are seeking to impose their particular ideology on the world—and not solely in Russia. They will not be reached by sitting back and leaving the changing of [171] conditions to God or the evolutionary process; yet there are those who make no move to help, even while knowing well the conditions with which the United Nations have to deal.

Sự hợp nhất, hòa bình và an ninh của các quốc gia, lớn cũng như nhỏ, không thể đạt được bằng cách đi theo sự hướng dẫn của nhà tư bản tham lam hay kẻ tham vọng trong bất cứ quốc gia nào, thế nhưng trong nhiều tình huống sự hướng dẫn ấy đang được chấp nhận. Chúng không thể đạt được bằng việc mù quáng đi theo bất cứ ý thức hệ nào, dù nó có vẻ tốt đẹp đến đâu đối với những người bị nó định hình; thế nhưng có những người đang tìm cách áp đặt ý thức hệ riêng của họ lên thế giới—và không chỉ ở Nga. Chúng sẽ không đạt được bằng cách ngồi yên và phó mặc việc thay đổi [171] các điều kiện cho Thượng đế hay tiến trình tiến hoá; thế nhưng có những người không có động thái nào để giúp đỡ, dù biết rõ các điều kiện mà Liên Hiệp Quốc phải xử lý.

Unity, peace and security will come through the recognition—intelligently assessed—of the evils which have led to the present world situation, and then through the taking of those wise, compassionate and understanding steps which will lead to the establishing of right human relations, to the substitution of cooperation for the present competitive system, and by the education of the masses in every land as to the nature of true goodwill and its hitherto unused potency. This will mean the deflecting of untold millions of money into right educational systems, instead of their use by the forces of war and their conversion into armies, navies and armaments.

Sự hợp nhất, hòa bình và an ninh sẽ đến qua sự nhận biết—được đánh giá một cách thông minh—những điều ác đã dẫn đến tình hình thế giới hiện nay, rồi qua việc thực hiện những bước đi minh triết, từ bi và thấu hiểu, những bước sẽ dẫn đến việc thiết lập các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, thay thế hệ thống cạnh tranh hiện nay bằng sự hợp tác, và giáo dục quần chúng trong mọi xứ sở về bản chất của thiện chí chân thật và quyền năng cho đến nay chưa được sử dụng của nó. Điều này sẽ có nghĩa là chuyển hướng vô số triệu tiền bạc vào các hệ thống giáo dục đúng đắn, thay vì sử dụng chúng bởi các mãnh lực chiến tranh và biến chúng thành quân đội, hải quân và vũ khí.

It is this that is spiritual; it is this that is of importance and it is this for which all men must struggle. The spiritual Hierarchy of the

Chính điều này là tinh thần; chính điều này là quan trọng và chính vì điều này mà mọi người phải đấu tranh. Thánh Đoàn tinh thần

planet is primarily interested in finding the men who will work along these lines. It is primarily interested in humanity, realizing that the steps taken by humanity *in the immediate future* will condition the new age and determine man's destiny. Will it be a destiny of annihilation, of a planetary war, of worldwide famine and pestilence, of nation rising against nation and of the complete collapse of all that makes life worth living? All this can happen unless basic changes are made and made with goodwill and loving understanding. Then, on the other hand, we can have a period (difficult but helpful because educative) of adjustment, of concession and of relinquishment; we can have a period of right recognition of shared opportunity, of a united effort to bring about right human relations, and of an educational process which will train the youth of all nations to function *as world citizens* and [172] not as nationalistic propagandists. What we need above all to see—as a result of spiritual maturity—is the abolition of those two principles which have wrought so much evil in the world and which are summed up in the two words: Sovereignty and Nationalism.

của hành tinh trước hết quan tâm đến việc tìm ra những người sẽ làm việc theo các đường hướng này. Thánh Đoàn trước hết quan tâm đến nhân loại, nhận ra rằng những bước đi do nhân loại thực hiện *trong tương lai trước mắt* sẽ định hình kỷ nguyên mới và quyết định vận mệnh của con người. Liệu đó sẽ là một vận mệnh của sự hủy diệt, của một cuộc chiến tranh hành tinh, của nạn đói và dịch bệnh toàn cầu, của quốc gia nổi lên chống quốc gia, và của sự sụp đổ hoàn toàn của mọi điều khiến đời sống đáng sống chăng? Tất cả những điều này có thể xảy ra, trừ phi những thay đổi căn bản được thực hiện và được thực hiện với thiện chí cùng sự thấu hiểu yêu thương. Rồi, mặt khác, chúng ta có thể có một thời kỳ, khó khăn nhưng hữu ích vì có tính giáo dục, của sự điều chỉnh, nhượng bộ và từ bỏ; chúng ta có thể có một thời kỳ nhận biết đúng đắn về cơ hội được chia sẻ, của một nỗ lực hợp nhất nhằm đem lại các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người, và của một tiến trình giáo dục sẽ huấn luyện thanh niên của mọi quốc gia hoạt động *như các công dân thế giới* và [172] không như những người tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc. Điều chúng ta cần thấy hơn hết—như kết quả của sự trưởng thành tinh thần—là việc xóa bỏ hai nguyên tắc đã gây ra quá nhiều điều ác trên thế giới và được tóm gọn trong hai từ: Chủ quyền và Chủ nghĩa dân tộc.

World Disunity

Sự Bất Hợp Nhất Thế Giới

What at this moment appears to prevent world unity and keeps the United Nations from arriving at those necessary settlements which the man in the street is so eagerly awaiting? The answer is not hard to find and involves all nations: nationalism, capitalism, competition, blind stupid greed. It is an intense emotional nationalism which made the Polish nation so difficult a member of

Điều gì vào lúc này dường như ngăn cản sự thống nhất thế giới và khiến Liên Hiệp Quốc không đạt được những dàn xếp cần thiết mà người dân thường đang hết sức mong đợi? Câu trả lời không khó tìm và liên quan đến mọi quốc gia: chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa tư bản, sự cạnh tranh, lòng tham mù quáng và ngu xuẩn. Chính chủ nghĩa dân tộc cảm xúc mãnh liệt đã làm cho quốc gia Ba Lan trở

the family of nations; it is materialism and fear, plus a lack of spiritual interest, which makes France so constant an obstructionist and has led her to work against united world action; it is fanatical adherence to an ideology and national immaturity which prompts so much of Russia's activities; it is a rampant capitalism which makes the United States one of the most feared of the nations, plus her gestures of armed power; it is the fast dying imperialism which handicaps Great Britain and a clinging to responsibilities and territories which she is realizing could well be turned over to the United Nations; the hope of Great Britain lies in her socialistic tendencies which enable her to take the "middle path" between the communism of Russia and the capitalism of the United States. It is the smug greed of the nations which escaped the war which is hindering progress; it is the devious actions of the Jews and the hatred which they cultivate which tend also to undermine the hope of peace; it is the chaos in India and China which is complicating the work of the well-intentioned; it is the unchristian and undemocratic treatment of the Negro peoples in the United States and Africa which is contributing [173] to the ferment; it is the blind inertness and lack of interest of the masses of the people which permit the wrong men to be in power; it is fear of the rest of the world which makes the Russian leaders keep their peoples in ignorance of the attitude of other nations on world affairs; it is the wrong use of money which colours the press and the radio in Great Britain and still more in the United States, thus keeping much of the truth from the people; it is the upheaval of labour everywhere which feeds the turmoil and forces unnecessary suffering upon the public; it is powerful, political and international distrust, lying propaganda and the apathy of the churches which still

thành một thành viên quá khó xử trong gia đình các quốc gia; chính chủ nghĩa vật chất và nỗi sợ, cộng với sự thiếu quan tâm tinh thần, khiến nước Pháp thường xuyên trở thành một lực cản và đã dẫn nước này đến chỗ chống lại hành động thống nhất của thế giới; chính sự bám chặt cuồng tín vào một hệ tư tưởng và sự non nớt quốc gia đã thúc đẩy rất nhiều hoạt động của Nga; chính chủ nghĩa tư bản lan tràn khiến Hoa Kỳ trở thành một trong những quốc gia bị e sợ nhất, cộng thêm những phô diễn sức mạnh vũ trang của nước này; chính chủ nghĩa đế quốc đang chết nhanh chóng làm nước Anh bị trở ngại, cùng với sự bám víu vào các trách nhiệm và lãnh thổ mà nước này đang nhận ra rằng hoàn toàn có thể chuyển giao cho Liên Hiệp Quốc; niềm hy vọng của nước Anh nằm ở các khuynh hướng xã hội chủ nghĩa của mình, vốn giúp nước này đi "con đường trung đạo" giữa chủ nghĩa cộng sản của Nga và chủ nghĩa tư bản của Hoa Kỳ. Chính lòng tham tự mãn của các quốc gia thoát khỏi chiến tranh đang cản trở tiến bộ; chính những hành động quanh co của người Do Thái và lòng thù hận mà họ vun trồng cũng có xu hướng phá hoại niềm hy vọng hòa bình; chính sự hỗn loạn ở Ấn Độ và Trung Hoa đang làm phức tạp công việc của những người thiện chí; chính cách đối xử phi Kitô giáo và phi dân chủ đối với các dân tộc da đen ở Hoa Kỳ và châu Phi đang góp phần [173] vào tình trạng sôi sục; chính sự trì trệ mù quáng và thiếu quan tâm của quần chúng nhân dân cho phép những kẻ sai lầm nắm quyền; chính nỗi sợ phần còn lại của thế giới khiến các nhà lãnh đạo Nga giữ dân chúng của họ trong tình trạng không biết gì về thái độ của các quốc gia khác đối với những vấn đề thế giới; chính việc sử dụng tiền bạc sai lầm đã nhuộm màu báo chí và đài phát thanh ở nước Anh, và còn hơn thế nữa ở Hoa Kỳ, qua đó giữ lại phần lớn sự thật không cho dân chúng biết; chính sự biến động của giới lao động khắp nơi nuôi dưỡng

further complicate the problem. It is—above all else—the refusal of that public to face life *as it is* and to recognize the facts for what they are. The mass of men need arousing to see that good comes to all men alike and not just to a few privileged groups, and to learn also that "hatred ceases not by hatred but that hatred ceases by love". This love is not a sentiment, but practical goodwill, expressing itself through individuals, in communities and among nations.

tình trạng rối loạn và áp đặt những đau khổ không cần thiết lên công chúng; chính sự ngờ vực chính trị và quốc tế đầy quyền lực, tuyên truyền dối trá và sự thờ ơ của các giáo hội càng làm vấn đề thêm phức tạp. Trên hết mọi điều, đó là sự từ chối của công chúng ấy trong việc đối diện với đời sống *như chính nó đang là* và nhận ra các sự kiện đúng như bản chất của chúng. Quần chúng nhân loại cần được đánh thức để thấy rằng điều thiện đến với mọi người như nhau, chứ không chỉ với vài nhóm đặc quyền; và cũng cần học rằng "hận thù không chấm dứt bằng hận thù, mà hận thù chấm dứt bằng tình thương". Tình thương này không phải là tình cảm ủy mị, mà là thiện chí thực tiễn, tự biểu lộ qua các cá nhân, trong cộng đồng và giữa các quốc gia.

Such is the sad and sorry picture of the world today and only the blind and the uncaring will deny it. Only a keen realization of the situation and of the sources of the trouble will serve to impulse mankind to take the needed action. But there is another side of the picture and there is that which will balance the evil, though, as yet, it will not completely balance and offset it.

Đó là bức tranh buồn thảm và đáng tiếc của thế giới hôm nay, và chỉ những kẻ mù quáng cùng những người không quan tâm mới phủ nhận điều đó. Chỉ sự nhận thức sắc bén về tình thế và về các nguồn gốc của rối loạn mới có thể thúc đẩy nhân loại thực hiện hành động cần thiết. Nhưng bức tranh còn có một mặt khác, và có điều sẽ làm cân bằng cái ác, dù cho đến nay, nó vẫn chưa thể hoàn toàn cân bằng và hóa giải cái ác ấy.

Today men and women everywhere—in high place and in low, in every nation, community and group—are presenting a vision of right human relations which must constitute the standard for the future of mankind. Everywhere they are exposing the evils which must be eliminated and they are educating ceaselessly in the principles of the new age. It is these men who are of importance. In politics there are great and wise statesmen [174] who are endeavouring to guide their people wisely but have as yet too much with which to contend; of these Franklin D. Roosevelt was an outstanding

Ngày nay, những người nam và nữ khắp nơi —ở địa vị cao cũng như thấp, trong mọi quốc gia, cộng đồng và nhóm—đang trình bày một tầm nhìn về các mối quan hệ đúng đắn giữa con người, vốn phải trở thành tiêu chuẩn cho tương lai của nhân loại. Khắp nơi, họ đang phơi bày những điều ác cần phải được loại bỏ và không ngừng giáo dục về các nguyên lý của kỷ nguyên mới. Chính những người này mới là quan trọng. Trong chính trị, có những chính khách vĩ đại và minh triết [174] đang cố gắng hướng dẫn dân tộc của họ một cách khôn ngoan, nhưng hiện vẫn còn quá nhiều điều phải đương đầu;

modern example, for he gave of his best and died in the service of humanity. There are enlightened educators, writers and lecturers in every land who are seeking to show the people how *practical* is the ideal, how available the goodwill in mankind, and how easily applied are these ideals *when there are enough men and women of goodwill active in the world to force the issue.* This is the factor of importance. There are also scientists, physicians and agriculturists who have dedicated their lives to the betterment of human living; there are churchmen in all the faiths who follow sincerely the footsteps of the Christ (though they are not the leaders) and who repudiate the materialism which has ruined the churches; there are men and women in their untold millions who see truly, think clearly and work hard in their communities to establish right human relations.

trong số đó, Franklin D. Roosevelt là một ví dụ hiện đại nổi bật, vì ông đã cống hiến điều tốt đẹp nhất của mình và qua đời trong sự phụng sự nhân loại. Có những nhà giáo dục, nhà văn và diễn giả được soi sáng ở mọi xứ sở, đang tìm cách chỉ cho dân chúng thấy lý tưởng *thực tiễn* đến mức nào, thiện chí trong nhân loại sẵn có ra sao, và các lý tưởng này dễ dàng được áp dụng như thế nào *khi có đủ những người nam và nữ thiện chí hoạt động trên thế giới để buộc vấn đề phải được giải quyết.* Đây là yếu tố quan trọng. Cũng có các nhà khoa học, thầy thuốc và nhà nông học đã hiến dâng đời mình cho việc cải thiện đời sống con người; có các giáo sĩ trong mọi tín ngưỡng chân thành bước theo dấu chân Đức Christ, dù họ không phải là những người lãnh đạo, và họ bác bỏ chủ nghĩa vật chất đã làm hư hoại các giáo hội; có vô số triệu người nam và nữ thấy đúng, nghĩ rõ và làm việc cần mẫn trong cộng đồng của mình để thiết lập các mối quan hệ đúng đắn giữa con người.

Security, happiness and peaceful relations are desired by all. Until, however, the Great Powers, in collaboration with the little nations, have solved the economic problem and have realized that the resources of the earth belong to no one nation but to humanity as a whole, there will be no peace. *The oil of the world, the mineral wealth, the wheat, the sugar and the grains belong to all men everywhere.* They are essential to the daily living of the everyday man.

An ninh, hạnh phúc và các quan hệ hòa bình là điều mọi người đều mong muốn. Tuy nhiên, cho đến khi các Cường Quốc, trong sự cộng tác với những quốc gia nhỏ, giải quyết được vấn đề kinh tế và nhận ra rằng tài nguyên của Trái Đất không thuộc về riêng một quốc gia nào mà thuộc về toàn thể nhân loại, thì sẽ không có hòa bình. *Dầu mỏ của thế giới, của cải khoáng sản, lúa mì, đường và ngũ cốc thuộc về mọi người ở khắp nơi.* Chúng thiết yếu cho đời sống hằng ngày của con người bình thường.

The true problem of the United Nations is a twofold one: it involves the right distribution of the world's resources so that there may be freedom from want, and it involves also the bringing about of a true equality of opportunity and of education for all men everywhere. The nations which have

Vấn đề chân thật của Liên Hiệp Quốc có hai mặt: nó liên quan đến sự phân phối đúng đắn các tài nguyên thế giới để con người có thể thoát khỏi thiếu thốn, và cũng liên quan đến việc đem lại một sự bình đẳng thật sự về cơ hội và giáo dục cho mọi người ở khắp nơi. Các quốc gia có tài nguyên phong phú không

a wealth of resources are not owners; they are custodians of the world's riches and hold them in trust for their fellowmen. The time will [175] inevitably come when—in the interest of peace and security—the capitalists in the various nations will be forced to realize this and will also be forced to substitute the principle of *sharing* for the ancient principle (which has hitherto governed them) of greedy grabbing.

phải là chủ sở hữu; họ là những người gìn giữ các của cải của thế giới và nắm giữ chúng trong sự ủy thác cho đồng loại mình. Thời điểm [175] chắc chắn sẽ đến khi—vì lợi ích của hòa bình và an ninh—các nhà tư bản trong những quốc gia khác nhau sẽ buộc phải nhận ra điều này, và cũng sẽ buộc phải thay thế nguyên lý *chia sẻ* cho nguyên lý cổ xưa, vốn cho đến nay đã chi phối họ, là chộp lấy một cách tham lam.

There was a time—a hundred years or more ago—when a just distribution of the world's wealth would have been impossible. That is not true today. Statistics exist; computations have been made; investigation has penetrated into every field of the earth's resources and these investigations, computations and statistics have been published and are available to the public. The men in power in every nation know well exactly what food, minerals, oil and other necessities are available for worldwide use upon just and equitable lines. But these commodities are reserved by the nations involved as "talking and bargaining points". The problem of distribution is no longer difficult once the food of the world is freed from politics and from capitalism; it must also be remembered that the means of distribution by sea, rail and air are adequate.

Đã từng có một thời—một trăm năm hoặc hơn trước đây—khi một sự phân phối công bằng của cải thế giới là điều bất khả. Ngày nay điều đó không còn đúng. Các thống kê đã có; các tính toán đã được thực hiện; sự khảo sát đã thâm nhập vào mọi lĩnh vực tài nguyên của Trái Đất, và những khảo sát, tính toán cùng thống kê này đã được công bố và sẵn có cho công chúng. Những người nắm quyền trong mọi quốc gia đều biết rõ chính xác lượng lương thực, khoáng sản, dầu mỏ và các nhu yếu phẩm khác sẵn có cho việc sử dụng toàn cầu theo những đường lối công bằng và hợp lý. Nhưng các hàng hóa này lại được những quốc gia liên quan giữ lại như "điểm để nói chuyện và mặc cả". Vấn đề phân phối không còn khó khăn nữa một khi lương thực của thế giới được giải phóng khỏi chính trị và khỏi chủ nghĩa tư bản; cũng cần nhớ rằng các phương tiện phân phối bằng đường biển, đường sắt và đường hàng không đều đầy đủ.

None of this will, however, take place until the United Nations begin to talk in terms of humanity as a whole and not in terms of boundaries, of technical objectives and fears, in terms of the bargaining value of oil, as in the Near East, or in the language of mistrust and suspicion. Russia distrusts the capitalism of the United States and—to a lesser degree—that of Great Britain; South America is rapidly learning to mistrust the

Tuy nhiên, không điều nào trong số này sẽ xảy ra cho đến khi Liên Hiệp Quốc bắt đầu nói theo nghĩa nhân loại như một toàn thể, chứ không theo nghĩa biên giới, các mục tiêu kỹ thuật và nỗi sợ, theo nghĩa giá trị mặc cả của dầu mỏ như ở Cận Đông, hay bằng ngôn ngữ của sự ngờ vực và nghi kỵ. Nga không tin chủ nghĩa tư bản của Hoa Kỳ và—ở mức độ thấp hơn—của nước Anh; Nam Mỹ đang nhanh chóng học cách không tin Hoa Kỳ

United States on the ground of imperialism; both Great Britain and the United States mistrust Russia, on the basis of her spoken word, her use of the veto and her ignorance of western idealism.

trên cơ sở chủ nghĩa đế quốc; cả Anh lẫn Hoa Kỳ đều không tin Nga, dựa trên lời nói của nước này, việc nước này sử dụng quyền phủ quyết và sự không hiểu biết của nước này về lý tưởng phương Tây.

Yet it must be remembered that there are statesmen in Great Britain, the United States and Russia who are endeavouring to work for the common man and to speak [176] on his behalf in the conclaves of the nations. As yet selfish opposition has rendered their work futile and the monied interests in many countries have negated their efforts. Russia has no monied interests, but she has vast resources in men and arms and these she plays off against the capitalistic interests. Thus the war goes on, and the man in the street waits hopelessly for a decision which will lead to peace—a peace based on security and right human relations.

Tuy vậy, cần nhớ rằng có những chính khách ở Anh, Hoa Kỳ và Nga đang cố gắng làm việc cho con người bình thường và lên tiếng [176] thay mặt y trong các mật nghị của các quốc gia. Cho đến nay, sự chống đối ích kỷ đã làm cho công việc của họ trở nên vô hiệu, và những quyền lợi tiền bạc ở nhiều quốc gia đã phủ nhận các nỗ lực của họ. Nga không có những quyền lợi tiền bạc, nhưng nước này có các tài nguyên mênh mông về người và vũ khí, và dùng chúng để đối trọng với các quyền lợi tư bản. Như thế chiến tranh vẫn tiếp diễn, và người dân thường chờ đợi trong tuyệt vọng một quyết định sẽ dẫn đến hòa bình—một nền hòa bình đặt nền trên an ninh và các mối quan hệ đúng đắn giữa con người.

To further complicate the problem, it must be borne in mind that the East and the West approach life from different angles. The Eastern approach is negative and subjective; the Western is positive and scientific and, therefore, objective. This is further complicated by the fact that western Europe and eastern Europe look at life and the modern problems from different angles; this makes cooperation difficult and definitely complicates the problems confronting the United Nations. Church and State are not in sympathy; capital and labour carry on a constant war; the man in the street pays the price and waits for justice and freedom.

Để làm vấn đề thêm phức tạp, cần ghi nhớ rằng phương Đông và phương Tây tiếp cận đời sống từ những góc độ khác nhau. Cách tiếp cận phương Đông là thụ động và hướng nội; phương Tây là chủ động và khoa học, do đó hướng ra bên ngoài. Điều này càng phức tạp thêm bởi thực tế rằng Tây Âu và Đông Âu nhìn đời sống và các vấn đề hiện đại từ những góc độ khác nhau; điều này làm cho sự hợp tác trở nên khó khăn và chắc chắn làm phức tạp các vấn đề đối diện với Liên Hiệp Quốc. Giáo hội và Nhà nước không hòa hợp; tư bản và lao động tiến hành một cuộc chiến liên tục; người dân thường trả giá và chờ đợi công lý cùng tự do.

World Unity

Thống Nhất Thế Giới

There is no counsel of perfection to give the world or any solution which will carry

Không có lời khuyên hoàn hảo nào để trao cho thế giới, cũng không có giải pháp nào sẽ

immediate relief. To the spiritual leaders of the race certain lines of action seem right and to guarantee constructive attitudes.

đem lại sự nhẹ nhõm tức thời. Đối với các nhà lãnh đạo tinh thần của nhân loại, một vài đường lối hành động có vẻ đúng và bảo đảm những thái độ xây dựng.

1. The United Nations, through its Assembly and Committees, *must* be supported; there is as yet no other organization to which man can hopefully look. Therefore, he must support the United Nations but, at the same time, let this group of world leaders know what is needed.

1. Liên Hiệp Quốc, qua Đại Hội Đồng và các Ủy Ban của mình, *phải* được ủng hộ; cho đến nay, chưa có tổ chức nào khác mà con người có thể hy vọng hướng nhìn đến. Do đó, y phải ủng hộ Liên Hiệp Quốc, nhưng đồng thời cũng phải cho nhóm các nhà lãnh đạo thế giới này biết điều gì là cần thiết.

2. The general public in every nation *must* be educated in right human relations. Above all else, the children and the youth of the world must be taught [177] goodwill to all men everywhere, irrespective of race or creed.

2. Công chúng nói chung trong mọi quốc gia *phải* được giáo dục về các mối quan hệ đúng đắn giữa con người. Trên hết mọi điều, trẻ em và thanh niên của thế giới phải được dạy [177] thiện chí đối với mọi người ở khắp nơi, bất kể chủng tộc hay tín điều.

3. Time must be given for the needed adjustments and humanity must learn to be intelligently patient; humanity must face with courage and optimism the slow process of building the new civilization.

3. Phải dành thời gian cho những điều chỉnh cần thiết, và nhân loại phải học sự kiên nhẫn một cách thông minh; nhân loại phải đối diện với tiến trình chậm rãi xây dựng nền văn minh mới bằng lòng can đảm và sự lạc quan.

4. An intelligent and cooperative public opinion must be developed in every land and the doing of this constitutes a major spiritual duty. This will take much time but *if* the men of goodwill and *if* the spiritual people of the world will become genuinely active, *it can be done in twenty-five years.*

4. Một dư luận công chúng thông minh và hợp tác phải được phát triển trong mọi xứ sở, và việc thực hiện điều này cấu thành một bổn phận tinh thần lớn lao. Điều này sẽ cần nhiều thời gian, nhưng *nếu* những người thiện chí và *nếu* những người tinh thần của thế giới trở nên thật sự năng động, *điều đó có thể được thực hiện trong hai mươi lăm năm.*

5. The world economic council (or whatever body represents the resources of the world) *must* free itself from fraudulent politics, capitalistic influence and its devious scheming; it *must* set the resources of the earth free for the use of humanity. This will be a lengthy task but it will be possible when world need is better appreciated. An

5. Hội đồng kinh tế thế giới, hoặc bất cứ cơ quan nào đại diện cho các tài nguyên của thế giới, *phải* tự giải phóng khỏi nền chính trị gian trá, ảnh hưởng tư bản và những mưu tính quanh co của nó; hội đồng ấy *phải* giải phóng các tài nguyên của Trái Đất để nhân loại sử dụng. Đây sẽ là một nhiệm vụ lâu dài, nhưng sẽ khả thi khi nhu cầu thế giới được

enlightened public opinion will make the decisions of the economic council practical and possible. Sharing and cooperation *must* be taught instead of greed and competition.

thấu hiểu tốt hơn. Một dư luận công chúng được soi sáng sẽ làm cho các quyết định của hội đồng kinh tế trở nên thực tiễn và khả thi. Phải dạy sự chia sẻ và hợp tác thay vì lòng tham và sự cạnh tranh.

6. There must be freedom to travel everywhere in any direction and in any country; by means of this free intercourse, members of the human family may get to know each other and to appreciate each other; passports and visas should be discontinued because they are symbols of the great heresy of separateness.

6. Phải có tự do đi lại khắp nơi, theo bất cứ hướng nào và trong bất cứ quốc gia nào; nhờ sự giao tiếp tự do này, các thành viên của gia đình nhân loại có thể biết nhau và trân trọng nhau; hộ chiếu và thị thực nên được bãi bỏ vì chúng là biểu tượng của Đại Tà thuyết về sự chia rẽ.

7. The men of goodwill everywhere must be mobilized and set to work; it is upon their efforts that the future of humanity depends; they exist in their millions everywhere and —when organized and mobilized—represent a vast section of the thinking public.

7. Những người thiện chí ở khắp nơi phải được huy động và đưa vào công việc; tương lai của nhân loại tùy thuộc vào nỗ lực của họ; họ hiện hữu hàng triệu người ở khắp nơi và —khi được tổ chức và huy động—đại diện cho một bộ phận rộng lớn của công chúng biết suy nghĩ.

It will be through the steady, consistent and organized work of the men of goodwill throughout the world that world unity will be brought about. At present, [178] such men are only in process of organizing and are apt to feel that the work to be done is so stupendous and the forces arrayed against them are so great that their—at present—isolated efforts are useless to break down the barriers of greed and hate with which they are confronted. They realize that there is as yet no systemized spread of the principle of goodwill which holds the solution to the world problem; they have as yet no idea of the numerical strength of those who are thinking as they do. They ask themselves the same questions which are agitating the minds of men everywhere: How can order be restored? How can there be fair distribution of the world's resources? How can the Four Freedoms become factual and not just

Chính nhờ công việc vững bền, nhất quán và có tổ chức của những người thiện chí khắp thế giới mà sự thống nhất thế giới sẽ được đem lại. Hiện nay, [178] những người như thế chỉ đang trong tiến trình tổ chức và có khuynh hướng cảm thấy rằng công việc phải làm quá lớn lao, và những mãnh lực dàn trận chống lại họ quá mạnh, đến nỗi các nỗ lực cô lập—hiện nay—của họ là vô ích trong việc phá đổ các rào cản của lòng tham và thù hận mà họ đang đối diện. Họ nhận ra rằng cho đến nay chưa có sự truyền bá có hệ thống nguyên lý thiện chí, vốn nắm giữ giải pháp cho vấn đề thế giới; họ cũng chưa có ý niệm nào về sức mạnh số lượng của những người đang suy nghĩ như họ. Họ tự hỏi những câu hỏi cũng đang làm xao động trí tuệ của con người khắp nơi: Làm sao trật tự có thể được khôi phục? Làm sao có thể có sự phân phối công bằng các tài nguyên của thế giới? Làm sao Bốn Quyền Tự Do có thể trở thành sự

beautiful dreams? How can true religion be resurrected and the ways of true spiritual living govern the hearts of men? How can a true prosperity be established which will be the result of unity, peace and plenty?

thật chứ không chỉ là những giấc mơ đẹp? Làm sao tôn giáo chân thật có thể được phục sinh và các đường lối của đời sống tinh thần chân thật cai quản trái tim con người? Làm sao một sự thịnh vượng chân thật có thể được thiết lập, vốn sẽ là kết quả của thống nhất, hòa bình và sung túc?

There is only one true way and there are indications that it is a way towards which many millions of people are turning. Unity and right human relations—individual, communal, national and international—can be brought about by the united action of the men and women of goodwill in every country.

Chỉ có một con đường chân thật duy nhất, và có những dấu hiệu cho thấy đó là con đường mà nhiều triệu người đang hướng về. Sự thống nhất và các mối quan hệ đúng đắn giữa con người—cá nhân, cộng đồng, quốc gia và quốc tế—có thể được đem lại nhờ hành động thống nhất của những người nam và nữ thiện chí trong mọi quốc gia.

These men and women of goodwill must be found and organized and thus discover their numerical potency—for it is there. They must form a world group, standing for right human relations and educating the public in the nature and power of goodwill. They will thus create a world public opinion which will be so forceful and so outspoken on the side of human welfare that leaders, statesmen, politicians, businessmen and churchmen will be forced to listen and comply. Steadily and regularly, the general public must be taught an internationalism and a world unity which is based on simple goodwill and on cooperative interdependence.

Những người nam và nữ thiện chí này phải được tìm thấy và tổ chức, và nhờ đó khám phá quyền năng số lượng của họ—vì quyền năng ấy đang hiện hữu. Họ phải hình thành một nhóm thế giới, đứng về phía các mối quan hệ đúng đắn giữa con người và giáo dục công chúng về bản chất cùng quyền năng của thiện chí. Như vậy họ sẽ tạo ra một dư luận công chúng thế giới mạnh mẽ và thẳng thắn đến mức, về phía phúc lợi con người, các nhà lãnh đạo, chính khách, nhà chính trị, doanh nhân và giáo sĩ sẽ buộc phải lắng nghe và tuân theo. Một cách đều đặn và thường xuyên, công chúng nói chung phải được dạy về tinh thần quốc tế và sự thống nhất thế giới, đặt nền trên thiện chí đơn giản và trên sự liên lập hợp tác.

[179] This is no mystical or impractical program; it does not work through the processes of exposing, undermining or attack; it emphasizes the new politics, i.e., politics which are based upon the principle of bringing about right human relations. Between the exploited and the exploiting, the warmongers and the pacifists, the masses and the rulers, this group of men of

[179] Đây không phải là một chương trình thần bí hay không thực tiễn; nó không vận hành qua các tiến trình phơi bày, phá hoại ngầm hay công kích; nó nhấn mạnh nền chính trị mới, tức là nền chính trị đặt nền trên nguyên lý đem lại các mối quan hệ đúng đắn giữa con người. Giữa kẻ bị bóc lột và kẻ bóc lột, giữa những kẻ hiếu chiến và những người yêu chuộng hòa bình, giữa quần

goodwill will stand in their organized millions, taking no side, demonstrating no partisan spirit, fomenting no political or religious disturbance and feeding no hatreds. They will not be a negative body but a positive group, interpreting the meaning of right human relations, standing for the oneness of humanity and for practical, but not theoretical, brotherhood. The propagation of these ideas by all available means and the spread of the principle of goodwill will produce a powerful organized international group. Public opinion will be forced to recognize the potency of the movement; eventually the numerical strength of the men and women of goodwill in the world will be so great that they will influence world events. Their united voice will be heard on behalf of right human relations.

chúng và những người cai trị, nhóm người thiện chí này sẽ đứng vững trong hàng triệu người có tổ chức của họ, không đứng về phe nào, không biểu lộ tinh thần đảng phái, không kích động rối loạn chính trị hay tôn giáo và không nuôi dưỡng thù hận. Họ sẽ không phải là một đoàn thể thụ động mà là một nhóm chủ động, diễn giải ý nghĩa của các mối quan hệ đúng đắn giữa con người, đứng về tính nhất thể của nhân loại và về tình huynh đệ thực tiễn, chứ không phải lý thuyết. Việc truyền bá các ý tưởng này bằng mọi phương tiện sẵn có và sự lan rộng của nguyên lý thiện chí sẽ tạo ra một nhóm quốc tế có tổ chức và quyền năng. Dư luận công chúng sẽ buộc phải nhận ra quyền năng của phong trào; cuối cùng, sức mạnh số lượng của những người nam và nữ thiện chí trên thế giới sẽ lớn đến mức họ sẽ ảnh hưởng đến các biến cố thế giới. Tiếng nói hợp nhất của họ sẽ được lắng nghe nhân danh các mối quan hệ đúng đắn giữa con người.

This movement is already gathering momentum. In many lands this plan for the formation of a group of people who are trained in goodwill and who possess clear insight into the principles which should govern human relations in world affairs is already past the blueprint stage. The nucleus for this work is present today. Their functions might be summarized as follows:

Phong trào này đã đang tích lũy đà tiến. Ở nhiều xứ sở, kế hoạch thành lập một nhóm người được huấn luyện trong thiện chí và có cái nhìn sáng rõ về các nguyên lý phải chi phối quan hệ con người trong các vấn đề thế giới đã vượt qua giai đoạn bản thiết kế. Hạt nhân cho công việc này hiện đang có mặt. Các chức năng của họ có thể được tóm lược như sau:

1. To restore world confidence by letting it be known how much goodwill—organized and unorganized—there is in the world today.

1. Khôi phục niềm tin của thế giới bằng cách cho người ta biết hiện nay có bao nhiêu thiện chí—có tổ chức và chưa có tổ chức—trên thế giới.

2. To educate the masses in the principles and the practice of goodwill. The word “goodwill” is largely [180] used at this time by all parties and groups, national and international.

2. Giáo dục quần chúng về các nguyên lý và thực hành thiện chí. Từ “thiện chí” hiện nay được [180] mọi đảng phái và nhóm, quốc gia và quốc tế, sử dụng rộng rãi.

3. To synthesize and coordinate into one functioning whole all the men and women of goodwill in the world who will recognize these principles as their *personal* directing ideal, and who will endeavour to apply them to current world or national events.

3. Tổng hợp và phối hợp thành một toàn thể vận hành duy nhất tất cả những người nam và nữ thiện chí trên thế giới, những người sẽ nhận ra các nguyên lý này như lý tưởng chỉ đạo *cá nhân* của họ, và sẽ cố gắng áp dụng chúng vào các biến cố thế giới hoặc quốc gia hiện thời.

4. To create mailing lists in every country of the men and women of goodwill who can be counted upon to stand for world unity, right human relations and who will try—in their own lands—to reach others with this idea, through the medium of the press, the lecture platform and the radio. Eventually this world group should have its own newspaper or magazine, through means of which the educational process can be intensified and goodwill be found to be a universal principle and technique.

4. Lập các danh sách thư tín trong mọi quốc gia gồm những người nam và nữ thiện chí có thể được tin cậy là sẽ đứng về sự thống nhất thế giới, các mối quan hệ đúng đắn giữa con người, và sẽ cố gắng—trong chính xứ sở của họ—đưa ý tưởng này đến với những người khác qua phương tiện báo chí, diễn đàn thuyết giảng và đài phát thanh. Cuối cùng, nhóm thế giới này nên có tờ báo hoặc tạp chí riêng, nhờ đó tiến trình giáo dục có thể được tăng cường và thiện chí được nhận thấy là một nguyên lý và kỹ thuật phổ quát.

5. To provide in every country and eventually in every large city, a central bureau where information will be available concerning the activities of the men and women of goodwill all over the world; of those organizations, groups and parties who are also working along similar lines of international understanding and right human relations. Thus many will find those who will cooperate with them in their particular endeavour to promote world unity.

5. Cung cấp trong mọi quốc gia, và cuối cùng trong mọi thành phố lớn, một văn phòng trung ương nơi có sẵn thông tin liên quan đến các hoạt động của những người nam và nữ thiện chí trên khắp thế giới; cũng như về các tổ chức, nhóm và đảng phái đang làm việc theo những đường lối tương tự về sự thấu hiểu quốc tế và các mối quan hệ đúng đắn giữa con người. Như vậy nhiều người sẽ tìm thấy những ai sẽ hợp tác với họ trong nỗ lực riêng nhằm thúc đẩy sự thống nhất thế giới.

6. To work, as men and women of goodwill, with all groups who have a world programme which tends to heal world differences and national quarrels and to end racial distinctions. When such groups are found to work constructively and are free from scurrilous attack or aggressive modes of action, and actuated by goodwill to all men and are free from an aggressive nationalism and partisanship, then the

6. Làm việc, với tư cách là những người nam và nữ thiện chí, cùng tất cả các nhóm có một chương trình thế giới có xu hướng chữa lành những khác biệt thế giới và các tranh chấp quốc gia, cũng như chấm dứt các phân biệt chủng tộc. Khi những nhóm như thế được thấy là làm việc một cách xây dựng, không có sự công kích bôi nhọ hay các phương thức hành động gây hấn, được thúc đẩy bởi thiện chí đối với mọi người, và thoát khỏi chủ

cooperation of the men of goodwill can be offered and freely given.[181]

nghĩa dân tộc hưng hăng cùng tinh thần đảng phái, thì sự hợp tác của những người thiện chí có thể được đề nghị và được trao tặng một cách tự do.[181]

It takes no great effort of the imagination to see that, if this work of spreading goodwill and educating public opinion in its potency is pursued, and if the men of goodwill can be discovered in all lands and organized, that (even in five years' time) much good can be accomplished. Thousands can be gathered into the ranks of the men of goodwill. This is the initial task. The power of such a group, backed by public opinion, will be tremendous. They can accomplish phenomenal results.

Không cần nỗ lực tưởng tượng lớn lao nào cũng có thể thấy rằng, nếu công việc truyền bá thiện chí và giáo dục dư luận công chúng về quyền năng của nó được theo đuổi, và nếu những người thiện chí có thể được phát hiện trong mọi xứ sở và được tổ chức, thì ngay cả trong vòng năm năm, nhiều điều tốt đẹp có thể được hoàn thành. Hàng ngàn người có thể được quy tụ vào hàng ngũ những người thiện chí. Đây là nhiệm vụ ban đầu. Quyền năng của một nhóm như thế, được hậu thuẫn bởi dư luận công chúng, sẽ vô cùng lớn. Họ có thể đạt được những kết quả phi thường.

How to use the weight of that goodwill and how to employ the will to establish right human relations will grow gradually out of the work accomplished and meet the need of the world situation. The trained use of power on the side of goodwill and on behalf of right human relations will be demonstrated as possible, and the present unhappy state of world affairs can be changed. This will be done, not through the usual war like measures of the past or the enforced will of some aggressive or wealthy group, but through the weight of a trained public opinion—an opinion which will be based on goodwill, on an intelligent understanding of the needs of humanity, on a determination to bring about right human relations and on the recognition that *the problems with which humanity is today confronted can be solved through goodwill.*

Cách sử dụng sức nặng của thiện chí ấy và cách vận dụng ý chí để thiết lập các mối quan hệ đúng đắn giữa con người sẽ dần dần phát sinh từ công việc đã hoàn thành và đáp ứng nhu cầu của tình hình thế giới. Việc sử dụng quyền năng đã được huấn luyện về phía thiện chí và nhân danh các mối quan hệ đúng đắn giữa con người sẽ được chứng minh là khả thi, và tình trạng bất hạnh hiện nay của các vấn đề thế giới có thể được thay đổi. Điều này sẽ được thực hiện, không qua các biện pháp kiểu chiến tranh thường thấy trong quá khứ hay ý chí cưỡng bức của một nhóm hung hăng hoặc giàu có nào đó, mà qua sức nặng của một dư luận công chúng đã được huấn luyện—một dư luận đặt nền trên thiện chí, trên sự thấu hiểu thông minh về các nhu cầu của nhân loại, trên quyết tâm đem lại các mối quan hệ đúng đắn giữa con người, và trên sự nhận biết rằng *những vấn đề mà nhân loại đang đối diện hôm nay có thể được giải quyết nhờ thiện chí.*

ARCANE SCHOOL TRAINING – HUẤN LUYỆN CỦA TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship is provided

by the *Arcane School*. The principles of the Ageless Wisdom are presented through esoteric

meditation, study and service as a *way of life.*

Contact the publishers for information

www.lucistrust.org/arcaneschool

Việc huấn luyện cho địa vị đệ tử trong kỷ nguyên mới được cung cấp

bởi *Trường Arcane*. Các nguyên lý của Minh Triết Ngàn Đời được trình bày qua

tham thiền nội môn, học hỏi và phụng sự như một *lối sống.*

Hãy liên hệ nhà xuất bản để biết thêm thông tin

www.lucistrust.org/arcaneschool

INDEX – MỤC LỤC TRA CỨU

A	A
Abolitionists, 76	Những người chủ trương bãi nô, 76
Absolute, The, 89	Tuyệt Đối, 89
Abstract, The, 89	Trừu Tượng, 89
Abstract Thinking, 55	Tư duy trừu tượng, 55
Adolescent Thinking, 12	Tư duy vị thành niên, 12
Africa, 95, 106-111, 172	Châu Phi, 95, 106-111, 172
Allies, The, or Allied Nations, 18, 24	Các Đồng Minh, hay Các Quốc Gia Đồng Minh, 18, 24
Ancient of Days, 154	Đấng Thái Cổ, 154
Animism, in Africa, 107	Thuyết vật linh, ở châu Phi, 107
Anti-Semitism, 96, 101, 115	Chủ nghĩa bài Do Thái, 96, 101, 115
Anti-Social Behaviour, 48	Hành vi phản xã hội, 48
Apostles, The Twelve, 121	Mười Hai Tông Đồ, 121
Approaches, Cyclic, 149	Các Tiếp Cận, Theo Chu Kỳ, 149
Approaches, Divine, 149-153,158	Các Tiếp Cận, Thiêng Liêng, 149-153,158
Approach, as of Humanity to God, 35, 122, 140, 160-166	Sự tiếp cận, như của Nhân Loại đối với Thượng Đế, 35, 122, 140, 160-166
Art, 45	Nghệ thuật, 45

Atlantic Charter, 45

Atma, The, 141

Atmosphere, of School and Home, 47-49

Atomic Energy—

role of, 81-82

use of, 66-67

Attainment, Individual, 47

Australia, 12

B

Bhagavad Gita, 142

Beauty, Spiritual Value of, 39

Betterment, Man's Urge Toward, 9

Bible, The, 126

Bill of Rights, American, 45

Brahma, 89

British Commonwealth of Nations, or United Kingdom, 27, 30, 44, 68-69, 91

British Imperialism, 12

Brotherhood of Man, 10, 22, 83-84, 94, 103, 128, 147-148, 179

Hiến chương Đại Tây Dương, 45

Atma, 141

Bầu không khí, của Trường học và Gia đình, 47-49

Năng lượng nguyên tử—

vai trò của, 81-82

việc sử dụng, 66-67

Thành tựu, Cá nhân, 47

Úc, 12

B

Bhagavad Gita, 142

Vẻ đẹp, Giá trị tinh thần của, 39

Sự cải thiện, Thúc đẩy của Con người hướng tới, 9

Kinh Thánh, 126

Tuyên ngôn Nhân quyền, của Hoa Kỳ, 45

Brahma, 89

Khối Thịnh Vượng Chung Anh, hay Vương Quốc Anh, 27, 30, 44, 68-69, 91

Chủ nghĩa đế quốc Anh, 12

Tình Huynh Đệ của Con Người, 10, 22, 83-84, 94, 103, 128, 147-148, 179

Buddha, 7, 50, 120, 127, 150-151, 163, 164

Buddhism, 99

Buddhist Scriptures, 129

Business, 9, 70-73, 80

C

Capital, Labour and Employment, Problem of, 66-84

Capitalism—

18th & 19th centuries, 74-75

labour, and, 77-82

in the Middle Ages, 74

system of, 70-76, 172

worldwide, 70-73, 175

Catholic Church, Roman, 34, 130-134, 139, 169

Children—

exploitation of, 74

immediate need, 40-49

long range plan, 49-64

present problem of youth, 36-40

problem of, in general, 32-65

Đức Phật, 7, 50, 120, 127, 150-151, 163, 164

Phật giáo, 99

Kinh điển Phật giáo, 129

Kinh doanh, 9, 70-73, 80

C

Tư bản, Lao động và Việc làm, Vấn đề của, 66-84

Chủ nghĩa tư bản—

thế kỷ 18 và 19, 74-75

lao động, và, 77-82

trong Thời Trung Cổ, 74

hệ thống của, 70-76, 172

toàn cầu, 70-73, 175

Giáo hội Công giáo La Mã, 34, 130-134, 139, 169

Trẻ em—

sự bóc lột, 74

nhu cầu trước mắt, 40-49

kế hoạch dài hạn, 49-64

vấn đề hiện nay của thanh niên, 36-40

vấn đề của, nói chung, 32-65

China, 172

Christ—

appeal of, 136-137

as He essentially is, 34-35

attentive ear of, 136

consciousness, 117, 128, 133, 145, 147, 148, 153, 156

disciples of, 7, 121, 144-145

esoteric groups and, 156

faith in, 124-125

and Festival of Humanity, 164-165

and goodwill, 121

and Hierarchy, 133, 144-147, 160, 163

and the Jews, 100

and the Kingdom of God, 124, 133, 160

great Teacher, 151

humanity's return to, 124

in men, 148

intentions and truth, 124,128

in touch with, 134

Trung Hoa, 172

Đức Christ—

lời kêu gọi của, 136-137

như chính Ngài cốt yếu là, 34-35

tai lắng nghe của, 136

tâm thức, 117, 128, 133, 145, 147, 148, 153, 156

các đệ tử của, 7, 121, 144-145

các nhóm nội môn và, 156

đức tin nơi, 124-125

và Lễ Hội Nhân Loại, 164-165

và thiện chí, 121

và Thánh Đoàn, 133, 144-147, 160, 163

và người Do Thái, 100

và Thiên Giới, 124, 133, 160

Huấn Sư vĩ đại, 151

sự trở về của nhân loại với, 124

trong con người, 148

các ý định và chân lý, 124,128

tiếp xúc với, 134

knowledge of, 131

lives and guides, 122, 136-137, 144, 145

and love, 165

message of, 151

obscured by churches, 34

outstanding figure, 50, 133

prophesies of, 170

return of, 117, 121, 145-147

saved by, 133

spiritual impression, 7

teachings of, 128

true service to, 153-154

work of, 80

working under, 162

Christian Era, 121

Christianity—

definition of, 123

nature of, 129

Christians, and the Jews, 102

tri thức về, 131

sống và hướng dẫn, 122, 136-137, 144, 145

và tình thương, 165

thông điệp của, 151

bị các giáo hội che khuất, 34

nhân vật nổi bật, 50, 133

các lời tiên tri của, 170

sự trở lại của, 117, 121, 145-147

được cứu bởi, 133

ấn tượng tinh thần, 7

giáo huấn của, 128

sự phụng sự chân thật đối với, 153-154

công việc của, 80

làm việc dưới quyền, 162

Kỷ nguyên Kitô giáo, 121

Kitô giáo—

định nghĩa của, 123

bản chất của, 129

Người Kitô giáo, và người Do Thái, 102

Churches—

as capitalistic systems, 169

early church, divisions in, 129-134

education, 34

essential truths, 140-152

failure of, 33, 34-35, 38-39, 122-166

fundamentalism, 34

Greek Orthodox Church, 131

materialistic and political ambition, 80, 124-125, 129-130

new world religion, 155-166

opportunity of, 134-140

Oriental religions, 138

problem of,122-166

Protestant Churches, 34, 132-133

regeneration of, 152-155

Roman Catholic Church, 34, 130-134, 139, 169

scriptures, 125-127

Churchianity, 123

Citizenship—

Các Giáo hội—

như các hệ thống tư bản, 169

giáo hội sơ khai, các chia rẽ trong, 129-134

giáo dục, 34

các chân lý cốt yếu, 140-152

thất bại của, 33, 34-35, 38-39, 122-166

chủ nghĩa nguyên giáo, 34

Giáo hội Chính thống Hy Lạp, 131

tham vọng vật chất và chính trị, 80, 124-125, 129-130

tôn giáo thế giới mới, 155-166

cơ hội của, 134-140

các tôn giáo Đông phương, 138

vấn đề của,122-166

Các Giáo hội Tin Lành, 34, 132-133

sự tái sinh của, 152-155

Giáo hội Công giáo La Mã, 34, 130-134, 139, 169

kinh điển, 125-127

Chủ nghĩa giáo hội, 123

Quyền công dân—

and education, 55

and training for, 51-56

goal of, 51-52

good, 10

Jews and, 96, 100, 103

right emphasis, 14

world, 14, 37, 51, 53-56, 62, 65,146,171-172

Civilization—

and Culture, 39, 55-56

definition of, 36

and education, 55-56,58, 60

values, 38

Colleges, *See under* Education

Comparative Religion, 127,156

Competition, 46-47, 80

Confucius, 50

Consciousness—

cooperative, 47 human,

development of, 5-6

và giáo dục, 55

và sự huấn luyện cho, 51-56

mục tiêu của, 51-52

tốt, 10

người Do Thái và, 96, 100, 103

nhấn mạnh đúng đắn, 14

thế giới, 14, 37, 51, 53-56, 62, 65,146,171-172

Nền văn minh—

và Văn hóa, 39, 55-56

định nghĩa của, 36

và giáo dục, 55-56,58, 60

các giá trị, 38

Các trường cao đẳng, *Xem dưới* Giáo dục

Tôn giáo so sánh, 127,156

Cạnh tranh, 46-47, 80

Khổng Tử, 50

Tâm thức—

hợp tác, 47 nhân loại,

sự phát triển của, 5-6

new world, 23

Cooperative Goodwill, 65

Creative Spirit, in Man, 45

Creative Spiritual Thinking, 129

Cross, The, 127

Culture *See under* Civilization

D

Democracy, 61, 67

Desire, 79-80

Destiny, Human, 5,6

Development, Human, history of, 5-6

Discipline, 27, 49, 158

Divine Centres, Two Great, 160

Divine Circulatory Flow, 7

Doctrine, and the Church, 124, 125-128

Dogma, and the Church, 124,125-128

E

Easter, 144 *See also* Festival

Eastern Approach, to Life, 176

thế giới mới, 23

Thiện chí hợp tác, 65

Tinh thần sáng tạo, trong Con người, 45

Tư duy tinh thần sáng tạo, 129

Thập giá, 127

Văn hóa *Xem dưới* Nền văn minh

D

Dân chủ, 61, 67

Dục vọng, 79-80

Định mệnh, Nhân loại, 5,6

Sự phát triển, Nhân loại, lịch sử của, 5-6

Kỷ luật, 27, 49, 158

Các Trung Tâm Thiêng Liêng, Hai Trung Tâm Lớn, 160

Dòng Tuần Hoàn Thiêng Liêng, 7

Giáo lý, và Giáo hội, 124, 125-128

Tín điều, và Giáo hội, 124,125-128

E

Lễ Phục Sinh, 144 *Xem thêm* Lễ Hội

Cách tiếp cận phương Đông, đối với Đời sống, 176

Eastern Doctrines, Effect of, 129

Economic Exploitation, 70-84, 87

Economics, and War, 167

Education—

and the future, 32-65, 67

and the soul, 59

creativity, 58

deeply spiritual enterprise, 34

in the hands of the church, 34-35

international system of, 60-61

keynote of the new, 65

Labour Union movement and, 76

mass, 50, 76

materialism and, 37-39, 57

perception of ideas, 57

primary, secondary, and university, 55-56

process of, 30, 52-54

psychology and, 54-57

separativeness and, 37-40

Các giáo lý phương Đông, Ảnh hưởng của, 129

Bóc lột kinh tế, 70-84, 87

Kinh tế học, và Chiến tranh, 167

Giáo dục—

và tương lai, 32-65, 67

và linh hồn, 59

tính sáng tạo, 58

công cuộc tinh thần sâu sắc, 34

trong tay giáo hội, 34-35

hệ thống quốc tế của, 60-61

chủ âm của cái mới, 65

Phong trào Công đoàn và, 76

quần chúng, 50, 76

chủ nghĩa vật chất và, 37-39, 57

tri nhận các ý tưởng, 57

tiểu học, trung học và đại học, 55-56

tiến trình của, 30, 52-54

tâm lý học và, 54-57

tính chia rẽ và, 37-40

solution to world problems, 84

spiritual enterprise, 34

of whole person, 34-35

world citizenship and, 51, 62, 65

world development and, 50-51

Employment, Labour and Capital, Problem of, 66-84

Energy, 161

Eternal Persistence, fact of, 142-144

Equality, among countries, 28

Esotericism, 156

Esoteric Understanding, in Africa, 107

Evil, 87, 154

Evocation, Science of *See* Invocation

Evolution, 90, 142, 154

Extra-sensory Perception, 157

F

Family Unit, 10

Far East, 93

Fascism, 42, 46

giải pháp cho các vấn đề thế giới, 84

công cuộc tinh thần, 34

của con người toàn diện, 34-35

quyền công dân thế giới và, 51, 62, 65

sự phát triển thế giới và, 50-51

Việc làm, Lao động và Tư bản, Vấn đề về, 66-84

Năng lượng, 161

Sự Kiên Tồn Vĩnh Cửu, sự kiện về, 142-144

Bình đẳng, giữa các quốc gia, 28

Huyền bí học, 156

Sự thấu hiểu nội môn, tại Châu Phi, 107

Cái ác, 87, 154

Sự Gợi Lên, Khoa học về *Xem* Khẩn Cầu

Tiến hoá, 90, 142, 154

Tri giác Ngoại cảm, 157

F

Đơn vị Gia đình, 10

Viễn Đông, 93

Chủ nghĩa phát xít, 42, 46

Father, One, 39, 83, 89

Festival of Easter, 163

Festival of Humanity, 164

Festival of Wesak or Vaisakha, 163-164

Forces of Light, 13, 29

Four Freedoms, 45, 77, 169, 178

Fourth Kingdom in Nature, 147

France, 12, 13, 16-17, 25, 91, 93, 172

Freedom—

crisis of, 29

demand for, 75

from dictatorship, 24

from prejudice and racial antagonism, 47

from want, 167, 174

human, 24

of press and radio, 24

of religion, 24, 128

of speech, 24

of thought, 128-129

Cha Duy Nhất, 39, 83, 89

Lễ Phục Sinh, 163

Lễ Nhân Loại, 164

Lễ Wesak hay Vaisakha, 163-164

Các Mãnh Lực Ánh Sáng, 13, 29

Bốn Quyền Tự Do, 45, 77, 169, 178

Giới Thứ Tư trong Thiên Nhiên, 147

Pháp, 12, 13, 16-17, 25, 91, 93, 172

Tự do—

khủng hoảng của, 29

đòi hỏi về, 75

thoát khỏi độc tài, 24

thoát khỏi thành kiến và đối kháng chủng tộc, 47

thoát khỏi thiếu thốn, 167, 174

của con người, 24

của báo chí và phát thanh, 24

của tôn giáo, 24, 128

của ngôn luận, 24

của tư tưởng, 128-129

principle of, 75

racial minorities and, 111-113

self-chosen discipline and, 27

self-interest and, 27

to travel, 177

French Revolution, 45

G

Gentiles, and Jews, 98, 100-105

Germany, 13,17-19,25

Geography, Teaching of, 43-45

God—

Buddha and, 165

Christ and, 165

creator, 150

definition of, 136

fact of, 122, 141

immanent, 139, 141-142, 149, 152, 157, 158, 160, 165

kingdom of, 83

man's interpretation of, 127

nguyên tắc của, 75

các nhóm thiểu số chủng tộc và, 111-113

kỷ luật tự chọn và, 27

tư lợi và, 27

đi lại, 177

Cách mạng Pháp, 45

G

Dân ngoại, và người Do Thái, 98, 100-105

Đức, 13,17-19,25

Địa lý, Giảng dạy về, 43-45

Thượng đế—

Đức Phật và, 165

Đức Christ và, 165

Đấng sáng tạo, 150

định nghĩa về, 136

sự kiện về, 122, 141

nội tại, 139, 141-142, 149, 152, 157, 158, 160, 165

Thiên Giới, 83

sự diễn giải của con người về, 127

one, 89

sons of, 36

spiritual Hierarchy and, 165

transcendent, 139, 141-142, 148, 149, 150, 152, 157, 158, 160, 165

universal mind, 152

will of, 27, 146-147, 150

Golden Age, 82

Golden Rule, 57

Good, Civic and National, 12

Goodness, Spiritual Value of, 39

Goodwill—

as a divine energy, 150, 169

cooperative, 65

definition of, 7

education and, 60, 119, 171

expression of, 65, 148, 164

harmony and, 60

leading to peace, 9, 116, 148, 165

men and women of, 8, 19, 30, 31, 67, 80-82, 83, 115, 118-121, 173, 174, 176-181

duy nhất, 89

các Con của Thượng đế, 36

Thánh Đoàn và, 165

siêu việt, 139, 141-142, 148, 149, 150, 152, 157, 158, 160, 165

Vũ Trụ Trí, 152

Ý Chí của, 27, 146-147, 150

Thời đại Hoàng kim, 82

Quy luật Vàng, 57

Thiện ích, Công dân và Quốc gia, 12

Thiện tính, Giá trị Tinh thần của, 39

Thiện chí—

như một năng lượng thiêng liêng, 150, 169

hợp tác, 65

định nghĩa về, 7

giáo dục và, 60, 119, 171

biểu hiện của, 65, 148, 164

hài hòa và, 60

dẫn đến hòa bình, 9, 116, 148, 165

	những người nam và nữ thiện chí, 8, 19, 30, 31, 67, 80-82, 83, 115, 118-121, 173, 174, 176-181
practical, 173	thực tiễn, 173
promotion of, 169	sự thúc đẩy, 169
recognized, 43	được nhận biết, 43
spirit of, 18, 67, 116-121, 179-181	tinh thần của, 18, 67, 116-121, 179-181
technique of, 6-7	kỹ thuật của, 6-7
potency of, 171	quyền năng của, 171
World, 116	Thế giới, 116
Great Britain, 13, 19-21, 25, 93, 172, 175	Anh Quốc, 13, 19-21, 25, 93, 172, 175
Great Invocation, 165-166	Đại Khấn Nguyện, 165-166
Great Powers, 41, 68-69, 93, 115, 174	Các Cường quốc Lớn, 41, 68-69, 93, 115, 174
Greek Orthodox Church, 130, 131	Giáo hội Chính thống Hy Lạp, 130, 131
Greeks, and the World War, 104	Người Hy Lạp, và Thế chiến, 104
Group Consciousness, 19	Tâm thức Nhóm, 19
Group Relations, Right, 48	Các Quan hệ Nhóm, Đúng đắn, 48
Groups, Major, after World War II, 167-168	Các Nhóm, Chính yếu, sau Thế chiến thứ hai, 167-168
H	H
Hatred, National and Racial, 14	Thù hận, Quốc gia và Chủng tộc, 14

Heaven, 142, 143

Hell, 142, 143

Hemisphere, Western, standard of living in, 36

Herd Consciousness, 19

Hierarchy, Spiritual, 7, 84, 133, 144-145, 149, 150, 152, 154, 156, 158-159, 163, 164, 171

Hindu, 87, 99

Hindu Scriptures, 129

History—

ancient, 149

as emergence of ideas, 57

Bible, historicity of, 128

education and, 54-55, 59, 61-62

geography and, 43

heroes of, 43

Italian State, 25

keynotes of, 44

lessons of, 15-16, 32, 62, 63, 74, 86

of mankind, 35-36

Thiên đường, 142, 143

Địa ngục, 142, 143

Bán cầu, Tây phương, tiêu chuẩn sống tại, 36

Tâm thức Bầy đàn, 19

Thánh Đoàn, 7, 84, 133, 144-145, 149, 150, 152, 154, 156, 158-159, 163, 164, 171

Ấn giáo, 87, 99

Thánh điển Ấn giáo, 129

Lịch sử—

cổ đại, 149

như sự xuất hiện của các ý tưởng, 57

Kinh Thánh, tính lịch sử của, 128

giáo dục và, 54-55, 59, 61-62

địa lý và, 43

các anh hùng của, 43

Nhà nước Ý, 25

các chủ âm của, 44

các bài học của, 15-16, 32, 62, 63, 74, 86

của nhân loại, 35-36

outstanding figures of, 58

Polish people, 23

process of, 89

teaching of, 43-45, 57

theory of, 44

Hitler, 96

Human Consciousness, development of, 5-6

Human Destiny, 5, 6

Human Development, 5-6, 35-36

Human Relations, Wrong, 51

Human Rights, 76

Human Soul, 139

Human Spirit, 62,124

Human Unity, 83

Humanitarianism, and Racial Minorities, 86

Humanity—

as a conscious fact, 10

as a whole, 68-69, 157, 175

civilization and, 36-37

các nhân vật nổi bật của, 58

dân tộc Ba Lan, 23

tiến trình của, 89

giảng dạy về, 43-45, 57

lý thuyết về, 44

Hitler, 96

Tâm thức Con người, sự phát triển của, 5-6

Định mệnh Con người, 5, 6

Sự Phát triển Con người, 5-6, 35-36

Các Quan hệ Con người, Sai lầm, 51

Nhân quyền, 76

Linh hồn Con người, 139

Tinh thần Con người, 62,124

Sự Hợp nhất Nhân loại, 83

Chủ nghĩa nhân đạo, và các nhóm Thiểu số Chủng tộc, 86

Nhân loại—

như một sự kiện có ý thức, 10

như một toàn thể, 68-69, 157, 175

văn minh và, 36-37

definition of, 29

development of, 10,154

freedom of, 24

future of, 35, 67-68, 171

importance of, 169

inner attitude of, 156

habits of, 39

new humanity, 6

norm of, 78

one, 12,44, 46, 61, 64, 147

planning in terms of, 94-95

and Poland, 24

psychological problem of, 27

responsibility to, 48

separateness and, 114

spirituality and, 138

spiritual welfare of, 29, 168

world disciple, 29

I

định nghĩa về, 29

sự phát triển của, 10,154

tự do của, 24

tương lai của, 35, 67-68, 171

tầm quan trọng của, 169

thái độ nội tâm của, 156

các thói quen của, 39

nhân loại mới, 6

chuẩn mực của, 78

duy nhất, 12,44, 46, 61, 64, 147

lập kế hoạch từ góc độ, 94-95

và Ba Lan, 24

vấn đề tâm lý của, 27

trách nhiệm đối với, 48

tính chia rẽ và, 114

tinh thần và, 138

phúc lợi tinh thần của, 29, 168

đệ tử thế giới, 29

I

Ideals, definition of, 14

Illumination, Path of, 151

Illumined One, The, 151

Immaturity, and Nations, 12

Immortality, 142-144,157

Imperialism, 12, 93, 175

India, 44, 87, 172

Instinct, 54-55, 62

Instinctual Reaction, in Youth, 54-55

Intellect, 54-55, 62

Intellectual Capacity, in Youth, 54-55

Intelligence, as an aspect of divinity, 150

Intermarriage, 113-114

International Disunity, cause of, l1-12

International Minorities, 91

International Thinking, 10, 12-13

International Unity, problem of, 167-181

Intuition, 54-55, 62

Các lý tưởng, định nghĩa về, 14

Soi sáng, Con Đường của, 151

Đấng Được Soi Sáng, 151

Sự Chưa Trưởng thành, và các Quốc gia, 12

Sự Bất tử, 142-144,157

Chủ nghĩa đế quốc, 12, 93, 175

Ấn Độ, 44, 87, 172

Bản năng, 54-55, 62

Phản ứng Bản năng, nơi Thanh thiếu niên, 54-55

Trí năng, 54-55, 62

Năng lực Trí tuệ, nơi Thanh thiếu niên, 54-55

Trí tuệ, như một phương diện của thiên tính, 150

Hôn nhân dị chủng, 113-114

Sự Bất hòa Quốc tế, nguyên nhân của, l1-12

Các Nhóm Thiểu số Quốc tế, 91

Tư duy Quốc tế, 10, 12-13

Sự Hợp nhất Quốc tế, vấn đề về, 167-181

Trực giác, 54-55, 62

Invocation—

evocation and, 157, 158-162

three types, 158-159

Invocation, Great, 165-166

Irresponsibility, World, 12-13

Isolationism, 12-13, 27, 28-29

Italy, 14, 25

J

Japan, 14

Jehovah, 100, 101

Jews—

as Orientals, 97

business practices of, 97

Christians and, 102

Gentiles and, 100-105

in the Middle Ages, 104

in The Old Testament, 102

in the United States, 104

materialism and, 97, 99-100

Khẩn Cầu—

sự gợi lên và, 157, 158-162

ba loại, 158-159

Khẩn Cầu, Đại, 165-166

Sự Vô trách nhiệm Thế giới, 12-13

Chủ nghĩa biệt lập, 12-13, 27, 28-29

Ý, 14, 25

J

Nhật Bản, 14

Giê-hô-va, 100, 101

Người Do Thái—

như người Đông phương, 97

các tập quán kinh doanh của, 97

tín đồ Cơ Đốc và, 102

Dân ngoại và, 100-105

trong Thời Trung cổ, 104

trong Cựu Ước, 102

tại Hoa Kỳ, 104

chủ nghĩa duy vật và, 97, 99-100

migrations of, 101

Orthodox, 100

pattern of living, 103-104

racial obligations of, 100

reactionary, 98

religion and, 99-101

right human relations and, 103

separateness and, 95-96, 97-103

the World War and, 104

Jewish Problem, 86, 95, 96-105

K

Kingdom of God, 83, 133-134, 147, 151, 160, 169

Knowledge—

education and, 52-53

function of, 52

gained from past civilization, 39

goodwill implemented by, 119

in Russia, 21

Negroes and, 108

các cuộc di cư của, 101

Chính thống, 100

mô hình sống, 103-104

các nghĩa vụ chủng tộc của, 100

phản động, 98

tôn giáo và, 99-101

các mối quan hệ đúng đắn giữa người với người và, 103

tính chia rẽ và, 95-96, 97-103

Thế chiến và, 104

Vấn đề Do Thái, 86, 95, 96-105

K

Thiên Giới, 83, 133-134, 147, 151, 160, 169

Tri thức—

giáo dục và, 52-53

chức năng của, 52

thu được từ nền văn minh quá khứ, 39

thiện chí được thực hiện nhờ, 119

tại Nga, 21

người da đen và, 108

of God, 154

progress and, 153

wisdom as an outgrowth of, 53

Krishna, 7, 50

L

Labour—

and capitalism, 26-27, 77

as a force, 73-79

movement, 75-78

norm of humanity, 78

separativeness and, 94

unions, 74, 76-77

Labour, Capital and Employment, Problem of, 66-84

Lao Tze, 50

Law, Cyclic, of Evolution, 90, 169

Law of Karma or Cause and Effect, 142-145

Law of Rebirth, 142-145

Law of Supply and Demand, 71, 77, 79

Life, Eastern Approach to, 176

về Thượng đế, 154

tiến bộ và, 153

minh triết như một kết quả phát triển từ, 53

Krishna, 7, 50

L

Lao động—

và chủ nghĩa tư bản, 26-27, 77

như một mãnh lực, 73-79

phong trào, 75-78

chuẩn mực của nhân loại, 78

tính chia rẽ và, 94

các công đoàn, 74, 76-77

Lao động, Tư bản và Việc làm, Vấn đề về, 66-84

Lão Tử, 50

Định luật Chu kỳ, của Tiến hoá, 90, 169

Định luật Nghiệp quả hay Nhân và Quả, 142-145

Định luật Tái sinh, 142-145

Định luật Cung và Cầu, 71, 77, 79

	Đời sống, Lối tiếp cận Đông phương đối với, 176
Life, Western Approach to, 176	Đời sống, Lối tiếp cận Tây phương đối với, 176
Literature, 45	Văn học, 45
Living, Intelligent, 9-10	Sống, Thông minh, 9-10
Living, Right, 33	Sống, Đúng đắn, 33
Lord's Prayer, 159	Kinh Lạy Cha, 159
Love, as an aspect of divinity, 150	Bác ái, như một phương diện của thiên tính, 150
Loving Understanding, 65	Sự Thấu hiểu Đầy Bác ái, 65
M	M
Machine Age, 74, 75	Thời đại Máy móc, 74, 75
Magna Carta, 45	Đại Hiến chương, 45
Man—	Con người—
as a unit, 10	như một đơn vị, 10
creative spirit in, 45	tinh thần sáng tạo trong, 45
divinity of, 83, 147, 148, 169	thiên tính của, 83, 147, 148, 169
mind in, 150	trí tuệ trong, 150
rebirth of, 147	sự tái sinh của, 147
self interest, 10, 12-13	tư lợi, 10, 12-13

spirit in, 142

Mantrams, 159

Mass Thinking and Reaction, 15

Masters of the Wisdom, 144, 145

Materialism—

age of science and, 75

Christian churches and, 80, 124-125

history and, 37-40, 43

in France, 17,172

in the New Age, 79

in the United States, 25

Jews and, 97

Mohammedan faith and, 129

nationalism and, 91-93

minorities and, 91-96

repudiation by deeply spiritual men, 133, 174

Roman Catholic Church and, 130

separateness and, 87

transition from 81, 83

tinh thần trong, 142

Các mantram, 159

Tư duy và Phản ứng Đại chúng, 15

Các Chân sư Minh Triết, 144, 145

Chủ nghĩa duy vật—

thời đại khoa học và, 75

các giáo hội Cơ Đốc và, 80, 124-125

lịch sử và, 37-40, 43

tại Pháp, 17,172

trong Kỷ Nguyên Mới, 79

tại Hoa Kỳ, 25

người Do Thái và, 97

đức tin Hồi giáo và, 129

chủ nghĩa quốc gia và, 91-93

các nhóm thiểu số và, 91-96

sự bác bỏ bởi những người có tinh thần sâu sắc, 133, 174

Giáo hội Công giáo La Mã và, 130

tính chia rẽ và, 87

sự chuyển tiếp khỏi, 81, 83

world disunity as a result of, 70-73, 79-81, 172

youth and, 36-40

Maturity, and Nations, 12

Meditation, Techniques of, 156, 157, 159, 160, 161

Migration, and War, 44

Mind, Function of, 52

Minorities—

international, 91

major minority groups, 91-114

national, 91

problem of, 85-121

separateness and, 114-121

solutions for, 114-121

Mixed Marriage, 113-114

Mohammedan Faith, nature of, 129

Money, and the Church, 124

Money, Love of, as the root of all evil, 79-80

Moslem, 87

sự bất hòa thế giới như kết quả của, 70-73, 79-81, 172

thanh thiếu niên và, 36-40

Sự Trưởng thành, và các Quốc gia, 12

Tham thiền, Các Kỹ thuật của, 156, 157, 159, 160, 161

Di cư, và Chiến tranh, 44

Tâm trí, Chức năng của, 52

Các nhóm Thiểu số—

quốc tế, 91

các nhóm thiểu số chính yếu, 91-114

quốc gia, 91

vấn đề về, 85-121

tính chia rẽ và, 114-121

các giải pháp cho, 114-121

Hôn nhân Hỗn hợp, 113-114

Đức tin Hồi giáo, bản chất của, 129

Tiền bạc, và Giáo hội, 124

Tiền bạc, Lòng ham muốn, như cội rễ của mọi điều ác, 79-80

Hồi giáo, 87

Mysteries, Restoration of, 147

Mysticism, 107

Mystic, Practical, 33

Mystical Perception, 35

N

Nationalism—

consequences of, 88-89, 91-92

isolationism, 12, 172

national thoughtform, 11

Nations—

attitude of, 11-12

cleaning up process within, 30

destinies of, 42

history and, 15, 44

importance of humanity over, 169

interaction of, 11

interior unity, 28

isolationism and, 12

nationalism and, 10-12, 88-89

Các Bí nhiệm, Sự Phục hồi của, 147

Thần bí học, 107

Nhà Thần bí, Thực tiễn, 33

Tri nhận Thần bí, 35

N

Chủ nghĩa quốc gia—

các hậu quả của, 88-89, 91-92

chủ nghĩa biệt lập, 12, 172

hình tư tưởng quốc gia, 11

Các quốc gia—

thái độ của, 11-12

tiến trình thanh lọc bên trong, 30

các định mệnh của, 42

lịch sử và, 15, 44

tầm quan trọng của nhân loại vượt trên, 169

sự tương tác của, 11

sự hợp nhất nội tại, 28

chủ nghĩa biệt lập và, 12

chủ nghĩa quốc gia và, 10-12, 88-89

các yếu kém và phức cảm tâm lý của, 8-31

psychological weaknesses and complexes of, 8-31

racial minorities in, 89, 103-104

rehabilitation of, 8-31

separative attitudes of, 15, 63

soul of, 8, 11

task of, 29-31

world disunity and, 172

Nature Worship, in Africa, 107

Nazism, 42

Near East, 93, 175

Negroes—

discrimination against, 111-114

exploitation of, 106

in Africa, 95, 105-111

in the United States, 86, 95, 108, 111-114

in the Western Hemisphere, 111-114

in the West Indies, 108

intermarriage and, 113-114

mysticism and, 107

các nhóm thiểu số chủng tộc trong, 89, 103-104

sự phục hồi của, 8-31

các thái độ chia rẽ của, 15, 63

linh hồn của, 8, 11

nhiệm vụ của, 29-31

sự bất hòa thế giới và, 172

Thờ phượng Thiên nhiên, tại Châu Phi, 107

Chủ nghĩa Quốc xã, 42

Cận Đông, 93, 175

Người da đen—

phân biệt đối xử chống lại, 111-114

sự bóc lột, 106

tại Châu Phi, 95, 105-111

tại Hoa Kỳ, 86, 95, 108, 111-114

tại Tây Bán cầu, 111-114

tại Tây Ấn, 108

hôn nhân dị chủng và, 113-114

thần bí học và, 107

separative instinct and slavery, 106, 111

treatment of, 26, 85, 172

Negro Problem, 95,105-114

New Age Approach to God, 35

New Age, 79, 81, 121

New Civilization, 60

New Educational Movement, 35, 65

New Group of World Servers, 7

New Science of Government, 65

New Science of Politics, 65

New Testament, 100

New World Religion, 65, 138-139, 140, 144-145, 152, 155-156, 158, 159, 161, 162-163

O

Objectives, World, 9

Occult Knowledge, in Africa, 107

Old Testament, 100-102, 127, 142

One Father, 39, 83, 89

One God, 89

bản năng chia rẽ và chế độ nô lệ, 106, 111

cách đối xử với, 26, 85, 172

Vấn đề Người da đen, 95,105-114

Lối Tiếp cận Thượng đế trong Kỷ Nguyên Mới, 35

Kỷ Nguyên Mới, 79, 81, 121

Nền Văn minh Mới, 60

Phong trào Giáo dục Mới, 35, 65

Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, 7

Khoa học Chính quyền Mới, 65

Khoa học Chính trị Mới, 65

Tân Ước, 100

Tôn giáo Thế giới Mới, 65, 138-139, 140, 144-145, 152, 155-156, 158, 159, 161, 162-163

O

Các Mục tiêu Thế giới, 9

Tri thức Huyền môn, tại Châu Phi, 107

Cựu Ước, 100-102, 127, 142

Một Người Cha Duy Nhất, 39, 83, 89

Một Thượng đế Duy Nhất, 89

One Humanity, fact of, 12, 15, 44, 46, 61, 64, 116, 147

One World, 12, 29

Oriental Religions, and Negativity, 129

Orthodox Church, Greek, 130, 131

P

Palestine, 97

Parenthood, Training For, 53

Path of Evolution,142

Path of Illumination, 151

Patience, 47-48

Peace, 116, 148, 152, 165, 167-171

Perception—

Buddha and, 151

extra-sensory, 157

mystical, 35

of impressions, 57-58

Pioneering Spirit, 38

Plan, The, 138, 140, 158, 166

Poland, 13, 23-24, 25, 172

Một Nhân loại Duy Nhất, sự kiện về, 12, 15, 44, 46, 61, 64, 116, 147

Một Thế giới, 12, 29

Các Tôn giáo Đông phương, và tính Thụ động, 129

Giáo hội Chính thống, Hy Lạp, 130, 131

P

Pa-lét-xtin, 97

Vai trò Làm cha mẹ, Huấn luyện cho, 53

Con Đường Tiến hoá,142

Con Đường Soi Sáng, 151

Kiên nhẫn, 47-48

Hòa bình, 116, 148, 152, 165, 167-171

Tri giác—

Đức Phật và, 151

ngoại cảm, 157

thần bí, 35

về các ấn tượng, 57-58

Tinh thần Tiên phong, 38

Thiên Cơ, 138, 140, 158, 166

Ba Lan, 13, 23-24, 25, 172

Politics, and the Church, 124

Practical Mystic, 33

Prayer and Meditation, 157, 160, 161

Prejudice, 120

Primary Schools, role of, 54-56

Problem of Capital, Labour and Employment, 66-84

Problem of the Children, 32-65

Problem of the Churches, 122-166

Problem of International Unity, 167-181

Problem of Psychological Rehabilitation of Nations, 8-31

Problem of Racial Minorities, 85-121

Proletariat, in Russia, 77

Protestant Churches, 34, 130, 132-134

Psalms of David, 101

Psychological Integration, 9

Psychological Objectives—

internal problem-solving, nations, 9, 29

international relations, and France, 17

international unity, 9, 29

Chính trị, và Giáo hội, 124

Nhà Thần bí Thực tiễn, 33

Cầu nguyện và Tham thiền, 157, 160, 161

Thành kiến, 120

Trường Tiểu học, vai trò của, 54-56

Vấn đề Tư bản, Lao động và Việc làm, 66-84

Vấn đề Trẻ em, 32-65

Vấn đề các Giáo hội, 122-166

Vấn đề Thống nhất Quốc tế, 167-181

Vấn đề Phục hồi Tâm lý các Quốc gia, 8-31

Vấn đề các Sắc dân Thiểu số, 85-121

Giai cấp vô sản, ở Nga, 77

Các Giáo hội Tin Lành, 34, 130, 132-134

Thánh vịnh của Đa-vít, 101

Sự Tích hợp Tâm lý, 9

Các Mục tiêu Tâm lý—

giải quyết vấn đề nội bộ, các quốc gia, 9, 29

quan hệ quốc tế, và Pháp, 17

thống nhất quốc tế, 9, 29

Psychological Problem of Humanity, 27

Psychological Rehabilitation of Nations, problem of, 8-31

Psychological Rehabilitation of Youth, 41

Psychology, in Education, 56-57

Public Opinion—

and goodwill, 119, 121, 178, 179, 180, 181

and the Negro, 113

enlightened, 94-95

minorities and, 94-95

re-educating, 15-16, 181

trained by men of goodwill, 121

world, 116, 177, 178

R

Racial Faults, 86-87

Racial History—

earlier stages, 9

today, 9

Racial Minorities, Problem of—

causes, 85-87

Vấn đề Tâm lý của Nhân loại, 27

Phục hồi Tâm lý các Quốc gia, vấn đề về, 8-31

Phục hồi Tâm lý Thanh thiếu niên, 41

Tâm lý học, trong Giáo dục, 56-57

Dư luận Công chúng—

và thiện chí, 119, 121, 178, 179, 180, 181

và người da đen, 113

được soi sáng, 94-95

các thiểu số và, 94-95

tái giáo dục, 15-16, 181

được rèn luyện bởi những người thiện chí, 121

thế giới, 116, 177, 178

R

Những Lỗi lầm Chủng tộc, 86-87

Lịch sử Chủng tộc—

các giai đoạn trước, 9

ngày nay, 9

Các Sắc dân Thiểu số, Vấn đề về—

nguyên nhân, 85-87

economic distress and, 85

international, 91-94

Jewish, 96-105

lack of education and, 85

nationalism and, 85

Negro, 26, 69, 76,85-86,105-114

problem of, 85-121

separateness, and, 87-88

spirit of goodwill, and, 116-121

Raincloud of Knowable Things, 141

Reconstruction, Worldwide, 40

Rehabilitation of Youth, Psychological, 41

Religion—

comparative, 127,156

essential truths, 140

linking nations, 42

new world religion, 65, 138-139, 140, 144-145, 152, 155-166

pure, 28, 169

revelation, definition, 140-141

khốn khó kinh tế và, 85

quốc tế, 91-94

Do Thái, 96-105

thiếu giáo dục và, 85

chủ nghĩa dân tộc và, 85

người da đen, 26, 69, 76,85-86,105-114

vấn đề về, 85-121

sự chia rẽ, và, 87-88

tinh thần thiện chí, và, 116-121

Đám mây mưa của những điều khả tri, 141

Tái thiết, Toàn cầu, 40

Phục hồi Thanh thiếu niên, Tâm lý, 41

Tôn giáo—

so sánh, 127,156

những chân lý thiết yếu, 140

liên kết các quốc gia, 42

tôn giáo thế giới mới, 65, 138-139, 140, 144-145, 152, 155-166

thuần khiết, 28, 169

sự mặc khải, định nghĩa, 140-141

spiritual recognition, definition, 141

true, 56

universal, 155

world religion, definition, 140

Renaissance—

of the arts, 45

of future, 45

of past, 50

spiritual, 40, 46

Resources, World, 67, 70-73, 167, 174-175, 177

Responsibility, to Fellowman, 48, 56-7, 63

Revelation, 140-141

Right Human Relations—

education and, 19, 30, 33, 46, 56-57, 59, 61-63, 65, 67, 176, 178

establishing

alternative to annihilation, 171

Christ and, 146

essential to peace, 43

sự nhận biết tinh thần, định nghĩa, 141

chân chính, 56

phổ quát, 155

tôn giáo thế giới, định nghĩa, 140

Phục hưng—

của nghệ thuật, 45

trong tương lai, 45

trong quá khứ, 50

tinh thần, 40, 46

Tài nguyên Thế giới, 67, 70-73, 167, 174-175, 177

Trách nhiệm đối với Đồng loại, 48, 56-7, 63

Sự mặc khải, 140-141

Các Mối Quan Hệ Đúng Đắn giữa Người với Người—

giáo dục và, 19, 30, 33, 46, 56-57, 59, 61-63, 65, 67, 176, 178

thiết lập

giải pháp thay thế cho sự hủy diệt, 171

Đức Christ và, 146

thiết yếu cho hòa bình, 43

federations for, 69

is spiritual, 169

millions of people working toward, 174, 178-181

minorities and, 85

new politics will be based on, 179

next step ahead for humanity, 13, 27, 173

now possible, 81-82

obstacles to, 28, 43

opportunity of, 39

part of divine purpose, 31

peace through, 116, 152, 169, 171

security of humanity dependent upon, 67

solution to major world problems, 115-116

true expression of brotherhood, 148

goal of, 27-29, 42, 116

Jews and, 103

Negroes and, 103-111

science of, 57, 62-63

các liên bang nhằm mục đích ấy, 69

là tinh thần, 169

hàng triệu người đang hoạt động hướng tới, 174, 178-181

các thiểu số và, 85

nền chính trị mới sẽ đặt nền trên, 179

bước kế tiếp trước mắt của nhân loại, 13, 27, 173

nay có thể thực hiện, 81-82

những trở ngại đối với, 28, 43

cơ hội của, 39

một phần của Thiên Ý, 31

hòa bình thông qua, 116, 152, 169, 171

an ninh của nhân loại tùy thuộc vào, 67

giải pháp cho các vấn đề lớn của thế giới, 115-116

biểu hiện chân chính của tình huynh đệ, 148

mục tiêu của, 27-29, 42, 116

người Do Thái và, 103

người da đen và, 103-111

khoa học về, 57, 62-63

world public opinion and, 115-116,178-179

world unity and, 77, 83, 178-179

Right Living, 33

Right National Citizenship, 14

Rights, Equal, 116

Roman Catholic Church, 34, 130-134, 139, 169

Roosevelt, Franklin D., 174

Russia, or U.S.S.R., 21-23, 30, 44, 77, 91, 93, 172, 175-176

S

Salvation, 127,133

Science, 45

Science of Invocation and Evocation, 157-166

Scientific Age, Capital and Labour in, 75, 78

Scriptures, Credibility of Interpretation, 126-127

Security, World, 14

Self, The, 141

Self-Chosen Discipline, 27

dư luận công chúng thế giới và, 115-116,178-179

thống nhất thế giới và, 77, 83, 178-179

Sống Đúng Đắn, 33

Quyền Công dân Quốc gia Đúng Đắn, 14

Quyền bình đẳng, 116

Giáo hội Công giáo La Mã, 34, 130-134, 139, 169

Roosevelt, Franklin D., 174

Nga, hay Liên Xô, 21-23, 30, 44, 77, 91, 93, 172, 175-176

S

Sự cứu rỗi, 127,133

Khoa học, 45

Khoa học về Khẩn Cầu và Gợi Lên, 157-166

Thời đại Khoa học, Tư bản và Lao động trong, 75, 78

Kinh điển, Độ tin cậy của Diễn giải, 126-127

An ninh Thế giới, 14

Bản Ngã, 141

Kỷ luật Tự chọn, 27

Selfishness, 13, 39

Separativeness—

attitudes, 10-16, 46, 56, 64, 69

capitalistic system and, 73

goodwill and, 118,120

great sin or heresy of, 7, 87-89, 92, 94, 95-96, 114, 177

in history, 43

Jews and, 95, 99, 103

Negroes and, 96,107

of education, 37-40

of nations, 14, 15, 18, 20

racial minorities and, 87-89, 98

restoration from, 42

results of, 137

U.S.S.R. and, 68

world unity and, 137, 177

Shri Krishna, 127,142

Simplicity, 65

Sin of Separateness, 7, 87, 92, 94, 95-96, 114, 177

Tính ích kỷ, 13, 39

Tính chia rẽ—

các thái độ, 10-16, 46, 56, 64, 69

hệ thống tư bản và, 73

thiện chí và, 118,120

tội lỗi hay tà thuyết lớn của, 7, 87-89, 92, 94, 95-96, 114, 177

trong lịch sử, 43

người Do Thái và, 95, 99, 103

người da đen và, 96,107

của giáo dục, 37-40

của các quốc gia, 14, 15, 18, 20

các sắc dân thiểu số và, 87-89, 98

sự phục hồi khỏi, 42

kết quả của, 137

Liên Xô và, 68

thống nhất thế giới và, 137, 177

Đức Shri Krishna, 127,142

Tính giản dị, 65

Tội Chia rẽ, 7, 87, 92, 94, 95-96, 114, 177

Slavery, 76, 106

Social Organization, 57

Sons of God, 36

Soul, 59, 139, 156

Source, The, Approach of the Human Spirit to, 122

South Africa, 12

South America, 93, 175

Sovereignty, 172

Spain, 25, 91

Spirit—

competitive, 46

deathlessness of, 122

human, 122, 124, 142

pioneering, 38

witness of, 122

Spiritual—

awakening in Europe, 40

creative thinking, 129

definition of, 169

Chế độ nô lệ, 76, 106

Tổ chức Xã hội, 57

Các Con của Thượng đế, 36

Linh hồn, 59, 139, 156

Nguồn Cội, Sự Tiếp cận của Tinh thần Con người đến, 122

Nam Phi, 12

Nam Mỹ, 93, 175

Chủ quyền, 172

Tây Ban Nha, 25, 91

Tinh thần—

cạnh tranh, 46

tính bất tử của, 122

con người, 122, 124, 142

tiên phong, 38

chứng ngôn của, 122

Tinh thần—

sự thức tỉnh ở châu Âu, 40

tư duy sáng tạo, 129

định nghĩa về, 169

enterprise, 34

growth,9-10

Hierarchy *See* Hierarchy, Spiritual

impression, 7

inspiration, 8

man, 39, 135-136, 138

meaning, 168-169,171-172

people, problem facing, 6-7

potencies, 161

renaissance, 40, 46

values, 39, 54

welfare, 168

Spiritualists, 157

Spirituality defined, 169

Standard of Living, in the Western Hemisphere, 36

Steam Age, Capital and Labor during, 78

Strikes, 76-77

Supply and Demand, Law of, 71, 77, 79

T

công cuộc, 34

sự tăng trưởng,9-10

Thánh Đoàn *Xem* Thánh Đoàn Tinh Thần

ấn tượng, 7

cảm hứng, 8

con người, 39, 135-136, 138

ý nghĩa, 168-169,171-172

những người, vấn đề đối diện với, 6-7

các quyền năng, 161

phục hưng, 40, 46

các giá trị, 39, 54

phúc lợi, 168

Các nhà thần linh học, 157

Tinh thần được định nghĩa, 169

Mức sống, ở Tây Bán cầu, 36

Thời đại Hơi nước, Tư bản và Lao động trong, 78

Đình công, 76-77

Cung và Cầu, Định luật về, 71, 77, 79

T

Telepathic Communication, 157

Telepathy, 161

Theology, 127

Thinking—

abstract, 55

adolescent, 12

creative spiritual, 129

international, 10, 12-13

separative, 10-16

universal, 64

Thoughtforms, 11-12, 64

Triple Integration, 62-63

Triplicity, Basic, 62

True Religion, 56

Truth, Spiritual Value of, 39

U

Understanding, 48, 53

Unemployment, 82

Unions, Labour, 74, 76-77

Giao tiếp viễn cảm, 157

Viễn cảm, 161

Thần học, 127

Tư duy—

trừu tượng, 55

tuổi thiếu niên, 12

sáng tạo tinh thần, 129

quốc tế, 10, 12-13

chia rẽ, 10-16

phổ quát, 64

Các hình tư tưởng, 11-12, 64

Sự Tích hợp Tam phân, 62-63

Bộ ba Căn bản, 62

Tôn giáo Chân chính, 56

Chân lý, Giá trị Tinh thần của, 39

U

Sự thấu hiểu, 48, 53

Thất nghiệp, 82

Nghiệp đoàn Lao động, 74, 76-77

United Kingdom, or British Commonwealth of Nations *See also* Great Britain, 27, 30, 44, 69

United Nations, 19, 42, 64, 93, 117, 119, 167, 168, 171, 172, 174-176

United States, 12, 25-29, 30, 44, 68-69, 86, 91, 93, 95, 104, 172, 175

Unity—

achievement of, 176-181

factors preventing, 172

human, 83

international or world, 9, 61, 167-181

interior, 28

needs, 61, 176-177

training children for, 53, 55

U.S.S.R., or Russia, 21-23, 30, 44, 68, 91, 93

Universal Faith, 152

Universal Mind, God as, 152

Universal Religion, 155

Universal Thinking, 64

Universities, Role of, 56

V

Vương quốc Anh, hay Khối Thịnh vượng chung Anh *Xem thêm* Anh Quốc, 27, 30, 44, 69

Liên Hiệp Quốc, 19, 42, 64, 93, 117, 119, 167, 168, 171, 172, 174-176

Hoa Kỳ, 12, 25-29, 30, 44, 68-69, 86, 91, 93, 95, 104, 172, 175

Sự thống nhất—

sự đạt được, 176-181

các yếu tố ngăn cản, 172

nhân loại, 83

quốc tế hay thế giới, 9, 61, 167-181

bên trong, 28

nhu cầu, 61, 176-177

rèn luyện trẻ em cho, 53, 55

Liên Xô, hay Nga, 21-23, 30, 44, 68, 91, 93

Đức tin Phổ quát, 152

Vũ Trụ Trí, Thượng đế như là, 152

Tôn giáo Phổ quát, 155

Tư duy Phổ quát, 64

Các Đại học, Vai trò của, 56

V

Value of the Individual, 46

Values, 13, 38, 39, 40, 54

Victorian Era, 74

W

War—

cause of, 7, 11-16, 38-39, 70, 73

economics and, 167

effect on youth, 41

and migration, 44

prevention of, 43

results of, 8, 44, 134-135

War of 1914-1945, 13-14, 44, 70, 137

Way of Resurrection, 136

Wesak *See* Festival

Western Approach to Life, 176

Will of God, 27

Will-to-Good, -to-Truth, -to-Beauty, 57

Wisdom, 53, 150

Workers, exploitation of, 74

Giá trị của Cá nhân, 46

Các giá trị, 13, 38, 39, 40, 54

Thời đại Victoria, 74

W

Chiến tranh—

nguyên nhân của, 7, 11-16, 38-39, 70, 73

kinh tế học và, 167

ảnh hưởng đối với thanh thiếu niên, 41

và di cư, 44

sự ngăn ngừa, 43

kết quả của, 8, 44, 134-135

Chiến tranh 1914-1945, 13-14, 44, 70, 137

Con đường Phục sinh, 136

Wesak *Xem* Lễ hội

Cách tiếp cận Đời sống của phương Tây, 176

Ý Chí của Thượng Đế, 27

Ý Chí-hướng Thiện, -hướng Chân, -hướng Mỹ, 57

Minh triết, 53, 150

Người lao động, sự bóc lột đối với, 74

World Disciple, 29

World Disunity, cause of, 11-16, 172-176

World Objectives, Correct, 9

World, One, 12, 29

World Peace, educating for, 60

Đệ tử Thế giới, 29

Sự Bất thống nhất Thế giới, nguyên nhân của, 11-16, 172-176

Các Mục tiêu Thế giới Đúng đắn, 9

Thế giới, Duy nhất, 12, 29

Hòa bình Thế giới, giáo dục vì, 60